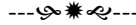


GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
SA MÔN THÍCH THÔNG BỬU



Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

Đạo tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ đình QUÁN THẾ ÂM

Tập hai (Chín phẩm)



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Quý Mùi - 2003

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

KINH AÁN TOÁNG

Tổ đình QUÁN THẾ ÂM
90 đường Thích Quảng Đức - Phường 5 - Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh - ĐT: 08.8.448905
E-mail: thichthongbuu@hcm.vnn.vn

Lời Phi Lộ

TẬP HAI

Đức Thế Tôn nhập Niết Bàn đã mấy ngàn năm, vậy mà chúng ta vẫn còn được ôn lại lời dạy của Ngài, ôi diễm phúc biết bao! Trong những lời dạy của Đức Phật có ghi rõ, chơn lý như lá trong rừng, còn lời Như Lai đã giảng thuyết chỉ là số lá nắm trong bàn tay. Số lượng ít như vậy mà hàng đệ tử của Đức Phật vẫn chưa học thông hết.

Đặc biệt trong những lời dạy, Đức Phật nêu tầm quan trọng của pháp Nhất thừa, tức là kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Kinh này ghi lời Phật dạy rằng: Kinh này ngoài tên Diệu Pháp

Liên Hoa, độ hàng chúng sinh thì lại còn một tên nữa là: “Giáo Bồ tát pháp, chư Phật sở hộ niệm”, nghĩa là pháp dạy hàng Bồ tát, chư Phật đồng hộ niệm. Nên kinh này chỉ có Phật với Phật mới thông suốt toàn triệt tướng không của các pháp, còn Bồ tát vẫn chưa toàn triệt, chưa liễu đạt tướng không các pháp”. Pháp Hoa chỉ rõ tướng không của các pháp, như thế thì chúng sanh, trong đó có chúng ta, làm sao thông suốt toàn triệt về kinh Pháp Hoa?

Đức Phật lại còn nhấn mạnh thêm và kinh đã ghi rõ rằng: “Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa là mẹ đẻ các kinh, là biển cả so với các kinh, vì các kinh chỉ là hồ ao sông suối. Kinh Pháp Hoa là mặt trời, các kinh khác chỉ là mặt trăng, hoặc ánh sáng đèn ... Pháp không tướng của kinh Pháp Hoa quan trọng như thế, chúng ta làm sao thấu triệt mà đọc, mà tụng, mà in chép, mà giảng, mà luận?

Chớ nên bi quan, mà cũng chớ có lạc quan. Đức Phật cũng đã từng dạy: “Nếu chúng sanh chỉ nếm biết mùi vị một giọt nước biển là thấu đạt chất mặn của toàn biển cả”.

Diễn giải biên soạn kinh Pháp Hoa và kết lại thành tập, để rồi sẽ có toàn bộ “Pháp Hoa giảng luận”, chúng tôi cũng chỉ mơ ước lưỡi mình và quyến thuộc được thấm từng giọt giáo pháp, như người nếm từng giọt nước biển, để thấm thấu mùi vị mặn của biển cả.

- * Biển cả thuần một vị mặn.
- * Giáo pháp thuần một vị giải thoát.

Chính vì đại nguyện ấy nên chúng tôi đã biên dịch giảng luận và năm qua Nhà xuất bản Tôn giáo chịu trách nhiệm xuất bản tập một kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa giảng luận. Hôm nay tiếp tục tập hai (từ phẩm 8 đến phẩm 16), góp mặt vào dòng đời và nhờ được sự tùy hỷ, tán trợ, khuyến khích của trên Chư Tôn Đức, kể đến hàng Tăng Ni, cùng giới học giả, thức giả và hành giả Pháp Hoa kinh. Những ân đức trên đã góp phần khuyến khích chúng tôi hăng say tiếp tục hiến dâng đời: “Tập hai – Kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa giảng luận”.

Xin thành tâm lắng nghe lời chỉ dạy của các bậc cao minh, cùng sự nhiệt tình xây dựng của chư thiện hữu và sự hỗ trợ của bạn

đồng hành trên lộ trình về Bảo Sở. Chúng tôi cũng xin được đón nhận các giới đạo tâm phát nguyện in ấn, đọc tụng, phổ quảng, cúng dường kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa giảng luận, ngày được thêm phần sâu rộng.

Tin tưởng tập hai sẽ được hoàn chỉnh hơn và rất mong sự đóng góp của các thế hệ mai sau, để bộ Pháp Hoa giảng luận các tập kế tiếp càng thêm phong phú hơn.

Nguyện dâng cúng dường trọn vẹn công đức này lên đền bốn ơn nặng và cứu độ ba đường khổ, cùng hồi hướng hết thảy các pháp giới chúng sanh, đều trọn thành Phật đạo.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát, Bồ Tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.

Trân trọng.

Đạo tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM
Mùa Hạ năm Quý Mùi - 2003
Trụ trì kiêm Trưởng Ban Giáo Thọ
Sa môn THÍCH THÔNG BỬU

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

16

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA GIẢNG LUẬN - Bài số 16

PHẨM NGŨ BÁ ĐỆ TỬ THỌ KÝ - Thứ tám

- Đức Phật tán thán công hạnh của Tôn giả Phú Lô Na.
- Đức Phật thọ ký cho Tôn giả Phú Lô Na.
- Đức Phật thọ ký cho năm trăm vị A La Hán.
- Năm trăm vị A La Hán kể chuyện gã cùng tử có viên ngọc.

I - MỞ ĐẦU

Đa số chúng ta không quan trọng việc truyền trao và ấn chứng nơi kinh Pháp Hoa, nhưng Đức Phật Thích Ca lại đặt việc này lên hàng cần thiết. Phẩm Hóa Thành Dụ vừa qua, có một nét ghi rõ về bí pháp truyền trao ấn chứng. Các phẩm trước

có nhiều nét, nêu tóm lược về việc này, nhưng ấn chứng cho hàng chỉ đạo và lãnh đạo. Phẩm thứ tám này, tiếp tục nêu bí pháp ấn chứng cho thành phần điều hành. Số lượng hiện diện tới một nghìn hai trăm vị đệ tử, nhưng phẩm kinh chỉ ghi **Năm trăm vị đệ tử được thọ ký**.

Tại sao quả quyết phẩm này ấn chứng cho thành phần điều hành? Ngài Phú Lô Na là vị A La Hán có biện tài thuyết pháp đệ nhất. Toàn phẩm kinh Đức Phật đã nêu công hạnh và việc phổ truyền giáo pháp của Tôn giả Phú Lô Na rất nhiều lần. Về việc thọ ký thì còn phẩm thứ chín thọ ký cho thành phần nòng cốt **hộ trì**.

Hầu hết các giới nghiên cứu lẫn hành giả và học giả kinh Pháp Hoa, ai ai cũng truyền trao sứ mệnh của mình cho thế hệ nối tiếp, hoặc cho học trò, hoặc cho con cháu, hoặc cho lớp người đồng chí hướng, trước khi lớp lớn phủi sạch bụi trần. Nhưng truyền trao cho ai đây? Câu hỏi được đặt ra, đa phần chẳng tìm được đáp số. Đó là chưa kể lỡ chết bất ngờ thì sao đây?

Phẩm kinh này giúp mọi người chúng ta rõ đáp số, vì đã nêu rõ **Thọ Ký**. Thọ ký tức là ấn chứng. Ấn chứng từng vị, ấn chứng cho bốn vị, ấn

chứng tập thể năm trăm vị và sẽ ấn chứng cho hai nghìn vị học và không còn phải học nơi phẩm tiếp theo.

Rất mong các giới, nhất là giới **đọc + tụng + thọ + trì** kinh Pháp Hoa liễu tri bí pháp **ấn chứng**, để bắt chước truyền trao cho thế hệ kế tiếp đạt hiệu quả tốt. Không có ấn chứng thì sự truyền trao không bao giờ thành công. Truyền trao mà thiếu ấn chứng, tức là thiếu thọ ký thì hoàn toàn thất bại! Nếu thiếu cả hai thì dòng chảy sẽ tắt nghẽn. Ai muốn tắt nghẽn, ai muốn tuyệt dứt dòng chảy, ai muốn tuyệt hậu thì không cần học bí pháp thọ ký và truyền trao.

Không phân biệt quý vị có phải đạo Phật hay không, hoặc đang tu pháp môn nào, thích kinh Pháp Hoa hay không, cũng xin mời đọc bài học, trong các tập Pháp Hoa giảng luận này. Đọc qua một lần cũng được. Sau đó mới bình phẩm và nếu thấy phù hợp thì xin mời cùng lên thêm và vào nhà Pháp Hoa kinh.

Lưu ý: Tụng đọc thọ trì phẩm kinh Ngũ bá đệ tử thọ ký này, hành giả Pháp Hoa kinh nên quỳ về phần mở đầu Thần chú đại bi, câu: **“Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm Đà Ra Ni”**,

nghĩa là muốn tâm đại bi trải rộng cùng khắp vũ trụ mà chẳng hề bị chướng ngại thì người chủ xướng phải đủ ngàn tay ngàn mắt.

Ngũ bá đệ tử là năm trăm vị học trò. Đã là học trò thì phải giống thầy y như in, như đúc. Năm trăm người học trò thay mặt thầy điều hành công việc thì về mặt cốt lõi do thầy chỉ đạo tuyệt đối không được sai, cũng chẳng nên thêm bớt.

Theo truyền thuyết, Nhật Bản do ông Từ Phước lập quốc với năm trăm sinh viên, nên nước Nhật hùng cường. Việt Nam lập quốc do Thánh nữ hoàng hậu Âu Cơ và Đức vua Lạc Long Quân, hiệu triệu được một trăm sắc tộc. Trăm sắc tộc nhiều hơn năm trăm cậu sinh viên, vì vậy Việt Nam đã trở thành quốc gia siêu việt về nhiều mặt.

Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm Đà Ra Ni là công thức cốt lõi của phương pháp tổ chức, tức là phần cốt lõi thuộc bản chất, nhưng khi thực hiện, tức là đứng về mặt hiện tượng thì chớ nên cứng nhắc, phải tùy theo tình cảnh thích nghi mà uyển chuyển biến hóa cách nào cho hợp cảnh, hợp duyên. **“Tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên”**. Dù hiện tượng có tùy duyên nhưng

không được biến mất bản chất, không được rời bỏ chủ đích do cấp chỉ đạo đề xướng. Giữ không biến dịch đường lối chủ trương, nhưng vì đặc nhân tâm và thành tựu sự việc nên phải tùy duyên. **“Dĩ bất biến ứng vạn biến”**. Người điều hành biết canh cải, biết phương tiện quyền biến, hiện tượng có thể thay đổi biến hóa hàng vạn cách, nhưng bản chất đã kết thành đường hướng chủ trương thì không được biến đổi. Mục đích thiên biến vạn hóa là để phổ truyền chánh pháp. Phương tiện mới để **độ sanh**, nhưng không được rời **cứu cánh giải thoát**.

“Y kinh giải nghĩa oan cho chư Phật ba đời. Rời kinh một chữ tức là nói lời của ma”. Ngũ bá đệ tử thọ ký là kim chỉ Nam, giúp cho nhân loại và muôn loài, nhất là hàng đệ tử Đức Phật, nhập đời khỏi rối loạn về phương diện tổ chức.

II.- NỘI DUNG

Đức Phật tán thán công hạnh của Tôn giả Phú Lô Na

Chính văn

1- Lúc bảy giờ, Tôn giả Phú Lô Na nương Đức Phật nghe trí huệ phương tiện, tùy

cơ nghi nói pháp như thế, lại nghe Đức Phật trao cho các vị đệ tử lớn sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lại nghe việc nhân duyên đời trước, lại nghe các Đức Phật có sức tự tại thần thông lớn, nên đặng điều chưa từng có, lòng thanh tịnh hơn hở, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước Phật, sát mặt lễ chân Phật, rồi đứng qua một bên, chiêm ngưỡng dung nhan của Phật, mắt không xa rời Phật và nghĩ thế này:

“Thế Tôn tuyệt lạ, việc làm ít có, thuận theo mọi thứ chủng tánh ở trong đời, dùng sức phương tiện tri kiến mà vì họ nói pháp, vượt chúng sanh ra khỏi chốn tham trước, chúng con đối với công đức của Phật không thể dùng lời nói mà tuyên bày được, chỉ có Đức Phật Thế Tôn hay biết bốn nguyện trong thâm tâm của chúng con thôi”.

2- Bấy giờ, Phật bảo các Tỷ kheo: “Các ông thấy Phú Lô Na đây chăng? Ta thường khen ông là bậc nhất trong hàng người nói pháp, cũng thường tán thán các món công đức của ông trong việc chuyên chú siêng năng hộ trì giúp tuyên bày pháp Như Lai, có

thể chỉ dạy điều lợi ích mừng vui cho hàng bốn chúng, giải thích đầy đủ chánh pháp của Phật, mà làm nhiều lợi ích cho những người cùng đồng hạnh thanh tịnh. Ngoài Như Lai, không ai có thể cùng tận chỗ biện thuyết ngôn luận của ông. Các ông chớ tưởng Phú Lô Na chỉ hay hộ trì trợ tuyên pháp của ta thôi đâu, ông cũng đã ở nơi chín mươi ức Đức Phật thuở quá khứ, đã hộ trì trợ tuyên chánh pháp của chư Phật, ở trong nhóm người nói pháp thuở đó cũng là bậc nhất.

Ông cũng từ nơi pháp không do chư Phật nói mà thông suốt rành rẽ, đặt bốn món trí vô ngại, thường hay suy gẫm chắc chắn nói pháp thanh tịnh, không có nghi lầm, đầy đủ sức thần thông của Bồ tát, tùy số thọ mạng mà luôn tu hạnh thanh tịnh.

Chúng sanh thuở các Đức Phật ấy đều cho ông đúng là Thịnh Văn, mà phần ông Phú Lô Na cũng dùng phương tiện đó làm lợi ích cho vô lượng trăm nghìn chúng sanh, lại giáo hóa vô lượng vô số người khiến đứng vào nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ông vì muốn tịnh cõi Phật mà thường

làm Phật sự giáo hóa chúng sanh.

Các Tỷ kheo! Ông Phú Lô Na cũng đặng bực nhứt ở trong hàng người nói pháp thuở bầy Đức Phật, nay trong hàng người nói pháp ở chỗ “Ta” cũng là bực nhứt.

Trong hàng người nói pháp thuở các Đức Phật trong Hiền kiếp về đương lai cũng sẽ lại là bực nhứt, mà đều hộ trì giúp tuyên bày pháp của Phật. Ông cũng sẽ ở trong đời vị lai hộ trì trợ tuyên chánh pháp của vô lượng vô biên các Đức Phật, giáo hóa làm lợi ích cho vô lượng chúng sanh khiến dự vào nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì tịnh cõi Phật mà thường siêng năng tinh tấn giáo hóa chúng sanh, lần lần đầy đủ đạo Bồ tát.

Giảng luận

Nơi nào, dù chỉ đạo hay lãnh đạo giỏi, nhưng điều hành và hỗ trợ dở thì nơi đó chỉ nhận sự thất bại mà thôi! Phương cách thọ ký các phẩm trước là bí pháp ấn chứng cho thành phần chỉ đạo và lãnh đạo. Phần thọ ký phẩm thứ tám này là bí pháp ấn chứng cho thành phần điều hành. Phẩm thứ chín kế tiếp thọ ký và ấn chứng cho thành

phần hỗ trợ. Tôn giả Phú Lô Na là vị đứng hàng bậc nhất trong hàng Thánh Tăng, thuộc hạng đệ nhất biện tài, ngoài ra cũng còn là đệ nhất bí pháp “**nhường bước**”.

Siêu nhất của người điều hành là biết nhường bước. Nắm trong tay hàng trăm, hàng ngàn bí pháp, mà thiếu bí pháp nhường bước thì khó mà thành công. Người điều hành lúc nào cũng đưa cái giỏi của mình ra để tỏ vẻ là mình hơn quần chúng, vì vậy nên bị quần chúng tẩy chay. Nhược bằng dở hơn quần chúng thì làm sao điều hành được sự việc? Phải giỏi hơn, nhưng giỏi để mà nhường bước. Người điều hành có lúc phải song hành với quần chúng, có lắm lúc lại phải lùi sau quần chúng. Khi nào cảm hóa được quần chúng, lúc ấy mới có quyền nêu cái giỏi của mình, để hướng dẫn họ. Nhường bước còn khó hơn khiêm cung.

Tôn giả Phú Lô Na là một trong mười vị đại đệ tử xuất sắc nhất của Đức Phật, vậy mà Ngài không áp dụng điểm sở trường biện tài vào sự việc.

Lược qua câu chuyện, Tôn giả Phú Lô Na xin Đức Phật đi thuyết giảng ở vùng biên địa,

vùng này dân tình nổi tiếng là hung ác, các vị Thánh Tăng khác đều tránh né, hoặc bỏ cuộc. Vậy mà Tôn giả Phú Lô Na xin đảm trách việc truyền bá chánh pháp nơi đó.

Lời vấn đáp giữa Đức Phật và Tôn giả Phú Lô Na:

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Thế Tôn cho phép con được đến xứ Du Na Quốc để truyền bá chánh pháp, hóa độ quần chúng nơi vùng này.

- Này Tôn giả Phú Lô Na! Vùng ấy nổi tiếng hung dữ, nếu con đến đó, họ không đón nhận, mà họ lại chửi mắng con thì sao?

- Bạch Đức Thế Tôn! Họ chửi mắng, mà không đánh đập, ném xáng con thì tốt quá. Con hoan hỷ chấp nhận đến đó để hóa độ họ.

- Này Tôn giả Phú Lô Na! Nếu họ ném xáng đánh đập con thì sao?

- Bạch Đức Thế Tôn! Nếu họ ném xáng đánh đập con, mà họ không giết con thì con hoan hỷ chấp nhận đến đó để hóa độ họ.

- Này Tôn giả Phú Lô Na! Nếu họ hung dữ, giết hại con thì sao ?

- Bạch Đức Thế Tôn! Nếu họ giết hại con thì máu con đã đổ, nơi đó sẽ nở hoa đạo. Hoa đạo này sẽ hóa độ họ.

- Đức Phật dạy: Nầy Tôn giả Phú Lô Na! Thật quý hóa thay. Như Lai cho phép con tròn bốn nguyện.

Thế là mùa an cư năm ấy, tại xứ Du Na Quốc, năm trăm vị nam thọ quy giới thành nam cư sĩ. Rồi mùa an cư năm sau, thêm năm trăm vị nữ thọ quy giới, làm nữ tín đồ.

Nhượng bước đối với những người thấp kém hơn mình để hóa độ họ. Gương Tôn giả Phú Lô Na lưu lại cho chúng ta và những ai muốn phục vụ mọi người. Quốc độ nào, tổ chức nào, hệ phái nào, tộc họ nào có được những người điều hành như thế, hoặc hành theo quy pháp như thế thì còn lo gì không gặt hái được sự thành tựu viên mãn!

Đức Phật thọ ký cho Tôn giả Phú Lô Na Chính văn

Qua vô lượng vô số kiếp sau, ông sẽ ở nơi cõi này thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hiệu là Pháp Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện

Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự
Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Đức Phật đó lấy số thế giới của tam thiên
đại thiên nhiều như cát sông Hằng mà làm
thành một cõi Phật. Mặt đất là bảy thứ báu,
phẳng bằng như bàn tay, không có núi gò,
khe suối, rạch ngòi, lâu đài đầy đủ bằng bảy
thứ báu, cung điện của các trời trên hư
không, người cùng trời giao tiếp nhau, hai
bên đều thấy được nhau, không có đường dữ,
cũng không có người nữ.

Tất cả chúng sanh đều do biến hóa sanh,
không có dâm dục, đặng pháp thần thông
lớn, thân chói ánh sáng, bay liệng tự tại, chí
niệm bền chắc, có đức tinh tấn trí huệ, tất cả
đều thân sắc vàng, đủ ba mươi hai tướng tốt
mà tự trang nghiêm.

Nhân dân cõi nước đó thường dùng hai
thứ thức ăn: một là “pháp hỷ thực”, hai là
“thiền duyệt thực”. Có vô lượng vô số nghìn
muôn ức na do tha các chúng Bồ tát đặng
sức thần thông lớn, bốn trí vô ngại, khéo hay
giáo hóa loài chúng sanh. Chúng Thanh Văn
trong cõi nước đó tính kể số đếm đều không

thể biết được, đều đặn đầy đủ ba món minh, sáu pháp thân thông và tám món giải thoát.

Cõi nước của Đức Phật đó có vô lượng công đức trang nghiêm thành tựu như thế, kiếp tên Bửu Minh, nước tên Thiện Tịnh. Phật đó sống lâu vô lượng vô số kiếp, pháp trụ đời rất lâu. Sau khi Phật diệt độ, đời dựng tháp bằng bảy báu khắp cả nước đó.

Giảng luận

Tôn giả Phú Lô Na được thọ ký thành Phật, hiệu là Pháp Minh Như Lai. Quốc độ Sa Bà, kiếp tên là Bửu Minh, nước tên là Thiện Tịnh. Đặc biệt là sự cấu tạo quốc độ và sự thọ mạng của Đức Phật Pháp Minh, thọ mạng dài lâu vô số kiếp, chánh pháp trụ đời cũng dài lâu như thọ mạng. Quốc độ rộng không thể đo lường được. Trang nghiêm thay mặt đất của quốc độ không bằng vàng như các quốc độ đã được thọ ký trước, mà bằng bảy thứ ngọc báu.

Một điều đặc biệt nữa là quốc độ này không có tam đồ ác đạo (*địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh*). Lại không có người nữ. Tất cả đều do hóa sanh, không có sự dâm dục. Cõi quốc độ này không

còn ăn uống vật chất mà ăn bằng tưởng. Có hai thức ăn: ăn no bằng niềm hoan hỷ chánh pháp và ăn no bằng pháp thiền định, tức ăn no bằng những nguyên tố vũ trụ. Khi vui mừng hoặc nhập chánh định thì cơ thể sẽ tự thu nạp các nguyên tố, như

các loài thảo mộc thu hút nguyên tố vậy.

Danh từ pháp hỷ thực và thiền duyệt thực đối với chúng ta hình như xa lạ. Tại sao? Tại mình chưa tin mình có khả năng thực hiện pháp hỷ thực và thiền duyệt thực, nhất là chúng ta chưa thông hiểu khoa học gặp đạo học, chưa đối chiếu để phối hợp giữa khoa học và đạo học.

Có những vị Thiền sư khi nhập định nhiều tháng không ăn uống gì cả, có vị cả nhiều chục năm. Gần chúng ta nhất, Bồ tát Quảng Đức trước ngày thực hành hạnh nguyện tự thiêu thân, Ngài không ăn uống suốt bảy ngày và tụng trọn bộ kinh Pháp Hoa tại chùa Ấn Quang.

Hôm nào vui đến mức đại hoan hỷ, hoặc bữa nào ngồi tịnh niệm đạt kết quả dù năm mười phút thì ngày đó ăn cơm rất ít. Tại sao? Cây lúa, cây rau và các loài thảo mộc, vào lúc nửa đêm và sáng sớm nó nhả hết âm tử và thu đủ các nguyên

tổ vào nó. Loài người, loài vật ăn thảo mộc gạo rau là gián tiếp một lần thâm nạp nguyên tố, nếu ăn thịt loài động vật là gián tiếp hai lần thâm nạp nguyên tố. Nếu tịnh niệm đến trình độ nhập được “**định**” một phút thì phút ấy là phút thu các nguyên tố nơi vũ trụ mênh mông. Nếu nhập được đại định nhiều ngày, hoặc nhiều tháng, nhiều năm thì cơ thể thâm nạp đủ nguyên tố, dồi dào sức sống, khỏi cần qua sự gián tiếp hai lần ăn qua thịt loài động vật, hoặc qua một lần của loài thực vật. Thiền duyệt thực là phương pháp ăn “**có thật**”, chứ không phải mơ hồ, nó rất khoa học, nhưng phải hòa quyện với đạo học. Tức là phương pháp thì khoa học, còn niềm tin quyết chí thực hành đạt kết quả thì đạo học. Hành giả Pháp Hoa chưa thiền duyệt thực lâu dài thì mỗi ngày đêm cũng nên tập ăn theo phương pháp thiền duyệt thực năm mười phút. Nửa khuya và mờ sáng vào được định thì ngày hôm đó ăn cơm ít. Càng ngày càng ăn nhiều nhưng tịnh ít là mở đường đi sâu vào phạm tục. Càng ngày càng ăn bớt nhưng tịnh nhiều, song vẫn đầy đủ nguyên tố và minh mẫn, khỏe vui là đang mở đường đi lên cảnh giới nhẹ nhàng. Thấp nhất cũng đến cảnh

thần tiên, gặp Thần, Tiên, Trời, Bồ tát, Phật ngay hiện đời, chứ chẳng đợi đến khi chết.

**Đức Phật thuyết thơ kệ trùng tuyên
việc thọ ký cho Tôn giả Phú Lô Na**

Chính văn

3- Chư Tử khéo lắng nghe
Đạo của hàng con Phật
Với phương tiện khéo học
Chẳng thể nghĩ bàn được
Biết chúng ưa pháp nhỏ
Mà sợ chỗ trí lớn
Cho nên các Bồ tát
Làm Thanh Văn, Duyên Giác
Dùng vô số phương tiện
Độ các loài chúng sanh
Tự xưng là Thanh Văn
Cách Phật đạo rất xa
Độ thoát vô lượng chúng
Thấy đều được thành tựu
Tuy ham nhỏ biếng lười
Khiến dần dần thành Phật
Trong ẩn hạnh Bồ tát
Ngoài hiện tướng Thanh Văn

Ít ham, chán sanh tử
 Tự trang nghiêm cõi Phật
 Đệ tử Phật là thế
 Cũng có lúc hiện tà
 Dạy ba độ cho người
 Phương tiện độ chúng sanh
 Nếu Như Lai thuyết đủ
 Các pháp môn hóa hiện
 Chúng sanh nghe như vậy
 Thời sanh lòng nghi ngờ

4- Nay Phú Lô Na đây
 Thuở ngàn ức Phật xưa
 Tấn tu đạo mình làm
 Tuyên hộ các Phật pháp
 Vì cầu tuệ vô thượng
 Mà ở nơi chư Phật
 Làm người đệ tử lớn
 Học rộng có trí tuệ
 Thuyết pháp chẳng sợ sệt
 Hay khiến chúng vui mừng
 Chưa từng có mỗi mệt
 Để hành nên việc Phật
 Đã được thân thông lớn
 Đủ bốn trí vô ngại

Biết các căn lanh chậm
Thường nói pháp thanh tịnh
Diễn giải nghĩa như thế
Để dạy nghìn ức chúng
Khiến trụ pháp Đại thừa
Mà tự tịnh cõi Phật
Về sau cũng cúng dường
Vô lượng vô số Phật
Hộ trợ tuyên chánh pháp
Cũng tự tịnh cõi Phật
Thường dùng các phương tiện
Nói pháp không e sợ
Độ chúng chẳng kể xiết
Đều thành trí nhất thiết
Cúng dường các Như Lai
Hộ trì tạng pháp bảo
Sau đó đặng thành Phật
Hiệu chánh là Pháp Minh
Cõi nước tên Thiện Tịnh
Bảy thứ báu hiệp thành
Kiếp tên là Bửu Minh
Bồ tát đông vô số
Tính nhiều vô lượng ức
Đều đặng thân thông lớn

Đầy đủ sức oai đức
 Khắp đầy cả nước đó
 Thanh Văn cũng vô số
 Ba minh, tám giải thoát
 Đặng bốn trí vô ngại
 Dùng hạnh này làm tăng
 Chúng sanh trong cõi đó
 Dâm dục đều đã dứt
 Chỉ thuần biến hóa sanh
 Thân trang nghiêm đủ tướng
 Ăn vui pháp thiền định
 Rốt không tưởng món khác
 Không có hàng nữ nhân
 Cũng không các đường dữ
 Phú Lô Na Tỷ kheo
 Công đức tròn đầy xong
 Sẽ đặng cõi Phật ấy
 Chúng Hiền Thánh rất đông
 Vô lượng việc như thế
 Nay ta chỉ sơ lược.

Giảng luận

Phần giảng luận ở sách này dành cho đa phần Phật tử trình độ cao thấp khác nhau, nên

chủ đích không chú giải các danh từ khó trong kinh văn. Nhưng đoạn kinh này có mấy từ người đọc cần biết nên chúng tôi tạm lược giải ba từ: Ba minh - Tám giải thoát - Bốn trí vô ngại.

1/. Ba minh

Ba pháp tu đạt được trí tuệ sáng suốt, dứt trừ được si mê, u tối. Khi bậc Thánh đắc đến chỗ không còn cần phải học nữa (vô học), lúc ấy là lúc đắc tam minh. Ba minh gồm có:

① **Túc mạng minh**: Cũng còn gọi là tuệ mạng trí minh. Người đắc túc mạng minh là người có trí tuệ nên rõ biết tướng trạng của chính bản thân mình, lại mở rộng nhìn thấy biết khắp cả chúng sanh luân chuyển thế nào.

② **Thiên nhãn minh**: Trí tuệ rõ biết tướng trạng sanh tử của chúng sanh đang sống hoặc đã chết, hoặc do nhân duyên là pháp thành nghiệp quả các hạnh mạng của chúng sanh vào ác thú, hoặc do nhân duyên chánh hạnh thành tựu thiện hạnh sanh vào cảnh giới thiện lành luân chuyển như thế nào đều rõ biết.

③ **Lậu tận minh**: Còn gọi là lậu tận trí minh, tức trí tuệ rõ biết mọi sự như thật. Biết được cảnh

khổ trong đời của mình và dùng trí tuệ diệt trừ mọi phiền não.

Đối với bậc A La Hán thì gọi là Tam Minh, còn đối với Phật thì gọi là Tam Đạt.

2/. Tám giải thoát

Tám giải thoát cũng viết là tám giải thoát tam muội, là tám pháp thiền định giải thoát.

① *Nội hữu sắc tướng, ngoại quán sắc giải thoát*: là pháp thiền định giải thoát của nhà đạo, tự mình có sắc tướng, quán tưởng cõi sắc ở ngoài, tiến tới cảnh sơ thiền.

② *Nội vô sắc tướng, ngoại trí quán sắc tướng giải thoát*: là pháp thiền định giải thoát của nhà đạo, trong thì chẳng có sắc tướng, quán tưởng cõi sắc tiến tới cảnh nhị thiền.

③ *Tịnh giải thoát, thân chứng*: là pháp thiền định giải thoát chứng tới cõi Tịnh lạc, nhà đạo tiến tới tam thiền thiên, tứ thiền thiên và tịnh phạm địa.

④ *Không xứ giải thoát*: là pháp thiền định giải thoát của nhà đạo chứng tới cảnh không vô biên xứ.

⑤ *Thức xứ giải thoát*: là pháp thiền định của nhà đạo chứng đến cảnh tiên vô sở hữu xứ.

⑥ *Vô sở hữu xứ giải thoát*: là pháp thiền định của nhà đạo chứng đến cảnh tiên sở hữu xứ.

⑦ *Phi hữu tướng, phi vô tướng xứ giải thoát*: là pháp thiền định của nhà đạo chứng đến cảnh thượng tiên phi tướng, phi phi tướng xứ (phi tướng phi vô tướng).

⑧ *Diệt tận định xứ giải thoát*: là pháp thiền định của nhà đạo chứng đến cảnh tịch diệt, Niết bàn.

3/. Tứ trí: Thành sở tác trí - Diệu quan sát trí - Bình đẳng tánh trí - Đại viên cảnh trí.

① *Thành sở tác trí*: do ngũ thức chuyển thành.

② *Diệu quan sát trí*: do ý thức chuyển thành. Phân biệt rõ các pháp. Quan sát được căn cơ thuyết pháp đoạn nghi.

③ *Bình đẳng tánh trí*: do Mạc Na thức chuyển thành. Trí đã ngộ được sự bình đẳng của các pháp.

④ *Đại viên cảnh trí*: do A Lại Da thức chuyển thành. Bình đẳng hiển hiện như tấm gương tròn lớn.

Đức Phật thọ ký cho năm trăm vị A La Hán

Chính văn

5- Bấy giờ một nghìn hai trăm vị A La Hán toàn là những bậc tâm đã tự tại, đều thâm nghĩ rằng: “Chúng ta vui mừng, đặng điều chưa từng có. Nếu chúng ta đều được Đức Thế Tôn thọ ký như các vị đại đệ tử khác, há chẳng là vui thích lắm ư!”.

Đức Phật hiểu được tâm trạng của các vị A La Hán, nên Ngài nói với Tôn giả Đại Ca Diếp rằng: “Một nghìn hai trăm vị A La Hán đây, nay Như Lai sẽ hiện tiền tuần tự thọ ký cho đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Trong số đây, vị đệ tử lớn của ta là Tôn giả Kiều Trần Như, sẽ lần lượt cúng dường sáu vạn hai ngàn ức Đức Phật, rồi sẽ đắc quả vị Phật, hiệu là Phổ Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế,

Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự
Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Năm trăm vị A La Hán nữa, như nhóm
các Tôn giả: Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp, Đà Gia
Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp, Ca Lưu Đà Di, Ưu
Đà Di, A Nậu Lô Đà, Ly Bà Đa, Kiếp Tân
Na, Bạc Câu La, Châu Đà Tá, Đà Đà ...vân
vân... đều sẽ chứng quả vị Phật. Đều đồng
một danh hiệu là Phổ Minh Như Lai.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn thuyết thơ kệ
trùng tuyên lại nghĩa thọ ký:

6- Tỷ kheo Kiều Trần Như
Sẽ gặp vô lượng Phật
Trải qua vô số kiếp
Mới thành quả vị Phật
Thường phóng quang minh lớn
Đầy đủ các thần thông
Tiếng vang khắp mười phương
Mọi loài đều tôn kính
Hằng thuyết pháp vô thượng
Phật hiệu là Phổ Minh
Quốc độ ấy thanh tịnh
Bồ tát đồng dũng mãnh
Đều lên lầu gác diệu

Chu du mười cõi nước
 Dùng vô lượng phẩm lễ
 Dâng hiến các Đức Phật
 Việc cúng dường xong rồi
 Tâm khởi niệm vui mừng
 Giây lát về bốn quốc
 Có sức thần như thế
 Phật thọ sáu vạn kiếp
 Chánh pháp trụ gấp đôi
 Tượng pháp hai lần chánh
 Pháp diệt trời người lo.

7- Năm trăm Tỷ kheo ấy
 Tuần tự đắc quả Phật
 Đồng hiệu là Phổ Minh
 Trước sau thọ ký nhau
 Sau khi “Ta” diệt độ
 Các vị ấy thành Phật
 Hóa độ thế gian này
 Cũng như Ta ngày nay
 Cõi nước trang nghiêm tịnh
 Đầy đủ sức thần thông
 Các Thanh Văn, Bồ tát
 Chánh pháp và tượng pháp
 Chuyện thọ mạng nhiều ít

Như đã nói ở trên
Ca Diếp ông đã biết
Năm trăm vị tự tại
Còn các La Hán khác
Cũng đắc quả như thế
Vị nào nay vắng mặt
Ông truyền thọ cho họ.

Giảng luận

Trong số một nghìn hai trăm vị Thánh Tăng A La Hán, đều thuộc thành phần điều hành và đủ điều kiện được Đức Phật thọ ký cho thành Phật. Nhưng Đức Phật chỉ chọn có năm trăm vị ấn chứng trước. Con số năm trăm, hợp với câu chú thiên thủ thiên nhãn (*ngàn tay ngàn mắt*). Tức là phần điều hành chỉ nằm trong con số năm trăm. Còn lại bảy trăm vị A La Hán cũng đều được thọ ký, nhưng sẽ được danh hiệu khác, vào thời gian khác, lãnh sứ mạng khác, sứ mạng hỗ trợ. Hơn nữa, trong số bảy trăm vị còn lại, một số vị quan trọng lại vắng mặt.

Trong phần thọ ký này, Đức Phật thọ ký trước cho Tôn giả Kiền Trần Như thành Phật, danh hiệu là Phổ Minh và một số vị được nêu tên

sau. Số này chỉ nêu đích danh một số đại diện và tóm lược tổng số năm trăm vị sẽ thành Phật, đồng một danh hiệu là Phổ Minh. Ngài Kiều Trần Như là vị đệ tử xuất gia đầu tiên của Đức Phật và cũng là vị Tỷ kheo đầu tiên của ngôi Tăng Bảo. Vậy tại sao Đức Phật không thọ ký ở thành phần lãnh đạo, mà lại thọ ký vào thành phần điều hành?

Tôn giả Kiều Trần Như và năm trăm vị Thánh Tăng được Đức Phật thọ ký thành Phật, đều đồng một danh hiệu **Phổ Minh Như Lai**. Đời sau thành Phật đều đồng một danh hiệu là **Phổ Minh** thì hiện đời này cũng đồng là Phổ Minh, tức

là đồng nhau **phổ truyền ánh sáng** Phật Đà.

Đến đây đã chứng minh năm trăm vị sứ giả của Đức Thích Ca Như Lai, thuộc thành phần điều hành. Điều hành khác với lãnh đạo, lại càng khác với chỉ đạo. Tổ chức nào sắp xếp vị thứ không đúng chức năng, không đúng cương vị, không đúng sự vụ, dẫm chân nhau, lấn quyền nhau thì tổ chức đó đang loạn từ nội bộ và nhất định sẽ tan rã. Khi một tổ chức không chia chỉ đạo, lãnh đạo và điều hành, lại không phân

quyền, phân nhiệm rành mạch ví dụ như trường hợp những vị chỉ đạo Giáo hội Trung ương mà lại về tận thôn xã để chủ tọa buổi họp giáo hội xã thì giáo quyền thế nào? Chứng minh thì có thể được. Về nguyên tắc hành chánh và nghi thức tôn giáo, nếu không nắm vững và không phân minh thì chẳng những giáo quyền không vững vàng, mà sự linh thiêng mầu nhiệm cũng bị giảm bớt.

Kinh Pháp Hoa phẩm Thọ ký không chỉ dành riêng cho năm trăm vị Thánh Tăng, được Đức Phật Thích Ca thọ ký về các đời sau được thành Phật hiệu là Phổ Minh, mà còn một bí pháp nhập đời về phương thức tổ chức, phương thức phân bổ nhân sự, phân chia trách nhiệm, phẩm kinh này làm nổi bật thành phần điều hành. Thực hiện đúng thứ lớp đó là một phần thuộc về thọ trì Pháp Hoa kinh. Thế gian thường có câu: “**Mưu bất khả chúng**”, mưu tính không nên bàn thảo cho ba người cùng nghe. Phải rành mạch như vậy mới gọi là pháp diệu nhập đời, đưa hoa sen vào bùn, tỏa hương thơm ngát. Còn nếu chỉ chuyên tụng đọc thì chưa thể nói là thọ trì Pháp Hoa, lại cũng chưa có thể gọi là hành giả **pháp Diệu hoa Sen**.

Năm trăm vị Thánh Tăng thi lễ Phật và kể câu chuyện gã cùng tử

Chính văn

8- Bấy giờ năm trăm vị Thánh Tăng vừa được thọ ký trước Đức Phật, tất cả đều vui mừng hớn hở, đầu mặt lạy sát chân Phật, hối lỗi tự trách mình rằng:

Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con đã có ý nghĩ tự cho mình là rớt ráo rồi, đã hoàn toàn diệt độ rồi, nay rõ ràng mới thấy mình nào khác kẻ vô trí. Tại sao thế ? Vì chúng con đáng ra đã đắc trí tuệ Phật lâu rồi. Nhưng vì mới đạt được phần trí nhỏ, mà đã tự cho là đầy đủ.

Bạch Đức Thế Tôn! Ví như có gã kia đến nhà người bạn thân chơi, rồi say rượu nằm ngủ. Người bạn chủ nhà bấy giờ có việc quan cần phải đi, nên lấy một viên ngọc quý vô giá, kết may vào bên trong áo tặng cho gã say rồi ra đi. Gã ấy say ngủ mê chẳng hay. Khi tỉnh dậy, rong ruổi đến nơi khác, vì cơm áo nên gã phải gắng sức tìm cầu sự sống rất là khổ. Khi được chút ít, vội cho là đầy đủ.

Sau đó người bạn thân gặp lại gã, ngạc nhiên, nên liền hỏi rằng: Ôi khổ thay cho anh bạn! Sao anh lại vì cơm áo mà ra nông nổi? Xưa vì muốn anh được an vui, tha hồ hưởng năm món dục, nên ngày ấy, tháng ấy, năm ấy ta đã đem viên ngọc quý vô giá, kết vào bầu áo anh. Nay viên ngọc hãy còn đó mà sao anh không biết, phải làm lụng cần khổ, sâu đau để tìm miếng ăn sống qua ngày. Thật là quá dại khờ. Nay anh nên kíp đem viên ngọc đó bán đổi lấy các thứ cần dùng sẽ luôn được toại ý chẳng thiếu thốn thứ chi!

Đức Phật cũng như thế! Lúc Thế Tôn còn làm Bồ tát đã từng giáo hóa chúng con, khiến chúng con phát tâm cầu thành Phật. Vậy mà sau đó chúng con đã lừng quên, chẳng hề nhớ tưởng. Nay vừa mới đắc quả A La Hán, đã tự bảo là được diệt độ toàn phần, giống như gã kia mưu sanh khổ nhọc mới kiếm được chút ít, đã tự cho là đầy đủ, trong khi tất cả chí nguyện xưa, vẫn còn, chẳng mất.

Nay đây, Đức Thế Tôn giác ngộ cho chúng con mà nói rằng: “Các vị A La Hán! Đạo của các vị chứng đắc chưa hoàn toàn

Niết bàn rốt ráo. Ta đã từng bảo các vị gieo căn lành quả vị Phật. Do pháp phương tiện tạm chỉ tướng Niết bàn. Vậy mà các vị lại cho rằng đã thật diệt độ”.

Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con nay mới biết mình đích thị là Bồ tát, được Đức Thế Tôn thọ ký thành đẳng chánh giác. Vì nhân duyên đó nên chúng con đều vui mừng, được điều chưa từng có.

Ngài Kiều Trần Như thuyết thơ kệ trùng tuyên lại nghĩa trên:

9- Chúng con nghe vô thượng
 Tiếng thọ ký an ổn
 Vui mừng chưa từng có
 Lạy Phật vô lượng trí
 Nay trước mặt Thế Tôn
 Ăn năn lầm lỗi cũ
 Nơi báu Phật vô lượng
 Mới được chút Niết bàn
 Như người ngu vô trí
 Đã vội cho là đủ
 Nào khác gã cùng tử
 Đến chỗ người bạn thân

Là một nhà giàu có
Bày tiệc sang thết đãi
Lấy ngọc quý vô giá
Kết vào nơi bầu áo
Cho xong bỏ ra đi
Gã say ngủ nào biết
Chứng thức dậy ra đi
Rong ruổi nơi xứ khác
Cầu cơm áo qua ngày
Cuộc sống thật vất vả
Được ít cho là đủ
Chẳng mong được tốt hơn
Nào biết trong bầu áo
Có ngọc quý vô cùng
Bạn cho ngọc trước kia
Sau gặp lại gã nghèo
Liên mở lời trách móc
Rồi chỉ nơi kết ngọc
Gã nghèo thấy được ngọc
Trong lòng thật mừng vui
Đổi được nhiều của quý
Tận hưởng năm món dục
Bọn con cũng như thế
Thế Tôn từ lâu xưa

Thường xót thương dạy bảo
 Khiến gieo nhân thành Phật
 Chúng con bởi vô trí
 Chẳng biết cũng chẳng hay
 Được tí phần Niết bàn
 Cho đủ chẳng cầu thêm
 Nay Phật giác ngộ cho
 Rằng chưa thật diệt độ
 Chứng đắc trí tuệ Phật
 Mới thật là toàn diệt
 Chúng con nay nghe Phật
 Thọ ký việc trang nghiêm
 Cùng tuần tự thọ ký
 Thân tâm thấy vui mừng.



Giảng luận

Các Ngài Thánh Tăng mà còn ăn năn và tự trách mình là kẻ vô trí, là gã cùng tử. Chúng ta còn ở địa vị phàm phu, tại sao không biết ăn năn, tự trách? Cỡ trình độ Thánh Tăng mà còn cảm nhận mình là gã cùng tử. Vậy thì cỡ trình độ Hòa thượng, hành giả, thức giả, bác học, triết gia, nhất là cỡ như đại đa số Tăng tín đồ thì trình độ đến

đâu đối với nguồn giáo pháp mênh mông? Chiếc áo chưa làm nên thầy tu! Chút phước đức, công đức chưa đủ làm nên vị đệ tử của Đức Phật. Dù trong hàng ngũ xuất gia, tại gia hiện nay cũng lắm người có tâm đạo, có trình độ học Phật, có công năng tu tập, nhưng nếu đem so với Chư Tôn Đức, các nhà bác học, các vị triết gia về mặt sự tướng thì vẫn còn cách khoảng xa, chứ đừng nói đem so với các vị Thánh A La Hán.

Lưu ý: Các Ngài tự ví mình như gã cùng tử và là người thiếu trí, là người vội vàng, hấp tấp, chưa đủ đã vội cho là đủ, chưa chứng Niết bàn toàn phần đã vội tự cho là chứng đắc Niết bàn toàn phần rồi! Gã cùng tử phẩm này là cùng tử bầu áo có viên ngọc, còn gã cùng tử của phẩm Tín Giải là cùng tử hốt phân.

Chúng ta hãy noi gương các Ngài Thánh Tăng để tự soi mình. Chớ tự cao tự đại. Chớ cho là đủ, là giỏi hơn người. Chớ tự phụ như Cao Bá Quát. Chớ cuồng ngông như Nễ Hành ... Chừng nào quý vị và chúng tôi, nói chung là chúng ta, đều chứng đắc thành Phật, lúc ấy mới thấy mình đã đầy đủ.

Đoạn kinh này chẳng những dạy chúng ta chớ nên tự phụ, mà còn giúp chúng ta bí pháp truyền dạy thế hệ trẻ. Giúp toàn thể con em, học trò chúng ta chớ nên tự phụ, tự cao, tự đại, hách dịch, tự mãn. Lúc nào cũng phải giữ gìn đức tính khiêm cung, ăn năn tự trách, tự hối, tự nhận lỗi. Hễ còn sống, còn ăn, còn sinh hoạt là còn sai khuyết. Còn phạm phu là còn học hỏi, vì còn thiếu sót, các bậc Thánh vẫn còn sai sót nhỏ, chỉ có Phật mới hoàn hảo.

Đoạn kinh này chỉ dạy những ai có tánh cống cao ngã mạn, hãy nhìn gương năm trăm vị Thánh Tăng. Chẳng những dạy hàng cống cao ngã mạn, mà còn nhắc nhở hạng người tự ty mặc cảm, lúc nào cũng khoanh tròn trong tư thế phạm phu, chẳng dám tin mình có sẵn tánh Phật, tánh Bồ tát.

Qua câu chuyện gã cùng tử chẳng hay biết bầu áo có ngọc, mà mãi cam chịu số phận nghèo hèn, đói khổ, sống cuộc sống ti tiện, một số vị đệ tử Phật, chẳng tin mình có sẵn tánh Phật. Cũng có người tin nhưng không dám phát nguyện vượt lên tu tập, lập công bồi đức, để tự trang nghiêm

cảnh giới Phật của chính mình, để rồi mình sẽ được thành Phật.

III.- TÓM KẾT

Phẩm “Ngũ bá đệ tử thọ ký” ẩn chứa nhiều mật nghĩa sâu kín, mỗi mật nghĩa là một bí pháp của kinh Pháp Hoa. Mật nghĩa nơi con số năm trăm. Mật nghĩa vô úy. Mật nghĩa đức tính hy sinh. Mật nghĩa nhường bước. Mật nghĩa đức độ của thành phần điều hành. Mật nghĩa ăn năn tự trách. Mật nghĩa gã cùng tử bầu áo có ngọc. Mật nghĩa cõi quốc độ của Tôn giả Phú Lô Na. Mật nghĩa của hai chữ Pháp Minh. Mật nghĩa của hai chữ Phổ Minh. Mật nghĩa của hai cách ăn uống theo pháp thiền duyệt thực và pháp hỷ thực. Mật nghĩa quốc độ không có đường dữ, không có người nữ, không có dâm dục. Mật nghĩa cách phổ truyền. Mật nghĩa cách chuyển hóa. Nhất là mật nghĩa **ẩn chứng cho thành phần nhân sự điều hành.**

Nói chung mỗi câu, mỗi chữ nơi toàn bộ kinh Pháp Hoa, hoặc nơi phẩm kinh này cũng đều là bí pháp, đều là chiếc chìa khóa mở khai mọi sự huyền diệu, nhiệm mầu, bí ẩn của pháp chơn thật hòa đời. Rất mong mọi người, mọi loài, mọi tầng

lớp khắp pháp giới chúng sanh thẩm sâu nghiêm mật vào từng mỗi bí pháp của kinh Pháp Hoa.

Năm trăm đệ tử được thọ ký không từ nơi tuyển chọn, mà là từ nơi lâu đời đã giáo huấn. Năm trăm vị Thánh A La Hán này đã được Đức Phật giáo huấn trải dài nhiều đời nhiều kiếp, cụ thể hơn là đã nhiều chục năm qua thuộc đời này, kiếp này.

Bất cứ tổ chức nào, một công việc nào cần có ngàn tay, ngàn mắt, do từ một đầu chỉ đạo thì cái đầu chỉ đạo đó phải giáo huấn nhiều tháng năm, sau đó mới truyền trao sứ mạng điều hành tổ chức, điều hành sự việc. Được như vậy mới thành tựu, tâm đại bi mới trải dài khắp nơi một cách vô ngại.

Nước Nhật lập quốc gồm năm trăm sinh viên do một cái đầu của Ngài Từ Phước chỉ đạo, tuy có thành công, nhưng thành công riêng cho nước Nhật, mà không lợi cho các nước khác. Vì sự tổ chức lập quốc thiếu thành phần lãnh đạo, thiếu yếu tố tín giải. Có một Từ Phước chỉ đạo và năm trăm sinh viên điều hành, chứ không có thành phần lãnh đạo. Còn Việt Nam thì Lạc Long Quân chỉ đạo, Âu Cơ lãnh đạo, một trăm sắc tộc điều

hành (*đồng bào thai*). Nước Nhật lập quốc lại quên phương pháp “**Đại Thông**” và chưa có “**Trí Thắng**”. Phẩm Ngũ bá đệ tử không hạn hẹp cho đạo Phật, mà mở rộng hết thảy muôn loài. Một công thức dành cho tổ chức quản trị nhân sự siêu đẳng.

Kính mong các bậc cao minh chứng giám, quý vị thức giả, trí giả đồng hành. Toàn thể hành giả Pháp Hoa kinh và những ai tu cầu hoa sen pháp Diệu Đại thừa, luôn kiên trì tu luyện.

Nguyện cầu Tam Bảo, Đức Từ Phụ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật chứng minh, gia hộ cho chúng con. Chư Thiên, chư Tiên, chư Thần, chư Thánh, chư Thiên Long Bát Bộ, Hộ Pháp hộ trì cho nhân loại sớm liễu ngộ thực tướng các pháp, để cho Pháp Hoa kinh ngày một phổ truyền rộng rãi và thấm nhập khắp các cõi trùng trùng pháp giới bao la, thơm ngát hoa sen pháp diệu. Mỗi mỗi tiểu vũ trụ bừng khai bông sen ngàn cánh.

Hồi hướng công đức này đến thảy các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm công đức. Xin kết thành Bồ đề quyến thuộc, kiếp kiếp đời đời đọc tụng, thọ trì, chứng đắc và hoằng dương Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh,
Pháp Hoa hội thượng Phật Bồ tát, Bồ tát Ma Ha
Tát, tác đại chứng minh.

Thở hơi ấu nhi:

**Đúng năm nguyên tắc, mà nguyên tắc
quan trọng nhất là môi hở răng khít. Mọi
nơi, mọi lúc, sắp ngủ, lúc ngủ, kể cả ngồi
thiền cũng phải giữ môi hở răng khít.**

- * Hít vào bằng mũi và nới bụng.**
- * Thóp bụng thở ra bằng kẽ chân răng.**
- * Môi hở răng khít.**
- * Thở chậm sâu lâu nhẹ.**
- * Tư tưởng theo hơi.**

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

17

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG LUẬN - Bài số 17

PHẨM THỌ HỌC VÔ HỌC NHƠN KỶ
Thứ chín

- Đức Phật thọ ký cho Tôn giả A Nan.
- Tám nghìn người thối mất.
- Đức Phật thọ ký cho Tôn giả La Hầu La.
- Đức Phật thọ ký cho hai nghìn vị còn học và không còn phải học.

I - MỞ ĐẦU

Phẩm thứ tám kinh Pháp Hoa, năm trăm vị đệ tử được thọ ký, đây là Đức Phật ấn chứng và truyền trao cho thành phần “**điều hành**”, thuộc tổ chức của Đức Phật.

Phẩm thứ chín này Đức Phật lại ấn chứng và truyền trao thêm cho hàng học và không còn phải học. Vậy là Đức Phật truyền trao cho thành phần nào? Thành phần “**hộ trì**”.

Bốn lần thọ ký. Ba lần trước thọ ký cho thành phần **chỉ đạo** và **lãnh đạo**. Hai phẩm tám và chín thọ ký cho thành phần **điều hành** và **hỗ trợ**.

Thành phần hỗ trợ thì đông hơn và quan trọng hơn, bởi vì thành phần hỗ trợ Đức Phật thọ ký cho Tôn giả A Nan, mà Tôn giả A Nan là người đứng đầu phẩm kinh này được thọ ký và là nhân vật quan trọng thuộc hàng nhớ lâu bậc nhất trong các đệ tử xuất gia của Đức Phật. Ngoài công đức, hạnh nguyện và việc làm thì Tôn giả A Nan còn phát lời đại thệ nguyện: Nguyện phụng sự chúng sanh chứng thành Phật, số đông nhiều như số hạt bụi khắp cõi trần. Tôn giả xin Đức Phật chứng minh lời thệ nguyện của mình.

Phiên âm nguyên văn:

... Diệu trạm tổng trì bất động tôn
 Thủ Lăng Nghiêm Vương thế hy hữu
 Tiêu ngã ức kiếp điên đảo tướng
 Bất lịch tăng kỳ hoạch pháp thân
 Nguyện kim đắc quả thành Bửu Vương
 Hoàn độ như thị Hằng sa chúng
 Tương thủ thân tâm phụng trần sát
 Thị tắc danh vi báo Phật ân
 Phụng thỉnh Thế Tôn vị chứng minh
 Ngũ trước ác thế thệ tiên nhập
 Như nhất chúng sanh vị thành Phật
 Chung bất ư thủ thủ nê hoàn

Đại hùng đại lực đại từ bi
 Hy cánh thâm trừ vi tế hoặc
 Linh ngã tảo đặng vô thượng giác
 Ở thập phương giới tọa đạo tràng
 Thuận nhả đa tánh khả tiêu vong
 Thước, ca ra, tâm, vô động chuyển.

Tạm dịch:

Tổng trì vắng lặng chẳng động là lớn
 Thủ Lăng Nghiêm vào đời hy hữu vua
 Con tiêu trừ tướng điên đảo nhiều kiếp
 Chẳng trải tăng kỳ mới chứng pháp thân
 Nguyên hiện đời chứng quả thành Bửu Vương
 Hoàn độ chúng như là cát sông Hằng
 Trải thân tâm độ chúng như vi trần
 Như thế mới gọi là báo ân Phật
 Kính thỉnh Thế Tôn thương chứng minh
 Đời năm trước ác thế vào trước
 Còn một chúng sanh chưa thành Phật
 Con chưa chịu chứng quả Niết bàn
 Đại hùng, đại lực, đại từ bi
 Mong được xét trừ lỗi vi tế
 Khiến con sớm đắc Vô thượng giác
 Ngồi đạo tràng ở khắp mười phương
 Tánh hư không có thể tiêu mất

Tâm kim cương chẳng hề lay động.

Lời phát đại thệ nguyện của Tôn giả A Nan, chư Tổ đã đưa vào phần mở đầu cho thời khóa tụng buổi sáng, tại các chùa thuộc phái Bắc tông. Lời nguyện cách mấy ngàn năm mà ảnh hưởng vẫn mầu nhiệm, vẫn tác động vào lòng người. Nhất là những ai đã được thấm nhập nó vào thời còn làm chú Đệu, chú Sa di. Trong khung cảnh tịch lặng của ngôi chùa hùng tráng, hòa với làn gió thoảng ban mai, có lúc màn sương hơi lành lạnh. Nhịp mõ đều đều, tiếng chuông thanh thoát. Chú Đệu đã thuộc nhào bài tựa Thủ Lăng Nghiêm, mắt lim dim, miệng mơ màng tụng đọc, tâm hồn thả lỏng theo tiếng mõ âm chuông. Trạng thái này trải dài từ ngày này đến ngày khác, từ tháng nọ đến năm kia. Mãi cho đến năm thọ giới Sa di, rời cái tên “Ông Đệu”, được lên chức “chú Sa di”, có nơi gọi là thầy Sa di. Thầy Sa di lúc bấy giờ đã có phần căn bản và ý thức mùi vị thơm ngon nhập đệu với mùi trầm hương, hoa quả và tiếng mõ sớm chuông chiều. Lúc bấy giờ, thầy Sa di càng tinh tấn đối với thời tu tập công phu khuya.

Sự tuyệt vời của Bồ tát Quảng Đức là Ngài không bỏ thời công phu khuya (*bốn giờ sáng*).

Thời công phu khuya có gì hấp dẫn mà đã cuốn hút bao nhiêu tâm hồn thấm nhập một cách say sưa như thế? Có chứ! Có “năm đệ thần chú Thủ Lăng Nghiêm” và “mười bài chú đại diện mật tông”, nhất là có bài tựa Thủ Lăng Nghiêm, tức là lời phát nguyện của Tôn giả A Nan. Bài tựa Lăng Nghiêm này gây nhiều xúc cảm. Xúc cảm đến độ hòa làm một, cùng chung với Tôn giả A Nan phát nguyện một lời thề, đó là chưa kể sám quy mạng.

Cũng có nhiều vị xuất gia tu học, nhưng không có dịp may được xúc cảm lời phát đại thệ nguyện ấy, vì không chuyên tâm thọ trì, hoặc có thọ trì nhưng chưa hiểu chu đáo, bởi không được nghe giảng giải tở mỷ về lời tâm nguyện đại quy mô. Hoặc có vị tu sĩ thuộc trường phái cầu nhàn, thụ hưởng, chứ không thuộc thành phần hiến dâng, phục vụ, nên không hưởng được sự thích thú bài tựa Lăng Nghiêm.

Ảnh hưởng của Tôn giả A Nan không thể nghĩ bàn, có thể nói còn cả trăm ngàn vạn triệu ức tở công đức sâu xa khác đối với chúng sanh hiện đời và mãi ngàn sau. Đúng ra đời cần phải tôn xưng Ngài Tôn giả A Nan là vị Phật thứ hai, sau Đức Phật Thích Ca Như Lai, nhưng vì Ngài

đã cố ý cải trang đóng vai phàm Tăng, với nhiệm vụ làm Thị giả hầu hạ Đức Phật, nên chúng ta chưa dám tôn xưng đó thôi!

Phần mở đầu hơi dài và chỉ sơ lược phần Tôn giả A Nan, còn Tôn giả La Hầu La và hai ngàn vị cả “phàm lẫn Thánh” cũng đều được Đức Phật thọ ký nơi phẩm kinh này. Trước khi giới thiệu hai phần này, chúng ta nên ổn định tư tưởng về đề phẩm kinh:

- + Có nơi ghi là Thọ học vô học nhưn ký.
- + Có nơi ghi là Hữu học vô học thọ ký.

Ý nghĩa thì một nhưng phân tích bằng âm Hoa Việt nên khó hiểu, khiến có người ngộ nhận rằng: Hữu học là người có học thức, còn vô học là người dốt nát. Nếu thọ ký cho hàng ngàn người dốt nát thì còn gì ý nghĩa cao thượng của quy pháp thọ ý!

Có trường hợp một chú Điệu, được thầy nhắc chú lo học. Chú trả lời, kinh Pháp Hoa dạy đâu cần phải học, dốt chữ (vô học) vẫn được thọ ký thành Phật, thầy không rõ hay sao mà khuyên con phải học? Ôi thật tai hại thay cho sự thiếu sót của những hiểu biết sai lầm. Những lỗi thiếu sót này không do người học trò, mà do các bậc mô

phạm, các Ngài làm thầy chưa tìm đủ phương pháp hướng dẫn đàn hậu học.

Chữ học là dành riêng để chỉ cho người học rộng hiểu xa, trình độ học sĩ, viện sĩ, bác học, học giả, triết gia, giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ, yếu nhân, vĩ nhân, hiền nhân ... Hàng học thức này tuy học rộng hiểu xa, nhưng còn phải học, vẫn còn quây quần trong phạm trù vật thể, vẫn còn ở ngôi vị phàm nhân chứ chưa đắc Thánh quả. Thành phần này sống hòa vào dòng đời để hướng dẫn, để giáo huấn thiên hạ mở mang kiến thức, trí thức hầu giúp nhiều người hưởng đạt được cuộc sống hạnh phúc, an vui. Còn chữ “vô học” là đã học tròn đầy và chứng Thánh quả, đã học nhiều đời nhiều kiếp, đã thuộc về bậc “**tri thức**”, trí tuệ. Hàng hữu học phải sử dụng “**trí**” để phân biệt sự việc. Hàng vô học thoáng qua đã “**tri**” được sự việc, đã nhập vào trạng thái cách vật trí tri rồi, chứ không phải vô học là những con người dốt nát như một số người lầm tưởng. Lầm tưởng lười học, mà lại còn nêu Ngài Lục Tổ Huệ Năng để làm điển hình. Họ đâu có hiểu Ngài Huệ Năng từ một vị Thánh A Na Hàm, hay Tư Đà Hàm tái sanh. Ăn bậy, nói bừa đọa ngục vô gián khó cứu, **phá giới không bằng phá kiến.**

Để dễ hiểu, dễ thấm nhập vào các tầng lớp quần chúng, chúng ta nên cùng hiểu chữ “vô học” thành chữ “chẳng còn học”. Đại khái là không còn phải học nữa.

Còn chữ nhân ký, tên đề phẩm kinh này ý nói là phần này cả phàm lẫn thánh đồng được thọ ký chung một danh hiệu **Phật Bửu Tướng Như Lai**.

Tướng Báu tức là chỉ về phần vật thể, thuộc phương diện hỗ trợ. Các phẩm thọ ký trước thuộc phần chỉ đạo và lãnh đạo và điều hành nên nặng về lý tánh, nghiêng về tâm linh.

Tên đề phẩm kinh: “**Thọ học vô học như nhân ký**”.

Đức Phật thọ ký cho Tôn giả La Hầu La danh hiệu Đạo Thất Bửu Hoa Như Lai. Đạo Thất Bửu, nhập vào con đường nở hoa bảy báu, cũng ở về hỗ trợ thuộc mặt pháp tướng.

Chỗ khó phân tích để dễ thấm nhập là chỗ Tôn giả A Nan chưa chứng đắc Thánh quả A La Hán, nhưng Đức Phật lại thọ ký cho Tôn giả A Nan từ danh hiệu, số kiếp, chánh pháp, tượng pháp lẫn quốc độ đều cao siêu hơn các vị đại đệ

tử khác. Đặc biệt của Tôn giả A Nan là sau khi Phật diệt độ, hàng chư Tăng tổ chức kết tập lời thuyết giảng suốt bốn mươi chín năm của Đức Phật thì Tôn giả A Nan lại bị Trưởng lão Ma Ha Ca Diếp trục xuất ra khỏi hội kết tập, vì tội chưa chứng Thánh quả A La Hán. Nhưng oái oăm thay, toàn thể đệ tử xuất gia của Đức Phật chỉ có hai người nhớ rành rõ lời Phật không thiếu lời nào, đó là Ngài Kiều Phạm Ba Đề và Ngài A Nan. Nhưng Tôn giả Kiều Phạm Ba Đề thì triệu thỉnh không về. Khi về lại dùng lửa tam muội tự đốt thân để theo thầy, theo Phật.

Nguyên tắc kết tập là đủ một nghìn vị Thánh Tăng, cùng chung một hội trường. Trên bàn cao có nhiều vị Trưởng lão chứng minh. Bàn thứ nhì là một vị Thánh Tăng, người nhớ tất cả lời dạy của Đức Phật, đứng lên trùng tuyên lại từ đầu đến cuối những lời Đức Phật đã thuyết suốt bốn mươi chín năm. Những lời giảng thuyết thuộc hội nào, ở đâu, tên kinh gì, thuộc dạng nào trong mười hai bộ kinh? Chín trăm chín mươi chín vị ngồi nghe, từ ngày này đến ngày khác, năm này sang năm nọ, khi nào xong thì mới làm lễ hoàn mãn. Nếu vị trùng tuyên sai một lời, sót một câu thì trong số chín trăm chín mươi chín vị

ai nhớ đứng đứng lên rung chuông xin sửa. Kể cả vị tuyên xưng, đứng thì đại chúng một ngàn vị đồng ý, thư ký chép vào lá bối, lưu lại hậu thế làm pháp bảo.

Từ khi Tôn giả A Nan bị trục xuất khỏi hội kiết tập, Ngài Kiều Phạm Ba Đề dùng lửa tam muội tự thiêu thân thì ngày nào Trưởng lão Ma Ha Ca Diếp cũng đánh kiềng chùy (kểng hiệu) triệu tập Thánh Tăng về đủ để tiến hành việc kiết tập. Nhưng than ôi! Ngày nào cũng như ngày nào, ngày nọ qua ngày kia, Thánh Tăng về dư, nhưng người học rộng, nhớ rành thì chẳng có. Bầu không khí buồn thảm bao trùm cả xứ Ấn và cõi Sa Bà, lẫn trùng trùng pháp giới bao la. Trong lúc đó, Tôn giả A Nan an nhiên nhập định. Nhờ sự tinh tấn của Tôn giả A Nan và thành tâm cầu nguyện của hàng nghìn vị A La Hán, Tôn giả A Nan đắc Thánh quả. Nửa đêm đến hội kiết tập gõ cửa xin vào. Trưởng lão Ma Ha Ca Diếp đáp: “Nếu đã chứng Thánh quả, xin mời Tôn giả vào bằng đường ổ khóa, vì cổng chính chưa có lệnh mở” ...

Đại hội kiết tập kinh điển tiến hành trong niềm đại hoan hỷ của cả trời thần người quý

rông, khắp trùng trùng pháp giới. Công đức của Tôn giả A Nan làm sao có thể nghĩ bàn.

Phẩm học và vô học như ký, Đức Phật thọ ký cho Tôn giả A Nan đứng tầm mức và danh vị quan trọng của một Thánh Tăng. Tôn giả A Nan, người đứng đầu trách nhiệm việc hỗ trợ giáo pháp của Như Lai và chư Phật khắp mười phương.

Ngàn xưa dẫn đến ngàn sau, bất cứ là tổ chức nào, sự hưng suy, thành bại, truyền lưu lâu mau đều do yếu tố nhân sự quyết định. Về tổng cương thuộc phần yếu tố nhân sự, lại còn chia nhiều mục chi tiết. Chúng ta nên lưu ý nơi phẩm kinh này Đức Phật nhấn mạnh việc truyền thừa cho thành phần “hỗ trợ”. Tôn giả A Nan đứng đầu thành phần nhân sự hỗ trợ thì tuyệt vời, chẳng hề có một mảy may sơ hở.

Các địa hạt, quốc gia, làng xóm, tông môn, hệ phái, tộc họ, gia đình nên nhuần nhuyễn bí quyết phẩm Thọ ký của kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa, hầu làm kim chỉ Nam duy trì và phát huy đơn vị của mình. Đến đây chúng ta đã thấy rõ lời dạy nơi kinh Pháp Hoa, không chỉ dành

riêng cho Phật giáo, mà là truyền pháp Diệu nhập đời chung cho đời muôn loài.

Đức Phật thọ ký cho hai vị Tôn giả A Nan và La Hầu La xong, lại tiếp tục thọ ký cho hai nghìn vị, cả phàm lẫn Thánh, toàn những bậc học thức và không còn phải học đều đồng thành Phật. Hai nghìn vị này thành Phật chung một danh hiệu là Bửu Tướng Như Lai.

Ngoài ra, Đức Phật cũng công bố rằng bất cứ ai có hạnh nguyện và thực hành hạnh nguyện hỗ trợ kinh Pháp Hoa, Đức Phật cũng đồng thọ ký cho đều thành Phật.

II.- NỘI DUNG

Đức Phật thọ ký cho Tôn giả A Nan

Chính văn

1- Bấy giờ, Tôn giả A Nan và Tôn giả La Hầu La cùng nghĩ như vậy: “Chúng ta thường tự tư duy, nếu được thọ ký há chẳng là vui thích lắm ư!”. Hai vị rời chỗ ngồi đến trước Phật, đầu mặt lạy chơn Phật đồng bạch rằng: “Thế Tôn! Trong việc này chúng con cũng đáng có phần thọ ký. Chỉ có Đức Như Lai là

chỗ về nương của chúng con. Lại chúng con là người thân biết của tất cả trời người A Tu La trong đời. Họ biết A Nan thường làm Thị giả hộ trì tạng pháp, La Hầu La là pháp tử của Phật, nếu được thọ ký đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho, thời lòng nguyện cầu của chúng con đã mãn, mà lòng trông mong của đại chúng cũng được đầy đủ”

Lúc đó, hàng đệ tử Thanh Văn, bậc còn học cùng bậc không còn phải học, hai nghìn vị đều từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo bên hữu đến trước Phật chấp tay một lòng chiêm ngưỡng dung nhan của Thế Tôn, nguyện như chỗ nguyện cầu của A Nan và La Hầu La rồi đứng qua một bên.

2- Bấy giờ, Đức Phật bảo A Nan: “Ông ở đời sau sẽ đặng làm Phật, hiệu là Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn; ông sẽ cúng dường sáu mươi hai ức Đức Phật, hộ trì tạng pháp, rồi sau đó mới chứng đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giáo hóa chúng Bồ tát hai mươi nghìn muôn ức lần số cát sông Hằng ... làm cho thành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nước tên là Thường Lập Thắng Phan, cõi đó thanh tịnh, đất bằng chất lưu ly. Kiếp tên Diệu Âm Biến Mãn. Đức Phật đó thọ mạng vô lượng nghìn muôn ức a tăng kỳ kiếp, dù có người ở trong nghìn muôn ức vô lượng a tăng kỳ kiếp tính đếm số kể cũng chẳng có thể hết được. Chánh pháp trụ đời gấp bội thọ mạng, tượng pháp lại gấp bội chánh pháp.

Này A Nan! Đức Phật Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương đó, được chư Phật khắp mười phương đông nhiều đến vô lượng nghìn muôn ức lần số cát sông Hằng, đồng ngợi khen công đức.

Khi đó, Đức Thế Tôn cần tuyên lại nghĩa trên nên thuyết thơ kệ rằng:

3- Nay Ta nói trong Tăng:

A Nan, người trì pháp
Sẽ cúng dường chư Phật
Sau mới thành Chánh giác
Hiệu là Sơn Hải Huệ

Tự Tại Thông Vương Phật
 Cõi nước đó thanh tịnh
 Tên Thường Lập Thắng Phan
 Giáo hóa các Bồ tát
 Số đông Hằng hà sa
 Phật có oai đức lớn
 Tiếng đồn khắp mười phương
 Thọ mạng lâu vô lượng
 Vì bởi thương chúng sanh
 Chánh pháp bội thọ mạng
 Tượng pháp lại bội chánh
 Vô số hàng chúng sanh
 Đông hơn cát sông Hằng
 Ở trong pháp Phật đó
 Gieo nhưn duyên Phật đạo.

Giảng luận

Tôn giả A Nan và Tôn giả La Hầu La đứng lên trình bạch, mong được Đức Phật thọ ký. Tiếp theo có hai nghìn vị, gồm giới còn học và không còn phải học.

Đoạn kinh văn này ghi lại lời Đức Phật thọ ký cho Tôn giả A Nan, về vô lượng kiếp sau được thành Phật hiệu đã là Sơn Hải Huệ, mà còn Tự Tại Thông Vương Như Lai. Quốc độ, số kiếp và

sự hóa độ của Phật Sơn Hải Huệ quá ư là đặc biệt, vì vậy nên trong hội chúng, có tám nghìn vị vừa mới phát tâm Bồ tát, trong đó có số người chưa liễu thông, khởi tâm phân bì và thắc mắc.

Chín chữ danh hiệu Phật của Phật Sơn Hải Huệ, mỗi chữ là một bí pháp. Tên quốc độ là Thường Lập Thắng Phan, nêu rõ những nét nổi bật của Tôn giả A Nan. Thế nào là Thường Lập Thắng Phan? Hiểu nghĩa theo thời ấy, tại Ấn Độ có nhiều phái luận sư. Cứ qua một lần tranh luận, nếu vị trưởng phái nào thắng các phái khác thì được vua ban cho một lá trường phan: đó là **Thắng Phan** treo lên cột phướn.

Còn về chữ Thường Lập thì lại cùng mang một ý nghĩa sâu xa hơn. Tên kiếp và sự cấu tạo quốc độ, sự thọ mạng ... nói chung, mặt nào cũng đặc biệt. Đặc biệt của Tôn giả A Nan mà những vị Thánh A la Hán khác không thể có. Các phẩm trước Đức Phật thọ ký truyền trao cho người có bí pháp “**phổ truyền**” và bí pháp “**nhường bước**”. Phẩm này Đức Phật truyền trao cho người có bí pháp “**hạ thấp**”, “**ẩn dạng**”. Một vị Bồ tát mà cải dạng thành phàm Tăng, để chẳng những hy sinh, mà lại còn để chịu nhục nhã, bị Trưởng lão

Đại Ca Diếp đuổi ra khỏi hội kiết tập kinh điển. Ôi cao cả thay và tuyệt diệu thay! Nhất là hai chữ **bổn nguyện**.

Tám nghìn người thối mất Chính văn

4- Bấy giờ, trong hội hàng Bồ tát mới phát tâm, tám nghìn người, đều nghĩ thế này: “Chúng ta còn chưa nghe các vị Bồ tát lớn được thọ ký như thế, có nhơn duyên gì mà các vị Thanh Văn được thọ ký như vậy?”

Lúc ấy, Đức Thế Tôn biết tâm niệm của các vị Bồ tát nên dạy rằng: “Các thiện nam tử! Ta cùng các ông A Nan ở chỗ Đức Phật Không Vương, đồng thời phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. A Nan thường ưa chuộng học rộng, còn ta thường siêng năng tu tập tinh tấn, cho nên ta nay đã thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà A Nan hộ trì pháp của ta và cũng sẽ hộ trì pháp tạng của các Đức Phật tương lai, giáo hóa thành tựu các chúng Bồ tát. Bổn nguyện của Tôn giả A Nan như thế nên đặng thọ ký như thế!

Tôn giả A Nan ở trước Phật, tự nghe Phật thọ ký cùng cả cõi nước trang nghiêm của mình, chỗ mong cầu đã đủ, lòng rất vui mừng đặng điều chưa từng có. Tức thời nghĩ nhớ tạng pháp của vô lượng nghìn muôn ức các Đức Phật thuở quá khứ, thông suốt không ngần ngại như hiện nay vừa mới nghe và cũng nhớ biết bốn nguyện.

Khi đó, Tôn giả A Nan nói kệ rằng:

Thế Tôn rất ít có
Khiến con nhớ quá khứ
Vô lượng các pháp Phật
Như chỗ nghe ngày nay
Con giờ không còn nghi
An trụ trong đạo Phật
Phương tiện làm Thị giả
Hộ trì các Phật pháp.

Giảng luận

Người đời bị tự kỷ ám thị đã đành, chứ hàng thánh triết, hiền triết, siêu học giả và học giả, chẳng những một người, mà đến tám nghìn vị vẫn bị tự kỷ ám thị, nên nổi sóng phân bì. Tám nghìn vị thâm tưởng có lẽ Đức Thế Tôn thiên vị. Một là

bà con, vì A Nan là em của ĐỀ Bà Đạt Đa, vậy thì đối với Thái tử Tất Đạt Đa (*tức Đức Phật*) là anh em chú bác ruột. Thứ nhì, A Nan hiện là Thị giả của Đức Phật. Vì tự kỷ ám thị quá nặng như vậy nên các Ngài mới thăm nghĩ là Đức Thế Tôn thiên vị. Các Ngài đâu chịu nghĩ trước, suy sau, để nhìn cho tường tận rằng chẳng phải như thế. Bởi vì A Nan không chỉ mới trong một đời này làm bà con và làm Thị giả hộ trì chánh pháp của Đức Phật Thích Ca, mà đã từ vô lượng kiếp Tôn giả A Nan vốn là pháp tử với Đức Thích Ca Mâu Ni kia mà!

Lấy gì làm bằng chứng? Đời sống và hành động của Tôn giả A Nan chưa đủ chứng minh ư? Mỗi sự phổ truyền và hộ trì của Tôn giả A Nan là mỗi sự chứng minh rất rõ ràng, sáng tỏ bằng những phân tích các quy luật chi phối, chứ không chỉ soi nơi gương sáng, về đời sống của Đức Phật. Lại cũng không hề dựa theo triết lý hay nhắm mắt theo giáo điều, những việc làm của Tôn giả A Nan đều nhắm vào mục đích khơi dậy mọi tiềm năng ẩn tàng bên trong mỗi người, mỗi loài chúng sanh. Tôn giả A Nan đã hy sinh trọn đời mình, hy sinh cả danh dự mình để phụ tiếp với Đức Phật Thích Ca, khơi sáng tận nguồn chân lý.

Còn việc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thọ ký cho Tôn giả A Nan, là mở lại cánh cửa quá khứ của thời gian, giúp hàng hậu học và không còn phải học thấy đều giạt mình rằng, chính bản thân mỗi người chúng ta, ai ai cũng đều băng quên quá khứ. Và việc thọ ký đặc biệt cho Tôn giả A Nan, cũng chỉ là để minh chứng cho y báo, chánh báo của từng mỗi con người chẳng ai giống ai. Chủ đích là phá tan cái màng lưới phân bì, đồng thời phá tan cái lớp sương mù tự kỷ ám thị cho tất cả mọi loài, mọi người, nhất là giới thức giả. Càng là thức giả, lại càng nhiều tướng tượng. Khi đã rơi vào tướng là mơ mộng, là huyền ảo. Do ảo ảnh nên còn bệnh tự kỷ ám thị, còn phân bì.

Phá tan mọi thắc mắc, mọi phân bì, mới nhập được Pháp Hoa. Tại sao thắc mắc dễ tiến đến phân bì? Tại vì căn cứ về tướng mà quên tánh, cố chấp về sự mà quên lý. Hành giả Pháp Hoa không nên thiên lệch. Bệnh phân bì vì tự kỷ ám thị thì nhiều người mắc phải. Tu đến khi nào đạt bình đẳng tánh trí mới dứt bệnh phân bì. Còn loay hoay nơi ý, nơi thức, nơi vô thức thì vẫn còn phân bì, chỉ ít hay nhiều mà thôi. Kẻ phàm si mê thì bệnh phân bì quá nặng, bậc thức giả thì nhẹ

nhàng hơn. Chỉ có thế thôi! Chấm dứt phân bì, thế giới mới thực sự hòa bình.

Đức Phật thọ ký cho Tôn giả La Hâu La

Chính văn

5- Bấy giờ, Đức Phật bảo Tôn giả La Hâu La: “Tôn giả La Hâu La về sau sẽ đặng thành Phật, hiệu là Đạo Thất Bửu Hoa Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. La Hâu La sẽ cúng dường các Đức Như Lai, như số vi trần trong mười thế giới. Thường vì các Đức Phật mà làm Trưởng tử, cũng như hiện nay đang làm.

Đức Phật Đạo Thất Bửu Hoa đó cõi nước trang nghiêm, kiếp số thọ mạng, giáo hóa đệ tử, chánh pháp và tượng pháp cũng đồng như Đức Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai không khác. La Hâu La cũng làm Trưởng tử cho Phật Sơn Hải Huệ Thông Vương Như Lai, rồi sau mới đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc đó Đức Thế Tôn dùng thơ kệ mà
trùng tuyên nghĩa này:

Lúc “Ta” làm Thái tử
La Hầu La Trưởng tử
Ta nay thành Phật đạo
La Hầu làm Pháp tử
Ở trong đời vị lai
Gặp vô lượng ức Phật
Làm Trưởng tử các Ngài
Một lòng cầu Phật đạo
Mật hạnh La Hầu La
Chỉ ta biết được thôi
Hiện làm Pháp tử ta
Hưởng dẫn các chúng sanh
Vô lượng ức nghìn muôn
Công đức không thể tính
An trụ trong Phật pháp
Để cầu đạo Vô thượng

Giảng luận

Đức Phật xác định: “Mật hạnh của La Hầu La chỉ riêng Phật mới biết”. Vì câu kệ xác định này, nên giới tu học, lẫn giới nghiên cứu khi gặp phần này là lướt qua chẳng chịu thấm sâu. Hơn

nữa nếu Đại hạnh, Khổ hạnh, Quảng hạnh ... dù có khó mấy cũng tìm thấy được, chứ còn Mật hạnh thì làm sao thấy. Vì hai lý do nêu trên nên toàn bộ kinh Pháp Hoa đến đoạn này thì bị lướt qua! Hàng ngàn, hàng vạn hạnh sâu kín, chúng ta cũng phải thấy một số hạnh tuyệt vời của Tôn giả La Hầu La chứ! Nếu không, chúng ta chẳng thấy sự lợi ích của đoạn kinh này nhập đời chỗ nào cả! Một điều quan trọng nữa là nếu không chúng ta sẽ khởi niệm nghi ngờ rằng: sở dĩ Đức Phật nêu hai chữ Mật hạnh là để thiên vị Tôn giả La Hầu La chẳng? Không! Đã là Phật thì làm gì còn có sự thiên vị. Việc nhóm chứa công hạnh ẩn mật của Tôn giả La Hầu La, dù chúng ta không thấy toàn bộ, cũng phải sáng tỏ một vài nét của Tôn giả chứ!

Ở đời, hầu hết con cháu của các bậc vua quan, trưởng giả, các bậc uy đức, thạc đức ... nói chung là con em, hoặc học trò của các vị có uy quyền, thường ỷ lại nơi uy thế của cha ông, thầy tổ của mình, cho nên sống nếp sống kiêu kỳ, hợm mình, tự cao, tự đại, tự phụ, cậy thế, ỷ thân, hiếp đáp hăm dọa kẻ khác, khinh miệt cấp thấp,

thường tấu thừa thêm bớt, dìm người, hại bạn, nghênh ngang, hống hách, xa xỉ, trác táng ...

Đa phần các bậc tuyệt giỏi thì con cháu lại học dở, nhưng mà đỗ đạt cao. Con cháu học dở mà cầm giữ nhiều chức vụ quan trọng, cho nên thường làm tắc nghẽn dòng chảy của xã hội, do cha ông đã dày công đóng góp xây dựng.

Đức vua Lê Lợi tài ba đức độ, mưu lược bao nhiêu thì Lê Chiêu Thống tội tệt bấy nhiêu! Ông cha làm thơm lừng lịch sử, con cháu làm hôi thối tông môn. Điều này ai ai cũng biết, nhưng ít ai làm được cái việc chỉ dạy con cháu. Bên ngoài hướng dẫn hàng ngàn vạn, triệu người khác, nhưng khi về nhà dạy vợ, dạy con, vợ không tuân, con không học. Chẳng những không tuân, mà đa phần vợ con, học trò lại còn kết thành một bè chống lại chồng, cha hoặc thầy tổ. Cho nên nhiều tộc họ, cha làm thầy con bán sách, hoặc nếu có giữ cũng chỉ được vài đời thì quyển sách ấy cũng lại thuộc về tộc họ khác. Chẳng ai giàu ba họ, chẳng ai khó ba đời là bởi lý do vừa nêu trên. Lịch sử Việt Nam, thời Hùng Vương, đã giữ sự thanh bình cho đất nước suốt dòng lịch sử 2.622 năm, truyền nhau mười tám hệ của Hùng

Vương, chứ không độc giữ chỉ truyền cho con (truyền mười tám hệ chứ không phải mười tám ông vua).

Tôn giả La Hâu La sanh vào gia đình quyền quý, ông nội là Đại Hoàng đế, thân phụ thì làm Giáo chủ cõi Sa Bà, vậy mà trong suốt cuộc sống bên cạnh ông nội, bên cạnh thân phụ không hề khoe khoang, ỷ lại hoặc thể hiện một nét xấu nào.

Trong hàng ngũ xuất gia theo Phật, Tôn giả La Hâu La là vị nhập đạo trẻ tuổi nhất và thọ giới Sa di đầu tiên. Tuy ít tuổi nhưng tinh tấn tu học, chứng đắc quả vị Thánh A La Hán trước ông chú họ thông minh của mình, đó là Tôn giả A Nan. Chúng ta chỉ nên lược vài nét Mật hạnh của Tôn giả La Hâu La để làm kim chỉ Nam cho thế hệ trẻ, từ giới xuất gia, cũng như tại gia, đời cũng như đạo. Ngoài ra nói về đời sống tu hành của một chú Sa di La Hâu La, có hàng ngàn chuyện dí dỏm. Hồi còn làm chú Sa di, La Hâu La thường ôm bình bát theo Tăng đoàn đi khất thực. Một hôm đi ngang qua cánh đồng xanh, chú Sa di nghe tiếng thổi sáo, nghiêng mắt ghé nhìn về lũy tre làng thì ôi chao, nó đẹp làm sao, một cậu bé cỡ tuổi như chú, đang ngồi ung dung tự tại trên

mình con trâu, đầu đội chiếc nón rách xinh xinh, hai tay nâng ống sáo. Tiếng sáo véo von nghe nó thanh thót làm sao! Chú Sa di ước gì hôm nay Đức Trưởng lão Ca Diếp không sắp hàng cho mình đi sát Đức Thế Tôn, mà là được đi sau chót như mấy ngày trước thì mình sẽ lên trốn đoàn, vào bụi rậm giấu chiếc bình bát, rồi chạy ù vào xin cậu bé được cỡi trâu, được đội nón, được thổi sáo giây lát. Khi chừ Tăng khát thực về, mình lên nhập vào đoàn. Ôi thỏa thích biết bao!

Trưa hôm ấy, sau giờ ngộ trai, Đức Thế Tôn đăng tòa thuyết pháp, chủ đề về ý buông lung tâm móng niệm, buông xả sáu căn, bị âm thanh sắc tướng cám dỗ, vọng tưởng mộng lung. Từ mẫu chuyên đơn sơ Đức Phật khai mở tâm ý La Hầu La và dẫn La Hầu La trở về sống với cái thực của hiện tại. Đức Phật dạy đang đi trên bước chân này thì chỉ biết mình đang bước trên bước chân này, nghe bước chân này của mình đang bước, chớ nên để ý nghe tiếng thổi sáo từ lũy tre làng, bên cánh đồng xanh chen vào. Đang đi, thân mình cảm xúc êm ái hay thô cứng trên bước chân đi, đừng mơ mộng đang ngồi trên mình trâu, đầu đội nón rách xinh xinh. Sự xa vời mộng tưởng này nó sẽ khơi ý thêm khát, ý định nản

sinh sự dối trá, lén rời chư Tăng bỏ đoàn, giấu bình bát trong bụi rậm, chơi vui thỏa thích, rồi lén trở về nhập đoàn. Chỉ một vọng tưởng nhỏ vì đam mê âm thanh của tiếng sáo, mà nó đã kéo theo bao nhiêu là sai khuyết, tội lỗi. Nếu người trí không biết dừng lại để ăn năn sám tội thì sẽ bị ngũ dục cám dỗ. Khi bị ngũ dục lôi cuốn, trôi lăn theo dòng vọng động thì hạnh thanh tịnh đâu còn. Hạnh thanh tịnh đã mất thì là hình tướng oai nghi tế hạnh của vị đại diện ngôi Tăng Bảo còn đâu?

Tôn giả La Hầu La giật mình và tự nghĩ, tại sao mình chỉ nghĩ nơi ý, chưa kịp hành động và cũng chưa hề nói cho ai nghe, vậy mà Đức Thế Tôn đã rõ tất cả. Tôn giả thành tâm ăn năn sám hối.

Một hôm khác, Tôn giả La Hầu La dâng thau nước để rửa chân Đức Phật. Rửa xong Đức Phật hỏi:

- Này La Hầu La, ngay bây giờ con có thể rửa mặt vào thau nước này được không?

Chú Sa di La Hầu La cung kính:

- Bạch Đức Thế Tôn! Nước này không thể rửa mặt được, vì nó đã vẩn đục.

Đức Phật lại hỏi:

- Nếu trước khi rửa chân thì con có thể rửa mặt vào thau nước này được hay không?

- Dạ thưa được!

Đức Phật dạy tiếp:

- Này La Hâu La! Con người cũng thế, khi đã vẫn đục như thau nước đục thì mất giá trị. Con tu học theo đạo thanh tịnh, để luyện sống đời sống tịnh hạnh, trong sáng. Vậy con đừng bao giờ chấp nhận thân tâm của con trở thành như thau nước đục!

- Bạch Đức Thế Tôn! Con hứa không để thân tâm con vẫn đục!

Chúng ta không hiểu Tôn giả La Hâu La đắc Thánh quả lúc nào và nhờ bài pháp nào, nhưng mỗi lần nghe Đức Phật dạy chung cho đại chúng, hoặc dạy riêng cho cá nhân thì Tôn giả La Hâu La thay đổi nếp sống rất nhanh. Từ một cậu bé tinh nghịch, đã nhanh chóng trở thành một con người sống đời thanh tịnh oai nghi tế hạnh, giới luật nghiêm minh, chứng Thánh quả trước người chú của mình.

Trong giáo đoàn, nếu người nào dù lớn tuổi nhưng sống sai giới luật, thiếu oai nghi tế hạnh

thì các thầy giáo hạnh của giáo đoàn thường sách tấn bằng cách nêu Tôn giả La Hầu La để làm gương. Đúng là không giáo huấn vẫn chuyển hóa được người nhờ thân giáo. Như thế không gọi Mật hạnh thì gọi là gì? Tôn giả La Hầu La, vị Thánh A La Hán, một trong mười vị đại đệ tử đứng đầu Giáo hội. Tôn giả La Hầu La vị đại đệ tử của Đức Phật, là vị Mật hạnh đệ nhất.

Đức Phật thọ ký cho hai nghìn vị thuộc hàng còn học và không còn phải học

Chính văn

6- Bấy giờ, Đức Thế Tôn thấy bậc còn học cùng không còn phải học hai nghìn vị, ý chí hòa dịu, vắng lặng trong sạch, một lòng quán Phật. Phật bảo A Nan: “Ông thấy bậc còn học, bậc không còn phải học hai nghìn vị đây chăng?”.

- Vâng! Con đã thấy.

- A Nan! Những vị ấy sẽ cúng dường chư Phật như số vi trần trong năm mươi thế giới, cung kính, tôn trọng, hộ trì pháp tạng. Rốt sau đồng thời ở các cõi nước trong mười phương đều đặng thành Phật, cùng đồng một

hiệu là Bửu Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn, sống lâu một kiếp, cõi nước trang nghiêm Thanh Văn, Bồ tát, chánh pháp, tượng pháp thấy đều đồng nhau.

Lúc đó, Đức Thế Tôn cần tuyên lại nghĩa trên nên thuyết thơ kệ rằng:

Hai nghìn Thanh Văn đây
 Nay đang ở trước ta
 Thấy đều thọ ký cho
 Sau này sẽ thành Phật
 Cúng dường khắp chư Phật
 Đông nhiều như vi trần
 Hộ trì tạng pháp Phật
 Sau sẽ thành Chánh giác
 Ở mười phương các nước
 Thấy đồng một danh hiệu
 Cùng lúc ngồi đạo tràng
 Để chứng tuệ Vô thượng
 Đều hiệu là Bửu Tướng
 Cõi nước cùng đệ tử
 Chánh pháp và tượng pháp

Thầy đồng không có khác
 Đều dùng các thần thông
 Độ mười phương chúng sanh
 Tiếng đồn vang khắp cùng
 Lân nhập vào Niết bàn.

Liên đó, bực còn học cùng không còn phải học trọn đủ hai nghìn vị, nghe Đức Phật thọ ký vui mừng hớn hở đồng xưng thơ kệ rằng:

Thế Tôn ánh đèn tuệ
 Chúng con nghe thọ ký
 Lòng vui mừng tràn ngập
 Như được rưới cam lộ

Giảng luận

Tôn giả A Nan chưa chứng Thánh quả, nhưng được thọ ký thành Phật, hiệu là Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai. Chánh pháp, tượng pháp và sự thọ mạng số kiếp lâu xa không tính đếm được. Còn hai nghìn vị học thức uyên thâm và không còn phải học, đa số đã chứng Thánh quả. Vậy mà khi thành Phật, thọ mạng, kể cả chánh pháp, tượng pháp chỉ có một kiếp. Đây là mật nghĩa khó suy lường.

Y báo, chánh báo không căn cứ trình độ học thức, hoặc tu chứng, mà là trả lời bằng một đáp số của toàn cuộc sống. Đó là **bổn nguyện**, đó là **thực hành**. Bổn nguyện của Tôn giả A Nan hùng vĩ quá, siêu việt quá. Thực hành của Tôn giả A Nan bao la quá. Còn hai nghìn vị học và không còn phải học chỉ mới có một chiều học rộng, hoặc nếu vị nào tu chứng thì cũng chứng hạnh Tiểu thừa mà thôi. Hai nghìn vị còn thiếu cao, sâu, rộng, mạnh. Phật là cao, sâu, rộng, mạnh, lớn không ngoài, nhỏ không trong. Tôn giả A Nan đa dạng, đa năng, hạnh nguyện rộng lớn, bao la. Tôn giả La Hầu La là chiều sâu, là Mật hạnh. Còn hai nghìn vị học và không còn phải học thì mới có từng vấn đề.

Cũng ví như đầu máy đa hệ, đem so với đầu máy đơn hệ. Ai đọc tụng thọ trì kinh Pháp Hoa mà thẩm sâu vào phẩm “Thọ học vô học như ký”, nhất là liễu thông đoạn kinh này thì sẽ thấy rõ tại sao các Ngài thành Phật hiệu là Bửu Tướng, tại sao chánh pháp, tượng pháp và thọ mạng của các Đức Phật Bửu Tướng chỉ có một tiểu kiếp.

Giới học Tăng, học Ni, giới nam nữ Phật tử nên thấm sâu vào đoạn kinh thuộc phẩm này, để tâm hồn không còn câu nệ, cố chấp pháp thế gian, không còn chạy theo một chiều. Nếu ai mở rộng tâm hồn không vị kỷ nơi quả vị Thanh Văn, không vị kỷ nơi thụ hưởng, không vị kỷ nơi sự hiếu kỳ của thiên hạ. Trái lại phải rộng mở, phải đa dạng, đa năng, phải sống vì người khác, phải hy sinh cho cái chung cho mọi người, phải phát tâm cầu thành Phật, được vậy là đang thọ trì kinh Pháp Hoa, đang gia nhập vào thành phần nhân sự điều hành giáo pháp, bằng không được vậy thì đem tài học rộng hiểu xa để hỗ trợ chánh pháp. Hai nghìn vị thuộc thành phần này, dù số kiếp thành Phật cùng chánh pháp, tượng pháp thời gian có ngắn, nhưng vẫn được thọ ký thành Phật.

III.- TÓM KẾT

Đa phần hành giả Pháp Hoa đọc tụng đến phẩm thứ chín này thường lướt qua, bởi vì đa phần nghĩ rằng phẩm kinh này Đức Phật thọ ký cho ba thành phần:

- ❶ Tôn giả A Nan.
- ❷ Tôn giả La Hầu La.
- ❸ Hai nghìn vị học và không còn phải học.

chứ chẳng đề cập gì đến phương pháp tu trì thuộc Nhất thừa cả!

Nếu quan niệm như vậy thì quá hời hợt, tất cả các nhân vật đệ tử của Đức Phật, mỗi vị quan trọng khác nhau. Riêng Tôn giả A Nan và Tôn giả La Hưu La mức quan trọng người đời khó nhìn thấy.

Đọc hết phẩm “Thọ học vô học nhưn ký” này, chúng ta tập trung “**Văn tư tu**” (nghe, tư duy và tu luyện) về ba danh hiệu.

Phẩm này Đức Phật thọ ký có ba phần:

1. Tôn giả A Nan thành Phật hiệu Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai và đủ mười tôn hiệu.

2. Tôn giả La Hưu La thành Phật, hiệu là Đạo Thất Bửu Hoa Như Lai và đủ mười tôn hiệu.

3. Hai nghìn vị học và không còn phải học thành Phật, hiệu là Bửu Tướng Như Lai và đủ mười tôn hiệu.

Ba danh hiệu Phật của cả ba đã nói lên tầm quan trọng, nhất là hai danh hiệu Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai và Đạo Thất Bửu Hoa Như Lai, quan trọng đến tột đỉnh cao của

vấn đề, vậy thì sao lại quan niệm chẳng liên quan đến việc tu luyện của mỗi chúng ta?

Mặt khác, đối chiếu cuộc sống của Tôn giả A Nan, một bậc siêu quần bạt chúng, học rộng nhớ rành, vậy mà bị Trưởng lão Ma Ha Ca Diếp làm nhục đuổi ra khỏi đại hội kiết tập, liệu như cá nhân chúng ta có nhẫn chịu được không? Vậy có liên quan đối chiếu giữa kinh và chính mình được

hay không?

Tôn giả La Hầu La là vị Phật có danh hiệu Đạo Thất Bửu Hoa Như Lai đầy đủ mọi phương diện, mọi điều kiện bắt buộc kẻ khác hầu hạ. Trái lại đã không bắt ai hầu hạ mình mà còn tự động thay Tôn giả A Nan làm bớt việc của một vị Thị giả.

Thái tử Tất Đạt Đa rời cung vàng điện ngọc bởi vì tiền thân Thái tử là Bồ tát Hộ Minh và lúc Ngài rời cung điện tuổi đã trưởng thành, cho nên cũng không có gì là khó hiểu. Đấng này, vương tử La Hầu La còn quá bé thơ mà lại rời cung vàng điện ngọc, rời cả sự trìu mến thâm thương của mẹ, của ông nội, để chấp nhận đời sống tu hành, hằng ngày bưng bát đi khát thực làm một vị

tu sĩ như thế không đáng làm gương cho hậu học hay sao? Phẩm kinh này là phẩm kinh gởi đầu năm cho các chú Điều, các vị Sa di. Hãy nhìn gương Sa di La Hầu La đã dùng thân mình để giáo hóa các vị Tăng nào còn thiếu sót về mặt oai nghi tế hạnh, như thế không Mật hạnh là gì? Tại sao các vị Sa di thời nay không noi gương, không muốn nhận câu xưng tụng của người đời: **“Sa di thuyết pháp Sa môn thính”** hay sao?

**

Toàn bộ kinh Pháp Hoa và riêng phẩm kinh này cũng không dành riêng để chỉ đạo cho giới tu luyện kinh Pháp Hoa, mà là chung cho toàn xã hội loài người. Nhất là việc còn học, không chỉ dành riêng cho hàng học thức. Không còn phải học không chỉ dành riêng cho hàng Thánh quả.

Vậy thì giới học thức nếu đồng nhất quán cùng với giới còn học và không còn phải học, số lượng hai nghìn vị cùng chung một tâm nguyện, một chủ hướng, một chỉ đạo thì sẽ đạt **Bửu Tướng**. Bửu Tướng thuộc phần vật thể quý báu. Dòng đời này cần gì, cần tâm linh và vật thể. Tâm linh ở phẩm khác, vật thể ở phẩm này. Vậy thì các nhà bác học, yếu nhân, vĩ nhân, triết

nhân, hiền nhân, học giả có cần nghiên cứu sâu về phẩm kinh này không? Nếu cần, chúng tôi xin gợi ý là phải hội tụ đủ cả ba thành phần nhân sự.

❶ Thành phần thứ nhất một vị hỗ trợ đạo tài trí xuất sắc hơn người, nghĩa là trình độ siêu quần bạt chúng, nhưng lúc nào cũng đóng vai giả vờ phàm tục, đóng vai phó thường dân để gồm thâu tất cả mọi tinh ba trong giới quần chúng.

❷ Điểm xuất sắc thứ hai của phẩm này là Đức Phật chú ý đến nuôi dưỡng đầu tư một nhân vật tuổi còn quá trẻ mà đã đứng vào thập đại đệ tử xuất sắc của Đức Phật. Tôn giả La Hầu La, vị **Mật hạnh đệ nhất**. Không bao giờ nghe Tôn giả La Hầu La nói gì, mà là đã nói tất cả. Nói lên Đức Phật và nói xuống cho đại chúng nghe. Nhiều lúc không dùng ngôn ngữ để nói mà chỉ dùng mắt, dùng thân, dùng ý để nói.

Tất cả hầu như các tổ chức tôn giáo cũng như thế quyền, từ ngàn xưa dẫn đến nay, khó tìm thấy một tổ chức nào có nhân sự trẻ kiệt hiệt như vậy. Muốn có nhân vật kiệt hiệt không phải việc ngẫu nhiên há miệng chờ sung, mà phải có phần đào tạo. Đào tạo chọn lọc từ nơi gia tộc đầy đủ phước đức, tư cách tánh hạnh khi còn ấu nhi, nhất là

phương thức giáo huấn. Giáo huấn từ một vị đại vương tử, cháu nội một Đại hoàng đế, chịu mặc áo vá, bưng bình bát làm người hành khất, sống đạm bạc qua ngày, rày đây mai đó. Giáo huấn cất rời âm thanh mê tiếng sáo trúc. Giáo huấn phân tách dòng đời trong đục như thau nước đục trong.

❸ Phần đặc biệt thứ ba của phẩm này là hai nghìn vị, cả phàm lẫn Thánh đều nhất quán, đều chung dòng tư tưởng và chịu chung một sự chỉ đạo. Tức là chịu chung một sự thọ ký, cùng chung một danh hiệu Bửu Tướng Như Lai.

Giữa dòng đời này tìm được năm mươi người trùng tên, chung hạnh nguyện đã rất khó khăn rồi. Đằng này phẩm kinh nêu con số đến hai nghìn vị mà lại cùng chung một quan niệm, cùng chung một ảnh hưởng, cùng chung một hướng đến, cùng chung một tổ chức, cùng chung một chỉ đạo, cùng chung một danh hiệu **Bửu Tướng**.

Đã hiểu rõ ba điểm đặc biệt thuộc thành phần nhân sự hỗ trợ của Đức Phật, rất mong những ai vào đời khi muốn phục vụ, khi muốn đem pháp Diệu nhập đời, hầu hiển hưng đời thì

xin hãy tuân tự áp dụng đúng quy pháp của từng mỗi vấn đề.

Ôi tuyệt diệu thay phẩm kinh dành cho những nhà lãnh đạo, yếu nhân, mô phạm giữa dòng đời. Vậy mà nữ nào những vị đã tự chọn mình làm hành giả Pháp Hoa lại lướt qua.

Nhật Bản yên bình thịnh vượng, dân giàu nước mạnh là nhờ vị Đông cung Thái tử của Nhật hoàng, chọn kinh Pháp Hoa làm sườn để soạn thành bản Hiến pháp cho nước mình.

Pháp Diệu nhập đời chẳng một chẳng hai. Tại sao ta mãi còn phân biệt có hai có một? Thế giới năm châu loài người chung một, cả đạo lẫn đời đều sống hòa hợp trong pháp Diệu thì làm gì còn có xung đột chiến tranh?

Kính lạy Đức Từ Phụ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Kính lạy thập phương thường trụ Tam Bảo gia hộ cho tất cả các pháp giới chúng sanh đều thấm nhuần hoa Sen pháp Diệu, đưa phương pháp an lành mâu nhiệm nhập đời, để đời đẹp, đạo hưng.

Hồi hướng công đức này đến thấy các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm công đức. Xin

kết thành Bồ đề quyển thuộc, kiếp kiếp đời đời
đọc tụng, thọ trì, chứng đắc và hoằng dương Đại
thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh,
Pháp Hoa hội thượng Phật Bồ tát, Bồ tát Ma Ha
Tát, tác đại chứng minh.

Pháp sư:

- * *Ở nhà từ bi rộng lớn*
- * *Mặc áo nhũn nhục nhu hòa.*
- * *Ngồi tòa các pháp không.*

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

18

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA GIẢNG LUẬN - Bài số 18

PHẨM PHÁP SƯ - Thứ mười

- Đức Phật thọ ký cho những người tin nghe và thọ trì kinh Pháp Hoa.
- Đức Phật nêu công hạnh sáu thành phần thọ trì kinh Pháp Hoa.
- Tại sao kinh Pháp Hoa thuộc hàng đệ nhất.
- Ví như người đào giếng.

I - MỞ ĐẦU

Phẩm thứ 8 bài số 16 Đức Phật thọ ký cho Tôn giả Phú Lô Na và năm trăm vị A La Hán thành phần điều hành đúng nguyên tắc: “Ngàn mắt ngàn tay”. Chú ý để khi vào bài 17 chuyện gã cùng tử bầu áo có viên ngọc. Bài số 18 này thấm sâu vào phẩm Pháp sư thứ mười, bài số 18

(mười phẩm trong hai mươi tám phẩm kinh Pháp Hoa).

Muốn dễ hiểu, dễ liễu, dễ thông hầu thấu đạt phẩm kinh thì trước nhất phải hiểu, phải liễu, phải thông đề của phẩm kinh. Đề phẩm kinh gồm hai chữ “Pháp sư” có nghĩa là thầy dạy Phật pháp. Vậy thì theo ý của phẩm kinh đạt pháp gì?

Thầy ngoài đời dạy cho người biết chữ, để rời pháp thô, nhập pháp tế. Nếu học chữ ít thì phải học nhiều về phép xử thế. Còn cứ mãi trôi lăn theo dòng trần tục, sống thiếu giáo dục để miệng đời lên án rằng: “Mầy ăn nói như đồ đá cá lẫn dưa”, tức ăn nói thô lỗ, đời sống toàn áp dụng pháp thô lỗ và nói năng ứng xử cũng lỗ mẫn. Chúng ta hãy chiêm nghiệm qua loài ngựa, chúng không bao giờ loạn luân, vậy mà có những người hễ mở miệng là chửi bới lộn ngôn **đời lấy mẹ**.

Dòng đời nhờ cha mẹ tôn phong, nhờ các bậc thầy đời như đạo, nhất là các nhà mô phạm, đạo đức đã tận tâm dạy bảo sự tôn ty trật tự, được hiểu trời cao biển rộng, biết cách đối xử với nhau tế nhị. Đa số những người có học, cuộc sống rất tế nhị. Chúng ta ít nhìn thấy những vị trí thức như bác sĩ, kỹ sư, giáo sư, học giả, thức giả ... say rượu

chửi bới thiên hạ hoặc ngã lăn giữa đường. Nhờ gì? Nhờ họ có học. Kể cả trong những giây phút nóng giận, cũng không dùng phương tiện và lời lẽ thô bạo mà chửi mắng đánh đập nhau. Họ nhờ gì? Nhờ được nghe thầy dạy! Vậy thầy nào dạy họ?

① Thầy dạy rời pháp thô, nhập pháp tế là **Giáo sư**.

② Thầy dạy rời pháp tế, nhập pháp vi là **Giảng sư**.

③ Thầy dạy rời pháp vi, nhập pháp Diệu là **Pháp sư**.

Pháp sư là vị thầy dạy Phật pháp. Vậy pháp Phật là gì? Nhiều lắm, nhưng phẩm này Pháp sư là dạy pháp Diệu! Chỉ có phẩm thứ mười kinh Pháp Hoa mới nói rõ vai trò vị Pháp sư, bởi vì kinh Pháp Hoa là pháp Diệu nhập đời, tức là **Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa**.

Hạnh Tiểu thừa chán sợ dòng đời, nên chỉ lo tu cầu giải thoát, chứng quả Thánh Thanh Văn cho riêng mình. Hạnh Đại thừa mà Đại thừa nhập đời bằng pháp Diệu thì thương đời, mến đời nên nhập đời dạy pháp Diệu cho đời.

Pháp chuyển người nên tên Diệ pháp Người chuyển pháp đời gọi Pháp sư.

Vậy thì Pháp sư là người đã được pháp Diệ pháp chuyển nhập vào pháp Diệ pháp, sau đó Pháp sư mới khởi sự chuyển pháp Diệ pháp nhập đời. Cũng như có đạt trình độ Giáo sư mới dạy sinh viên thông hiểu văn hóa, rời thô nhập tế. Có đạt được Giảng sư mới chuyển người từ tế sang vi và có đạt Pháp sư mới chuyển người từ vi nhập Diệ pháp. Người chưa đắc Diệ pháp thì làm sao chuyển pháp Diệ pháp? Chưa có đạt Giảng sư để chuyển pháp tế thì làm sao gọi là Giảng sư? Chữ “người” câu một “Pháp chuyển người nên tên Diệ pháp” cùng với chữ “người” câu hai “Người chuyển pháp đời gọi Pháp sư” nghĩa là chữ người câu thứ nhất đã được pháp Diệ pháp chuyển cho nên chữ người câu một mới chuyển sang câu hai. Khi sang câu hai thì chữ người này mới đủ lực chuyển nhiều người khác rời pháp vi nhập pháp Diệ pháp, lúc bấy giờ đời mới tôn gọi là Pháp sư.

Vị Pháp sư xứng đáng nhất và cũng là duy nhất, đó là Ngài Bồ tát Đại Trí Văn Thù Sư Lợi. Ngài đã chuyển pháp Diệ pháp nơi cung rồng, độ nàng công chúa rồng tám tuổi thành Phật và vô số quan dân rồng thành Bồ tát.

Chuyển pháp như thế mới gọi là “**Người chuyển pháp đời gọi Pháp sư**”.

Đời đáng chán hay đời đáng thương? Chẳng chán mà cũng chẳng thương. Chán hay thương đều do con người.

- Đời thô đáng chán.
- Đời tế đáng thương.
- Đời vi đáng mến.
- Đời diệu đáng tôn thờ.

Thô tế vi diệu đều do con người. Định mệnh không hề cột trói con người ở mãi nơi thô. Nghiệp lực cũng không thể xui khiến ai ở mãi nơi tế. Quyền lực không hề giam giữ con người nơi vi.

Người đốn củi trở thành vị Tổ thứ sáu Thiền tông. Con gái vua rồng phút giây đắc thành nhà Chánh giác. Cô quét rác năm nào bỗng thành nhà văn hào tử phú ở Mỹ châu. Đời không mãi khổ đau, đời không luôn phú quý. Tất cả đều do con người biết sống hay không? Kiên tâm tinh tấn học hành thì sẽ đạt tế, đạt vi. Khi thân ý tế vi - Quán niệm đắc từ bi chứng Diệu. Pháp Diệu chuyển người - Người chuyển Pháp Hoa. Diệu

Pháp Liên Hoa, nhập đời vi diệu. Vi diệu duyên nhuần Diệu hữu bình khai.

Loài người hãy trao tặng cho nhau bằng vi bằng tế. Dứt hẳn pháp thô để tròn nở tình người. Đức Phật trao cho đời hai chữ Diệu hữu tròn xoe. Đạt được chữ Diệu rồi, nhớ còn chữ “hữu” kèm theo.

Hòa thượng Đồng Quán nhập thất hơn hai mươi năm, hầu mở khai chữ “hữu”. Khi mới vừa bình, Ngài vội vượt Trường Sơn mấy trăm cây số để trình “kiến giải” lên vị Đại sư. Vừa gặp, Hòa thượng Đồng Quán chưa trình hết kiến giải, vậy mà đã bị Đại sư Trí Quang trả bi tâm như sấm “**Ta tha khỏi nhổ râu cho đó ...!**”. Ngài Đồng Quán hơi buồn, về kể chuyện lại cho chúng tôi nghe.

Chữ hữu từ câu:

Hữu

Pháp tự tướng (Nhân Minh Luận)

Khi nghe kể xong, chúng tôi vỗ bụng cười to và rằng: “**Không bị nhổ râu là may lắm rồi!**”.

Lúc bấy giờ Ngài Đồng Quán bỗng nhiên bưng ngộ rằng: “Chữ hữu này nó không thể nào

đơn nghĩa, mà nó phải kết liền có chữ Diệu cùng theo”, tức là “Diệu hữu”. Khi chứng đắc cả hai thì chẳng còn ngôn còn ngữ để tỏ bày, để mô tả, để trình kiến giải, để vượt Trường Sơn. Nếu đem kiến thức biện minh thì mất công toi vậy, là đã tràng xe cát. Ngài Đồng Quán mới trọn vui mừng và cũng cùng vỗ bụng cười to.

Chứng đắc Diệu hữu là nhờ tịnh tâm quán chiếu. Quán chiếu đạt thành là đắc thành Bồ tát. Bồ tát có mười đẳng cấp, đắc đẳng cấp thứ mười là Diệu giác, hoặc Đẳng giác là bậc Đại Bồ tát tối cao. Mười đẳng cấp Bồ tát, muốn đắc bất cứ đẳng cấp nào cũng phải có trình độ Pháp sư. Khi đã là Pháp sư thì chẳng cần trình kiến giải. Không kiến giải, không trình thì cũng chẳng có râu !

Khi nào thực tu, thực luyện, thực chứng, thực tri mà chẳng hề có khả đắc, chẳng hề có luận giải, cũng chẳng hề có văn tự, ngôn ngữ thì đó mới gọi là **Diệu hữu**. Bởi vì **Diệu hữu** và **chơn không** vốn đồng một thực tướng. Mà thực tướng các pháp thì đã phơi bày tỉ mỉ nơi kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa.

Pháp sư nhờ y theo kinh Diệu Pháp Liên Hoa mà thành. Kinh Pháp Hoa lại phải nhờ Pháp sư mới phổ chuyển.

Đời nhờ Giáo sư mới biết chữ

Đạo nhờ Pháp sư mới tỏ sáng rời mê.

Rời dốt, xa mê nhập vùng ánh sáng. Nhập được ánh sáng an lành nhờ công đức của Giáo sư và Pháp sư.

Bồ tát Văn Thù là vị Cổ Phật nên chứng đắc toàn phần, Pháp sư phổ chuyển Đại thừa Pháp Diệu.

Chúng ta mê muội nhiều đời, nhưng nhờ các kiếp gần đây đã gặp kinh Pháp Hoa nên đa số đều tinh tấn tu hành và đang là hành giả kinh Pháp Hoa. Khi sự tu hành có phần tinh tấn, đạt được phần nào công đức, tức là vị đó trở thành thiếu phần Pháp sư phổ giải kinh Sen pháp Diệu.

Lời Phật dạy: Như Lai là Phật đã thành

Chúng sanh là Phật sẽ thành.

II.- NỘI DUNG

Đức Phật thọ ký cho những người nghe và thọ trì kinh Pháp Hoa

Chính văn

Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thông qua Bồ tát Dược Vương mà truyền dạy cho tám mươi nghìn vị Bồ tát rằng: “Này Bồ tát Dược Vương! Trong chúng hội đây gồm có vô số hàng chư Thiên, Long vương, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, người và phi người, cùng Tăng Ni, nam nữ Phật tử, hết thảy hàng cầu Thanh Văn, hàng cầu Duyên Giác, hàng cầu Phật đạo, tất cả các thành phần này đang hiện diện trước mặt ta là Thích Ca Như Lai, để nghe kinh Diệu Pháp Liên Hoa, dù là một câu kinh, một bài kệ, nhẫn đến khởi một niệm tùy hỷ thì Như Lai cũng đều thọ ký cho sau này đều chứng quả vị Phật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, này Bồ tát Dược Vương! Sau khi Như Lai đã nhập diệt. Lúc ấy nếu có người nào nghe được kinh Diệu Pháp Liên Hoa, dù một câu kinh, một bài kệ, hoặc chỉ khởi một niệm tùy hỷ thì Như Lai cũng thọ ký cho vị đó thành Phật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Sáu thành phần cũng đều được thọ ký:

“Lại nếu có sáu thành phần sau đây, các vị: đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng kính, cúng dường và thuyết giải kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa, dù chỉ một bài kệ, đối với kinh điển này cúng kính như cúng kính chư Phật. Cúng dường như cúng dường chư Phật. Dùng các món quý báu như hoa hương, chuỗi ngọc, hương bột, hương đốt, hương xoa, trầm hương, lọng lụa, tràng phan, y phục, kỹ nhạc, nhẫn đến chỉ chấp tay cúng kính kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Dược Vương! Nên biết các người kể trên đã cúng dường mười muôn ức Phật, ở chỗ các Đức Phật thành tựu chí nguyện lớn vì thương xót chúng sinh mà sinh vào nhân gian.

Giảng luận

Tu luyện Đọc - Tụng - Thọ trì - In chép - Cúng dường - Thuyết giải

Cả sáu thì quá siêu tuyệt, bằng không chỉ được một, hoặc nửa cái của một. Tùy nhân duyên căn cơ hoàn cảnh ai giữ được nửa, hoặc một,

hoặc hai là tốt, được phần nào tốt phần đó. Nếu ai tu luyện tất cả sáu phần thì tốt toàn phần.

Đoạn kinh này Đức Phật còn nhấn mạnh: Chẳng những Đức Phật chỉ thọ ký cho hàng Thánh Tăng hiện tiền lúc đó, mà dù cho trải nhiều ngàn năm sau, ai nghe rồi đọc tụng, hoặc thọ trì, dù chỉ một câu kinh này, hoặc chỉ khởi một niệm hoan hỷ đối với kinh Pháp Hoa thì Đức Phật Thích Ca cũng thọ ký cho người đó thành Phật.

Thành phần được thọ ký này là thành phần đại chúng được thọ ký (lãnh đạo, điều hành, hỗ trợ và đại chúng).

Ai hiểu và liễu ngộ được đoạn kinh này thì chắc chắn sẽ không còn sợ kẻ xấu ác hăm dọa rằng: tụng đọc kinh Pháp Hoa bị đổ nghiệp, vì nếu nói như vậy thì có khác nào bảo chuyên cần làm việc sẽ bị nghèo đói! Đức Phật tán thán ngợi khen người tu luyện, phổ truyền kinh Pháp Hoa làm gì?

Dù cung kính một câu một chữ nơi kinh Pháp Hoa thôi, dùng tất cả những quý báu cúng dường, nhẫn đến chỉ chấp tay cung kính một chữ, một câu kinh Pháp Hoa thì công đức người này sánh

bằng những vị đã từng cúng dường muôn ngàn triệu ức Đức Phật rồi vậy.

Đức Phật nêu công hạnh sáu thành phần thọ trì kinh Pháp Hoa

Chính văn

Bồ tát Dược Vương! Nếu có ai hỏi rằng: “Về các đời sau khi Phật diệt độ thì ai sẽ được thành Phật?”. Nên chỉ các người trên đó ở đời vị lai ắcặng làm Phật”.

Vì sao? Vì nếu có một thiện nam, thiện nữ nào đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường, thuyết giải kinh Diệu Pháp Liên Hoa, dù một câu kinh, hoặc người nào chỉ dùng kinh quyển, hoa hương, chuỗi ngọc, hương bột, hương đốt, hương xoa, trầm hương, lọng lụa, tràng phan, y phục, kỷ nhạc cúng dường, hoặc chấp tay cung kính kinh Diệu Pháp Liên Hoa thì trời thần người quỷ rồng phải chiêm ngưỡng, sùng kính như là chiêm ngưỡng, sùng kính chư Như Lai vậy! Phải biết vị đó đã thành tựu hạnh nguyện Bồ tát, rồi tái sinh vào đời để phổ truyền kinh Diệu Pháp Liên

Hoa, hướng gì những vị trọn đời hay thọ trì và cúng dường các thứ.

Lại nữa, Bồ tát Dược Vương cũng nên biết thêm rằng: “Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có ai dùng đủ sáu phương pháp, hoặc một phương pháp thọ trì, hoặc phổ truyền kinh Pháp Hoa thì xem ngang như hàng Bồ tát, tự bỏ nơi thanh tịnh để nhập đời, rộng phổ truyền kinh này vậy! Hoặc hẳn có ai chỉ mới vì một người khác mà phổ truyền một câu kinh, một bài kệ Pháp Hoa thôi thì vị đó cũng chính là sứ giả của Như Lai, do Như Lai giao sứ mệnh. Hướng chỉ những vị đã vì đại chúng phổ truyền toàn kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa.

Này Bồ tát Dược Vương! Nếu có kẻ độc ác dùng tâm không lành, mắng nhiếc, chê bai Phật thì gã ấy vẫn nhẹ tội hơn là người đã dùng một lời hung dữ chê bai mắng nhiếc người tại gia hay xuất gia thọ trì hoặc phổ truyền kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Bồ tát Dược Vương! Vị nào thọ trì, đọc tụng, phổ truyền kinh Diệu Pháp Liên Hoa là vị đó đang dùng đức trang nghiêm của chư

Phật để tự trang nghiêm cho chính mình. Và ta là Thích Ca Như Lai, sẽ dùng vai công người đó. Vị này đi đến đâu, trời thần người quý rông thầy đều phải hướng theo vị đó mà lễ lạy, phải thành tâm chấp tay, cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán, dùng hoa hương, chuỗi ngọc, hương bột, hương đốt, hương xoa, lọng lụa, y phục, thực phẩm, kể cả trối các thứ kỹ nhạc và các thứ thượng hạng dâng cúng dường vị ấy. Chẳng những thế là đủ, mà hàng chư Thiên còn cần phải dùng các hương báu cõi trời mà rải cúng dường, đem tất cả các bảo vật cõi trời mà dâng cúng dường vị đó. Vì sao? Vì vị đó hoan hỷ phổ truyền pháp Diệu. Dù chỉ trong giây phút, nhưng nếu ai nghe mà liễu ngộ thì cũng đều được rớt ráo chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giảng luận

Đoạn này xin tóm gọn và nhấn mạnh thêm:

Đức Phật hỏi Bồ tát Dược Vương: “Sau khi Như Lai diệt độ thì ai sẽ thành Phật?” và cũng tự Đức Phật trả lời: “Sáu thành phần tu tập phổ truyền kinh Pháp Hoa sẽ thành Phật”.

Tu tập phổ truyền đầy đủ toàn bộ kinh thì quá tuyệt. Chỉ đọc - tụng - thọ trì - in chép - cúng dường và thuyết giải một câu, một chữ kinh Pháp Hoa cũng được thành Phật.

Hoặc dùng tất cả các phẩm lễ quý báu, hoặc chỉ dùng một món như hương hoa, kỹ nhạc để cúng dường kinh Pháp Hoa thì vị đó là Pháp sư kinh Pháp Hoa.

Hoặc chỉ chấp tay cung kính kinh Pháp Hoa thì vị đó sẽ được trời thần người quỷ rồng đều chiêm ngưỡng sùng kính như chư Phật.

Nói rộng ra vị nào trọn đời bằng đủ sáu cách tu tập, phổ truyền toàn bộ kinh Pháp Hoa thì vị đó đang dùng đức trang nghiêm của chư Phật để tự trang nghiêm cho chính mình. Trời thần người quỷ rồng xem và kính trọng vị đó như Bồ tát đã tự rời bỏ cảnh thanh tịnh để nhập đời mà phổ truyền kinh này vậy. Vị đó chính là sứ giả của Như Lai, do Như Lai giao phó việc phổ truyền kinh Pháp Hoa. Chẳng những chư Phật khắp mười phương đều hộ trì, mà chính Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng đã chính thức công bố: “Ta là Thích Ca Như Lai sẽ lấy y ca sa phủ lên thân người đó, dùng tay xoa đầu vị đó, dùng vai công vị đó”.

Tầm quan trọng như thế, cho nên trời thần người quỷ rồng chẳng những cung kính lễ lạy cúng dường là đủ, mà còn cần phải dùng phẩm lễ hương báu, vật báu của các cõi trời dâng cúng dường vị đó. Kể cả những ai nghe vị đó thuyết cũng đều được rất ráo đắc quả vị Phật vậy.

Đức Phật thuyết thơ kệ trùng tuyên lại nghĩa trên:

Nếu muốn trụ Phật đạo
 Thành tựu vô sư trí
 Phải luôn luôn cúng dường
 Người thọ trì Pháp Hoa
 Có ai muốn mau đặng
 Nhất thiết chủng trí huệ
 Nên thọ trì kinh này
 Và cúng dường người trì
 Nếu ai hay thọ trì
 Kinh Diệu Pháp Liên Hoa
 Vị ấy sứ giả Phật
 Xa rời nơi thanh tịnh
 Thương chúng nên sinh đây
 Phải biết người như thế
 Chỗ muốn sinh tự tại
 Ở nơi đời ác này

Rộng nói pháp Vô thượng
Hương hoa y báu trời
Dâng cúng dường vị đó
Ai thay Phật thọ trì
Mọi người nên kính lễ
Như kính lễ Như Lai
Y báu cùng vật thực
Dâng cúng dường vị đó
Để được nghe pháp Diệu
Sau ai thọ kinh này
Ấy sứ giả Như Lai
Do Như Lai phân nhiệm
Suốt kiếp chửi mắng Phật
Tội này không kể xiết
Nhưng lời báng Pháp sư
Tội nặng triệu lần hơn
Suốt kiếp cung kính “Ta”
Được vô lượng công đức
Một lời mừng Pháp sư
Công đức nhiều vạn bội
Suốt tám mươi ức kiếp
Cúng dường chư Như Lai
Bằng một cúng pháp Diệu
Suốt kiếp khen Như Lai

Bằng một khen pháp Diêu
Chốc lát nghe Pháp Hoa
Vui mừng đặng lợi lớn
Này Bồ tát Dược Vương!
Thả kính Như Lai thuyết
Pháp Hoa kinh đệ nhất
Pháp Diêu nơi kinh này
Pháp tuyệt vời siêu đẳng.

Giảng luận

Chúng ta hãy nhắm mắt lại một phút. Thở thật nhẹ một phút nữa để xả hết tất cả các chất âm tử nơi cơ thể của chính mình. Lại thêm một phút nữa, đóng kín cả sáu giác quan. Quên hết tất cả các tạp pháp. Pháp tạp lẫn pháp chơn. Sau ba phút, chúng ta tập trung tám thức về một ý, để chiêm nghiệm đoạn kinh Đức Phật nói với tám mươi nghìn vị mà lại phải trải qua câu tiếp vận của Bồ tát Dược Vương. Tám mươi nghìn vị đại sĩ là tám vạn vị Đại Bồ tát. Con số tám vạn, đây cũng lại là một bí pháp của Pháp Hoa kinh. Nói với tám mươi nghìn vị đại sĩ mà lại thọ ký cho những ai có đủ sáu tiêu chuẩn, hoặc từ một đến sáu tiêu chuẩn tu Pháp Hoa cũng đều được thọ ký thành Phật.

Sau khi chúng ta liễu thông phần nào về những bí pháp này rồi thì chúng ta mới chuyển sang nét thứ nhì, rằng tại sao Đức Phật lại tán thán sáu thành phần phổ truyền kinh Diệu Pháp Liên Hoa nhập đời như thế?

Trên khắp hoàn vũ nói chung, Việt Nam nói riêng, thêm Đạo tràng Diệu Pháp Liên Hoa này nói riêng, có biết bao nhiêu người đã và đang đọc - tụng - thọ trì - in chép - cúng dường và thuyết giải kinh Pháp Hoa? Vậy thì tất cả những người này đều là Pháp sư của Pháp Hoa kinh chứ còn gì nữa?

Không! Chúng ta đã lầm lẫn quá lớn rồi! Lầm lẫn là vì chúng ta quên mất chữ Diệu. Chúng ta đang đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường, thuyết giải, nhưng còn ở trong vòng pháp thô, hoặc có ai cao hơn một chút thì cũng chỉ mới đi vào pháp tế mà thôi, chứ chưa nhập vào cổng pháp vi thì làm gì có pháp Diệu!

Xin nói lại một lần nữa để chúng ta nhớ rõ khỏi lầm lẫn. Đức Phật tán thán, ngợi khen, trân trọng các vị Pháp sư của kinh Diệu Pháp Liên Hoa, chứ không phải ca ngợi, tán thán, thọ ký cho người đọc sách, hoặc thọ trì sách Pháp nhưng

chưa có Hoa. Sách Pháp khác xa với kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Pháp Diệu nhập đời chỉ có Pháp sư mới chuyển pháp. Đặc biệt và điều kiện tiên quyết của vị Pháp sư là cuộc sống nhập Diệu.

**Pháp chuyển người nên tên Diệu pháp
Người chuyển pháp đời gọi Pháp sư.**

Pháp “**Diệu hữu**” cùng một với pháp “**Chơn không**”, mà chơn không thì đồng Thực tướng. Khi nào chứng ngộ Thực tướng của các pháp, lúc bấy giờ mới tỏ ngộ rằng: Chẳng Chơn không, mà cũng chẳng Diệu hữu, chẳng Giải thoát, mà cũng chẳng Pháp sư. Còn bây giờ thì rất cần Pháp sư, pháp Diệu và rất tha thiết mong đợi Pháp sư chuyển pháp Diệu.

Cũng tin tưởng rằng cuối kỷ nguyên 21, lớp hậu học sẽ cống hiến cho Tổ quốc, cho non sông, cho quần chúng, cho thế giới nhân loại và muôn loài hàng ngàn, hàng vạn vị Pháp sư nhập đời chuyển pháp Diệu.

Kinh Pháp Hoa là tạng bí yếu của các kinh, cho nên rất khó hiểu, khó tin

Chính văn

3- Bấy giờ Đức Phật lại nói với Bồ tát Dược Vương rằng: “Như Lai đã thuyết, đang thuyết và sẽ thuyết nhiều vô lượng kinh điển. Nhưng trong hết thảy số kinh này thì chỉ có kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa là bộ kinh khó hiểu nhất, cho nên rất khó có nhiều người tin.

Này Bồ tát Dược Vương! Kinh Pháp Hoa này là tạng bí yếu của chư Phật, cho nên quý vị chớ nên “vọng trao”, phân bố cho những ai thiếu niềm tin. Bởi vì kinh đây là bộ kinh mà chư Phật đã giữ gìn từ xưa đến nay, chưa từng tuyên thuyết. Kể cả khi ta là Thích Ca Như Lai hiện đang còn tại thế, vậy mà cũng vẫn còn có nhiều kẻ oán ghét kinh này, huống gì là sau khi ta diệt độ.

Bồ tát Dược Vương nên biết! Sau khi ta là Thích Ca Như Lai diệt độ, nếu ai phát tâm đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường kinh này, hoặc vì người khác tuyên thuyết giải bày thì sẽ được ta là Thích Ca Như Lai dùng y ca sa phủ đắp lên thân người đó. Nhất là sẽ được chư Phật khắp mười phương đồng hộ trợ. Người đó sẽ đạt niềm tin lớn và chí

nguyện lớn, đầy đủ căn lành. Và phải nên biết rằng vị đó đang cùng chung ở với ta, được ta là Thích Ca Như Lai dùng tay xoa đầu.

Bồ tát Dược Vương cũng nên hiểu thêm rằng: “Bất kỳ nơi nào, chốn nào, hoặc có người đọc tụng, hoặc thuyết giải, hoặc in chép, hoặc có sẵn kinh Pháp Hoa thì nên dựng tháp bảy báu để tôn thờ, không cần phải có xá lợi mà tháp ấy vẫn linh thiêng.

Vì sao? Vì trong bộ kinh Pháp Hoa đã có đầy đủ toàn thân Như Lai rồi vậy! Lại còn cần phải dùng đủ các thứ quý như hương hoa, hương đốt, chuỗi ngọc, lọng lụa, tràng phan, kỷ nhạc, tán thán, cúng dường, cung kính, tôn trọng Bửu tháp. Nếu ai thấy được Bửu tháp này mà cung kính, lễ lạy, cúng dường thì vị đó đã gần đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi vậy!

Bồ tát Dược Vương! Có nhiều người tại gia, xuất gia đang hành đạo Bồ tát mà chưa nghe, hoặc chưa thấy, chưa đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường kinh Pháp Hoa này thì người đó chưa khéo biết tu hạnh Bồ tát vậy!

Nếu có người đặng nghe kinh điển này mới là hay khéo tu đạo Bồ tát. Ngược lại, nếu có ai đang tu cầu Phật đạo mà được thấy, hoặc được nghe kinh này, nghe xong tin hiểu, phát tâm thọ trì thì nên biết rằng vị này đang gần đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giảng luận

Đức Phật đã thuyết, đang thuyết và sẽ thuyết nhiều bộ kinh, nhưng tại sao Đức Phật lại xác quyết là chỉ có kinh Pháp Hoa là bộ kinh cao siêu đứng vào hàng đệ nhất so với các kinh khác?

Siêu tốt ở điểm nào? Ở điểm bao gồm cả Tiểu thừa, Đại thừa lẫn Tối thượng thừa ư? Hay là siêu việt ở điểm chỉ rõ thực tướng của các pháp? Hay là siêu việt ở chỗ có Đức Phật Đa Bửu hiện bửu tháp đến để làm nhân chứng? Hay là siêu việt ở chỗ nữ giới đắc ngộ kinh, được thành Phật ngay trước mặt đại chúng? Hay là siêu việt ở chỗ thành phần nhân sự được thọ ký tùy theo khả năng? Hay là siêu việt ở chỗ bao gồm hầu hết các pháp môn tu như thiền, tịnh, mật, hiển, duy thức, luật ...vân vân... Hay là siêu việt ở chỗ pháp Diệu nhập đời? Hay là siêu việt ở chỗ chỉ có Phật và Phật mới thấu suốt tất cả bí pháp của

bộ kinh, chứ hàng Bồ tát thì không làm sao liễu thông, thấu suốt toàn phần bộ kinh này?

Chúng ta đặt một triệu câu hỏi và giải đáp trọn vẹn đủ tất cả cũng vẫn không thể nào đúng toàn triệt phần siêu việt đệ nhất của bộ kinh Pháp Hoa. Nhưng dù sao chúng ta cũng không được quyền khoanh tay, ngồi nhìn, thờ ra, để mặc cho mọi bí pháp siêu việt đệ nhất của bộ kinh này luôn bị rơi vào chỗ bí mật hoàn toàn. Ta phát nguyện tu, phát nguyện luyện, phát nguyện mở rộng tâm bằng tâm Phật, nguyện bằng nguyện Phật thì nhất định một ngày nào đó, một kiếp nào đó, chúng ta nhất định sẽ vén lớp màn bí mật siêu đẳng thuộc chỗ đệ nhất pháp siêu đẳng này vậy!

Đoạn kinh này chia thành hai phần khác nhau:

a. Phần một: Đức Phật dạy Bồ tát Dược Vương rằng: “Kinh Pháp Hoa là tạng bí yếu của chư Phật, cho nên các vị không nên **“vọng trao”**, phân bố cho người thiếu niềm tin. Bởi vì chư Phật luôn luôn giữ gìn, chưa từng thuyết. Đức Phật lại còn nhấn mạnh: Ta là Thích Ca Như Lai, hiện

đang còn tại thế, vậy mà vẫn còn có nhiều kẻ oán ghét kinh, huống gì sau khi ta diệt độ”.

b. Phần hai: Đức Phật cũng dạy Bồ tát Dược Vương rằng: “Sau khi ta là Thích Ca Như Lai diệt độ, nếu có ai đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường và thuyết giải kinh này thì sẽ được ta là Thích Ca Như Lai dùng y ca sa phủ đắp lên người đó, được chư Phật khắp mười phương hộ trợ. Người đó sẽ đạt niềm tin lớn, chí nguyện lớn và đầy đủ căn lành. Vị đó đang cùng chung ở với ta là Thích Ca Như Lai và vị đó sẽ được Như Lai dùng tay xoa đầu.

Nơi nào có kinh Pháp Hoa là nơi đó có ta là Thích Ca Như Lai nơi đó.

Hai câu cùng một phẩm kinh nhưng lời dạy lại khác nhau. Câu một: Chớ nên vọng trao, phân bổ cho người thiếu niềm tin. Câu hai: Nếu có ai đọc, tụng, thọ trì, in chép và cúng dường, hoặc vì người khác tuyên thuyết giải bày thì được chư Phật đồng hộ trợ. Riêng ta là Thích Ca Như Lai dùng y ca sa phủ đắp lên thân, dùng tay xoa đầu, người ấy đang cùng chung ở với Như Lai.

Hãy tóm gọn mạch văn và đọc đi đọc lại rất nhiều lần, nhiều ngày tháng năm khi nào bằng

ngộ mới thôi. Lúc ngộ thì thấy rất dễ dàng, không còn thấy sự mâu thuẫn, không hề có sự thắc mắc. Còn đọc qua một vài lần rồi khởi sự nghi vấn, thắc mắc, rồi ấn định rằng Đức Phật dạy mâu thuẫn thì ta sẽ bị rơi vào chỗ ỨC ĐOÁN, SA ĐOẠ, bởi vì lời dạy chẳng hề mâu thuẫn.

- Câu một: Không được vọng trao.

- Câu hai: Hãy đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường, kể cả phổ thuyết.

Hai ý nghĩa của hai câu rất rõ ràng:

* Câu một: Chớ nên làm Giáo sư tham vọng đứng lên bục giảng dạy của trường Tiểu học mà phổ biến sách đại học trong khi mình chưa có trình độ Giáo sư.

* Câu hai: Hãy lo học cho giỏi, học đủ các phương pháp, khi nào được Hội đồng giám khảo trao áo, trao mũ và bổ nhiệm, lúc ấy mới được làm Giáo sư dạy sinh viên. Lúc đó mới có thể cùng ở chung, ăn chung mâm, ngồi chung chiếu với Ngài Viện trưởng Viện đại học và được hưởng chế độ lương bổng cấp giáo sư.

Bốn chữ **vọng động truyền trao** nó đã lột hết ý nghĩa của lời căn dặn. Vậy mà hậu thế còn

biết bao người chẳng những vọng động mà còn manh động, chưa nhập một tí gì về pháp Diệu, đã tự động tôn xưng mình là Pháp sư, truyền trao tâm ấn này, mật ấn khác. Kinh điển ghi rất rành mạch, tự vì hậu thế không tư duy thẩm sâu hầu thấy rõ sự mâu nhiệm của giáo pháp. Thấy chỗ nào hơi khó hiểu một chút đã vội tạo thành nghi tình, không chịu khó giải nghi, vậy thử hỏi làm sao thẩm nhập pháp Diệu?

Lưu ý: Truyền trao khác với thuyết giải. Thuyết giải cứ nói ai nghe hay không tùy họ, còn truyền trao mà là vọng động truyền trao bắt buộc người đối diện phải nhận thì chớ nên.

Ví như người đào giếng

Chính văn

Đức Phật bảo Bồ tát Dược Vương rằng: “Ví như có người khát nước, đào giếng tìm nước nơi gò cao. Lúc đầu chỉ thấy toàn đất khô, người ấy biết còn cách xa mạch nước. Gia công đào mãi, dần dần thấy đất ướt, rồi thấy bùn. Lúc ấy người đào giếng mới tin tưởng đã gần mạch nước.

Bồ tát hành đạo, ví như người đào giếng tìm nước. Lúc đầu nếu chưa được nghe, chưa được hiểu, chưa tu tập theo kinh Pháp Hoa thì vị Bồ tát đó còn cách đạo rất xa. Nếu được nghe, được hiểu và chuyên tu tập theo kinh này thì chắc chắn đã gần đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì sao? Vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Bồ tát tu đều ở nơi kinh này. Kinh này khai mở môn phương tiện, phơi bày tướng chơn thật. Tạng kinh pháp Diệu nhập đời này sâu xa, huyền nhiệm, khó có người liễu đạt đến đích. Nay Như Lai vì mục đích giáo hóa chúng sanh thành tựu Bồ tát nên mới chỉ bày.

Này Bồ tát Dược Vương ! Nếu có vị Bồ tát nào nghe kinh này mà kinh nghi sợ sệt thì vị ấy chỉ là hạng Bồ tát sơ phát tâm. Hoặc nếu có vị Thánh Thanh Văn nào nghe kinh Pháp Hoa này mà kinh nghi sợ sệt thì vị ấy là kẻ tăng thượng mạn.

Này Bồ tát Dược Vương ! Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có hàng thiện nam, tín nữ nào vì

hàng tứ chúng mà thuyết giải kinh Pháp Hoa này thì phải y theo phương thức nào?

- Phải vào nhà Như Lai.
- Phải mặc áo Như Lai.
- Phải ngồi tòa Như Lai.

Đủ ba yếu tố quan trọng này mới được thuyết giải kinh Diệu Pháp Liên Hoa hầu rộng độ cho hàng tứ chúng.

+ Nhà Như Lai là tâm từ bi rộng lớn đối với tất cả chúng sinh.

+ Áo Như Lai là ý nhẫn nhục nhu hòa.

+ Tòa Như Lai là thân trụ nơi pháp không

Hãy an trụ vào đây phát tâm tinh tấn, vì Bồ tát và hàng tứ chúng rộng thuyết giải kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Bồ tát Dược Vương! Nếu được như thế thì ta là Thích Ca Như Lai dù đang ở nơi các quốc độ khác, vẫn khiến các hóa nhân làm thính chúng, đến tham dự nghe vị đó thuyết giải kinh Pháp Hoa. Ta cũng khuyến cử hàng Tăng Ni và nam nữ Phật tử đến thính pháp. Tất cả thành phần “hóa chúng” này đến nghe, tin nhận, hộ trì, nhất là thuận hợp. Nếu

nơi nói pháp là chỗ xa vắng, ta sẽ sai khiến hàng trời thần quỷ rồng đến thính pháp và hộ trì. Dù ta là Thích Ca Như Lai đang ở các quốc độ khác, nhưng ta vẫn làm cho vị Pháp sư đó thấy rõ toàn thân ta. Hoặc vị Pháp sư đó rủ quên ý Diệu của kinh, ta sẽ trợ lực trí nhớ đầy đủ.

Đức Phật thuyết thơ kệ trùng tuyên lại nghĩa này:

Diệt trừ bệnh lưỡi biếng
Chỉ có Pháp Hoa kinh
Kinh này khó đặng nghe
Người tin nhận càng khó
Như người khát cần nước
Đào nước nơi gò cao
Chỉ gặp lớp đất khô
Biết mạch nước còn xa
Gắng đến đất ứt bùn
Tin rằng sắp gặp nước
Này Bồ tát Dược Vương
Người chưa nghe Pháp Hoa
Như gã đào đất khô
Còn cách xa Phật lắm
Nếu được nghe Pháp Hoa

Hiểu rõ pháp Thanh Văn
Kinh siêu đẳng bậc nhất
Nghe xong chiêm nghiệm liễu
Người này đang gần Phật
Ai muốn thuyết Pháp Hoa
Gồm ba điều tiên quyết:
Phải ở nhà Như Lai
Mặc áo của Như Lai
Và ngôi tòa Như Lai
Trụ giữa chúng chẳng sợ
Rộng thuyết giải kinh này
Đại tử bi làm nhà
Nhu hòa nhẫn nhục áo
Các pháp không làm tòa
Trụ nơi đây giảng pháp
Nếu lúc thuyết kinh này
Có kẻ ác mắng nhiếc
Dùng gậy đá đánh ném
Nhớ Phật nên nhẫn nhục
Như Lai từ cõi khác
Hiện sắc thân chói vàng
Hộ trì người thuyết pháp
Thuyết kinh độ chúng sanh
Khi Như Lai diệt độ

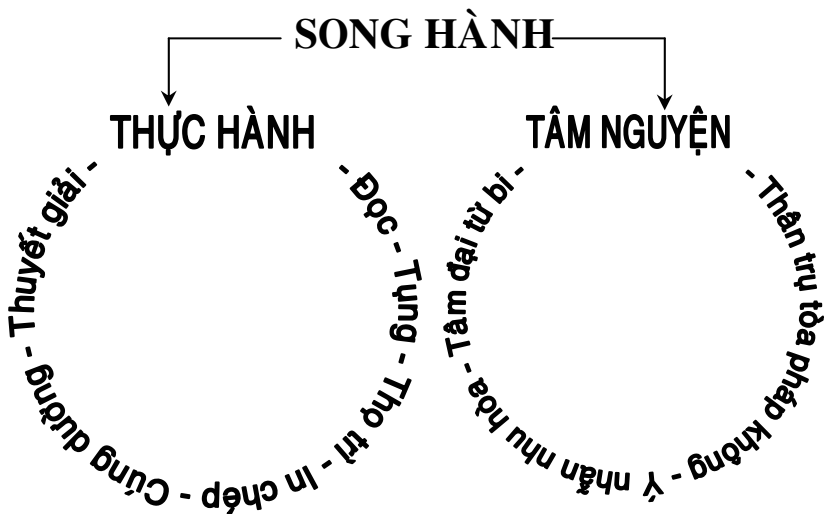
Nếu ai thuyết kinh này
Ta sai hóa tử chúng
Hộ trì vị Pháp sư
Dẫn dắt người nghe pháp
Nếu có kẻ ám hại
Như Lai khiến an lành
Nếu đạo tràng vắng vẻ
Ta khiến chúng ủng hộ
Nếu quên sót nghĩa kinh
Ta hộ trì thông thuộc
Ai đủ đức thuyết pháp
Sẽ thấy rõ thân ta
Nếu ở nơi vắng vẻ
Ta sai trời quý thần
Hiện làm chúng thính pháp
Phân giải không trở ngại
Nhờ chư Phật hộ trì
Hay khiến đại chúng mừng
Ai gần được Pháp sư
Mau đạt quả Bồ tát
Thuận theo thầy học pháp
Đặng thấy Hằng sa Phật.

Giảng luận

Nét này đã quá rõ ràng, vì nhờ câu chuyện người đào giếng. Chỉ có một điểm chắc có nhiều người thắc mắc rằng, tại sao mình cũng đã từng thực tu y như lời kinh dạy, mà sao chưa thấy Phật dùng tay xoa đầu, dùng y phủ đắp lên thân, chưa thấy toàn thân Đức Phật hiện?

Thắc mắc này hơi tham vọng quá mức, nên khỏi phải giải thích dài dòng, mà chỉ xin đặt ngược lại người thắc mắc một câu hỏi thôi.

Xin hỏi: “Bạn đã trụ nơi nhà Như Lai chưa? Mặc áo Như Lai chưa? Đã ngồi tòa Như Lai chưa? Nếu chưa thì hãy thực tập, thực luyện, thực tu, thực chứng. Nếu lúc đó không có thì thắc mắc cũng chẳng muộn.



Phần quan trọng cốt lõi của phẩm Pháp sư, không chỉ đơn thuần ở sáu phần thực hành đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường và thuyết giải kinh Pháp Hoa, mà cần phải song hành. Đời sống của hành giả kinh Pháp Hoa phải đúng tâm nguyện, tức là cuộc sống sáng chói bên trong. Một con người sáng nội tâm, có Phật chất. Tâm phải là tâm đại từ bi. Ý phải là ý nhẫn nhục nhu hòa. Thân phải là thân an trụ nơi các pháp không.

Mới đọc nửa phẩm Pháp sư, ai cũng nghĩ mình chính là Pháp sư, nhưng khi đọc, hoặc tụng đến phần kết phẩm kinh gặp đoạn:

Pháp sư kinh Pháp Hoa cần phải:

- Ở nhà Như Lai.
- Mặc áo Như Lai.
- Ngồi tòa Như Lai.
- + Nhà Như Lai tâm từ bi rộng lớn.
- + Áo Như Lai ý nhẫn nhục nhu hòa.
- + Tòa Như Lai thân an trụ nơi các pháp không.

Đến đây có người xếp kinh lại và thở ra, chán ngán, thốt lên rằng: “Vậy thì mình đành bỏ

cuộc. Nhà thế gian, áo thế gian, tòa ngòai thế gian mà mình còn chưa trọn vẹn hưởng chi nhà, áo và tòa ngòai đều là của Như Lai! Xin ai đó hãy bình tĩnh! Mở ròi từ mỗi ban đầu.

Đọc: Mỗi ngày đọc vài trang kinh Pháp Hoa. Ngày nào cũng đọc. Khi đọc hãy liên tưởng thương một vài người thân quen, hoặc loài vật mình nuôi, hoặc cây cảnh mình trồng.

Tụng: Qua một thời gian đọc hơi quen, lúc bấy giờ chuyển sang tụng. Tụng một vài trang, tụng có nghi thức. Mỗi ngày đều tụng, hoặc mỗi tuần. Tụng tối đa một phẩm. Thời gian tụng nên tập tánh nhin. Nhẫn nhin.

Thọ: Tụng một thời gian, lâu mau tùy hoàn cảnh và căn cơ mỗi người. Lúc bấy giờ thọ nhận một phương pháp, hoặc theo một câu kinh trong bộ kinh Pháp Hoa mà thực hành. Tập sống theo đức tính nhẫn nhục. Ai làm nhục mình mà mình vẫn chẳng thấy nhục. Thời kỳ này nhận giữ một câu, một chữ của kinh Pháp Hoa và sống đúng như lời kinh dạy.

Tri: Thời gian cuộc sống chẳng còn cố gắng nhẫn, cũng chẳng còn thấy có nhục, đó là thời gian đã đọc, đã tụng, hoặc vừa thọ nhận pháp

Diệu. Thời gian này là giai đoạn cam go nhất. Vượt qua thời kỳ này mới có thể tự tin mình trì được vài chữ trong toàn bộ kinh Pháp Hoa, chữ gì tùy mình. Thời kỳ này tập sống nhu nhuyễn để chuẩn bị chuyển sang nhu hòa.

Phần này thẩm sâu vào phẩm An Lạc Hạnh.

In chép: Hoặc in, hoặc chép. Mỗi ngày một vài hàng, một vài trang, hoặc nhiều trang. Nếu ai đủ điều kiện thì in, ấn tống một quyển, hoặc nhiều quyển. Thời kỳ tu tập in chép này, người tu kinh Pháp Hoa hòa mình vào với một câu, vài câu, một đoạn, hoặc một pháp Diệu nơi kinh Pháp Hoa.

Thời kỳ này mở tâm từ bi sâu rộng hơn thời kỳ mới tập tu. Sống giảm bớt tối đa sự phân biệt. In chép kể cả cúng dường chẳng hề kể công. Chẳng bao giờ nghĩ đến danh, hoặc đến tư lợi, chứ đừng bảo là kể.

Cung kính và cúng dường: Cung kính người tu trì kinh Pháp Hoa và cúng dường người thọ trì kinh Pháp Hoa. Cung kính và cúng dường thoáng qua là một, nhưng nó là hai sự việc khác nhau. Cung kính là tôn trọng, như trường hợp Bồ tát Thường Bất Khinh, còn cúng dường là thành tâm

dâng tịnh tài, tịnh vật, phẩm lễ hương hoa cúng dường người tu kinh Pháp Hoa.

Thuyết giải kinh Pháp Hoa: Thời kỳ này là thời kỳ hiểu các pháp là vô thường, vô ngã. Tướng các pháp vốn không, kể cả tánh cũng không.

Cung kính như thế mới là cúng kính. Cúng dường như vậy mới là cúng dường. Thân an trụ nơi tòa “**pháp không**” như thế mới thuyết giải kinh Pháp Hoa.

Thuyết giải kinh Pháp Hoa bằng tâm niệm

như thế mới là người chuyển pháp Diệu. Chuyển được pháp Diệu nhập đời. Làm được việc ích đời như thế mới là Pháp sư.

- + Ở nhà Như Lai.
- + Mặc áo Như Lai.
- + Ngồi tòa Như Lai.

Đó là ba nhu cầu cần thiết của vị Pháp sư thuyết giải kinh Pháp Hoa. Chẳng ai mới sinh đã liền đắc Thánh, phải kiên nhẫn tu luyện từng bước.

III.- TÓM KẾT

Ngoài đời, ai cũng có thể học, mà học thì nhất định phải biết chữ. Học đến đích tuyệt cao thì đạt trình độ viện sĩ, học giả, giáo sư, bác sĩ, đại công trình sư ...vân vân... Nhưng mà số học đâu có nhiều, đa số chỉ học nửa chừng đã nghỉ!

Còn về mặt đạo thì cũng có thể tu, cũng có thể luyện, mà tu luyện thì nhất định phải chứng đắc. Chứng đắc đến chỗ tối tôn là thành Phật. Nhưng thật khó quá! Phật dạy Ngài là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành. Vậy sẽ là chừng nào? Phải có vạch ra mức độ, chứ kết chung chung thì biết bao giờ thành?

Mức độ Đức Phật hướng dẫn nơi kinh Pháp Hoa, phẩm Pháp sư này là trước khi thành Phật phải thành Pháp sư. Không thành toàn phần Pháp sư thì thành nửa phần, nếu không thì một phần trăm, một phần ngàn, một phần trăm ngàn ... không được hay sao? Sáu cách không đạt thì một cách: đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường và thuyết giải khó quá không được thì đọc. Đọc một bộ không được, khó quá thì đọc một câu. Đọc một câu khó quá thì cung kính cúi đầu. Cúi đầu trước bàn thờ Phật, trước kinh Pháp Hoa nếu còn

khó quá thì cung kính cúi đầu trước người thọ trì đọc tụng kinh Pháp Hoa. Như vậy cũng khó nữa sao?

Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh gông cùm tội lỗi khó lắm, khó vô cùng, sao lại không chán ngán. Làm Pháp sư kinh Pháp Hoa được trời thần người quỷ rồng cung kính cúng dường, được Đức Phật dùng tay xoa đầu, dùng y ca sa đắp lên thân, dùng vai công mà lại không ham. Vậy thử hỏi ham Pháp Hoa ở chỗ nào?

Làm toàn phần Pháp sư, bán phần, thiếu phần Pháp sư chưa được thì thử tập đạt một phần nhỏ xíu Pháp sư có được không?

Tâm từ bi làm nhà

Sống nhẫn nhục làm áo

Các pháp không làm tòa ngồi.

Chưa mở rộng tâm từ để làm đủ cái nhà thì xin bố thí kẻ khác chút tình cảm để tạo từng viên gạch. Chưa sống nhẫn nhục nhu hòa để có toàn chiếc áo thì xin tập nhịn người khác một điều để làm sợi chỉ. Chưa sống theo các pháp đều không để làm tòa ngồi thì xin nhìn khoảng hư không minh mông kia là pháp không, để tạm làm cái đôn ngồi. Cả ba đều quá dễ dàng vậy mà cũng

chẳng được hay sao? Nếu thực sự như thế thì tệ quá, còn nói làm gì nữa!

Ai ai cũng có thể làm Pháp sư kinh Pháp Hoa với những điều kiện cần thiết đó là: Niềm tin chân chánh - Tâm thiện lành hoan ca - Sống cuộc sống ôn hòa - Phá chấp sự chật hẹp để hòa nhập rộng rãi bao la.

Rất mong ai đã từng đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường, thuyết giải kinh Pháp Hoa làm được cả sáu, hoặc chỉ được một, hoặc chỉ được một phần nhỏ tí, đều có công đức. Do công đức tuần tự trở thành Pháp sư của Pháp Hoa kinh. Nhất là những ai đủ nhân duyên đọc bộ kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa - Giảng luận. Đọc xong in sao viết chép truyền bá sâu rộng thì nhất định hiện đời hưởng phước đức và công đức của vị Pháp sư kinh Pháp Hoa.

Ngoài đời càng ngày càng văn minh tiến bộ, nhờ càng có nhiều bác học, học sĩ, viện sĩ, học giả, giáo sư, bác sĩ, kỹ sư ... Trong đạo càng lúc càng bùng, càng siêu việt, là nhờ có nhiều vị Pháp sư Pháp Hoa kinh. Toàn phần, bán phần, thiếu phần hoặc một phần tử của Pháp sư.

Đức Phật dạy nơi kinh Niết Bàn: Đời mạng pháp vẫn có những nơi hưng hiển chánh pháp. Vậy thì đây, tại quốc độ Việt Nam đang là thời kỳ chánh pháp đang hưng hiển.

Việt Nam như thể cái lều

Ngày sau các nước đâu đâu phục tùng

Kính lạy chư Phật mười phương độ trì cho chúng con. Kính lạy Đức Từ Phụ Bổn Sư Thích Ca Như Lai dùng vai cõng chúng con, dùng y phủ lên thân chúng con, dùng tay xoa đầu chúng con, nhất là những đứa con chịu học, chịu tu, chịu luyện, chịu thấm nhập vào kinh Pháp Hoa.

Cầu mong chư Thiên, chư Tiên, chư Thần, chư Thánh, chư Thiên Long Bát Bộ, phát tâm hộ độ cho những hành giả kinh Pháp Hoa, khiến cho kinh Pháp Hoa mỗi ngày mỗi phổ rộng truyền xa khắp nơi cõi Sa Bà, khắp các thế giới và trùng trùng pháp bao la.

Hồi hướng công đức này đến thảy các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm công đức. Xin kết thành Bồ đề quyến thuộc, kiếp kiếp đời đời đọc tụng, thọ trì, chứng đắc và hoằng dương kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh,
Pháp Hoa hội thượng Phật Bồ tát, Bồ tát Ma Ha
Tát, tác đại chứng minh.

Quy y Phật là trở về với tĩnh lặng
Quy y Pháp là trở về với an vui
Quy y Tăng là trở về với hòa hợp

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

19

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG LUẬN - Bài số 19

PHẨM HIỆN BỬU THÁP - Thứ mười một

- Tháp báu hiển hiện.
- Đại chúng muốn biết lai lịch Bửu tháp.
- Đức Phật Thích Ca nhóm chư Phật phân thân về cõi Sa Bà.
- Đức Phật Thích Ca khai mở Bửu tháp.
- Đức Phật Thích Ca thuyết thơ kệ trùng tuyên phẩm hiện Bửu tháp.

I - MỞ ĐỀ

Từ phẩm một đến phẩm mười kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa, cả phần chính văn lẫn thơ kệ đều nặng nghiêng về sự tướng, mặc dù lời nào Đức Phật cũng đều tướng tánh quyện lẫn, sự lý viên dung. Tuy vậy, từ phẩm mười một, Đức Phật bắt đầu nâng cao trình độ thính chúng. Vì nếu còn thấp như mười phẩm trước thì không thể nào hiểu sự hiển hiện tháp báu. Trong giới thức giả của chúng ta có người chưa liễu thông, nhưng lại viết bừa giảng bướng rằng, sự hiện Bửu tháp chỉ là tưởng tượng mà thôi! Nếu các vị thức giả ấy chịu nhìn khoa học phát minh, giới khoa học đang thiết lập trạm không gian, đưa hàng ngàn tấn

thếp ra khỏi bầu khí quyển để ráp thành bãi đáp cho các con tàu vũ trụ. Chưa đủ, họ còn dự định thiết lập một sân vận động ngoài quả đất, chuẩn bị đưa người lên thưởng thức bóng đá. Người phạm thuộc giới khoa học đã và đang làm được việc như thế, Đức Phật là đấng toàn chơn, chẳng lẽ không đưa được một Bửu tháp trụ giữa không trung hay sao? Nhận thức thấy tháp báu bằng “**Quán chiếu của Định**” chứ không bằng mắt thường của phạm tục.

Nếu hành giả Pháp Hoa vẫn còn chấp giữ hành trạng hiểu biết như thời gian tu tập từ phẩm một đến mười thì khó hiểu sự tụ tán của Đức Phật.

Hành giả Pháp Hoa nên đặc biệt chú tâm để hiểu chỗ Đức Phật nâng cao trình độ đại chúng, không phải bằng cách hạ thấp Bửu tháp ngang thính chúng, mà là dùng thần lực Như Lai đưa thính chúng lên ngang tầm nhìn Bửu tháp.

Những ai lật bộ kinh Pháp Hoa để đọc, hoặc tụng mà còn cố chấp trình độ hồi còn học Phật ở thời kỳ hiểu các pháp đều vô thường thì không thể nào liễu thông kinh Pháp Hoa. Bởi vì kinh Pháp Hoa đã đến trình độ Đại thừa, tức là đại

học, hoặc trên đại học, mà đã là trên đại học thì phải khác hơn lúc ban đầu. Khi còn thấp thì phải học cho nhuần, cho nhuyễn, cho liễu, cho thông rành các pháp là vô thường, nhưng khi lên cao thì phải vượt lên để hiểu: **Tướng thế gian vẫn còn**, tức là hữu thường và **Pháp trụ trên ngôi pháp** (Pháp trên pháp).

Pháp trụ trên ngôi pháp

Thế gian tướng vẫn còn

(phẩm Phương tiện)

Phẩm hiện Bửu tháp, Đức Phật Thích Ca nâng trình độ hành giả Pháp Hoa lên rất nhanh, nhanh như con tàu vũ trụ phóng vọt ra ngoài bầu khí quyển! Bất buộc con người phải bưng vỡ kiến thức, phải vượt khỏi vùng tư duy bằng ý, bằng thức. Vì đến đây hành giả Pháp Hoa đã bắt đầu lầm nhắm bốn chữ: “Bất khả tư nghì”. Làm sao tư và nghì được, khi tụng đọc đến đoạn kinh Đức Phật Thích Ca Mâu Ni triệu nhóm chư Phật do chính Ngài phân thân khắp mười phương cõi, nay vì có Bửu tháp của Đức Phật Đa Bửu Như Lai từ đất vọt lên, trụ lừng lơ cách xa mặt đất. Muốn mở cửa Bửu tháp, phải thêm một điều kiện là triệu nhóm chư Phật phân thân về. Tại sao vậy? Đây

cũng lại là vấn đề bất khả tư nghì. Không thể dùng ý thức phân biệt, mà phải bằng trình độ quán chiếu của vô thức. Bằng võ vấn đề bằng trình độ liễu tri, đến liễu ngộ của trí, của tuệ, chứ không còn ở thời kỳ ý, hoặc thức nữa!

Bắt đầu từ phẩm mười một, hành giả kinh Pháp Hoa đang từ từ bước vào hành trình thực tu, thực chứng, chứ không còn ở thời kỳ nghiên cứu lý và thuyết. Đó là chưa kể sự **“tu và chứng”** phải theo quy trình triệu nhóm toàn bộ Phật của chính mình phân thân nay về lại bốn gốc, mới mở được cánh cửa quá khứ. Phải vượt khỏi sự lẩn quẩn phàm tình. Nhất là đến đây có sự hiển hiện của quá khứ Phật, để làm nhân chứng cho pháp Diệu nhập đời, đây là sự minh chứng siêu đẳng nhất. Quá khứ Phật, mà là quá khứ Phật đầy đủ nhiều thứ báu, chứ không phải chỉ một thứ báu.

Khi đầy đủ điều kiện và cửa tháp báu Đa Bửu vừa mở thì tất cả hàng Bồ tát Thanh Văn, Duyên Giác, trời thần người quỷ rồng thủy đều thấy rõ Đức Đa Bửu Như Lai đang ngồi sẵn nơi tòa ngời trong tháp báu, một điểm đặc biệt mà mọi người không thể nào hiểu được, đó là Đức Đa Bửu Như Lai lại tự động chuyển dịch sang

nửa phần tòa ngồi và nhường nửa phần mời Đức Phật Thích Ca cùng ngồi. Việc tuy hết sức giản đơn, nhưng ý nghĩa quá to lớn. Phá vỡ tập tục khách chủ. Đây là bí pháp khách chủ chẳng hề hai.

Khi vào phần chính văn và giảng luận, đến đoạn này mong quý vị xếp kinh lại, khoan đọc tụng phần tiếp theo. Ăn phải chờ tiêu hóa, chứ không nên ăn nhồi nhét khi dạ dày không còn khả năng chứa đựng và tiêu hóa. Xếp sách kinh lại rồi làm gì nữa? Câu trả lời phải do bạn tự trả lời. Chẳng những trả lời, mà tuần tự làm nhiệm vụ khám phá và khai mở kho tàng tri thức của chính mình. Khi nào lóe chút ánh sáng hiểu phần nào, lúc ấy xin mời tiếp tục mở sách kinh Giảng luận ra đọc tụng.

II.- NỘI DUNG

Tháp báu hiển hiện

Chính văn

1- Lúc bấy giờ, phía trước Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có một tháp bảy báu, cao năm trăm do tuần, chu vi rộng hai trăm năm mươi do tuần, từ đất vọt lên, trụ giữa hư

không. Tháp được trang hoàng bằng đủ thứ báu, năm ngàn bao lớn, hàng vạn căn phòng, vô số tràng phan, trang sức treo phủ, chuỗi ngọc báu, chuông rung báu số nhiều hàng vạn. Bốn mặt tháp tỏa mùi hương gỗ chiên đàn, gỗ ly cấu thơm khắp thế giới. Phan lọng của tháp đều làm toàn bằng bảy thứ báu là vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, trân châu và mai khôi hợp thành. Tháp cao gần đặng trời Tứ Thiên Vương. Cõi trời Đao Lợi rưới hoa Mạn đà la cúng dường Bửu tháp.

Ngoài ra còn có muôn ngàn ức chúng Thiên Long Bát Bộ, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhưn, phi nhưn đem tất cả hoa, hương, chuỗi ngọc, phan lọng, kỹ nhạc cúng dường Bửu tháp và cung kính tôn trọng, tán thán.

Lúc ấy trong Bửu tháp có âm thanh lớn vọng ra, khen rằng: “Hay thay! Hay thay! Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn! Ngài hay dùng đại trí tuệ bình đẳng, vì đại chúng mà thuyết kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa, Giáo Bồ tát pháp, Phật sở hộ niệm. Đúng thế! Đúng thế!

Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn! Những lời mà Thế Tôn thuyết đều chơn thật.

Giảng luận

Qua thời thuyết giảng về công hạnh của những vị Pháp sư Pháp Hoa kinh thì hiện tượng lạ tháp báu hiển hiện nơi Pháp Hoa hội Linh Sơn xứ Ấn Độ.

- Tháp cấu tạo bằng bảy thứ báu (thất bảo).
- Chiều cao năm trăm do tuần.
- Chu vi hai trăm năm mươi do tuần.
- Từ đất vọt lên.
- Trụ lơ lửng giữa không trung.
- Tháp có hàng vạn phòng thờ.
- Năm ngàn bao lớn, tràng phan, chuỗi ngọc và chuông rung nhiều không thể tính đếm.
- Các mùi hương báu từ tháp tỏa ra.
- Tháp cao gần đến trời Tứ Thiên Vương.
- Từng trời Đao Lợi rưới hoa cúng dường.
- Các cõi trời khác và khắp thủy các nơi trời thần người quỷ rồng đều tụ về cúng dường tháp báu.

- Trong Bửu tháp có âm thanh vọng ra tán thán rằng: Đức Phật Thích Ca Như Lai đã dùng trí tuệ bình đẳng để thuyết kinh Pháp Hoa.

Mười mấy vấn đề đoạn kinh này đều vượt ngoài sự tư duy của ý và thức. Trước nhất chúng ta thẩm sâu vào chiều cao của Bửu tháp. Tháp cao gần đặng tầng trời Tứ Thiên Vương.

Tầng trời Tứ Thiên Vương nếu so với sáu tầng trời thuộc các cõi dục giới thì tầng trời này thấp nhất.

Tầng trời này do bốn vị Thiên Vương cai quản, nằm lưng chừng gần sát đỉnh núi Tu Di. Tầng trời này lại có một ngọn núi riêng tên là Kiên Đà La. Núi có bốn ngọn, mỗi vị Thiên Vương ở một ngọn để bảo hộ mỗi cõi thiên hạ, vì thế nên còn gọi các Ngài là Hộ Thế Tứ Thiên Vương.

- Ngài phía Đông tên là Trì Quốc Thiên Vương.
- Ngài phía Nam tên là Tăng Trưởng Thiên Vương
- Ngài phía Tây tên là Quảng Mục Thiên Vương.
- Ngài phía Bắc tên là Đa Văn Thiên Vương.

Kinh Trường A Hàm ghi rằng:

- Phía Đông: Đa La Tra Thiên Vương.

- Phía Nam: Tỳ Lưu Ly Thiên Vương.

- Phía Tây: Tỳ Lưu Bác Xoa Thiên Vương.

- Phía Bắc: Tỳ Sa Môn Thiên Vương.

+ Ngài Trì Quốc Thiên Vương, quản lĩnh Càn Thát Bà và thần tướng Tỳ Xá Xà. Bảo hộ người Phát Bà Đề.

+ Ngài Tăng Trưởng Thiên Vương, quản lĩnh Cưu Bàn Đồ và thần Tiết Lệ. Bảo hộ người Diêm Phù Đề.

+ Ngài Quảng Mục Thiên Vương, quản lĩnh các loài rồng ác và Phú Đơn Na. Bảo hộ người Ca Na Ni.

+ Ngài Đa Văn Thiên Vương, quản lĩnh tướng Dạ Xoa và La Sát. Bảo hộ người Tất Đàn Việt.

Bốn vị Thiên Vương này đều đặt dưới quyền chỉ đạo của Ngài Đế Thích Thiên Vương, từng trời Đao Lợi.

Vì tháp báu cao gần đặng từng trời Tứ Thiên Vương, nên từng trời này không rải hoa cúng dường được, nên phải nhường lại từng trời Đao Lợi.

Từng trời Đao Lợi:

Đao Lợi thiên là tầng trời thứ hai của sáu tầng trời thuộc các cõi dục giới. Tầng trời Đao Lợi do Ngài Đế Thích Thiên Vương thống lãnh, gồm ba mươi ba thiên thành nên còn gọi là Tam thập tam thiên (Phạn văn gọi là Trāyas trimsátdeva). Tầng trời này nằm trên chót đỉnh núi Tu Di, cách quả đất tám vạn do tuần. Quan dân tầng trời Đao Lợi sống thọ một ngàn năm. Một ngày đêm ở đó bằng một trăm năm ở quả đất. Thân hình các vị quan dân trời Đao Lợi cao một do tuần. Áo chỉ nặng một thù (chứa bằng 1gr bây giờ). Nơi Ngài Đế Thích Thiên Vương ở gọi là thành Hỷ Kiến, rộng tám vạn do tuần. Chung quanh núi Tu Di đều có các ngọn núi nhỏ bao bọc quanh đỉnh Tu Di, mỗi ngọn chiều cao năm trăm do tuần. Tháp báu cũng cao năm trăm do tuần. Lưu ý ẩn nghĩa bí pháp về con số năm trăm trùng hợp này.

Tháp báu cấu tạo bằng bảy thứ báu: Ngọc trân châu - Ngọc mai khôi - Ngọc lưu ly - Ngọc mã não - Xà cừ - Vàng và Bạc. Bảy thứ báu này cấu tạo thành Bửu tháp. Tháp cao năm trăm do tuần, ngang và rộng chu vi hai trăm năm mươi do tuần.

Chúng ta nhắm mắt lại tư duy trong vòng một phút. Cõi trần gian này chỉ vì chút ít vàng ngọc đã đưa đến cảnh mưu mô tranh giành hãm hại lẫn nhau rồi, làm gì đến tháp cao rộng như thế mà cấu tạo toàn bằng bảy thứ báu! Đây cũng là một ẩn nghĩa thuộc về bí pháp.

Do tuần : (Skt: Yojina) Do tuần còn gọi là “Du thiên na”, là số đo lường chiều dài ngày xưa của Ấn Độ không thể dễ hiểu! Một vị Đế Vương đi hành quân một ngày, tính là một do tuần. Vậy ai biết được vị Chuyển Luân Thánh Vương một ngày đi được bao nhiêu? Lại có nơi ghi một do tuần có 40 dặm. Hoặc chia nhỏ một do tuần có 8 Câu lư xá. Một Câu lư xá căn cứ âm thanh tiếng rống của một con trâu lớn. Một Câu lư xá chia xuống số nhỏ có 50 cung. Mỗi cung có 4 trửu. Mỗi trửu là 20 chỉ. Mỗi chỉ có 7 túc mạch. Tất cả con số vẫn còn khó hiểu, các nhà đo lường ngày nay đang nghiên cứu để hợp thức hệ thống đo lường xưa thành mét, thành ký lô mét, hầu giúp cho đàn hậu học dễ nắm bắt, dễ liễu thông, chứ để hệ thống ngày xưa thì càng giải thích càng rối thêm. Nào là Câu lưu xá, cung, trửu, chỉ, túc mạch, nghe nó rối rắm làm sao, kể cả đơn vị do tuần, hay là Du thiên na cũng đầy sự khúc mắc.

* Tháp từ đất vọt lên. Vậy trong đất, một ngọn tháp lớn như vậy nằm ở chỗ nào? Vì trong ruột quả đất nóng sôi thành nước sệt lỏng (dung nham). Câu này phải hiểu: “Tháp từ **phía dưới quả đất** vọt lên”.

Ngày nay khoa học mới chứng minh được sức hút của quả đất, chứ chưa chứng minh được sức hút của núi Tu Di. Ngày nào khoa học chứng minh được sức hút của núi Tu Di thì giới hành giả kinh Pháp Hoa mới liễu ngộ được việc tháp báu treo lơ lửng giữa không trung, là do sức hút của núi Tu Di. Nếu núi Tu Di không có sức hút thì mặt trời làm sao đứng vững giữa không trung nơi tầng thứ bảy của núi Tu Di? Tính từ dưới thấp lên thì núi Tu Di cao 28 tầng. Trời Đao Lợi ở sát đỉnh tầng thứ nhất của núi Tu Di.

* Kinh văn ghi tháp từ đất vọt lên. Vậy vọt cách nào? Như mọc măng, hay như cái nấm? Việc này phải mượn khoa học mới chứng minh dễ hiểu. Ta hãy liên tưởng việc tháp báu đến với quả đất, cũng như việc một con tàu vũ trụ của quả đất đáp vào một hành tinh ngoài quả đất, hoặc như đĩa bay của các hành tinh khác đáp vào quả đất. Hiểu khoa học, chúng ta mới liễu thông

vấn đề Bửu tháp. Còn bảo tháp dưới đất hay là trong lòng quả đất vụt lên thì dù cho có là Thánh cũng không tài nào hiểu nổi. Không lẽ Bửu tháp từ không trung xa xăm đáp theo kiểu thát lát xuống mặt đất rồi lạng ngược lên không trung?

* Tháp có hằng vạn căn phòng thờ, vì tháp báu cao gần đặng trời, cho nên có hằng vạn phòng đó là lẽ đương nhiên. Ngày nay ở Âu Mỹ có nhiều tòa nhà hai ba trăm tầng mà vẫn có hằng vạn phòng. Nhà chỉ cao chọc trời mà còn như thế, huống gì tháp gần đặng trời.

* Việc năm ngàn bao lớn. Con số năm ngàn thuộc về số ẩn mật, chúng ta chưa đủ trình độ để liễu thông.

* Kể cả chuỗi ngọc, chuông linh báu tràng phan cũng vậy!

* Mùi hương lạ từ tháp tỏa ra, đây là một trong những nét đặc biệt của những vị Cổ Phật, nếu tu mà không có mùi hương thì chúng ta chẳng ham tu! Tu để có hương. Hương do giới, do định, do tuệ. Hương ấy là chơn hương, nên mùi thơm mới tỏa rộng khắp mười phương.

* Vì tháp cao gần đặng trời Tứ Thiên Vương nên tầng trời này không thể rải hương hoa cúng

dường được, mà phải là tầng trời cao hơn, đó là tầng trời Đao Lợi mới có thể rải hoa cúng dường.

* Các tầng trời và các cõi quỷ thần, các cõi khác cũng hội tụ về dâng hoa, dâng nhạc cúng dường tháp báu.

* Đặc biệt là dù chưa mở cửa, nhưng trong tháp có tiếng vọng ra tán thán Đức Phật Thích Ca về việc phổ truyền kinh Pháp Hoa.

Các nhà bác học, khoa học, dùng vệ tinh đứng ngoài quả đất quan sát quả đất thì mới chính xác. Vệ tinh có thể quan sát chính xác ly nước của mình để trên sân thượng. Phẩm hiện Bửu tháp, Đức Phật nâng cao tầm kiến thức cho đại chúng tại Pháp Hoa hội Linh Sơn. Bởi vì ai muốn hưởng hương thơm không thể lặn mình sâu xuống bùn để thưởng thức, mà phải vượt khỏi ao bùn. Phải vượt khỏi kiến thức bình thường mới hưởng mùi hương của quá khứ Phật.

Một đoạn kinh ngắn mà Đức Phật đề cập đến mười mấy vấn đề, toàn khúc mắc, vượt ngoài kiến thức thế gian, dẫn thính chúng nhập tri kiến siêu thế gian, hầu mới liễu thông phần pháp Diệu nơi phẩm này và các phẩm kinh kế tiếp.

Đại chúng muốn biết lai lịch Bửu tháp Chính văn

2- Bấy giờ đại chúng thấy tháp báu lớn, trụ giữa hư không, lại nghe từ trong lòng Bửu tháp vang rõ tiếng nói, nên tất cả đều được niềm vui và ngạc nhiên vì gặp điều chưa từng có. Tất cả từ chỗ ngồi đứng lên cung kính chấp tay, đứng qua một bên.

Lúc ấy có Đại Bồ tát tên Đại Nhạo Thuyết hiểu tâm trạng thắc mắc của tất cả trời người quý thần nơi thế gian, nên đứng lên bạch Phật: “Bạch Đức Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà có tháp báu từ đất hiện lên, lại có tiếng nói từ tháp vang vọng ra”.

Lúc ấy Phật dạy Bồ tát Đại Nhạo Thuyết rằng: “Trong lòng Bửu tháp này có toàn thân Đức Đa Bửu Như Lai, bởi từ thuở quá khứ, cách ngàn vạn ức cõi nước ở phương Đông, có nước tên là Bửu Tịnh, trong nước ấy có Đức Phật hiệu là Đa Bửu, vị Phật này khi còn tu hạnh Bồ tát có phát đại nguyện rằng: “Nếu ta được thành Phật và sau khi diệt độ, ở khắp mười phương cõi nước, chỗ nào có thuyết

kinh Pháp Hoa thì tháp báu sẽ vụt hiện ngay phía trước để chứng minh và tán thán rằng: “Hay thay!”. Đức Phật đó thành Phật rồi, lúc sắp diệt độ ở trong đại chúng trời người mà dạy các Tỷ kheo rằng: “Sau khi ta diệt độ, muốn cúng dường toàn thân của ta thời nên dựng một tháp lớn”.

Đức Phật đó dùng sức nguyện thần thông, nơi nơi chỗ chỗ trong mười phương cõi nước, nếu chỗ nào có thuyết kinh Pháp Hoa, thời tháp báu đó đều hiện ra ở trước đạo tràng và toàn thân Đức Phật trong Bửu tháp khen rằng: “Hay thay! Hay thay! . . .”

Này Bồ tát Đại Nhạo Thuyết! Nay Bửu tháp Đức Phật Đa Bửu Như Lai vì nghe giảng kinh Pháp Hoa nên từ đất vụt hiện lên, mà khen ngợi: “Hay thay! Hay thay!... là vậy đó”.

Giảng luận

Đại chúng thấy tháp báu hiển hiện và trụ lơ lửng giữa không trung. Lại còn nghe âm thanh từ trong tháp vọng ra tán thán việc phổ thuyết kinh Pháp Hoa của Đức Phật Thích Ca. Tất cả đều khởi tâm hoan hỷ đứng lên chấp tay đợi chờ.

Lúc ấy Bồ tát Đại Nhạo Thuyết, thay mặt đại chúng đứng lên xin Đức Phật giải thích việc tháp báu hiển hiện và âm thanh tán thán vừa rồi.

Đức Phật Thích Ca cho biết bên trong Bửu tháp có vị Cổ Phật, hiệu là Đa Bửu Như Lai, từ nước Bửu Tịnh ở phương Đông đã vì lời phát nguyện, nên Ngài di chuyển Bửu tháp đến đây để tán thán ta là Thích Ca Như Lai, đã khéo biết tùy cơ mà phổ truyền kinh Pháp Hoa. Chẳng những tán thán việc thuyết kinh Pháp Hoa ở cõi Sa Bà, mà khắp cả mười phương, hễ nơi nào có phổ thuyết kinh Pháp Hoa là Đức Phật Đa Bửu Như Lai đều di chuyển Bửu tháp đến tận nơi đó, để tán

thán việc khó làm này.

Nếu chưa có niềm tin sâu thì không thể nào liễu thông đoạn kinh này. Vì một Đức Phật thời quá khứ, từ thuở lâu xa lắm và quốc độ cũng cách xa ngàn vạn ức triệu cõi nước, thuộc phương Đông, lại đến đây bằng phương tiện tháp báu và tán thán việc thuyết kinh Pháp Hoa của vị Giáo chủ cõi Sa Bà này.

Cách nay hơn ngàn năm, nếu thiếu sự “**thâm tín**” hoặc “**chứng đắc**” thì không thể nào liễu

thông, hoặc tin được. Nhưng ngày nay nhờ khoa học phát minh quá nhanh, việc con tàu vũ trụ vào các hành tinh, còn tại quả đất thì đĩa bay từ các hành tinh khác vào đây là chuyện bình thường. Nhờ vậy mà việc luận giải sự Bửu tháp hiển hiện để các hành giả Pháp Hoa hiểu là việc rất phổ thông, rất dễ hiểu và chắc chắn chẳng còn gì để thắc mắc, nếu có ai vô tình hoặc cố ý không hiểu thì người đó phước mỏng, nghiệp dày, nên cần phải tu theo pháp sám hối, khi nào mài mòn nghiệp chướng, mài mòn ý tôi, lúc bấy giờ mới liễu thông ý nghĩa về Bửu tháp hiện.

Đức Phật Thích Ca nhóm chư Phật phân thân về cõi Sa Bà

Chính văn

3- Lúc ấy, Bồ tát Đại Nhạo Thuyết nương thần lực của Phật mà bạch rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con muốn chiêm ngưỡng toàn thân Đức Đa Bửu Như Lai.

Đức Phật Thích Ca dạy: Này Bồ tát Đại Nhạo Thuyết! Đức Đa Bửu Như Lai có lời thệ nguyện sâu nặng rằng: “Khi tháp báu của ta vì nghe kinh Pháp Hoa mà hiện ra trước chư

Phật, nếu có Đức Phật nào muốn đem thân ta để chỉ bày cho hàng tứ chúng thì Đức Phật đó phải nhóm tất cả chư Phật do mình phân thân ra ở khắp mười phương, nay phải triệu nhóm về chỗ gốc. Được vậy thì sau đó toàn thân của ta mới hiển hiện”.

Này Bồ tát Đại Nhạo Thuyết! Chư Phật do ta là Thích Ca Như Lai phân thân ở khắp mười phương đang thuyết pháp, nay đang chuẩn bị nhóm họp về cõi Sa Bà.

Bồ tát Đại Nhạo Thuyết bạch Phật: “Chúng con cũng muốn được chiêm ngưỡng chư Phật do Đức Thế Tôn phân thân, để lễ lạy cúng dường”. Liên lúc ấy, Đức Phật Thích Ca phóng một đạo hào quang từ nơi lông trắng giữa chạn mày, đại chúng liền nương theo, thấy chư Phật khắp các cõi nước số đông nhiều hơn năm trăm ngàn vạn ức triệu lần số cát sông Hằng. Những cõi này ở phương Đông, mặt đất cõi này là ngọc pha lê, trang trí cũng bằng cây ngọc báu, các quốc độ đó có vô số ngàn vạn ức Bồ tát. Màn báu, lưới báu giăng khắp nơi. Chư Phật các cõi quốc độ đó sử dụng đại âm thanh tinh diệu

mà thuyết pháp. Vô số vị Bồ tát ở đầy khắp các quốc độ này, cũng vì chúng sanh mà thuyết pháp.

Các phương khác: Tây, Nam, Bắc, bốn hướng phụ lẫn hai phương trên dưới cũng thế. Tất cả đại chúng đều nương ánh sáng từ lòng trắng chạn mây của Đức Phật Thích Ca mà nhìn thấy như thế.

Lúc đó chư Phật ở mười phương do Đức Phật Thích Ca phân thân đều dạy hàng Bồ tát rằng: “Chư thiện nam tử! Ta nay cần đi đến thế giới Sa Bà, chỗ Đức Phật Thích Ca, cũng là để cúng dường tháp báu và cúng dường Đức Phật Đa Bửu Như Lai.

Lúc đó, cõi Sa Bà liền biến thành quốc độ thanh tịnh. Lưu ly thay mặt đất, cây ngọc trang hoàng, vàng ròng làm dây giăng chia tám đường. Không có thôn xóm, thành thị, biển, sông, suối, núi, rừng, bụi. Đốt hương báu quý, hoa Mạn đà la rải khắp mặt đất. Màn lưới báu giăng phủ, chuông rung báu treo khắp. Tất cả trời người nơi cõi Sa Bà dời đến quốc độ khác, chỉ lưu lại hội chúng đang nghe kinh Pháp Hoa.

Lúc ấy, mỗi Đức Phật phân thân đều đem theo một vị Đại Bồ tát để làm Thị giả. Khi đến thế giới Sa Bà, mỗi vị đều ngồi dưới gốc cây báu. Tất cả các cây báu đều cao năm trăm do tuần, cành, lá, hoa, trái đều thứ lớp xum xuê. Dưới gốc các cây báu đều có một tòa sư tử, chiều cao năm do tuần, cũng đều dùng các vật quý báu mà trang trí. Lúc ấy, mỗi Đức Phật đều ngồi kiết già trên tòa sư tử. Lầu lợt như vậy, tràn đầy cả một đại thiên thế giới mà chư Phật do Đức Phật Thích Ca phân thân chỉ một phương thôi cũng vẫn chưa hết.

Bấy giờ, Đức Thích Ca muốn đủ chỗ ngồi cho chư Phật do mình phân thân, nên cùng khắp cả tám phương đều mở rộng thêm hai trăm vạn ức trăm triệu cõi quốc độ nữa. Tất cả đều được thanh tịnh. Hết thủy không có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A Tu La, nhất là đã dời trời người đến các cõi quốc độ khác. Các cõi quốc độ mới hóa ra đó, cũng dùng ngọc lưu ly thay mặt đất, cây báu trang hoàng, cao năm trăm do tuần, cành lá bông trái thủy đều thứ lớp xum xuê.

Dưới mỗi gốc cây đều có tòa sư tử quý báu, cao năm do tuần, trang trí đủ các loại quý báu, lại cũng không có sông núi rừng biển cả, cùng núi Mục Chân Lân Đà, núi Đại Mục Chân Lân Đà, núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, núi Tu Di ... Tất cả các quốc độ này đều thông nhau thành cõi Phật. Mặt bằng là các thứ báu xen lẫn, màn báu phủ khắp, phan lọng trang hoàng, hương quý, hoa trời rải cùng khắp mặt phẳng ấy.

Lúc ấy, chư Phật phân thân tại phương Đông của Đức Thích Ca, ở khắp các cõi, số nhiều bằng số cát của ngàn vạn ức trăm triệu lần sông Hằng. Chư Phật phân thân đó ngưng thuyết pháp để hội nhóm về cõi Sa Bà. Thế là chư Phật ở cả mười phương cũng lần lượt đến hội nhóm về đầy đủ, ngồi ở khắp tám hướng.

Bấy giờ ở mọi phương có bốn trăm ngàn vạn ức triệu cõi quốc độ đều có chư Phật phân thân đều ngồi đầy đủ.

Lúc đó, Đức Phật nào cũng ngồi trên tòa sư tử dưới gốc cây báu, mỗi Đức Phật đều cử một vị Bồ tát Thị giả, đồng thời trao hoa báu

cho và dặn rằng: Này thiện nam tử! Hãy đến hội Linh Sơn, nơi Đức Thích Ca mà đạo đạt y như lời ta: “Thưa Đức Thế Tôn có được ít bệnh, ít não và có được mạnh khỏe an vui chăng? Chúng Bồ tát Thanh Văn thấy đều an ổn chăng?”.

Các vị hãy rải hoa báu này mà hiến cúng Đức Thích Ca Như Lai, rồi bạch rằng: “Thưa Đức Phật! Chúng con muốn cùng với Đức Phật Thích Ca Như Lai mở cửa Bửu tháp của Đức Phật Đa Bửu. Tất cả các Bồ tát Thị giả của chư Phật phân thân đến gặp Đức Phật Thích Ca Như Lai cũng đều tác bạch và dâng lễ cúng dường đúng phong cách như vậy”.

Giảng luận

Đoạn kinh này ý nghĩa lại quá thâm huyền. Bồ tát Đại Nhạo Thuyết, hiểu tâm trạng đại chúng đang muốn được thấy toàn thân vị Phật quá khứ, nên đến bạch xin và được Đức Thích Ca Như Lai dạy rằng, chưa có thể mở tháp để thấy rõ toàn thân Đức Phật quá khứ được. Vì nếu muốn được chiêm ngưỡng toàn thân Đức Phật quá khứ thì phải hoàn thành ba việc: Thứ nhất là Đức Phật Thích Ca phải mở rộng quốc độ, tức là

phải mở rộng cõi Sa Bà. Thứ hai là phải biến đổi cõi Sa Bà từ uế trước thành thanh tịnh. Thứ ba Đức Phật Thích Ca phải triệu nhóm chư Phật phân thân khắp mười phương về cõi Sa Bà. Thực hiện đủ ba dữ kiện này mới đủ điều kiện mở cửa Bửu tháp.

Khởi sự: Đức Thích Ca Như Lai, từ lòng trắng giữa chạn mây, phóng một luồng hào quang. Đại chúng nhìn theo thấy đông nhiều hơn năm trăm ngàn vạn ức triệu lần cát sông Hằng, cõi nước ở phương Đông đều sáng đẹp. Ngọc, pha lê thay mặt đất, cây cũng bằng ngọc báu, cùng các thứ quý báu khác dùng để trang hoàng cũng đều toàn là các thứ trân quý. Vô số ngàn vạn ức Bồ tát đầy cả quốc độ và tất cả chư Phật phân thân đều sử dụng âm thanh vi diệu mà thuyết pháp. Toàn thể Bồ tát cả cõi quốc độ ở phương Đông cũng đều thuyết pháp như thế. Các cõi quốc độ khắp chín phương khác cũng vậy.

Chư Phật phân thân khắp mười phương đều dạy hàng Bồ tát rằng chư Phật phân thân sắp hội nhóm về lại thế giới Sa Bà, nơi Đức Thích Ca vị Phật chính thân làm Giáo chủ để cúng dường Đức

Phật Thích Ca cùng cúng dường Đức Phật Đa Bửu Như Lai và tháp báu.

Đọc đoạn này nên chú ý:

- Đức Phật chính thân Thích Ca Như Lai.
- Chư Phật phân thân do Đức Thích Ca Như Lai phân ra hằng trăm ngàn vạn triệu tỷ Đức Phật khác.
- Cõi thế giới Sa Bà do Đức Phật Thích Ca làm Giáo chủ.
- Các cõi thế giới khác khắp mười phương do chư Phật phân thân làm Giáo chủ.
- Sa Bà uestrợc bỗng nhiên thành quốc độ thanh tịnh vì trời người đã được dời đi nơi khác.
- Mỗi Đức Phật phân thân khi quy hội về cõi Sa Bà đều đem theo một vị Bồ tát để làm Thị giả.
- Mỗi Đức Phật phân thân khi quy hội về cõi Sa Bà đều đem theo một tòa ngời bằng ngọc cao năm do tuần.
- Đức Phật Thích Ca Như Lai phải mở rộng cõi Sa Bà, để đủ chỗ triệu nhóm chư Phật phân thân.
- Số chư Phật phân thân muốn tính một phương thôi phải dùng nhiều gấp ngàn vạn ức

triệu tỷ lần số cát sông Hằng, tính một hạt cát là một cõi quốc độ. Nếu tính hết mười phương thì số quốc độ bao nhiêu? Nhiều lắm, nhiều không thể nào tính đếm hết, chỉ khái quát là mười phương có hàng bốn năm trăm ngàn vạn ức triệu tỷ quốc độ. Cõi quốc độ nhiều như thế, chư Phật phân thân lại còn nhiều hơn chẳng thể nào tính đếm.

Đoạn kinh này mà dùng kiến thức phàm tục suy luận thì chẳng hiểu gì cả, bởi vì lời kinh đã rõ ràng là đời trời người đi sang quốc độ khác, chỉ còn có chư Phật và chư Bồ tát thì mới mở cửa bửu tháp bảy báu. Chúng ta là người thì làm gì còn có mặt ở đây mà suy, mà luận.

Trình độ Bồ tát, mà Bồ tát đang tình trạng Quán chiếu của lúc đang nhập thiền định thì mới liễu tri việc di dời quốc độ và hội tụ chư Phật phân thân, kể cả chư Bồ tát Thị giả về.

Sự tán và tụ ở đoạn kinh này như sự tụ tán của nguyên tử, phân tử, hạt nhân, điện tử vậy!

Đức Phật Thích Ca khai mở Bửu tháp

Chính văn

4- Bấy giờ Đức Thích Ca Như Lai thấy các vị Phật của mình phân thân đều an tọa

nơi tòa sư tử và được biết chư Phật phân thân đều muốn cùng mở tháp báu, Đức Phật Thích Ca liền từ chỗ ngồi, đứng dậy trụ trên hư không, tất cả hàng bốn chúng đồng đứng dậy chấp tay, một lòng nhìn Phật. Khi ấy Đức Thích Ca Như Lai đưa ngón tay phải mở cửa tháp bảy báu. Tiếng vang lớn như tháo mở chốt cửa thành lớn và đại chúng đồng thấy Đức Đa Bửu Như Lai ngồi tòa sư tử, nơi tháp báu, toàn thân như đang thiên định. Cả đại chúng lại đồng được nghe Đức Phật Đa Bửu Như Lai nói rằng: “Hay thay! Hay thay! Đức Thích Ca Như Lai đương nhiên sẽ tuyên thuyết kinh Pháp Hoa, ta vì nghe kinh này mà đến đây”.

Bấy giờ hàng tứ chúng thấy Đức Đa Bửu Như Lai dù đã nhập diệt cách nay vô lượng ngàn vạn ức triệu kiếp, mà nay nói lời như thế để tán thán thì đây thật là việc hy hữu chưa từng có. Chư thiên đồng gom hoa báu cõi trời rải dâng cúng dường hai Đức Phật: Đức Đa Bửu Như Lai và Đức Thích Ca Như Lai.

Lúc đó, Đức Phật Đa Bửu Như Lai nhường nửa tòa mời Đức Thích Ca Như Lai cùng ngồi nơi Bửu tháp. Liền đó, Đức Thích Ca Như Lai bước vào Bửu tháp ngồi lên nửa tòa bửu tháp.

Lúc ấy đại chúng nhận thấy hai Đức Phật đang ngồi xếp bằng nơi tòa sư tử trong tháp bảy báu, đều thâm nghĩ: “Đức Như Lai cao xa quá! Xin Phật dùng sức thần thông làm cho chúng con được ở trên hư không”. Đáp ứng thỉnh cầu, Đức Thích Ca Như Lai dùng sức thần thông nâng cao đại chúng lên ngang tầm nhìn bửu tháp và dùng âm thanh lớn mà phổ diễn cùng đại chúng rằng: “Ai có thể ngay nơi cõi Sa Bà này mà rộng thuyết kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa thì nay chính là đúng thời. Ta là Thích Ca Như Lai không còn bao lâu nữa sẽ nhập Niết bàn, nên ta muốn có người để phó chúc kinh Pháp Hoa”.

Giảng luận

Đức Phật Thích Ca đứng lên dùng một ngón tay khai mở Bửu tháp, tiếng vang như tháo chốt cửa của một thành trì lớn. Nhờ vậy mà đại chúng được nhìn thấy Đức Phật Đa Bửu Như Lai.

* Đức Đa Bửu Như Lai tán thán

Đức Đa Bửu Như Lai tán thán Đức Phật Thích Ca Mâu Ni: “Hay thay! Hay thay! Đức Thích Ca Như Lai đương nhiên sẽ tuyên thuyết kinh Pháp Hoa, vì vậy nên ta là Đa Bửu Như Lai mới đến cõi Sa Bà để tán thán và nghe kinh này.

Liễu thông sự tụ tán của nguyên tử, điện tử thì mới có thể hiểu được sự tụ tán của chư Phật phân thân. Sự nhóm hội của chư Phật phân thân về đông đủ thì Đức Thích Ca Như Lai mới mở cửa Bửu tháp. Dù hiểu được sự “phân tán” của nguyên tử, nhưng chưa thực nghiệm được sự “hội tụ” những phân tử của nguyên tử thì cũng chưa dám thí nghiệm định lý nguyên tử.

Đức Phật Thích Ca phân thân được, nhưng nếu không nhóm hội được chư Phật phân thân thì làm sao đủ điều kiện để mở “cánh cửa quá khứ” để thấy được vị Phật quá khứ. Còn việc Đức Phật quá khứ tán thán Đức Phật hiện tại lại càng khúc mắc khó hiểu, nếu muốn hiểu phải mượn khoa học làm cầu nối với đạo học. Mượn khoa học chứng minh lời nói của Đức Phật nơi đoạn kinh này. Nhiều người quan niệm những việc đã qua là thuộc quá khứ không còn. Nhưng ngày nay các

nhà khoa học Úc châu đang chế máy, để quay được các trận đánh của Hai Bà Trưng, của Bô Na Pát, của Hoàng đế Quang Trung ...vân vân... Chẳng những chỉ quay lại hình, mà còn ghi được cả âm thanh. Nửa hoặc một vài kỷ nguyên nữa, loại máy này sẽ lưu hành sâu rộng. Lúc bấy giờ hành giả Pháp Hoa sẽ dễ liễu thông việc phân thân và triệu hội của Đức Phật Thích Ca. Trong giới đạo học đa phần khi gặp chỗ nào khúc mắc thì thường cho trôi qua hoặc đổ nghiêng nó thuộc mặt lý tánh, tức là nó thuộc về tư tưởng, trừu tượng, như việc phân thân và triệu nhóm của Đức Phật nơi đoạn kinh này. Trái lại giới khoa học thì lại không chịu bỏ qua và cũng chẳng chịu xô nghiêng qua cho lý tánh, mà lại đổ nghiêng về mặt sự tướng. Vì vậy giới khoa học về mặt sự tướng họ đã thành công, tức là thành công về mặt nguyên tử tán và tụ. Mặc dù chưa phân thân và triệu nhóm được như Đức Phật Thích Ca Như Lai, nhưng ngoài sự tụ tán nguyên tử thì giới khoa học còn triệu nhóm hàng trăm ngàn vạn ức người, hàng trăm triệu con ong con mối, hàng ngàn vạn tỷ con kiến, côn trùng, từ nơi một vùng đất rộng bao la tụ vào một mặt kính nhỏ của máy tivi. Khi muốn thay đổi trên mặt tivi, chỉ cần bấm một nút

thay đổi bằng tần. Ví dụ bằng tần đang ở số chín Đài truyền hình Thành phố, chỉ cần bấm nút bằng tần số một Đài truyền hình Việt Nam, tích tắc thay đổi cảnh quan một cách dễ dàng, như việc Đức Phật dời đổi cõi Sa Bà thành cõi thanh tịnh rộng rãi, đủ dung chứa đông người. Tán tụ đổi thay chỉ cần bấm nút.

*** Các cõi trời rải hoa cúng dường**

Muốn dễ hiểu việc này, xin mời bạn đến tham quan, hoặc ngồi yên lặng nghe người đã chứng kiến kể việc các nước văn minh tiên tiến, hằng ngày họ cho máy bay rải dầu thơm ở vùng đông dân cư, nhất là vùng thành phố. Tại Việt Nam vào thời chiến tranh thế kỷ hai mươi cũng được máy bay rải, nhưng không phải rải dầu thơm, mà là rải chất khai quang.

*** Đức Phật Đa Bửu Như Lai nhường tòa ngò**

Công thức này các vị nguyên thủ quốc gia thuộc thể chế dân chủ, hoặc một số nhà ngoại giao đại tài, đã áp dụng quy pháp này. Đó là khi tiếp khách, không còn phân biệt chủ khách như những nơi phong kiến thuở xa xưa. Phong kiến thì ghế vua ngò là ngai vàng, thêm nạm ngọc, cần

vàng, còn ghé khách ngồi thì bằng gỗ chỉ trải vải, hoặc gấm thêu là cùng.

*** Xin hạ thấp ngang tầm để được nhìn thấy Phật**

Tháp báu trụ lơ lửng trên cao, còn đại chúng thì vẫn ở sát mặt đất, nên mong cầu của đại chúng là tháp báu hạ thấp ngang tầm để được nhìn rõ hai Đức Phật. Nhưng Đức Thích Ca Như Lai lại dùng thần thông đưa đại chúng lên cao ngang tầm Bửu tháp.

Các nhà lãnh đạo giáo quyền, lẫn thế quyền, nên nghiên cứu và thẩm sâu đoạn kinh này, hầu nâng cao trình độ dân trí ngang tầm với các cấp lãnh đạo, nếu không dân trí sẽ bị tụt hậu thì các cấp lãnh đạo chỉ còn ở lơ lửng một mình trên chót vót mà thôi! Nâng cao dân trí bằng cách bình đẳng hưởng quyền nâng cao văn minh và được đi học. Con nhà nghèo không tiền đóng học phí thì trung học không có chứ đừng nói đến Tiến sĩ!

*** Đức Thích Ca Như Lai phổ quảng**

Ai có thể thay ta là Thích Ca Như Lai phổ thuyết kinh Pháp Hoa nơi cõi Sa Bà này! Bởi vì

ta sắp nhập Niết bàn, việc phổ truyền kinh Pháp Hoa thì Như Lai đang đợi người để phó chúc.

Khi mới thuyết kinh Pháp Hoa thì Đức Phật dạy kinh Pháp Hoa khó lắm, chỉ có Phật với Phật mới thông suốt pháp không tương, còn Bồ tát vẫn chưa hiểu trọn vẹn. Vậy mà khi vào gần nửa chừng của hội thuyết Pháp Hoa thì Đức Phật lại phổ quảng rằng: Ai có thể phổ truyền kinh Pháp Hoa, Như Lai sẽ phó chúc cho. Vậy thì ai sẽ được phó chúc, chờ phần kết các phẩm sau.

Loài người chẳng những ngàn xưa, mà mãi mãi ngàn sau, ít người chịu thấm nhập đoạn kinh này, cho nên dòng đời thường bị hụt hẫng vì thiếu thừa kế. Tại sao? Bởi vì lớp tiền nhiệm chẳng chịu truyền trao phó chúc. Lúc nào lớp tiền bối cũng nghĩ rằng mình tuyệt vời hơn lớp hậu sinh. Có nhiều vị giáo lãn thế quyền tuổi đã ngoài tám chín chục, thế mà vẫn lo tìm thuốc bồi dưỡng để sống lâu, hầu tiếp tục giữ vai trò lãnh đạo. Có nhiều vị kiêm nhiệm năm bảy chức, nhưng chẳng làm được việc nào cả, bởi vì đã làm sai định luật thiên nhiên. Có nhiều vị tiến bộ hơn, hoặc sợ miệng thế gian, sợ lịch sử lên án là tham quyền

cố vị, nên rút lui giữ vai trò Thái thượng hoàng nhưng vẫn phủ rèm nhiếp chính.

Mong rằng Pháp Hoa kinh đoạn này, thấm nhập vào những thành phần lãnh đạo thế quyền cũng như giáo quyền, để việc phó chúc truyền trao sớm giống như phương thức của Đức Phật Thích Ca Như Lai.

Đức Phật Thích Ca thuyết thơ kệ trùng tuyên phẩm hiện Bửu tháp

Chính văn

5- Đức Phật Đa Bửu
Diệt độ đã lâu
An nhập tháp báu
Còn vì pháp đến
Đại chúng tại sao
Chẳng hộ Pháp Hoa
Phật này nhập diệt
Trải vô lượng kiếp
Vẫn vì Pháp Hoa
Bởi pháp khó gặp
Bốn nguyện Phật này
Sau khi diệt độ
Nơi nào cũng đến

Vì nghe Pháp Hoa
Thích Ca phân thân
Vô lượng chư Phật
Như cát sông Hằng
Đều muốn nghe pháp
Thấy Phật diệt độ
Đa Bửu Như Lai
Nên bỏ cõi diêu
Cùng chúng đệ tử
Trời người thần rồng
Và việc cúng dường
Muốn pháp trụ lâu
Nên đã đến đây
Để đủ chỗ ngồi
Phật dùng thân thông
Dời trời người đi
Khiến cõi thanh tịnh
Mỗi mỗi vị Phật
Đều đến cây báu
Như sen thanh tịnh
Nơi ao trong sạch
Dưới mỗi cây báu
Có tòa sư tử
Phân thân tọa đó

Sáng rõ trang nghiêm
Như trong đêm tối
Đốt ngọn đèn lớn
Thân tỏa hương thơm
Thơm mười cõi nước
Chúng sanh được nhờ
Vui không xiết kể
Như ngọn gió lớn
Thổi lay nhánh nhỏ
Đức Phật Đa Bửu
Dùng phương tiện này
Để pháp dài lâu
Bảo cùng đại chúng
Ta diệt độ rồi
Phổ thuyết kinh này
Ai hay hộ trì
Nay trước Đức Phật
Tự nói lời thề
Phật Đa Bửu kia
Nhập diệt từ lâu
Vì bốn nguyện sâu
Vang âm sư tử
Đức Phật Đa Bửu
Cùng với thân ta

Và chư hóa Phật
Sẽ hiểu ý ấy
Này các thiện tín
Ai hay hộ pháp
Nên phát đại nguyện
Cho được dài lâu
Ai người hay hộ
Pháp của kinh này
Là đã cúng dường
Ta và Đa Bửu
Cổ Phật Đa Bửu
Tọa trong tháp báu
Thường đi mười phương
Chỉ vì Pháp Hoa
Cũng là cúng dường
Hóa Phật đến đây
Trang nghiêm sáng đẹp
Ở thế giới khác
Rõ nói kinh này
Là đã thấy ta
Cùng Phật Đa Bửu
Và các hóa Phật
Này các thiện tín
Phải nên nghĩ kỹ

Đây là việc khó
Nên phát đại nguyện
Các kinh điển khác
Như cát sông Hằng
Nói hết kinh đó
Chưa đủ là khó
Nếu nắm Tu Di
Ném đi các nơi
Trải nhiều cõi Phật
Cũng chưa thật khó
Nếu dùng ngón chân
Hất đại thiên giới
Rơi xa cõi khác
Cũng chưa phải khó
Trên đỉnh hiện hữu
Vì người diễn nói
Vô số kinh khác
Cũng chưa là khó
Sau khi Phật diệt
Trong đời ác trước
Nói được kinh này
Thì mới là khó
Ví như có người
Tay nắm hư không

Mà đi dạo chơi
Vẫn chưa là khó
Khi ta diệt độ
Kẻ tự chép kinh
Hoặc bảo người chép
Đó mới thật khó
Đem cả cõi đất
Để trên móng chân
Bay lên Phạm Thiên
Cũng chưa đủ khó
Phật diệt độ rồi
Trong đời ác trước
Đọc tụng kinh này
Đó mới là khó
Giá như lửa bùng
Mà gánh cỏ khô
Vào không bị cháy
Cũng chưa đủ khó
Ta diệt độ rồi
Trì tụng kinh này
Vì một người giảng
Đó mới là khó
Nếu trì tám muôn
Bốn ngàn pháp tạng

Mười hai bộ kinh
Vì người phở giảng
Làm cho kẻ nghe
Được sáu thần thông
Tùy được như thế
Vẫn chưa đủ khó
Sau ta diệt độ
Hiểu rành Pháp Hoa
Đó mới là khó
Như người nói pháp
Khiến ngàn vạn ức
Vô lượng vô số
Chúng sinh sông Hằng
Đắc quả La Hán
Gồm đủ lục thông
Tuy lợi ích nhiều
Cũng chưa phải khó
Sau ta diệt độ
Nếu hay phụng trì
Kinh điển này đây
Đó mới là khó
Ta vì Phật đạo
Ở vô lượng cõi
Từ xưa đến giờ

Rộng nói các kinh
Nhưng trong số đó
Kinh này đệ nhất
Kẻ nào trì được
Là gìn thân Phật
Này các thiện nam
Sau ta diệt độ
Ai hay thọ trì
Độc tụng kinh này
Nay trước Phật đây
Tự nói lời thề
Kinh này khó giữ
Có ai tạm trì
Là ta vui mừng
Chữ Phật cũng thế
Người nào như vậy
Được chữ Phật khen
Là bậc dũng mãnh
Đó là tinh tấn
Đó là trì giới
Tu hạnh đầu đà
Mau chóng đạt được
Phật đạo Vô thượng
Đời sau có thể

Đọc trì kinh này
Phật tử chơn chánh
Trụ ở đất lành
Phật diệt độ rồi
Hiểu được nghĩa kinh
Đó là mắt sáng
Trời, người, thế gian
Ở đời hãi sợ
Nói chút ít thôi
Hết thầy trời người
Đều phải cúng dường.

Giảng luận

Phần trùng tuyên nơi thơ kệ đã có ở phần chính văn và cũng đã giảng luận đại cương rồi, nên không lập lại. Đoạn luận giải này chỉ nêu thêm những nét mà chính văn chưa đề cập, chỉ ở phần thơ kệ Đức Phật mới nêu thêm vào đời có chín việc khó làm, nhưng chưa khó bằng thọ trì, phổ thuyết kinh Pháp Hoa. Trong chín việc khó này xin nêu ví dụ một việc thứ tám: Có người thọ trì tu luyện đủ tám vạn bốn ngàn pháp môn, học tu đủ mười hai bộ kinh, rồi thuyết giảng cho nhiều người nghe, khiến cho họ đều đắc sáu thần thông, chứng Thánh quả. Như thế vậy mà vẫn

chưa phải là việc khó. Sau khi Phật diệt độ, ai đọc tụng, hoặc thọ trì, hoặc in sao viết chép, hoặc cung kính, hoặc cúng dường, hoặc phổ thuyết kinh Pháp Hoa thì đây mới thật là việc rất khó. Ai làm được cả sáu công đức về Pháp Hoa thì người đó là người duy trì mạng mạch của đạo Phật, cho nên Đức Phật tán thán ngợi khen và khuyên mọi người nên hoan hỷ cúng dường những vị ấy.

III.- TÓM KẾT

Giới Tăng tín đồ Phật giáo, nếu là hàng thức giả thì khi đọc tụng phẩm hiện Bửu tháp, đa phần thường ứng dụng ý để trực diện với những vấn đề khúc mắc của phẩm kinh. Nếu là giới bình dân thì lại ứng dụng niềm tin mà chấp nhận. Hậu quả: giới thức giả thì đổ nghiêng phẩm kinh sang phần lý tánh, còn giới bình dân cũng đổ nghiêng về lý, nhưng lửng lơ nơi mặt tâm linh. Phải cả hai lý tánh và sự tương hòa một thì mới gọi là pháp Diệu nhập đời. Nếu chỉ nghiêng về một bên thì vô tình mình đã xén đôi pháp Diệu, như thế thì còn đâu pháp Diệu?

Nếu hiểu đúng lý sự bất nhị thì tu hành đắc pháp bất nhị, còn hiểu nghiêng về bên này, hay là bên kia thì tu hành sẽ đạt phân nửa, nào khác gì một cái bình pha lê bị bể đôi, nên nó trở thành vô dụng.

Chưa đắc pháp bất nhị thì mãi loay hoay trong sự cố chấp: “**Các pháp vô thường**”, chẳng biết bao giờ liễu thông để chứng đắc: “**Tướng thế gian vẫn thường**”.

Không thấu đạt, hoặc chứng đắc các pháp vẫn thường thì chẳng tài nào liễu thông được phẩm hiện Bửu tháp. Không thể nào liễu thông được quá khứ, hiện tại chẳng hề hai. Tán và tụ chẳng hề hai. Chủ và khách chẳng hề hai. Thấp và cao chẳng hề hai. Uế trước và trong sạch chẳng hề hai.

Nói tóm lại, nếu đọc tụng thọ trì phẩm kinh này mà vẫn chủ quan nghiêng về một bên như từ mới học Phật, nghĩa là chỉ hiểu nó thuộc về mặt lý, lưng quên về sự thì không thể nào liễu thông ý nghĩa về phẩm kinh. Không liễu thông trọn vẹn mà tự nhận mình là hành giả Pháp Hoa kinh thì chẳng khác nào cái bình bằng ngọc pha lê đã bị vỡ làm đôi kia vậy!

Nếu mà giới đạo học khẳng định Bửu tháp thuộc về lý trí, mọi vấn đề phân thân, triệu nhóm cũng thuộc về mặt lý trí tưởng tượng ...*vân vân*... Còn giới khoa học thì chỉ chuyên chú thẳng vào thực dụng, dù họ chưa đủ trình độ hiểu Bửu tháp cao năm trăm do tuần như Đức Phật Đa Bửu Như Lai, nhưng họ đã chứng minh được phương thức này. Họ cũng cho Bửu tháp vụt bằng cách phóng tàu vũ trụ vượt khỏi bầu khí quyển, để thám hiểm các hành tinh cách xa quả đất. Họ chưa đủ thần lực để phân thân chư Phật khắp mười phương, hoặc triệu nhóm chư Phật phân thân về cõi Sa Bà để mở Bửu tháp như Đức Phật Thích Ca Như Lai, nhưng họ đã thành công việc thu nhiều hình ảnh vào Đài truyền hình để phổ truyền rộng khắp mười phương, kể cả vấn đề thu hẹp trên mặt tivi, nhất là họ chưa đủ thần thông, phóng một luồng hào quang giữa chạn mây chiếu sáng đến các cõi ở phương Đông, cách xa quả đất hằng triệu do tuần như Đức Phật Thích Ca Như Lai, nhưng họ đã thành công đứng ở châu này nhìn vào viễn vọng kính, thấy sự sinh hoạt châu khác, hoặc qua vệ tinh từ ngoài quả đất thấy rõ sự việc nơi quả đất và các thiên thể xa xăm, hoặc thu hình từ bán

cầu bên Tây, chiếu về bán cầu bên Đông, hoặc ngược lại.

- Đạo học thấm sâu vào phần lý.
- Khoa học chứng minh rõ về phần sự.

Mong sao phẩm hiện Bửu tháp thuộc kinh Pháp Hoa, thấm nhập cả sự lẫn lý cho cả hai giới. Ngày nào đó rất gần, hai giới đạo học và khoa học, hợp tác nhau đạt thông pháp Diệu, hầu sớm áp dụng nền văn minh pháp Diệu, đem nền văn minh **Diệu** cống hiến cho dòng đời thì muôn loài vạn vật hưởng được lợi ích biết bao.

Kính lạy Đức Phật Đa Bửu Như Lai, kính lạy Đức Phật Thích Ca Như Lai, dùng thần thông nâng chúng con, giới khoa học lẫn giới đạo học lên ngang tầm để nhìn rõ pháp Diệu. Kính lạy chư Phật phân thân, chư vị Bồ tát, chư hiền Thánh Tăng hỗ trợ cho quả đất sớm đạt nền văn minh “**Bất nhị**”. Cầu mong chư Thiên Long Bát Bộ, hộ pháp, chư Thiên, chư Tiên, hộ thế Tứ Thiên Vương cùng chư Thần, chư Thánh hỗ trợ cho hai giới đạo học lẫn khoa học sớm liễu thông và sớm thành tựu phương thức “**Bất nhị**”, hầu giúp dòng đời đều tỏa ngát tuệ hương.

Hồi hướng tất cả công đức tu luyện đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường và phổ thuyết kinh Pháp Hoa đến các pháp giới chúng sanh đồng thành Phật đạo.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh,
Pháp Hoa hội thượng Phật Bồ tát, Bồ tát Ma Ha
Tát, tác đại chứng minh.

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giải luận

20

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa

**DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG LUẬN - Bài số 20**

PHẨM ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA - Thứ mười hai

- Tiền thân Đức Phật Thích Ca cầu pháp Diệu.
- Đối chiếu xưa và nay.
- Đức Phật thọ ký cho Đề Bà Đạt Đa.
- Công chúa cung rồng thành Phật.

I - MỞ ĐẦU

Sở dĩ Đức Phật và Đề Bà Đạt Đa phải diễn tuồng đóng vai thù nghịch, qua sự việc trò phản thầy, em hại anh là để có phẩm Đề Bà Đạt Đa, phẩm thứ 12 trong bộ kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa, bộ kinh quan trọng nhất của cuộc sống.

Định lý đương nhiên của dòng đời từ ngàn trước dẫn đến ngàn sau, bất cứ ở đâu hễ có âm là có dương, có chánh thì có tà, có thiện thì có ác, có thuận là có nghịch. Hàng thức giả và trí giả ai cũng đều phải lội qua dòng chảy thuận nghịch này. Nếu ai sợ nó thì an phận đành chịu hụp lặn nơi vũng bùn phàm phu tục tử. Không riêng hàng đệ tử Đức Phật, mà tất cả ai muốn ngoi khỏi vùng ô uế của dòng đời thì điều trước nhất là nên nắm vững quy tắc thuận nghịch đương nhiên là như thế, để khi trực diện nghịch cảnh khỏi ngỡ ngàng.

Phẩm Đề Bà Đạt Đa hệ thống hóa nguyên lý thuận và nghịch, bằng hai câu chuyện đơn giản hầu giúp loài người dễ hiểu, dễ nhớ và dễ tin để an ủi cho chính mình đủ sức tự chủ khi gặp nghịch cảnh, hoặc lúc gặp thuận duyên kịp nắm thời cơ thành tựu. Mặt khác phẩm kinh này là chìa khóa vàng của nữ giới. “Bình đẳng tánh trí”.

Nếu sự tương cũng bình đẳng thì xã hội không còn là xã hội. Có nhiều học thuyết chủ trương bình đẳng cả sự lẫn lý nên lập luận rằng tất cả đều dân chủ. Nhưng nên nhớ **dân chủ tự giác**, chứ không thể nào **dân chủ tự do**. Có người mới học một ít giáo thuyết đã tự đắc võ ngực rằng tôi chứng đắc nên không còn phân biệt. Vậy hãy thí nghiệm bằng cách: để một chén cơm, một chén đất đậy đĩa kín. Khi gỡ đĩa ra nếu gặp chén đất, lúc đó có phân biệt và có ăn không? Khi nào chứng A La Hán mới nói câu không còn phân biệt. Tối thiểu về mặt đời, phải là bác học, chế biến được máy móc tinh lọc các chất uế độc, lúc bấy giờ mới dám tuyên bố các pháp vốn chẳng dơ sạch. Cuộc sống vốn chẳng thể chỉ có thuận mà chẳng trộn pha cái nghịch.

Phẩm Đề Bà Đạt Đa, phẩm kinh hướng dẫn cho chúng sinh tu tập pháp môn thuận nghịch. Mong giới học Phật và giới thức giả chớ nên lướt trôi qua phẩm kinh này. Xin tóm gọn đại cương phẩm kinh thành tám câu:

Kẻ ác phá ta - như hoa gặp gió

Người lành giúp mình - nước tưới bông hoa

Chính việc Đề Bà hại Phật Thích Ca

**Đó là phương thức bông hoa gặp gió
Đức Văn Thù giúp công chúa cung rồng
Thì đó là đem nước tưới bông hoa
Gặp nghịch duyên truân chuyên không chán
Nghịch thuận song hành định lý đương nhiên**

Phật giáo có nhiều người trình độ còn sơ cơ, nhưng lại có duyên với kinh Pháp Hoa, nhưng tụng đến phẩm Đề Bà Đạt Đa thường không hiểu nên hoang mang, hoặc giận ghét Đề Bà Đạt Đa, đồng thời liên đới về cuộc sống chính mình, khi gặp nghịch rất oán hận những kẻ lừa thầy phản bạn, kẻ ham bả lợi danh tán tận lương tâm. Trái lại khi thuận thì nửa tin nửa nghi. Tại sao nàng công chúa cung rồng vừa là loài vật, vừa là con nít lại là nữ giới vậy mà chỉ nghe Đức Bồ tát Văn Thù truyền dạy kinh Pháp Hoa chỉ có một lần liền chứng đắc quả vị Như Lai. Càng đọc tụng càng nghi ngờ. Chớ nên nghi ngờ bỏ cuộc, trái lại nên chuyên cần đọc tụng, nên tư duy, nghiên ngẫm, bởi vì kinh Đại thừa là như vậy đó, không hề có khác hơn. Nếu tin thì tụng đọc, không tin thì thôi chứ không thể khác hơn, bởi vì như vậy, vì đây là lý ẩn mà trí hiện cho nên phải dùng trí soi lý chứ không thể suy nghĩ, bàn luận thường tình mà hiểu được. Đọc tụng, nghiên ngẫm, tư

duy đến độ hiểu **như vậy đó**, chúng ta mới bắt đầu áp dụng vào cuộc sống hằng ngày.

Đây là công thức, là pháp mật truyền chứ không thể luận bàn, mà phải tuyệt đối tin như vậy đó “Như thị pháp”.

Khi mở đầu bài này, chúng tôi đề cập là hai Ngài đóng kịch để có câu chuyện, hầu bổ túc cách sống cho loài người khi gặp nghịch cảnh. Ai gặp nghịch cảnh nên giải mở bằng hai câu:

**Hãy quên câu ân đền oán trả
Luôn nhớ câu oán trả bằng ân**

Tiền thân Đề Bà Đạt Đa khi còn là một vị Tiên, đã có pháp Đại thừa, truyền dạy cho một ông vua. Vị vua này bỏ ngôi theo học pháp Diệu đại thừa, nhờ đó sau này thành Phật. Vì vị vua nhận biết giáo pháp quý báu nên đã hầu hạ vị tiên tột mức, đem thân làm giường cho tiên nằm, phục vụ vị vua không thiếu sót chỗ nào. Còn Đề Bà Đạt Đa khi còn là vị tiên đã cao quý như vậy, đến đời này trải qua nhiều kiếp và đang làm vị Tỷ kheo mà lại theo hại Phật đến mức độ đó ư! Vậy nếu không gọi là đóng kịch thì gọi là gì cho dễ hiểu đây? Điểm đáng nghiên ngẫm về pháp tu phẩm kinh này là dù bị Đề Bà Đạt Đa hãm hại

như thế, nhưng Đức Phật chẳng hề trách móc oán giận, trái lại còn kể chuyện tiền thân của mình và của Đề Bà Đạt Đa, Đức Phật lại còn can đảm nhận lỗi là không tròn lời hứa, không hầu hạ suốt đời, mà chỉ mới vừa liễu ngộ pháp Diệu đã vội lén bỏ đi. Mỗi lời, mỗi câu nơi phẩm kinh là một bí pháp, nếu ai bước vào dòng đời mà hiểu và hành đúng những điểm then chốt này thì dấu đổi hàng tấn vàng cũng khó chuyển thay.

Trước khi vào nội dung của phẩm kinh, chúng tôi nêu thêm hai điểm không kém phần quan trọng của phần mở đề.

Thứ nhất: Suốt bốn mươi chín năm thuyết pháp độ sanh của Đức Phật thì loài người chưa có ai chứng đắc quả vị Phật, quả vị Bồ tát! Vậy mà loài rồng chẳng những công chúa cung rồng mới tám tuổi đắc quả vị Phật, mà hàng quan rồng, dân rồng đắc quả vị Bồ tát đông nhiều vô số, như thế là thế nào? Có phải đây là mật nghĩa, là bí pháp hay không?

Vấn đề thứ hai: Loài người sống nơi quả đất này, nơi nào phổ cập bình đẳng giữa nam và nữ trước nhất? Xin thưa: **Việt Nam**. Hai vị nữ Thánh Trưng, người đầu tiên của nhân loại dựng cờ khởi

nghĩa dẹp quân xâm lược, đem độc lập về cho Tổ quốc non sông và lên ngôi vua. Nam giới làm vua, nữ giới cũng làm vua. Nam giới yêu nước cứu nước thì nữ giới cũng yêu nước và cứu nước bình đẳng như nhau.

Hiện nay Việt Nam tụng đọc kinh Pháp Hoa quá đông, nhưng thọ trì và chứng đắc phẩm Đề Bà Đạt Đa thì còn quá khiêm tốn, bởi vì trong hàng bốn chúng đệ tử Phật, phần nữ giới vẫn chưa chứng đắc, tại vì còn có nhiều người ngần ngại, nghĩ mình là nữ, nhất là Ni giới.

**Giới luật bát kính pháp
Tu chứng vẫn như nhau
Chẳng trước cũng chẳng sau
Chẳng chướng ngăn hạ lạp.**

II.- NỘI DUNG

Tiền thân Đức Phật Thích Ca cầu pháp Diệu

Chính văn

1- Lúc bảy giờ, Đức Phật Thích Ca Như Lai truyền dạy cho hàng Bồ tát và đại chúng rằng:

“Như Lai từ vô lượng kiếp, về thuở quá khứ, hằng cầu pháp Diệu, chẳng hề mỗi một. Qua nhiều kiếp làm vua, hằng phát nguyện cầu đạo vô thượng Bồ đề, tâm chẳng hề thối chuyển. Vì tu pháp “Lục ba la mật” nên thường hành pháp bố thí rất ráo, tâm chẳng hối tiếc. Bố thí voi ngựa, thất bảo, quốc thành, thê tử, bạn bè, người hầu cận, kể cả đầu, mắt, tủy, não, thân, thịt, tay, chân, chẳng hề luyến tiếc.

Thuở đó, thọ mạng của quốc dân sống lâu vô lượng. Vua vì cầu pháp, nên từ bỏ ngôi, giao lại cho Thái tử. Đánh trống truyền rao khắp bốn phương: “Vua cần cầu giáo pháp. Ai có thể thuyết dạy pháp Đại thừa thì nhà vua sẽ trọn đời theo cung cấp hầu hạ”.

Khi đó có vị tiên nhân đến gặp vua thưa rằng: “Ta có kinh Đại thừa, tên là Diệu Pháp Liên Hoa, nếu đại vương không trái ý ta, ta sẽ vì đại vương mà truyền trao”.

Nhà vua vui mừng chấp nhận, theo vị tiên nhân để cầu học đạo. Hằng ngày nhà vua lo cung cấp vật thực cho tiên nhân, chăm lo củi nước rau quả, hầu hạ tiên nhân, đến dùng

thân mình làm giường ghế. Hầu hạ tiên nhân suốt cả ngàn năm chẳng hề thiếu sót và không hề xao lãng.

Đức Phật thuyết thơ kệ trùng tuyên lại nghĩa này:

Như Lai nhớ kiếp xưa
Vì cầu pháp Đại thừa
Đang ngự nơi ngôi báu
Chẳng ham vui ngũ dục
Đánh chuông rao bốn phương
Ai có pháp Đại thừa
Nếu vì ta giải nói
Vua nguyện xin hầu hạ
Bấy giờ tiên Trường Thọ
Đến thưa cùng Đại vương
Tiên có pháp nhiệm mầu
Trong đời ít ai có
Nếu vua chịu tuân hành
Tiên sẽ vì vua thuyết
Vua nghe tiên nói xong
Khởi tâm vui mừng lớn
Liên đi theo tiên như
Cung cấp đồ cần dùng
Nhặt củi và rau trái

Theo lời cung kính dâng
 Lòng ham pháp Đại thừa
 Thân tâm không mệt mỏi
 Nguyện vì khắp chúng sanh
 Siêng cầu pháp Diệu lớn
 Cũng chẳng vì thân mình
 Bỏ cả vui ngũ dục
 Nên dẫn ngôi vua lớn
 Vẫn cầu đắc Pháp Hoa
 Nhờ đó nay thành Phật
 Nay kể tất cả nghe.

Giảng luận

Đoạn thứ nhất phẩm Đề Bà Đạt Đa, Đức Phật kể lại chuyện một vị vua truyền ngôi cho thái tử, để theo một vị tiên tu học pháp Diệu Đại thừa. Vị vua đó ngày nay là Đức Phật Thích Ca, vị tiên xưa thì ngày nay là Đề Bà Đạt Đa.

Thời khoa học chưa phát minh và phương tiện truyền thông báo đài chưa phổ biến sâu rộng, nhất là tin tức các vị thần đồng năm bảy tuổi, mà thông minh ngang trình độ các giáo sư đại học, khắp thế giới nước nào cũng có thần đồng. Gần đây đài truyền hình Nha Trang Việt Nam đã loan tin tại tỉnh Khánh Hòa có em bé ba

tuổi mà trình độ giỏi toán như các vị giáo sư tiến sĩ.

Nhờ những tin tức cụ thể này mà câu chuyện tiền thân của Đức Phật và Đề Bà Đạt Đa rất dễ hiểu, dễ tin.

Cuộc sống của con người nó luôn vòng quanh, như quả đất với mặt trời. Ai được ngồi vào con tàu vũ trụ, vượt ra ngoài bầu khí quyển thì mới khỏi bị cảnh nhìn thấy sự vòng quanh. Nếu chưa ngồi vào con tàu vũ trụ và đang sống trong sự sống quay vòng tròn thì khi gặp những cảnh trái ngang, vay trả ta chớ nên ngạc nhiên, mà cần phải hiểu rõ rằng nợ nần vay trả do nghiệp chướng tạo ra của những kiếp trước.

Thông hiểu câu chuyện tiền thân của Đức Phật Thích Ca và Đề Bà Đạt Đa nơi phẩm kinh này thì khi gặp nghịch cảnh chúng ta không còn ngạc nhiên, trái lại vui lòng trả nghiệp, hoặc thành tâm sám hối và phát nguyện tinh tấn tu hành để có công đức mà hồi hướng về với món nợ nghiệp chướng đã do tiền kiếp gây nên.

Hành giả tu theo kinh Pháp Hoa nên chú ý là chẳng riêng phẩm Đề Bà Đạt Đa, mà là toàn bộ kinh, phẩm nào, câu nào, chữ nào cũng là pháp

Diệu, mà là pháp Diệu phải được hòa nhập vào cuộc sống, bởi vì tên bộ kinh này, sau hai chữ **pháp Diệu** lại còn thêm hai chữ **hoa Sen** (liên hoa). Bông sen thì không thể xa rời bùn, dù nhập bùn nhưng chẳng hề nhiễm hôi bùn. Nhập đời nhưng không bị đời đồng hóa để trở thành dơ bẩn.

Đối chiếu với đoạn kinh, mỗi chúng ta tự kiểm lại mình hiện có nợ nần nhiều kiếp nhiều đời hay không? Nếu ai cảm nhận mình mắc nợ nhiều kiếp trước thì hoan hỷ trả, hoặc sám hối xin bớt nợ, hoặc trì chú Bạt nhưt thiết nghiệp chướng căn bản, đắc sinh Tịnh độ Đà ra ni. Nghiệp chướng căn bản là nghiệp chướng đã mọc gốc đâm rễ: căn là rễ, bản là gốc ... để giải bớt nợ xưa, nhất là pháp môn hồi hướng là hiệu quả mau nhất. Có hoan hỷ trả nợ, hoặc xin bớt nợ và khởi trải “**ý từ, tâm bi**” để giải quyết mọi việc thì nghiệp chướng mới tiêu trừ.

Có nhiều vị đọc tụng đến phẩm kinh này thì nghĩ rằng: đây là phẩm kinh Đức Phật kể chuyện tiền thân của Phật để hàng Bồ tát nghe, chứ có liên quan gì đến mình! Chẳng những có liên quan, mà là cần thiết như gió thổi, như nước uống,

như cơm ăn vậy! Chẳng cần phải hiểu biết và áp dụng toàn phẩm kinh vào cuộc sống của mình, mà chỉ tu đúng đoạn tiền thân này là chúng ta đang thọ trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa rồi vậy.

Công đức của Đề Bà Đạt Đa

Chính văn

2- Đức Phật dạy đại chúng rằng: Vị vua thuở đó thì nay chính là “Ta”, còn vị tiên nhân kia nay chính là Đề Bà Đạt Đa. Do nhờ vị thiện trí thức Đề Bà Đạt Đa làm cho ta đầy đủ sáu pháp Ba la mật - Từ bi - Hỷ xả - Ba mươi hai tướng tốt - Tám mươi vẻ đẹp, sắc thân vàng chói - Đủ mười trí lực - Bốn pháp chẳng sợ hãi - Bốn pháp nhiếp phục - Mười tám pháp bất cộng - Thần thông đạo lực thành bậc chánh đẳng chánh giác. Tất cả công đức này đều do từ nhân duyên thiện trí thức Đề Bà Đạt Đa cả.

Giảng luận

Tiền thân Đề Bà Đạt Đa đã là một vị tiên có trình độ cao như thế, đã truyền trao cho một vị vua tức là tiền thân Đức Phật Thích Ca tâm pháp

siêu việt như thế thì vị tiên này thuở xưa là vị Đại Bồ tát cải dạng, nay là Đề Bà Đạt Đa. Vậy nếu không phải các Ngài đóng kịch để hoàn chỉnh pháp Diệu của một võ tồng pháp nghịch nơi kinh điển Đại thừa thì chúng ta gọi là gì cho dễ hiểu? Dựng và đóng vai nghịch cảnh, nghịch duyên thành kinh điển dễ dạy đời, đó là việc làm của chư Bồ tát.

Nếu là vị tiên thì làm gì thông suốt sáu pháp Ba la mật. Hiểu rộng Ba la mật là gì?

Có ba nghĩa chính:

- ① Cứu cánh.
- ② Đáo bỉ ngạn.
- ③ Vô cực.

* Y theo sáu pháp này tu hành độ mình rất ráo nên gọi là Cứu cánh.

* Nướng sáu pháp này tu hành rất ráo rời bỏ bờ trần tục, nhập Niết bàn, nên gọi là Đáo bỉ ngạn.

* Nhờ y theo sáu pháp này tu đến độ thông suốt cả sự lẫn lý đến chỗ rất ráo, đến chỗ dung thông, đến chỗ tự tại vô ngại, nên gọi là Vô cực.

Sáu pháp gồm những gì?

- ❶ Bồ thí.
- ❷ Trì giới.
- ❸ Tinh tấn.
- ❹ Nhẫn nhục.
- ❺ Thiền định.
- ❻ Trí tuệ.

Cả sáu pháp, pháp nào cũng đến cực điểm “Ba la mật” cả! Tức là rốt ráo cả!

Đại thừa nghĩa chương còn giải rằng: “Bồ tát phải thực hiện sáu pháp Ba la mật này, gọi là Lục độ Ba la mật, suốt sáu mươi vạn kiếp mới đắc quả thành Phật”.

Tiền trưởng, tức tiền thân ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA truyền dạy nhà vua, tức tiền thân ĐỨC PHẬT THÍCH CA mười hai pháp gì?

01. Sáu pháp Ba la mật.
02. Từ bi.
03. Hỷ xả.
04. Cách tu luyện đắc ba mươi hai tướng tốt.
05. Cách tu luyện đắc tám mươi vẻ đẹp.
06. Đủ mười trí lực.
07. Bốn pháp không sợ hãi.

08. Bốn pháp nhiếp phục.
09. Mười tám pháp bất cộng.
10. Thần thông.
11. Tự tại.
12. Pháp môn tu chứng đắc thành Phật rộng độ chúng sanh.

Khi tu học lên trình độ cao mới chi tiết từng pháp.

Đến đây có ai còn bảo người tu kinh Pháp Hoa không chấp nhận kinh Tiểu thừa. Vậy mười hai pháp tu này có phải ở kinh điển Tiểu thừa hay không? Sinh viên tuy học cao rộng nhưng không thể bỏ bốn phép cộng trừ nhân chia của Tiểu học.

Đức Phật thọ ký cho ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA

Chính văn

3- Đức Phật dạy hàng tứ chúng: “Qua vô lượng kiếp về sau, ông ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA sẽ được thành Phật, hiệu là Thiên Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Cõi nước đó tên là Thiên Đạo. Lúc đó

Đức Phật Thiên Vương độ đời hai mươi trung kiếp, rộng vì chúng sanh mà diễn thuyết pháp mầu. Số chúng sanh đông nhiều như số cát sông Hằng đều đắc quả A La Hán. Vô số chúng sanh phát tâm duyên giác và số chúng sanh đông nhiều như cát sông Hằng, phát tâm vô thượng đạo, đặng vô sanh pháp nhẫn, đến bậc bất thối chuyển.

Sau khi Đức Thiên Vương Như Lai nhập Niết bàn. Chánh pháp trụ lại đời cũng hai mươi trung kiếp. Toàn thân xá lợi dựng tháp bằng bảy báu, cao sáu mươi do tuần, ngang dọc bốn mươi do tuần. Cả hàng trời người đều đem hoa đẹp, hương bột, hương xoa, hương đốt, y phục, chuỗi ngọc, tràng phan, lọng báu, kỹ nhạc ca tụng lễ lạy cúng dường tháp bảy báu đó. Vô lượng chúng sanh đặng quả A La Hán, vô lượng chúng sanh ngộ Bích Chi Phật, không thể nghĩ bàn số chúng sanh phát tâm trí tuệ, đến bậc bất thối chuyển.

Giảng luận

Chúng sanh nào cũng có Phật tánh, chúng sanh nào cũng thành Phật. Đề Bà Đạt Đa đem

tâm độc ác hãm hại Đức Phật Thích Ca, nhưng sau khi rời địa ngục A Tỳ, trải qua vô lượng kiếp, chứng đắc quả vị Phật hiệu là Thiên Tướng Như Lai. Chỗ đáng chú ý là Đề Bà Đạt Đa rời địa ngục, trải qua vô lượng kiếp, trong số vô lượng kiếp này, dĩ nhiên là có nhiều kiếp tu thiện, mà tu thiện vun bồi nhiều công đức thì tánh Phật bừng khai, chứng đắc quả vị Phật - khác với chủ thuyết dù cho tạo nhiều tội lỗi, nhưng hối tội thì liền được sanh về trời. Thật là quá đơn giản, chẳng những chỉ sám tội một đời, mà phải sám tội trải qua nhiều đời nhiều kiếp.

Đức Phật Thiên Vương sống lâu đến hai mươi trung kiếp và khi nhập Niết bàn chánh pháp cũng trụ đời hai mươi trung kiếp. Lưu ý kéo dài lần giữa Phật trụ ở đời và chánh pháp trụ ở đời.

Khác ở chỗ sống thọ và chánh pháp trụ

Có những Đức Phật độ chúng sanh rất ít, nhưng ở đây Đức Thiên Vương Như Lai độ chúng sanh quá đông, nhiều như cát trên bờ sông Hằng. Trong số chúng sanh được độ đều chứng các quả vị Thánh Thanh Văn, Bích Chi và đặc vô sinh pháp nhẫn để rồi đến bậc bất thối chuyển.

Điểm thâm sâu của đoạn kinh thuộc phẩm này là thấy được cái tốt của Đề Bà Đạt Đa. Khai mở tánh Phật và sự thành Phật hết sức đặc biệt của Đề Bà Đạt Đa. Thế thái nhân tình thường cố chấp, người xấu ác thì tất cả đều xấu ác, người hiền đức thì tất cả hiền đức. Họ chưa ngộ được công thức trong cái này có cái kia, trong cái kia có cái này. Trong gió có nước, trong nước có gió. Trong những người cực ác, vẫn có nhất điểm lương tâm. Trong những bậc hiền triết vẫn có những điểm sai khuyết. Tất cả nếu mọi người chúng ta liễu ngộ được “**luận tương đối**” này thì xã hội đẹp biết bao nhiêu.

Hành giả Pháp Hoa nói riêng, hàng đệ tử Đức Phật nói chung, ai ai cũng liễu ngộ công thức nghịch cảnh của phẩm Đề Bà Đạt Đa thì sự hòa hợp, sự an vui, sự tĩnh lặng đã phủ trùm cõi trần tục này lâu rồi. Đức Phật Thích Ca chủ trương hòa hợp với người ác để rồi độ cho người ác. Hiểu Đề Bà Đạt Đa để thấy Đề Bà Đạt Đa thành Phật hiệu Thiên Vương Như Lai và đủ mười tôn hiệu.

Chính văn

Đức Phật dạy các Tỷ kheo: Về các đời sau, nếu có người thiện nam, tín nữ nào nghe kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Đề Bà Đạt Đa mà khởi tâm thanh tịnh kính tin, chẳng hề nghi ngờ thì chẳng đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và được sinh nơi chư Phật khắp mười phương. Người đó sinh ở những nơi thường được nghe kinh này. Nếu sinh vào cõi trời người thì hưởng mọi sự an vui rất thù thắng. Nếu sinh nơi có Phật thì từ hoa sen hóa sinh.

Giảng luận

Dù hàng ngàn vạn năm sau khi Phật nhập diệt mà có ai tin phẩm kinh này thì nhất định không còn đọa ba đường dữ, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh; trái lại còn được sinh ở những nơi có Phật, nhờ vậy mà thường được nghe kinh Pháp Hoa. Hoặc nếu có sanh ở các cõi trời thần và phi nhân thì thường hưởng được sự an vui rất thù thắng. Hoặc sanh từ cõi Phật thì từ hoa sen hóa sanh.

Tại sao nghe phẩm Đề Bà Đạt Đa rồi kính tin dù mới chỉ nghe tin chứ chưa thọ trì và phổ thuyết, cúng dường vậy mà đã đạt được công đức

thù thắng như vậy? Rất dễ hiểu! Vì trong phẩm Đề Bà Đạt Đa là công thức hóa giải tất cả mọi nghịch cảnh, nghịch duyên. Do đâu mà bị đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh? Vì độc ác, tham sân, si mê. Các món thuốc độc này giết chết lương tri con người, nên phải đọa tam đồ. Tại sao tin nghe phẩm Đề Bà Đạt Đa khỏi đọa tam đồ? Tại vì nghe và tin phẩm kinh này là đã trừ dứt được oán hận, không còn đem oán trả oán, trái lại tâm vui vẻ đem ân trả oán. Kể cả quên câu ân đền oán trả mà luôn nhớ câu oán trả bằng ân. Tin việc Đề Bà Đạt Đa trải qua vô lượng kiếp thành Phật Thiên Vương Như Lai thì trong tâm hồn mình thoả mái đối với mọi kẻ ác độc, bởi vì kẻ độc ác ấy trải qua vô lượng kiếp cũng thành Phật như Đề Bà Đạt Đa.

Bí pháp của phần một phẩm kinh là: **Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.** Thiện có Phật tánh tu hành thành Phật, ác biết bỏ ác tu hành cũng thành Phật như thiện. Lưu ý Đề Bà Đạt Đa trước khi thành Thiên Vương Như Lai thì ông vẫn theo luật nhân quả, vay trả, dù không ai đòi, nhưng chính quả ác của ông đã vùi ông vào địa

ngục A Tỳ, tự trả xong ăn năn sám hối tu thiện dần dần thành Phật.

Gặp thuận cảnh công chúa Rong thành Phật

Chính văn

4- Bấy giờ ở hạ phương có Bồ tát Trí Tích, vị Thị giả của Đức Phật Đa Bửu liền đến trình bạch thỉnh Phật Đa Bửu hỏi về bốn quốc. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy Bồ tát Trí Tích rằng: “Thiện nam tử, chờ giây lát sẽ có Bồ tát Văn Thù Sư Lợi về đây cùng đàm luận pháp mầu rồi sẽ hoàn về bốn độ”.

Giảng luận

Khách muốn già từ, chủ mời ở lại. Ở lại để làm gì? Để cùng đàm luận pháp mầu. Ai đàm luận pháp mầu với ai? Bồ tát Trí Tích đàm luận với Bồ tát Văn Thù.

Đoạn này nhắc cho hành giả Pháp Hoa chuẩn bị đón cuộc đàm luận rất thú vị giữa hai vị Bồ tát, hay nói rõ hơn là mỗi hành giả Pháp Hoa hãy chiếu sáng hai đức tánh Bồ tát của chính mình cho người khác học.

Nếu mỗi chúng ta ai muốn sống theo hạnh của Bồ tát Đại Trí Văn Thù thì nên tự soi rõ “**Lý ẩn mà trí hiện**”. Nếu ai muốn sống theo hạnh Bồ tát Trí Tích thì nên tự soi để thấy rõ “**Lý hiện mà trí ẩn**”. Nhưng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni muốn hành giả Pháp Hoa phải soi rọi thấy rõ cả hai. Trường hợp phẩm kinh Đề Bà Đạt Đa đoạn này thì Lý ẩn bên trong là đúng. Trường hợp này chỉ nên dùng trí mới thấy được lý vì lý ẩn tàng quá sâu thẳm. Chúng ta nghe Bồ tát Trí Tích đối thoại với Bồ tát Văn Thù rằng: “Ngài nói vô lý”. Bởi vì lý ẩn khó thấy chỉ có Bồ tát Văn Thù là bậc đại trí nên mới thấy được lý ẩn, còn Bồ tát Trí Tích thì tuy có trí, nhưng trí còn ẩn tàng tích tụ bên trong, cho nên chẳng những Ngài mà nhiều người chỉ nhìn thấy cái lý nổi bên ngoài. Khi nào chúng ta gặp trường hợp lý ẩn chúng ta chớ nên lớn tiếng nói là vô lý. Dòng đời xung đột nhau, có khi đi đến hãm hại nhau, nói rộng lớn hơn là chiến tranh tàn hại, cũng vì cái nhìn khi trí đang tích tụ tàng ẩn bên trong, còn đại trí thì chưa hiện bên ngoài, nên khó nhìn thấy cái lý đang ẩn sâu.

Trí còn đi đôi với thức nên vẫn chưa bừng vỡ sáng chói. Trí đến trình độ “**Tri**” cũng chưa thấy được lý ẩn. Khi nào đạt đến trình độ đại trí, tức là đại trí tuệ mới thấy rõ lý ẩn. Đó là chưa nói lý hợp lý nó thành gì? Lý cộng với sự nó thành gì? Lý cộng với tình nó thành gì? Như trường hợp mười ba chén chè của cô gái Hà Đông (tỉnh phía Bắc Việt Nam). Việc này nếu trí không cộng với tình mà phân xử thì đổ ai làm sáng tỏ được vấn đề. Câu chuyện mười hai ông quan huyện đều bị cách chức bởi vì không xử được, hai hàng chè, mỗi hàng bảy chén, tại sao chỉ còn mười ba? Như thế là chồng tôi ăn vụng một chén!

Đến ông huyện thứ mười ba nhờ biết kết hợp với bà huyện nên mới giải tỏa được bài toán khó. Hai hàng chè mỗi hàng bảy chén, đếm tổng cộng cả hai hàng là mười ba chén. Tại sao vậy? Thế mà quan huyện phán: “Vợ chồng anh chị thấy rõ hai hàng bảy là mười ba chưa, vậy có còn kiện nữa không?”. Hai vợ chồng nguyên và bị cáo nở nụ cười ra vẻ. Mấy năm sau, cặp vợ chồng kiện chè này gặp ông quan huyện về làng ăn cỗ, cha chồng cô này là chánh tổng. Chị vợ muốn trả ơn quan huyện đã quá thông minh, tìm ra đáp số cho

nên vợ chồng chị ấy khởi ly dị, ngày nay sanh con hạnh phúc. Nhưng cô gái Hà Đông này cũng không quên dí dỏm trách yêu ông quan huyện. Cô ta hát ru con để ông quan huyện nghe:

**À ơi! Trách rằng ông huyện Hà Đông
Xử vị lòng chồng hai bảy mười ba
Hai bảy mười ba vợ chồng ta mới có
Hai bảy mười bốn người ta thiếu gì!**

Thử tài thông minh của hành giả chúng tôi không giải rõ, tại sao hai hàng chèn mỗi hàng bảy chén, vậy mà hai hàng cộng lại đếm chỉ có mười ba chén, hỏi còn một chén nữa ở đâu? Ai giải được hai bảy mười ba, mới hiểu được “Luận tương đối”. Dù sờ sờ trước mắt nhưng rất khó nhìn thấy, cho nên mới bảo là lý ẩn.

Hai hàng song song thì mười bốn: $\left. \begin{array}{l} 7 \text{ -----} \\ 7 \text{ -----} \end{array} \right\} 14$
 còn hai hàng hình chữ L thì đếm $\begin{array}{c} \cdot \\ \cdot \\ \cdot \\ \cdot \\ \cdot \end{array}$
 mười ba, vì chén góc chữ L đếm hai lần. (chéng đếm 2 lần) $\rightarrow \begin{array}{c} \cdot \\ \cdot \\ \cdot \\ \cdot \end{array} \dots \dots$

Trường hợp công chúa RỒNG tám tuổi nghe kinh Pháp Hoa thành Phật, dẫn giải nơi phẩm này là lý ẩn.

Chính văn

Đồng lúc đó Ngài Văn Thù Sư Lợi ngồi hoa sen nghìn cánh, lớn như bánh xe chuyển luân vương, các vị Bồ tát cùng đi, đều ngồi hoa sen báu, từ biển lớn nơi cung rồng Ta Kiệt La, thản nhiên vượt mạnh khỏi mặt nước, trụ giữa không gian, rồi về Pháp Hoa hội Linh Sơn. Từ hoa sen bước xuống, đến trước Phật, đầu mặt lạy lên chân hai Đức Phật. Kính lễ xong, đến chào hỏi Bồ tát Trí Tích và ngồi qua một bên.

Ngài Trí Tích hỏi Bồ tát Văn Thù: Ngài đến cung rồng hóa độ chúng sinh được bao nhiêu?

Bồ tát Văn Thù đáp: Số đông vô lượng, chẳng thể tính hết. Chẳng dùng miệng nói, hoặc tâm suy lường được, chờ giây lát chúng ta sẽ tự chứng biết. Nói chưa dứt lời thì đã có vô số Bồ tát ngồi hoa sen báu từ biển vọt lên trụ giữa khoảng không và đến Pháp Hoa hội Linh Sơn. Các vị Bồ tát này do Bồ tát Văn Thù hóa độ. Các vị đầy đủ hạnh Bồ tát đều chứng đắc và luận giải sáu pháp tu rất ráo. Riêng phần các vị Thanh Văn từ trước nay trụ giữa khoảng không để thuyết giải hạnh Thanh

Văn, nay cũng tu hành “nghĩa không” của Đại thừa. Bồ tát Văn Thù nói tiếp: Ta giáo hóa ở nơi biển là như thế đó.

Liên lúc ấy Bồ tát Trí Tích thuyết kệ ngợi khen rằng:

Ngài Đại Trí dũng mãnh
Độ vô lượng chúng sanh
Nay cả hội lớn này
Và ta đều chứng thấy
Ngài diễn nghĩa “thực tướng”
Khai mở pháp Nhất thừa
Rộng độ các chúng sanh
Khiến mau đắc trí tuệ.

Giảng luận

Bồ tát Văn Thù là vị Đại Pháp sư của chư vị Bồ tát đã từ vô lượng xa xưa đến giờ, vậy mà sau khi thuyết kinh Pháp Hoa độ cung rộng, trở về Pháp Hoa hội Linh Sơn trước nhất là thực hành đúng lễ nghi tôn kính cấp trên mình, chẳng những lễ lạy đúng cách năm vóc sát đất, mà còn phải “Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ”. Nghĩa là đầu và mặt sát đất giáp giữa hai bàn chân của Phật. Ngày nay thời pháp suy nên trong lễ nghi Phật

giáo phương tiện biến chế rất nhiều. Chế giảm lạy đầu mặt và hai bàn tay không còn úp lên hai bàn chân của người mình lạy, mà còn rơi vào ngã mạn lạy. Những gì là năm vóc?

- Hai nửa cánh tay phía ngoài từ cùi chỏ đến bàn tay kể cả hai bàn tay lật úp sát đất.

- Hai đầu gối sát đất.

- Và đầu mặt sát đất.

Sự lạy sai cung cách, vi tuyên luật sư không chịu quả trách những hạng người ngã mạn lạy. Thế nào là ngã mạn lạy? Lạy mà năm vóc không sát đất đó là ngã mạn lạy, như việc lạy hai bàn tay để giữa có thuộc ngã mạn lạy hay không? Lạy như thế chỉ có ba vóc chứ không đủ năm vóc. Ngoài hạng cống cao ngã mạn lạy lại còn có một số vị đạo đức chân chánh lại không chịu ngồi nhận sự lễ lạy để đúng giáo pháp như kinh này đã dạy. Việc này có hai. Một những bậc chân đức sợ miệng đời lên án mình còn phong kiến vua quan, ngồi nhận người khác lễ lạy. Hai có những người ngụy đạo đức, giả thầy tu cho nên không dám nhận sự lễ lạy.

Hành giả Pháp Hoa thực hành theo lời dạy lạy đúng pháp của kinh thì nên noi gương Bồ tát Văn Thù mà thành kính lễ lạy những bậc đáng lễ lạy. Lạy người đáng lạy và không lạy những kẻ không đáng lạy. Khi lạy phải lạy đúng cách. Riêng các bậc tôn đức nên vì sự hiển hưng chánh pháp mà chịu thọ nhận sự lễ lạy của những người tâm đạo, họ cần cầu lạy người đức độ để tu cầu phước đức.

Trong văn kinh chúng ta chẳng những chú ý từng câu từng chữ mà cần phải quán suốt từng cử chỉ từng hành động. Bồ tát Văn Thù lễ lạy hai Đức Phật xong mới đến chào hỏi Bồ tát Trí Tích. Chào hỏi xong bước qua ngòi một bên. Có người nói, việc đơn giản như thế cần gì phải học nơi kinh Pháp Hoa. Chính đơn giản mà giới thức giả thường phạm phải sai khuyết.

Phật là lớn không ngoài mà nhỏ không trong. Hàng đệ tử Đức Phật không phân biệt xuất gia hay tại gia, chớ nghĩ những việc nhỏ nhặt là không quan trọng.

Kinh Pháp Hoa là kinh nhập đời, bất cứ việc gì ở đời đều dạy rõ nơi kinh Pháp Hoa. Hành giả Pháp Hoa nên chú ý lưu tâm thực hành theo từng

sự việc, nói rộng hơn là từng câu, từng chữ và toàn văn cả bộ kinh.

Ngồi qua một bên: Ăn xem nôi, ngồi xem hưởng. Nôi nhỏ người đông, đã vét khô cạn đến cơm cháy, vậy mà còn đưa bát đòi bởi thêm cơm.

Bồ tát Văn Thù chào hỏi Bồ tát Trí Tích xong, liền qua ngồi một phía, bởi vì chính giữa đó có hai Đức Phật ngồi nhìn ra, vậy không lẽ Đức Văn Thù ngồi ngay trước mặt thì còn gì là Bồ tát Văn Thù. Vậy mà ở đời cũng lắm kẻ vô ý luôn vi phạm cách ngồi, nên kinh văn mới chép thêm câu này hầu lưu truyền giúp hành giả thực hành đúng oai nghi tế hạnh.

Bồ tát Trí Tích hỏi:

Trí ở sâu (tích lũy) như cầm đèn từ trong nhà rọi ra ngoài sân, nên chỉ lấy lý phơi bày, chứ làm sao thấy được lý ẩn sâu. Muốn thấy rõ lý ẩn sâu phải rọi đèn từ ngoài vào mới thấy rõ.

Đã là Bồ tát, mà là Bồ tát Thị giả một Đức Phật thì làm gì không biết Bồ tát Văn Thù vừa rồi độ cung rộng được bao nhiêu, cần gì phải đặt câu hỏi! Không phải là hỏi thừa, không phải Bồ tát hỏi Bồ tát, mà các Ngài nhắc khéo chúng ta,

những ai muốn mở đầu câu chuyện. Bồ tát Trí Tích đang ở tại Pháp Hoa hội Linh Sơn, còn Bồ tát Văn Thù thì từ xa mới về. Người ở nhà hỏi trước thì đó cũng là cách mở đầu để khỏi phải rơi vào tình trạng bỡ ngỡ cho cả hai. Tiên chủ hậu khách. Chủ là người ở nhà, khách là người đi xa mới về.

Bồ tát Văn Thù trả lời: Nếu trả lời bằng con số thì nó tầm thường. Trả lời số đông nhiều vô lượng không thể tính đếm hết, không thể dùng miệng, thậm chí không thể dùng tâm suy lường được. Đến đây đủ chưa? Chưa đủ! Mới một vế thứ nhất. Vế thứ hai: Chờ giây lát quý vị sẽ chứng biết. Thật là tuyệt vời! Vừa trọn vẹn ý nghĩa mà cũng vừa chấm dứt câu chuyện vấn đáp. Chờ xem, vì trăm nghe không bằng một thấy.

Tiếp theo: Nói chưa dứt thì vô số vị Bồ tát ngồi hoa sen từ biển vọt lên, bằng thần thông, thẳng đến Pháp hội. Như vậy là vô số rồng thành vô lượng Bồ tát. Công đức này của ai? Của Bồ tát Văn Thù thuyết kinh Pháp Hoa độ cung rồng Ta Kiệt La! Không phải chỉ riêng loài người mới đắc quả vị Bồ tát mà rồng cũng đắc đầy đủ hạnh Bồ

tát, chứng đắc và luận giải sáu pháp tu rốt ráo (Ba la mật). Chứng đắc thành quả vị Bồ tát của vô lượng vô biên vị rồng mà hàng Thánh Thanh Văn từ trước đến nay vẫn trụ giữa khoảng không để thuyết pháp Tam thừa, nay cũng tu hành theo nghĩa “Không tướng” thuộc kinh Pháp Hoa của Đại thừa.

Câu tóm của Bồ tát Văn Thù với ý nghĩa sâu mầu:

Ta giáo hóa chúng sanh ở nơi biển là như thế đó! Vừa ngắn gọn, vừa xác quyết, vừa trí mà lại vừa hùng. Cái hay của Bồ tát Trí Tích là dù đã lãnh hội được mọi việc rõ ràng, đúng ra trả lời, nhưng không! Ngài chỉ tuyên xưng thơ kệ để tán thán công đức của Bồ tát Văn Thù.

Trong tám câu thơ kệ này đặc biệt có hai câu:

**Ngài diễn nghĩa “thực tướng”
Khai mở pháp Nhất thừa**

Không tướng tức đồng với thực tướng. Tướng tánh đều không: **Nhất thừa.**

Luận đàm giữa hai Ngài Bồ tát

Chính văn

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi nói: “Khi ta ở biển chỉ thường tuyên thuyết Diệu Pháp Liên Hoa”.

Bồ tát Trí Tích hỏi Bồ tát Văn Thù rằng: Kinh Pháp Hoa thâm sâu vi diệu, là pháp quý báu nhất so với các kinh, ở đời rất ít có. Vậy có chúng sanh nào siêng năng tinh tấn tu hành kinh này mau đặng thành Phật chăng ?

Giảng luận

Tại sao Bồ tát Văn Thù không thuyết các bộ kinh khác mà chỉ tuyên thuyết kinh Pháp Hoa?

Vì rỗng nhờ bản chất giữ tịnh được giữa động. **Pháp trụ trên ngôi pháp.** Nói cách khác: Pháp tịnh trụ nơi pháp động. Động tịnh tuy khác nhau, nhưng vốn đồng một pháp. Tối sáng tuy khác nhau, nhưng vốn đồng một pháp. Phương tiện phân hai để giúp người sơ cơ học Phật được dễ hiểu, còn kỳ thực động trong tịnh và tịnh trong động. Động tịnh quyện lẫn nhau nên nói là đồng một pháp. Muốn nghe kinh Pháp Hoa, trước nhất phải liễu ngộ pháp tịnh trụ trên pháp động này,

hay nói khác hơn là phải đặc pháp tịnh. Rõ ràng nhờ đặc tịnh giữa động, nên nơi cung rồng Bồ tát Văn Thù chỉ tuyên thuyết kinh Pháp Hoa, mà loài rồng khỏi phải trải qua pháp Tam thừa vẫn chứng đắc.

* Hãy chứng minh rằng rồng đặc tịnh giữa động.

- Qua trận bão biển kinh khiếp nhưng rồng vẫn bình yên.

* Tại sao Bồ tát Trí Tích lại đặt câu hỏi: Nếu chúng sanh nào siêng năng tinh tấn tu hành kinh Pháp Hoa thì có mau thành Phật không?

- Câu hỏi này mở toang cánh cửa bí mật của kinh Pháp Hoa, bởi vì đa phần hành giả kinh Pháp Hoa bị ám ảnh bởi “Kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa”, còn thêm một tên nữa “**Giáo Bồ tát pháp, chư Phật sở hộ niệm**”. Chỉ có Phật với Phật mới hiểu thấu cùng tột, còn Bồ tát thì chưa.

Cuộc đàm luận giữa hai vị Bồ tát còn đang sôi nổi, hành giả Pháp Hoa nếu chú ý lắng tâm từng lời từng chữ nơi cuộc đàm luận này thì nhất

định lớp màn nghi ngờ sẽ vệt sáng, cánh cửa bí ẩn của phẩm kinh sẽ được mở rộng.

**

Chính văn

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi cho biết: Có công chúa cung rồng Ta Kiệt La, mới tám tuổi mà căn tánh lanh lợi, có trí huệ, khéo biết các căn tánh hành nghiệp của chúng sanh. Nàng đắc pháp tổng trì và các tạng pháp rất sâu kín do chư Phật tuyên thuyết, đều có thể thọ trì, thâm sâu thiền định, rõ thấu các pháp. Trong giây phút phát tâm Bồ đề, đặng bậc bất thối chuyển, biện tài vô ngại, thương mến chúng sanh như con thơ, công đức đầy đủ, tâm nghĩ miệng thuyết pháp nhiệm mầu rộng lớn, từ bi, nhân đức khiêm nhường, ý chí hòa nhã, nàng ấy có thể đến Bồ đề.

Bồ tát Trí Tích nói rằng: Ta thấy Đức Thích Ca Như Lai đã trải qua vô lượng kiếp thực hành hạnh khổ khó làm, tích tụ vô lượng công đức để cầu Vô thượng Bồ đề, chưa từng ngưng nghỉ. Ta xem trong cõi tam thiên đại thiên thế giới dù chỉ ở nơi nhỏ bằng hạt cải,

cũng đều là chỗ Bồ tát bỏ thân mạng, để vì lợi ích chúng sanh, như vậy sau mới đắc thành quả vị Phật. Ta chẳng tin, nài công chúa rỗng chỉ trong giây lát chứng thành bậc chánh giác.

Giảng luận

Vì là Trí còn Tích nên khó tin những gì Bồ tát Văn Thù nói: Tại sao còn dè dặt chưa tin. Khi trí còn ẩn tích thì phải chờ thấy chữ nghe chưa đủ để tin.

Đoạn kinh này nhắc nhở hành giả Pháp Hoa, cùng bất cứ những ai muốn thành công trước nhất là khi nghe gì phải dè dặt, chớ vội vàng tin khi chưa hội đủ sự quán sát của sáu giác quan, dù lời nói đó bất cứ là của ai, kể cả Bồ tát Văn Thù nói mà Bồ tát Trí Tích vẫn chưa tin. Tại sao nài công chúa rỗng được thành Phật còn chúng ta chưa được? Chúng ta đọc đi đọc lại đoạn kinh này thật nhiều lần. Chẳng những đọc mà cần phải nhấn mạnh nghiền ngẫm, sau đó đối chiếu chính ta được điểm nào như nài công chúa rỗng chưa. Đoạn kinh này quan trọng của người tu cần nhất là căn tánh lạnh lợi, chứ căn tánh ấm độn thì khó

lãnh hội kinh Pháp Hoa. Người nào ám độn phải luyện tập không tham ăn, không mê ngủ. Muốn thành Phật phải có trí tuệ, phải đắc tổng trì, tức là đắc mật chú Đà ra ni. Muốn thành Phật chẳng phải chỉ biện tài vô ngại mà phải thương mến chúng sanh. Phải từ bi, nơn đức khiêm nhường, hòa nhã, khéo biết các căn tánh hành nghiệp của chúng sanh.

Dĩ nhiên ngay từ bây giờ, hoặc từ đời này chúng ta chưa có những đặc điểm siêu việt như thế, nhưng tinh tấn tu luyện, lập công bồi đức nhiều đời nhiều kiếp thì sao ta không đắc như nàng công chúa rồng.

Chính văn

Đang bàn luận, bỗng có công chúa của vua Rồng xuất hiện nơi pháp hội; đầu, mặt lễ Phật rồi đứng về một bên, thuyết kệ tự tán thán rằng:

Ta rõ tướng tội phước
Rộng chiếu khắp mười phương
Pháp thân tịnh vi diệu
Đủ ba hai tướng tốt
Và tám mươi vẻ đẹp

Để trang nghiêm pháp thân
 Trời người đều cung kính
 Long thần đều quy ngưỡng
 Tất cả hàng chúng sanh
 Ai ai cũng tôn phụng
 Lại nghe thành Bồ đề
 Chỉ Thế Tôn rõ biết
 Ta thuyết pháp Đại thừa
 Độ vô lượng chúng sanh.

7- Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi: “Nàng nói sắp thành Phật? Việc này thật là khó tin! Vì sao? Vì thân nữ ô uế, chẳng phải thân pháp khí. Vậy làm thế nào có thể thành Phật được? Đạo Phật sâu rộng, phải trải qua vô lượng kiếp tu hành cần mẫn, chứa nhóm công đức, đắc nhiều pháp môn, sau đó mới chứng đắc quả vị Phật. Còn nữ giới thì lại có năm điều chướng ngại: Một chẳng đặng làm Phạm Thiên Vương, hai chẳng đặng làm Đế Thích Thiên Vương, ba chẳng đặng làm Thiên Ma Vương, bốn chẳng đặng làm Chuyển Luân Thánh Vương, năm chẳng đặng làm Phật. Vậy thì thế nào nàng là nữ lại có thể mau chóng thành Phật được ư?”.

Nàng Long nữ có viên ngọc báu, giá trị bằng tài sản của ba ngàn đại thiên thế giới, cúng dường lên Đức Phật. Đức Phật hoan hỷ thọ nhận.

Long nữ nói với Bồ tát Trí Tích và Tôn giả Xá Lợi Phất: “Ta dâng viên ngọc báu, cúng dường Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã thọ nhận, việc ấy có nhanh chăng?”.

Đáp: Rất nhanh.

Nàng Long nữ tiếp: “Dùng sức thần thông của quý Ngài, quan sát việc ta thành Phật, lại còn nhanh hơn thế đó!”.

Liên lúc ấy, toàn thể chúng hội, đều nhìn thấy nàng Long nữ, thoát nhiên biến thành nam giới, đầy đủ hạnh Bồ tát và bay thẳng về phương Nam, nơi cõi nước Vô Cấu. An tọa trên tòa sen báu. Chứng đắc quả vị Phật (Chánh đẳng Chánh giác), đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Vì tất cả chúng sanh. Khắp mười phương mà rộng thuyết pháp mầu vi diệu.

Giảng luận

Bồ tát Văn Thù cho đại chúng biết công chúa rồng sắp thành Phật, Bồ tát Trí Tích và Tôn giả Xá Lợi Phất không tin và nói là vô lý. Đang bàn luận thì nàng công chúa rồng xuất hiện và tuyên xưng một bài kệ xác nhận như lời Bồ tát Văn Thù. Nhìn thấy và được nghe công chúa rồng nói nàng sắp thành Phật nhưng đại chúng cũng chưa tin nên Tôn giả Xá Lợi Phất mới nêu thắc mắc. Nàng công chúa rồng không trả lời trực tiếp mà bằng cách nêu ví dụ việc nàng dâng ngọc cúng dường Đức Phật, Đức Phật nhận, việc này nhanh chãng? Dĩ nhiên người thắc mắc phải đáp là nhanh. Nàng xác quyết việc nàng thành Phật còn nhanh hơn thế ấy.

Chúng ta vào đời nếu gặp trường hợp tương tự như vậy, nên học theo cách trả lời là nêu ví dụ như nàng rồng, tức là nêu câu hỏi, lần thứ hai mới trả lời.

- Lần thứ nhất nêu một việc gì có liên quan câu hỏi, để rồi hỏi lại người hỏi, người hỏi trả lời.

- Lần thứ hai mới chính thức phơi bày đáp số cho người hỏi. Cách trả lời câu hỏi theo phương pháp lập cầu truyền hình.

Nhưng dù có theo phương pháp nào mà khi kết quả không đúng mục tiêu thì hoàn toàn thất bại. Nếu kết cuộc nàng rồng không thành Phật thì còn gì là uy tín, cho nên liệu khả năng kết thúc của mình rồi mới trả lời, không nên theo cảm tính của mình và nhất là đừng tin khả năng trợ lực của người khác. Người đời đa số ngẫu hứng thường phát ngôn theo trường phái không tưởng, cất nhà trên cát, tuy không bảo đảm nhưng còn hơn là hạng người hoang tưởng mơ xây nhà trên mây.

Lưu ý: Nàng công chúa rồng biến thành nam giới, rồi mới thành Phật. Tại sao phải biến thành nam giới? Dành câu giải đáp cho quý vị hành giả kinh Pháp Hoa.

Nàng công chúa rồng sau khi thành nam giới liền bay về phương Nam, đến cõi nước Vô Cấu, ngồi trên tòa sen mới thành Phật, đủ mười tôn hiệu, đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thuyết pháp độ chúng sanh khắp mười phương.

Yếu tố nhân sự thành công của Bồ tát Văn Thù, Ngài chỉ độ một công chúa rồng thành Phật và quan dân rồng thành Bồ tát, đã làm cho khắp mười phương chuyển động. Đến đây có người thắc mắc, không biết Bồ tát Văn Thù thuyết kinh

Pháp Hoa, mà nàng công chúa rồng liễu ngộ phẩm nào, hay là câu nào, bí pháp nào khiến nàng mau chứng đắc quả vị Phật như thế? Xin thưa! Thuyết toàn bộ kinh Pháp Hoa và đắc toàn bộ kinh Pháp Hoa.

Thắc mắc: Biết toàn bộ kinh nhưng cốt lõi ở pháp môn nào?

Xin thưa: Cả tám vạn bốn ngàn pháp môn và trọng yếu là chứng đắc **Tướng không của các pháp**.

Lại thắc mắc: Vậy muốn tu đắc **pháp tướng không** thì trước nhất phải tu luyện qua phương pháp nào?

Xin thưa: Trước nhất pháp tịnh trụ nơi pháp động. Tiếp theo là quy vạn pháp về Tam thừa, quy Tam thừa vào Nhất thừa, lúc bấy giờ mới tu luyện để chứng đắc pháp Không tướng.

Câu một cây đón đưa lữ khách

Thuyền đáy không chở sạch nợ trần.

(Câu một cây là Pháp Hoa nhất thừa, thuyền đáy không là Bát nhã).

Chẳng riêng công chúa rồng đắc quả vị Phật nhanh như thế, mà vô số vị rồng dân, rồng quan ở

cung rỗng, đông nhiều như cát trên bờ sông Hằng cũng chứng đắc quả vị Bồ tát.

Rỗng tu còn chứng đắc, chúng ta là người há chịu bỏ cuộc hay sao? Chứng đắc hiện đời chứ không hẹn, nếu chưa đắc quả cao thì liễu ngộ và chứng đắc từng phần, từng pháp môn.

Chính văn

Khi đó cõi Ta Bà hàng Bồ tát Thanh Văn, trời, rồng, bát bộ, nhơn và phi nhơn đều xa thấy năng công chúa rỗng thành Phật và đã vì khắp trời người trong hội đó thuyết pháp. Tất cả người nghe đều khởi tâm vui mừng, từ xa kính lạy. Vô lượng chúng sanh nhờ nghe pháp, liễu ngộ đắc bực bất thối chuyển. Vô lượng chúng sanh lãnh lời thọ ký thành Phật. Cõi Vô Cấu sáu nhịp rung động. Cõi Sa Bà ba nghìn chúng sanh trụ bậc bất thối, ba nghìn chúng sanh khác phát tâm Bồ đề mà được lãnh lời thọ ký.

Bồ tát Trí Tích và Tôn giả Xá Lợi Phất cùng tất cả trong chúng hội yên lặng, tín nhận.

Giảng luận

Chúng ta đọc tụng kinh thường gặp danh từ nhơn và phi nhơn, tức là người và chẳng phải người. Vậy người thì dễ hiểu còn phi người thì sao? Phi người nghĩa là chẳng phải người, mà cũng chẳng phải thần, thoát khỏi kiếp làm người, nhưng chưa đạt đến đẳng cấp thần, đang ở giữa người và giữa thần. Phi nhân lại không có thân tứ đại, nhưng có thần thông quảng đại, dù chưa bằng quý vị thiên thần. Trong các hội thuyết pháp của Đức Phật thì hàng phi nhân về thính pháp rất đông, họ có nhiều tín tâm và hộ trì Phật pháp rất đặc lực, trong tám bộ hộ pháp thì phi nhân thuộc một. Khi nàng công chúa rồng thành Phật thì tất cả từ hàng Bồ tát đến trời người rồng tám bộ, dù là xa vẫn chứng kiến rõ ràng, kể cả đồng đến nghe vị Phật mới thành ở quốc độ Vô Cấu, vọng về thế giới Sa Bà, vì chúng sanh mà thuyết pháp hóa độ.

Đến đây Bồ tát Trí Tích và Tôn giả Xá Lợi Phất mới không còn cho rằng vô lý nữa, trái lại yên lặng tin nhận.

Dòng đời nhiều đục ít trong, cho nên nếu cứ dùng lời để giải đáp thì dầu có trải qua trọn kiếp cũng không nhiếp phục nhiều người khác.

Muốn thành tựu bất cứ là địa hạt nào cũng phải đầy đủ cả hai, lời nói lẫn sự việc kết quả mới đủ sức thuyết phục nhiều người. Cứu cánh có thành tựu mới đủ yếu tố trả lời phương tiện. Nói đến đâu thực hành kết quả đến đó, sau mới nói tiếp.

III.- TÓM KẾT

Phương pháp sống theo kinh Pháp Hoa là nhập đời, là vi, là diệu, cho nên chữ nào, câu nào, phẩm nào cũng đều Diệu, mà đã là Diệu thì làm sao nhìn thấy dễ dễ hiểu, bởi thế cho nên mới nói là bí pháp.

Thông thường bậc hiền thiện tu hành mới chứng đắc quả vị Phật, còn ở phẩm kinh Đề Bà Đạt Đa vị ấy độc ác, thế mà cũng được thọ ký thành Phật hiệu là Thiên Vương Như Lai.

Điều thứ hai: thường nữ giới không được thành năm địa vị, trong đó địa vị Thiên Ma Vương không được làm, vậy mà phẩm kinh này thì công chúa rồng mới tám tuổi đã đắc quả vị Phật, hiện tiền thành Phật trước mặt hai Đức Phật và đại chúng nhanh như chớp mắt.

Như thế nếu không đưa vào bí pháp để chú ý lắng tâm khai mở, cứ lo tụng đọc trôi qua thì biết chừng nào hai quy tắc **thuận nghịch** này thấm nhập vào cuộc sống hàng ngày của chính mỗi chúng ta? Muốn có chìa khóa vàng để mở toang cánh cửa bí mật này thì trước nhất phải chú ý “**mã số**” của nó. Mã số ở nơi lý và trí, thông thường lý lúc nào cũng phơi bày ra trước mắt rất rõ ràng, còn trí thì tiềm ẩn bên trong tàng thức, nhưng phẩm Đề Bà Đạt Đa thì ngược hẳn sự thông thường, cho nên muốn mở cửa bí mật của công thức nghịch thuận thì phải rõ hiểu điều lý ẩn trí thì hiện. Trí ở ngoài chiếu soi vào trong mới thấy lý. Chứng đắc phần này thực hành nhuần nhuyễn nhập vào cuộc sống hàng ngày sự ẩn hiện thì mới hy vọng mở được cửa bí mật của nghịch thuận. Bài thực tập để chứng đắc phần đầu lý ẩn là khi vừa thấy nghe sờ ngửi nếm và tư duy qua sự việc, dù rõ ràng bao nhiêu cũng không được mở miệng phát ngôn hai chữ **vô lý**. Đã là lý thì không thể dùng ý để nhận thức, nhất là không dùng trí từ bên trong soi ra, mà phải dùng trí ở bên ngoài rọi vào, tức là trí không chủ quan, trái lại phải dùng cái trí đã trải khắp không gian rọi vào một điểm của cái lý. Trường hợp này

gọi là trí hiện mà lý ẩn, hay nói cách khác là trí ở ngoài mà lý ở trong, được như vậy mới thấy rõ chơn lý. Chơn lý của Dòng đời là tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, hoặc Như Lai là Phật đã thành, còn chúng sanh là Phật sẽ thành. Khác nhau chữ đã và chữ sẽ. Công chúa rồng nhờ tu luyện đắc được pháp tịnh trụ giữa pháp động, nên mới mau thành Phật. Việc này không có gì là vô lý cả. Vậy mà khi mới nghe nàng công chúa rồng sắp thành Phật thì Ngài Xá Lợi Phất đã phát biểu hai tiếng “vô lý”.

Chúng ta phạm phu sao hơn bậc đại trí tuệ Xá Lợi Phất, vì vậy nên phải dè dặt tránh không nên phát ngôn hai tiếng vô lý.

Ca dao Việt Nam có những câu:

- ◆ Nước rặc mới thấy cỏ thối.
- ◆ Cháy nhà mới ra mặt chuột.
- ◆ Thức lâu mới biết đêm dài
Chơi lâu mới rõ nghĩa ai thâm trầm.

Còn nhiều câu ca dao tương tự như vậy, ca dao và phẩm kinh Đề Bà Đạt Đa về lý ẩn tuy là việc khác nhau, nhưng đồng một nguyên lý đó là lý ẩn khó thấy, phải chờ xem. Dè dặt khi vừa

thấy, vừa nghe chớ nên vội vàng quả quyết là vô lý, nhất là tuyệt đối tránh sự tranh cãi rằng bạn nói vô lý. Xin kể trường hợp Vương An Thạch: “**Minh nguyệt sơn đầu kiếu**”, tức là Minh nguyệt hót trên đầu núi. Còn Tô Đông Pha khi vừa nhìn thấy thì cậu sinh viên này liền bảo là vô lý, vội đi lấy bút mực sửa một chữ, chữ kiếu thành chữ chiếu. Trăng chiếu sáng trên đồi núi, chứ sao trăng sáng kêu trên đỉnh núi. Sau đó Tô Đông Pha được bổ nhiệm về vùng sơn cước, được tiếp cận thực tế nên đã ân hận sự sai trái của mình, đó là: Minh Nguyệt không phải chỉ riêng mặt trăng, mà còn dùng để chỉ tên một loài chim. Con chim “**Minh Nguyệt**” nó hót trên đỉnh núi. Ở đời mình tài giỏi, có người tài giỏi hơn mình, cho nên chớ lấy ý mình để tranh luận với người, đừng bao giờ phát ngôn hai chữ vô lý, bởi vì lý ẩn khó thấy, chỉ có bậc trí hiện mới thấy rõ vấn đề.

Khi đạt phần đầu này mới cầm chìa khóa vàng mở cửa thuận nghịch nơi tòa lâu đài Pháp Hoa (phẩm Đề Bà Đạt Đa).

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện vào đời trên vùng đất phương Đông, nhất là xứ Ấn Độ là nơi sống theo tập tục trọng nam khinh nữ. Trong

tất cả việc làm của Đức Phật thì việc truyền bá vào đời học thuyết bình đẳng giữa nam nữ là khó nhất. Ấy vậy mà Đức Phật đã thành công cuộc cách mạng trọng đại này, qua sự thành Phật của công chúa rồng tám tuổi.

Sơ lược một vài bí pháp “**thuận**”, còn bí pháp “**ngịch**” là Đề Bà Đạt Đa ám hại Phật, thế mà Đức Phật lại tuyên bố rằng Đề Bà Đạt Đa là “**ân nhân**”. Nét này mới thật là thâm sâu, mới thật là huyền bí. Đời sống của mỗi chúng ta, ai ai cũng gặp cái nghịch oái oăm này. Cái cảnh trò lừa thầy dù có vượt thì cũng gặp cái điệp khúc bạn bè phản. Người thân hôm qua, nay bỗng thành kẻ thù. Đời ai không gặp một lần như thế!

Ta tu luyện theo Đề Bà Đạt Đa phải rõ thông và chấp nhận rằng đây là những vị “**ân nhân**” của mình. Nhờ cái dở của nó mới mở cái hay. Ca dao Việt Nam có những câu: **Ơn kẻ dữ chứ không ơn người lành**, hoặc **Thất bại là mẹ thành công**.

Phẩm Đề Bà Đạt Đa còn nhiều bí pháp ẩn mật, rất mong giới “**học giả**” kinh Pháp Hoa liễu tri, riêng các “**hành giả**” kinh Pháp Hoa thì chứng đắc và các bậc “**trí giả**” kinh Pháp Hoa lại

triển khai, tức là pháp luân thường chuyển huệ tâm khai.

Nếu nhân loại đều chứng đắc phẩm Đề Bà Đạt Đa thì thế giới không còn chiến tranh, nước nước yên hưởng hòa bình, nhà nhà ngập tràn an vui và hạnh phúc.

Kính lạy Đức Phật Đa Bửu Như Lai, kính lạy Đức Phật Thích Ca Như Lai, dùng thần thông nâng chúng con, cả giới khoa học lẫn đạo học lên ngang tầm bửu tháp để nhìn rõ pháp Diệu.

Kính lạy chư Phật phân thân, chư vị Bồ tát, chư hiền Thánh Tăng, chư Thiên Long Bát Bộ, hộ pháp, chư Thiên, chư Tiên, hộ thế Tứ Thiên Vương cùng chư Thần, chư Thánh hộ trì cho hai giới đạo học lẫn khoa học sớm liễu thông và chứng đắc pháp Diệu, hòa nhập vào dòng đời, khiến muôn nơi đều tỏa ngát tuệ hương.

Hồi hướng công đức tu luyện, đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường và phổ thuyết phẩm Đề Bà Đạt Đa này đến hai giới khoa học sớm đạt lý sự viên dung. Hai giới nam nữ bình đẳng tánh trí. Hai trường hợp thuận nghịch không còn làm ray rứt lòng người. Trời thần người quỷ rỗng, chúng

sanh khắp pháp giới mênh mông đều liễu ngộ
Pháp Hoa, đều chứng đắc thành quả vị Phật.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh,
Pháp Hoa hội thượng Phật Bồ tát, Bồ tát Ma Ha
Tát, tác đại chứng minh.

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Giảng luận

21

Đạo Tràn Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG LUẬN - Bài số 21

PHẨM TRÌ - Thứ mười ba

- Hai Ngài Đại Bồ tát Dược Vương và Đại Nhạo Thuyết cùng với hai vạn vị Bồ tát phát thệ nguyện.
- Năm trăm vị Thánh Tăng và tám ngàn vị học và không còn phải học phát thệ nguyện.
- Đức Phật thọ ký cho nữ giới.
- Tám vạn ức triệu tỷ vị Bồ tát phát thệ nguyện.

I - MỞ ĐỀ

Ngàn xưa dẫn đến ngàn sau, các bậc Thầy Tổ lẫn mẹ cha ai cũng âu lo việc duy trì hơn là tạo dựng. Vì tạo lập nan thủ thành bất dị. Dựng nước khó nhưng giữ nước khó hơn. Xây nhà khó nhưng giữ nhà khó hơn. Mở đạo khó nhưng giữ đạo lại càng khó hơn.

Vì ý nghĩa ấy nên vào hội thượng Pháp Hoa, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết phẩm Trì. Lẽ sống của dòng đời là thế, muốn chuyển pháp thì phải áp dụng pháp Diệu, nhưng muốn đạt pháp Diệu thì phải trải qua và thành tựu hai giai đoạn “**vi và tế**”. Pháp Phật lưu truyền chia thành nhiều bộ kinh thì bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa là cao

siêu hơn hết, là mẹ đẻ các kinh, là biển cả còn các kinh khác chỉ là sông suối hồ ao. Đặc biệt nhất của kinh Pháp Hoa là pháp Diệu, cho nên mới có tên là Diệu Pháp. Tánh chất thứ hai của kinh Pháp Hoa là nhập đời, nên bổ túc tên kinh là Liên Hoa. Diệu Pháp Liên Hoa là pháp Diệu bông sen nhập đời.

Trong hai mươi tám phẩm của bộ kinh Pháp Diệu nhập đời thì phẩm “Trì” đứng vào hàng thứ mười ba, nằm giữa bộ kinh cho nên sứ mệnh quan trọng của phẩm kinh là cây cầu nối liền các phẩm đầu với các phẩm sau. Hành giả tu luyện Pháp Hoa mà không nối liền được các phẩm thì chưa nếm được mùi vị tuyệt vời của mật nghĩa kinh. Muốn có cây cầu nối liền các phẩm kinh thì phải liễu ngộ phẩm Trì. Nhiều vị hành giả đọc tụng đến phẩm Trì thường lướt qua, vì nghĩ rằng phẩm kinh này không quan trọng, bởi chưa phân tích nghiên ngẫm để thấy những nhân vật quan trọng nơi phẩm kinh này.

- + Ngài Đại Bồ tát Dược Vương.
- + Ngài Đại Bồ tát Đại Nhạo Thuyết.
- + Cùng hai vạn vị Bồ tát quyền thuộc.

Tất cả chư Đại Bồ tát này đều phát đại thệ nguyện giữ gìn, phổ truyền và cúng dường kinh Pháp Hoa. Lại còn:

+ Năm trăm vị Thánh Tăng.

+ Tám ngàn vị học và không còn phải học.

Cũng đều phát đại thệ nguyện trước mặt hai Đức Phật nhận việc thọ trì, phổ truyền, cúng dường kinh Pháp Hoa.

Khi tụng đọc đến đây vẫn chưa thấy tầm mức quan trọng của phẩm Trì, muốn dễ liễu ngộ phải ôn trở lại phẩm Đề Bà Đạt Đa. Khi công chúa rồng chứng đắc quả vị Phật và vô lượng vị rồng được đắc quả vị Bồ tát, nhất của phẩm này là việc Đức Phật thọ ký cho hàng nữ giới thành Phật.

- Ni trưởng Tỷ kheo Ni Kiều Đàm Di Ma Ha Ba Xà Ba Đề.

- Ni trưởng Tỷ kheo Ni Da Thân Đà La.

- Cùng với sáu ngàn vị nữ giới đều được thọ ký cho sau này thành Phật và tất cả hàng nữ giới này đều phát lời thệ nguyện thọ trì, phổ truyền, cúng dường kinh Pháp Hoa, nhất là ở khắp các cõi quốc độ khác.

Còn kể về số đông của phẩm Trì thì tám mươi ngàn vạn ức triệu tỷ vị Đại Bồ tát tự động đến trước Đức Phật phát nguyện thọ trì, phổ truyền, cúng dường kinh Pháp Hoa ở khắp thủy mười phương thế giới.

Như vậy số lượng thọ trì, phổ truyền, cúng dường kinh Pháp Hoa đông nhiều không thể tính đếm và không những chỉ riêng thọ trì, phổ truyền, cúng dường ở cõi này mà là tất cả các cõi khắp mười phương thế giới.

Phẩm Đề Bà Đạt Đa mới mở màn đề cập về giới nữ, phẩm Trì mới thăm sâu về nữ giới, chẳng những hai vị Tỷ kheo Ni mà có hơn sáu ngàn vị nữ giới nối tiếp nhau thọ ký và đồng phát đại thệ nguyện thọ trì, phổ quảng, cúng dường kinh Pháp Hoa khắp các cõi mười phương thế giới.

Từ xa xưa mãi đến mai sau, bất cứ tổ chức nào, công việc nào mà nữ giới thành tín tham gia đông đảo thì sự việc đó, tổ chức đó sẽ thành công viên mãn.

Sáu ngàn vị nữ giới phát thệ nguyện duy trì, hiển hưng kinh Pháp Hoa là bí pháp hướng dẫn cho bất cứ ai muốn thành công trên mọi địa hạt. Đây là chìa khóa mở cửa lâu đài vinh quang của

các bậc yếu nhân, danh nhân, những nhà chỉ đạo, lãnh đạo. Ai xem thường nữ giới thì không nên tụng phẩm kinh này. Ai thọ trì và muốn thành tựu phẩm kinh này thì cần nên lưu ý điểm phải có số nữ giới làm quyến thuộc. Trong số sáu ngàn này phải có hai vị đứng đầu đầy đủ tư cách tác phong lãnh đạo. Trong tất cả các bí pháp dẫn đến thành công thì sáu ngàn vị nữ giới là bí pháp tối ư quan trọng.

Năm bí pháp thành tựu của phần duy trì:

- ① Đại Dược vương.
- ② Đại Nhạo Thuyết.
- ③ Năm trăm vị Thánh đồng một lý tưởng và tám ngàn vị quyến thuộc.
- ④ Sáu ngàn vị nữ giới.
- ⑤ Tám mươi vạn ức triệu tỷ vị cùng chung một lý tưởng, một hạnh nguyện phục vụ (Bồ tát hạnh).

Nếu chưa đủ năm yếu tố nêu trên thì chưa thành tựu mặt duy trì.

Pháp nào, việc nào có nhiều thành phần hộ trì thì cũng có một số ít chống báng. Trong số

chống báng kinh Pháp Hoa, nhất là không thích phẩm Trì đượ chia có ba hạng:

❶ Hạng người vị kỷ, tiêu cực, sống theo chủ nghĩa cá nhân.

❷ Hạng người ngã mạn kiêu căng hoặc quá khích.

❸ Hạng người dựa thân ỷ thế, hoặc mượn đạo tạo đời, hoặc đắm tham danh lợi.

Những hạng người này không tin nhân quả, chấp đoạn, chấp thường, không trồng căn lành. Chẳng những họ chống báng kinh Pháp Hoa, mà còn oán ghét những ai đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường và phổ truyền kinh Pháp Hoa. Nhưng không vì những hạng người chống báng, hoặc oán ghét mà kinh Pháp Hoa không được phổ biến sâu rộng, trái lại càng ngày pháp Diệu càng hòa nhập vào lẽ sống của nhân loại và muôn loài.

Mong mọi người thẩm sâu phần chính văn và giảng luận để rút tỉa khai mở chi tiết các bí pháp của phẩm kinh.

II.- NỘI DUNG

Hai Ngài Đại Bồ tát cùng với hai vị Bồ tát phát thệ nguyện

Chính văn

1. Lúc bấy giờ Ngài Dược Vương Đại Bồ tát và Ngài Đại Nhạo Thuyết Bồ tát Ma Ha Tát cùng với hai vị Bồ tát quyến thuộc đều ở trước Đức Phật phát lời thệ rằng: “Cúi mong Đức Thế Tôn đừng lo về sau này dù Phật đã nhập Niết bàn, chúng con vẫn thọ trì đọc tụng thuyết giảng kinh này, về các đời ác sau, chúng sanh lắm kẻ tăng thượng mạn, ham lợi dưỡng cúng dường, càng ngày càng chẳng lành càng thêm lớn nên xa lìa đạo giải thoát. Tuy khó giáo hóa nhưng chúng con sẽ khởi sức nhẫn lớn, đọc tụng kinh này, thọ trì, thuyết giải, in chép, cúng dường, kể cả chẳng tiếc thân mạng.

Giảng luận

Muốn nổi truyền Đức Phật để trì giữ kinh Pháp Hoa thì việc trước nhất, người thọ trì phải có đầy đủ Đại Dược vương và Đại Nhạo Thuyết.

Đọc tụng phẩm Trì, trước nhất chúng ta gặp hai Ngài Đại Bồ tát Dược Vương và Đại Bồ tát Đại Nhạo Thuyết cùng hai vạn vị Bồ tát quyền thuộc, phát nguyện duy trì và phát huy kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa. Vậy việc muốn giữ gìn phát triển kinh Pháp Hoa, hành giả kinh này phải cần yếu tố gì đầu tiên. Có ba yếu tố:

❶ **Thuốc vua:** Dược Vương Đại Bồ tát tức là thánh dược thân khẩu ý lẫn tâm.

❷ **Phổ truyền điều vui lớn:** Đại Nhạo là niềm vui lớn, còn Thuyết tức là diễn thuyết, là du thuyết, là thuyết trình, là thuyết pháp.

❸ **Phải có hai mươi ngàn vị quyền thuộc đồng hạnh nguyện như mình.**

Thời hưng pháp tại Trung Hoa, Tổ Trí Giả Đại sư thành lập “**Tông Thiên Thai**” tại núi Thiên Thai để duy trì và hưng hiển kinh Pháp Hoa; còn gọi tông này là Pháp Hoa tông. Ảnh hưởng phát huy kinh Pháp Hoa của Ngài Trí Giả Đại sư không chỉ tại Trung Hoa mà còn lưu truyền sâu rộng đến nhiều quốc gia thời đó và nhiều đời sau, phần lớn là nhờ Ngài có rất đông quyền thuộc. Biên sử truyền rằng sau lệnh kiêng

chùy niệm Phật thì tiếng niệm Phật vang xa mấy dặm.

Chính văn

2. Lúc đó nơi đại chúng có năm trăm vị Thánh Tăng thuộc thành phần đã được thọ ký, các Ngài đồng bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con cũng tự thệ nguyện ở nơi cõi khác, rộng thuyết kinh này”.

Lại có tám ngàn vị đều là bậc học và không còn phải học, họ trước đây đã được Đức Phật thọ ký, nay từ chỗ ngồi đồng đứng lên, chắp tay hướng về Đức Phật phát lời thệ nguyện rằng: “Thế Tôn! Chúng con ở cõi khác sẽ rộng giải thuyết kinh này. Vì sao? Vì người nơi cõi Sa Bà có nhiều điều tệ ác, ôm lòng tăng thượng mạn, công đức cạn mỏng, giận hờn, dua vạ, tâm không chơn thật.

Giảng luận

Muốn duy trì phải có nhân sự, mà nhân sự thì phải đủ tiêu chuẩn, phải đúng bí pháp và có nhiều thành phần. Đoạn này của phẩm kinh là trình bày hai thành phần:

- Thứ nhất thuộc thành phần đa hệ, nên đã có Đại Dực vương, lại còn có Đại Nhạo Thuyết, cùng quyển thuộc, số đông nhiều đến hai mươi ngàn vị, đầy đủ việc làm Bồ tát đạo. Thành phần đa hệ này thay mặt Đức Phật duy trì và hưng hiển kinh Pháp Hoa tại cõi Sa Bà này.

- Thứ nhì thuộc thành phần đơn hệ, gồm có năm trăm vị Thánh Tăng (A La Hán) và tám ngàn vị học và không còn phải học. Cả tám ngàn năm trăm vị đều là đơn hệ (chú ý đa khác với đơn). Nếu đơn hệ thì duy trì và hưng hiển kinh Pháp Hoa ở các cõi khác.

Hành giả Pháp Hoa thâm sâu đoạn kinh này và rọi chiếu lại mình thuộc dạng đơn hệ, hay là đa hệ, sau đó mới phát lời thệ nguyện duy trì và phổ quảng kinh Pháp Hoa ở quốc độ nào, nhưng lưu ý số lượng hai mươi ngàn và số lượng tám ngàn năm trăm rất là quan trọng, nếu chưa có con số này thì chưa có thể duy trì và hưng hiển kinh Pháp Hoa. Nếu đủ số nhưng thuộc thành phần đơn hệ thì duy trì và phổ truyền cõi khác. Nếu đủ số và thuộc thành phần đa hệ thì duy trì và phổ truyền kinh Pháp Hoa tại cõi Sa Bà.

Một điều tối ư quan trọng của kinh điển Phật giáo là con số năm trăm. Bắc tông Phật giáo thường đọc chú Đại bi, nhưng không hành theo chú Đại bi, bởi vì chưa hiểu câu đầu: **Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm Đà Ra Ni.**

Phải đủ ngàn tay ngàn mắt bởi một cái đầu thì chỉ đạo mới thực hành pháp Đại từ bi rộng lớn không hề bị chướng ngại. Đà ra ni có nghĩa là tổng trì là bao quát cùng khắp. Một ngàn tay và một ngàn mắt mà đến năm trăm cái đầu chỉ đạo thì đây chỉ là một nhóm người hỗn tạp, như một đội quân ô hợp, như đàn bò không có con bò đầu đàn. Loài trâu và bò giống nhau về tướng dụng, nhưng khác nhau về khôn dại. Người đời ca ngợi trâu bao nhiêu thì mắng chê loài bò bấy nhiêu.

Lạc đường nắm đuôi chó.

Lạc ngõ nắm đuôi trâu.

Hoặc:

Ham ăn như chó mới có mà ăn.

Thảo ăn như trâu của dâu mà chịu.

Còn bò thì:

Mày ngu như bò.

Tại sao vậy? Tại vì bò không có con bò đầu đàn, còn trâu hễ một đàn trâu đông thì chúng tự tôn lên một con làm đầu đàn để chống với thú dữ bảo vệ bầy đàn, nếu rủi đầu đàn chết thì cả đàn cũng tan rã. Mất trâu đầu đàn là rã tan bầy nghé (trâu nhỏ).

Thiên thủ thiên nhãn tức là ngàn tay ngàn mắt đều hành động dưới sự chỉ đạo của một cái đầu, nếu mạnh ai nấy hành động thì có khác gì đàn bò vô tổ chức. Ngày nay đa số học đòi bình quyền và dân chủ. Đồng ý là bình quyền ở phần lý tánh chứ không thể bình quyền sự tướng. Đồng ý là dân chủ nhưng dân chủ tự giác chứ không thể nào dân chủ tự do. Dân chủ đặt quyền lợi công cộng lên trên, chứ không phải dân chủ theo cá nhân chủ nghĩa. Con trâu đầu đàn suốt đời nó lo bảo vệ sự an vui cho cả đàn, chứ không phải cho riêng nó, lúc nào nó cũng chịu hy sinh thua thiệt sống phục vụ chứ không sống để thụ hưởng. Một cái đầu chỉ đạo ngàn tay ngàn mắt há thua con trâu đầu đàn ư! Thiếu cái đầu chỉ đạo ngàn tay ngàn mắt chung theo một đầu chỉ đạo thì không bao giờ trải rộng được tâm đại từ bi cho khắp muôn loài, không bao giờ đạt được đại bi vô

ngại. Thế gian nếu nhà lãnh đạo thực hành đúng ngàn tay ngàn mắt cùng chung lo việc nước thì dân nước đó tôn gọi là chính quyền, do dân và vì dân. Nếu trái lại, dùng vũ lực để cai trị nước, sống vị kỷ xa hoa, không cần kiệm liêm chính, không chí công vô tư mà ngồi ở địa vị cai trị nước thì gọi đây là bạo quyền.

Trong đạo là nơi linh thiêng mầu nhiệm lại càng cao thượng hơn và càng dân chủ tự giác hơn. Bậc lãnh đạo phải hội đủ tài đức, phải là cái đầu có sự cộng tác của ngàn tay ngàn mắt. Luôn áp dụng **“Chính kỳ tâm để trị kỳ an”** trong đạo giáo, chứ không dùng quyền lực, danh vọng bán chức mua danh hoặc chèn ép người không đồng quan điểm với mình. Tóm lại trong đạo nếu gặp bậc chỉ đạo chơn tu đức hạnh hưởng dẫn giới xuất gia đúng nguyên tắc ngàn tay ngàn mắt thì đây là ngôi Tăng bảo, đây là thời kỳ giáo pháp hiển hưng. Bằng ngược lại chia rẽ, địa phương, phe phái để lãnh đạo bốn chúng, cả vú lấp miệng em, dùng đông người cùng phe bè nhóm phủ quyết mọi nguyện vọng chính đáng thì dù có ngôi trên cái ghế bằng trầm hương được nhà vua ban bổng lộc như Ngô Đạt Thiên sư thì đó chỉ là hình tướng

dối gạt thế gian chứ không phải là ngôi Tăng bảo, mà phải gọi cho đúng là nhóm người cậy dựa quyền uy làm “**Tang bảo**”, tức là làm tan rã ngôi Tam bảo, nó phủ trùm lên ba ngôi báu một màu tang thương!

Nơi nào gặp hoàn cảnh như thế là mặt pháp. Việt Nam hiện đại đầu kỷ nguyên hai mươi mốt đang chập chững bước vào thời kỳ hưng pháp, rất mong đạo Phật Việt Nam được áp dụng câu thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm đà ra ni. Nhất là được thực hành đúng đoạn kinh nơi phẩm Trì, tức là năm trăm vị A La Hán và tám ngàn vị học và không còn phải học lãnh sứ mạng duy trì phổ truyền kinh Pháp Hoa.

Chính văn

3. Khi đó di mẫu của Phật là Ni trưởng Ma Ha Ba Xà Ba Đề, cùng với sáu ngàn vị học và không còn phải học, quyến thuộc của Ni trưởng từ chỗ ngồi đứng lên chiêm ngưỡng dung nhan Đức Phật, mắt chẳng nháy.

Bấy giờ Đức Thế Tôn hỏi Ni trưởng Kiều Đàm Di, cơ chi Ni trưởng nhìn Như Lai sắc mặt hơi buồn, hay Ni trưởng đang nghĩ rằng

Như Lai chẳng đề cập đến Ni trưởng, để thọ ký cho quả vị Chánh đẳng Chánh giác?

Này Ni trưởng Kiều Đàm Di! Như Lai trước đã tổng thọ ký cho hàng Thanh Văn, trong đó có Ni trưởng, nay Ni trưởng muốn hiểu rõ thêm về tương lai, bà ở nơi pháp hội của sáu mươi tám ngàn ức Đức Phật, làm vị Đại Pháp sư, còn sáu ngàn quyến thuộc Tỷ kheo Ni học và không còn phải học, cũng làm vị Pháp sư và dần dần đủ đạo hạnh Bồ tát, như thế sẽ thành Phật hiệu là Nhứt Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Này Kiều Đàm Di! Đức Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Như Lai đó và sáu nghìn Bồ tát tuần tự thọ ký đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ mẹ của La Hầu La là Ni trưởng Da Thủ Đà La Tỷ kheo Ni nghĩ rằng: “Thế Tôn ở nơi trong hội thọ ký, riêng chẳng nói đến tên mình”.

Phật bảo Ni trưởng Da Thâu Đà La: “Người ở đời sau trong pháp hội của trăm ngàn vạn ức Đức Phật, tu hạnh Bồ tát, làm vị Đại Pháp sư, dần dần đầy đủ Phật đạo, ở trong cõi Thiên quốc sẽ đặng thành Phật hiệu là Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Thọ mạng Đức Phật ấy lâu vô lượng kiếp”.

Lúc đó Ni trưởng Đại Ái Đạo Tỷ kheo Ni và Ni trưởng Da Thâu Đà La Tỷ kheo Ni cùng tất cả quyến thuộc đều rất vui mừng, đặng việc chưa từng có. Liên ở trước Phật tuyên thuyết thơ kệ rằng:

Đấng Thế Tôn Đạo sư
Làm an ổn trời người
Chúng con nghe thọ ký
Lòng an vui tràn đầy.

Các Tỷ kheo Ni thuyết kệ xong lại bạch Phật rằng: “Chúng con cũng có thể ở các cõi nước phương khác rộng tuyên thuyết kinh này”.

Giảng luận

Tụng đọc phẩm Trì đến đoạn Ni trưởng Tỷ kheo Ni Kiều Đàm Di và Ni trưởng Tỷ kheo Ni Da Thủ Đà La cùng sáu ngàn vị nữ giới học và không còn phải học được thọ ký thành Phật, có nhiều người thắc mắc, tại sao nữ giới có năm chương ngại, Thiên Ma Vương còn không được làm, vậy mà phẩm kinh này nữ giới được thọ ký thành Phật như vậy có mâu thuẫn chăng?

Tự chúng ta mâu thuẫn chứ không phải kinh điển mâu thuẫn. Nữ giới có năm chương ngại, trong đó chương ngại thứ năm là không được làm Phật, đó là nữ giới, còn đoạn kinh của phẩm này có chỗ nào nữ giới thành Phật đâu? Chẳng những là người nữ giới, mà muôn loài đều có Phật tánh như nhau, mà có Phật tánh thì có quyền thành Phật. Nhưng lưu ý tánh thì bình đẳng, còn tướng nữ vì nặng nghiệp, dơ uế, nếu ai cứ cố chấp thân tướng nữ thì không thể thành Phật được.

Nàng công chúa rộng biến thành nam giới, sau đó mới thành Phật kia mà! Chúng ta đọc lại đoạn kinh thọ ký này, thành vị Đại Pháp sư hộ trì nhiều ngàn ức Đức Phật rồi mới thành Phật:

“Như Lai nói rõ rằng về các đời vị lai, nơi pháp hội của sáu vạn tám ngàn ức Đức Phật, Ni trưởng Ái đạo Tỷ kheo Ni Kiều Đàm Di sẽ làm vị Đại Pháp sư, sáu ngàn vị nữ giới học và siêu học cũng làm Pháp sư. Riêng Ni trưởng Ái đạo Tỷ kheo Ni Kiều Đàm Di thực hành đầy đủ đạo hạnh Bồ tát sẽ chứng đắc quả vị thành Phật, hiệu là Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Như Lai, đầy đủ mười tôn hiệu: Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Còn sáu ngàn vị nữ giới thành Pháp sư Bồ tát và sẽ tuần tự thứ lớp thọ ký cho nhau thành Phật”.

Các đời sau này làm vị Bồ tát Đại Pháp sư, nơi các pháp hội của sáu vạn tám ngàn ức Đức Phật, sau đó sẽ thành Phật. Làm Bồ tát Đại Pháp sư trải qua suốt sáu vạn tám ngàn ức Đức Phật thì còn đâu tìm ra nữ giới?

Giải đáp thắc mắc thứ hai: Tại sao Đức Phật nêu nhiều quy tắc, để cho nữ giới xuất gia phải trải qua nhiều khó khăn thử thách như vậy?

* **Trước nhất:** là áp dụng vào thời đó. Ni trưởng Ái đạo Tỷ kheo Ni Kiều Đàm Di là mẹ nuôi Đức Phật, khi Đức Phật còn Thái tử. Vì thâm tình đó nên khó tránh khỏi sự ỷ lại của bà mẹ nuôi. Nhận bà vào hàng ngũ xuất gia thuộc dòng Thích tử nếu không có nguyên tắc, nhất là không có những quy định, những khó khăn ban đầu, không có tám pháp cung kính dành cho vị Ni giới thì ngôi Tăng bảo về các đời sau ấy quy củ đâu để mà ổn định tổ chức.

Nếu người thân tộc mà không giữ mình trong khuôn khổ giới luật, trái lại tự cho mình là một bà mẹ có quyền uy theo nếp sống phàm trần thì đạo sẽ mau đi vào giai đoạn mạt pháp.

* **Khó thứ hai:** Khi bà Di mẫu của Phật xin xuất gia, Đức Phật từ chối. Tôn giả A Nan phải nhiều lần ân cần cầu xin Đức Phật để bà mẹ nuôi của Ngài được nhập vào hàng ngũ xuất gia, dĩ nhiên Đức Phật bắt buộc giới nữ phải tuân thủ tám pháp cung kính, tại sao phải như vậy?

Sở dĩ có sự ràng buộc như thế, không phải Đức Phật đề phòng bà Di mẫu, hay lo ngại cho uy tín của Tăng đoàn vào thời đó, mà là Ngài đã tiên liệu những tệ nạn xảy ra về các đời sau này,

nhất là sau Đức Phật nhập diệt năm trăm năm. Những tệ nạn này, hiện nay đang xảy ra ở một số chùa, có trường hợp con trai làm Trụ trì, bà mẹ cũng cạo tóc, mặc ca sa làm bà vải nắm quyền nhà bếp, tay hòm chìa khóa, quản lý toàn chùa, có nơi còn biến điệu chúng thành tội tở. Bốn đạo người nào giàu có hoặc khéo nịnh theo với bà, hoặc đồng phe phái thì được thầy Trụ trì và bà vải (mẹ thầy Trụ trì) trọng vọng. Ngoài số ưu tiên này thì tất cả các thành phần khác, kể cả điệu chúng không thuộc phe nhóm đều bị xem như kẻ xa lạ. Mặc dù Đức Phật đã đề phòng và đã chế ra bát kính pháp, đã chế giới luật, đã dạy Tăng Ni không được ở cùng chùa, nhưng mà đời mạt pháp nên cũng có một số người không chịu tuân nghe, trái lại còn xem thường giới luật, phớt lờ bát kính pháp. Hơn nữa mẹ thầy Trụ trì xuất gia làm bà vải thì có ai mà dám nói, đấng này có ai nhắc đến bát kính pháp thì bà bảo tôi đâu có thọ Cụ túc giới nên tôi chẳng theo bát với kính, ông con trai tôi là Trụ trì thì còn ai lớn hơn và dĩ nhiên tôi là mẹ của thầy Trụ trì cho nên vị Trụ trì phải kính tôi, chứ không lẽ tôi kính ông thầy con của mình ư! Ngoài đời dù Hoàng đế là người đứng đầu thiên hạ cả nước, nhưng Hoàng thái hậu có quyền

quở phạt đánh rầy vị Hoàng đế kia mà! Trong đạo không lẽ không bằng lẽ nghi như ngoài đời hay sao! Thế là cả mẹ lẫn con của họ đang dọn đường đi vào địa ngục. Có người hỏi thêm mẹ thầy Trụ trì không xuất gia chỉ làm cư sĩ thì sao? Quá tốt, nhưng cũng phải giữ sự lịch duyệt với mọi người đừng nên ỷ lại.

Hành giả Pháp Hoa kinh, ai tu phẩm Trì thực hành theo đoạn kinh này, khi bước chân vào bất cứ chùa nào, nên quán trước xem sau, coi ngôi chùa đó có giữ giới hay không? Chớ nên quơ dũa cả nắm, lại cũng chớ nên áp dụng câu “**Quy nhất tự lễ bách Tăng**”. Kính trọng chùa mình đang quy y thì phải kính trọng hàng trăm, hàng ngàn chùa khác! Nhưng phải tránh những ngôi chùa không tuân theo giới luật mà Đức Phật đã dạy, không giữ đúng giới luật, nếu như chùa Ni mà thiếu bát kính pháp, hoặc nơi nào biến chùa làm nơi sinh sống cho cả gia đình tộc họ, hoặc phe phái địa phương, mượn đạo tạo đời thì không nên kính trọng.

Ngoài ra còn có một số chùa lười nhác chẳng công phu bái sám, chẳng tu tập nên Long thần Hộ pháp không ủng hộ thiếu gạo ăn, vì họ không giữ giới thì phước đức đâu mà kính trọng.

Ý nghĩa phẩm kinh, đoạn này là đề phòng các đời sau có nơi lợi dụng đạo mầu để làm những điều tội tệ, biến cửa chùa thành nơi sinh sống, chẳng chịu phục vụ chúng sinh, khiến Phật pháp suy tàn, khiến lòng người chán nản, mất niềm tin nơi ngôi Tăng bảo.

Tác phẩm sãi vãi của Nguyễn Cư Trinh nhạo báng đạo Phật dưới thời nhà Nguyễn, có lẽ nhà văn này đã gặp phải trường hợp đáng buồn như vừa nêu chẳng!

Ngày nay nhân loại đang sống theo nếp văn minh, dân trí mỗi quốc gia, nhất là Việt Nam đang hòa nhập vào trào lưu tiến hóa, khoa học đang phát minh vậy không lẽ đạo học lại đậm chân tại chỗ, hoặc phản tiến hóa. Chúng ta phải mạnh dạn nhìn thẳng vào từng nếp sống của từng vị Tăng Ni, có sống đúng giới luật, có sống đúng quy pháp, Tăng Ni có ở riêng biệt hay không? Nếu nơi nào, hoặc vị nào chưa được hoàn chỉnh, xin nhẹ nhàng tự sửa đổi cho hợp giới luật. Nơi nào sống chưa đúng giới luật cũng nên cùng nhắc nhở sửa đổi cho đúng, để cho toàn đại gia đình đạo Phật sớm hành đúng kinh điển, nhất là giới Phật tử chớ nên bạ đâu tin đó!

Bàn giải về Ni trưởng Tỷ kheo Ni Kiều Đàm Di mà không đề cập đến Ni trưởng Da Thâu Đà La, mẹ của La Hâu La thì chưa tròn phần giảng luận của phẩm Trì.

Theo một số kinh ghi rằng, nhiều kiếp trước lúc nào tiền thân của Da Thâu Đà La cũng có nhân duyên làm vợ của tiền thân Thái tử Tất Đạt Đa, nên kiếp này cũng trở lại làm vợ như thế. Lối lập luận như vậy chỉ đứng vững ở một khía cạnh. Vậy đặt thêm câu hỏi rằng: Đã biết tiền kiếp như thế thì kiếp này chuyển cái nhân đã có từ tiền kiếp đó đi có được không? Tại sao phải tái thêm một lần cuối nữa mới dứt? Một vị Bồ tát lâm phạm như Ngài Hộ Minh thì có gì không chuyển được? Bởi vì đây không phải là nghiệp chướng mà chẳng chuyển được. Ở trường hợp này là phương tiện đóng kịch mà thôi! Tại sao phải đóng kịch như vậy? Nếu một vị Bồ tát lâm phạm làm một vị Thái tử, rồi thuở thanh niên trốn vua xuất gia tu luyện chứng đắc quả vị Phật thì có gì để gọi là **bí pháp**. Hành giả Pháp Hoa không bưng tỏ, liễu ngộ chỗ này thì sao gọi là tu theo phương pháp bông sen nhập bùn. Nếu cứ đồng ấu xuất gia thì các đời sau trong hàng ngũ xuất gia chỉ

toàn là đồng ấu. Đạo Phật không đóng băng trên giáo điều, hơn nữa giới trung niên xuất gia không phải là số ít trong hàng ngũ ngôi Tăng bảo. Nếu Thái tử Tất Đạt Đa không lập gia đình với công chúa Da Thân Đà La, rồi sau đó mới cắt đứt mối tình riêng, can đảm rời vợ con để xuất gia thì thiên hạ các đời sau sẽ nhìn những vị trung niên có gia đình xuất gia bằng cặp mắt khinh miệt đến thế nào ?

Dĩ nhiên đồng niên xuất gia là hơn trung niên xuất gia. Nhưng đồng niên mà thiếu giới luật, thiếu oai nghi, thiếu đức độ, trí kém, huệ khô, tâm hồn chật hẹp thì làm sao sánh kịp với vị trung niên xuất gia giữ đầy đủ các khuôn phép của giới xuất gia.

Còn nói về nữ giới, trung niên xuất gia như Ni trưởng Da Thân Đà La có phải đây là một vị Tỷ kheo Ni đức hạnh đầy đủ, hiện đời tu hành chứng đắc quả vị A La Hán, làm mẫu mực cho Ni giới và được thọ ký trải các đời lâu xa về sau được thành Phật hiệu là **Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai**. Như thế có phải đây là các bậc siêu phàm phương tiện đóng tròn tuồng kịch để mở lối cho các đời sau hay không? Nếu

cách nay hơn hai ngàn rưỡi năm mà không có sự hiện diện của Ni trưởng Kiều Đàm Di và Ni trưởng Da Thâu Đà La thì ngày nay trong giới Ni liệu có được huy hoàng như vậy hay không?

Phẩm Trì đoạn kinh nói về giới nữ là một cuộc cách mạng thời bấy giờ, chẳng riêng tại xứ Ấn Độ mà cả Á Đông, bởi vì học thuyết trọng nam khinh nữ nó đã đè nặng trên phong tục tập quán của tư tưởng nhiều người. Ni trưởng Kiều Đàm Di cùng với Ni trưởng Da Thâu Đà La và sáu ngàn vị nữ quyền thuộc đã được thọ ký thành Phật, tất cả phát đại thệ nguyện đọc, tụng, thọ trì, in chép, phổ quảng và cúng dường kinh Pháp Hoa đã xác định chấm dứt sự kỳ thị trọng nam khinh nữ.

Những lời dạy của Đức Phật nơi kinh Pháp Hoa vừa nhẹ nhàng thanh thoát vừa hùng mạnh cao siêu, tháo gỡ biết bao điều phi lý mà từ ngàn xưa nó đã đè nặng lên con người, đây là một cuộc cách mạng hết sức ngoạn mục.

Loài người và nhất là hành giả Pháp Hoa, càng thâm sâu, càng gặp nhiều bí pháp, những bí pháp nhập đời để hưởng dẫn đời, đi đến đích hòa hợp, an vui và bình đẳng.

Chính văn

Bấy giờ Đức Phật Thích Ca nhìn tám mươi vạn ức triệu tỷ vị Đại Bồ tát, hàng Bồ tát này toàn là những bậc bất thối chuyển, đã từng chuyển pháp luân chẳng hề lui bước, đều đắc các pháp tổng trì. Tất cả rời chỗ ngồi, đứng lên đến trước Phật, thành tâm chấp tay, thâm niệm rằng: “Nếu Đức Thế Tôn dạy bảo chúng con thuyết kinh này thì chúng con sẽ như lời Phật dạy mà rộng tuyên thuyết kinh Pháp Hoa”.

Các vị đó lại nghĩ: “Nay Đức Phật yên lặng chẳng thấy dạy, vậy chúng ta phải làm thế nào?”

Lúc đó các vị Bồ tát kính thuận ý của Phật và muốn tự thỏa mãn bốn nguyện bèn ở trước Phật lớn tiếng mà phát lời thệ nguyện rằng: “Thế Tôn! Sau khi Như Lai diệt độ, chúng con qua lại khắp vòng khắp mười phương thế giới, thường khiến cho chúng sanh in chép, thọ trì, giải thuyết ý nghĩa kinh này; đồng thời nghĩ nhớ chơn chánh và đúng như pháp mà tu hành, được như thế là

nhờ sức oai thần của Đức Thế Tôn. Cúi mong Đức Thế Tôn ở phương xa hộ giữ cho.

Giảng luận

Đây là sự tự nguyện phổ trì kinh Pháp Hoa của hàng Bồ tát không tên tuổi, số đông nhiều đến tám muôn ức na do tha, chữ na do tha là chỉ cho số nhiều không thể tính đếm được nên mới tạm mượn con số, tám mươi vạn ức triệu tỷ vị Bồ tát, đó là ám chỉ cho con số nhiều mà thôi.

Có người lại thắc mắc, số đông nhiều như vậy thì chỗ đâu dung nạp. Xin thưa! Đến thế kỷ hai mươi một công nguyên, khoa học đã đưa con người tiến xa ra khỏi bầu khí quyển, vậy mà ở đạo học lại có người thắc mắc những chuyện dễ hiểu như thế thì làm sao liễu ngộ được kinh Đại thừa. Quý vị có xem truyền hình không? Trên mặt kính truyền hình rộng bao nhiêu, thế mà dung chứa hàng trăm ngàn người hoặc nhiều hơn nữa. Hàng A La Hán hoặc Bồ tát còn siêu đẳng hơn người phàm trần trên mặt kính truyền hình, vậy tại sao hành giả Pháp Hoa không liễu ngộ?

Hàng Bồ tát không tên tuổi số đông nhiều như thế, đặc pháp Đà Ra Ni, lại còn đặc và

chuyển pháp chẳng hề thối chuyển, các Ngài tự động đến trước Đức Phật thắm nguyện phổ truyền kinh Pháp Hoa. Dù thấy rõ sự việc như thế, nhưng Đức Phật vẫn giữ thái độ điềm nhiên, đây chính là một nét bí pháp, lưu truyền lại cho hành giả Pháp Hoa.

Đức Phật điềm nhiên không hề dạy lời nào, vậy mà đoạn kinh tiếp theo ghi rõ rằng: “Lúc ấy các vị Bồ tát **kính thuận ý Phật**. Bốn chữ kính thuận ý Phật, nhất là chữ ý và hai chữ kính thuận ở đây hàm chứa một ý nghĩa sâu xa thuộc về bí pháp. Đức Phật điềm nhiên không nói, vậy mà gọi là kính thuận “**ý**” Phật, nếu Đức Phật nói hay là mỉm cười thì là kính thuận “**lời dạy**”, hoặc kính thuận thân Phật. Sự giáo hóa của Đức Phật chia làm nhiều cách, khẩu giáo, thân giáo và ý giáo. Hành giả Pháp Hoa ai chưa liễu ngộ và chưa áp dụng đủ ba cách giáo hóa này thì chưa có thể phổ truyền kinh Pháp Hoa. Các bậc làm cha mẹ, làm lãnh đạo chưa thông suốt và nhuần nhuyễn ba lối giáo hóa này thì chưa có thể giáo hóa con cháu, hoặc quần chúng thành công, nhất là các bậc thầy cô giáo.

Những chữ “**qua lại giáp vòng**” của đoạn kinh kế tiếp này vô cùng quan trọng, đi giáp

vòng khắp mười phương mà không qua lại thì chỉ có một. Đi một thì giáo hóa một thôi! Sự giáo hóa phải trải qua nhiều lần, như cách bò nhới cỏ thì mới đạt kết quả. Hành giả Pháp Hoa, nhất là giới

thức giả nên lưu ý điểm này.

Đoạn kinh: “**Hay khiến chúng sinh in chép, thọ trì, đọc, tụng, giải nói kinh này**”. Năm việc làm phổ truyền kinh Pháp Hoa nghe qua rất dễ, nhưng đi sâu vào việc làm, nếu không có hàng Bồ tát, hoặc những vị mang hạnh Bồ tát “**khiến**” (hướng dẫn) cho người khác làm thì chắc chắn không có ai in chép, thọ trì, đọc, tụng, phổ thuyết kinh Pháp Hoa, nhất là việc cúng dường kinh Pháp Hoa. Nhiều hành giả Pháp Hoa nói rằng cá nhân mình tu kinh Pháp Hoa thì được chữ khuyến khích người khác tu luyện phổ truyền là việc khó quá. Nếu không khó thì đoạn kinh này chư Bồ tát không sử dụng chữ “**khiến**”, tức là hướng dẫn vào đây. Bởi khó cho nên phải khiến, chưa tròn chữ khiến nơi phẩm Trì thì chưa phải là hành giả kinh Pháp Hoa.

Câu sau cùng của đoạn kinh là tất cả việc làm phổ thuyết kinh Pháp Hoa đều được thành

tự là chúng con nương nhờ oai thần của Phật. Vậy cho nên dù Phật ở phương hướng nào, thế giới nào cũng hướng về nơi chúng con hành đạo mà thủ hộ cho chúng con (chư Phật hiện toàn thân). Dù tự nguyện của chúng con dững mãi tha thiết bao nhiêu mà thiếu sự hộ trì của chư Phật thì việc phổ truyền kinh Pháp Hoa cũng khó thành tựu.

Hàng Bồ tát đồng thanh tuyên thuyết thơ kệ:

Chính văn

5. Xin Thế Tôn chớ lo
 Sau khi Phật diệt độ
 Dù đời ác đáng sợ
 Chúng con vẫn thuyết rộng
 Nếu có người thiếu trí
 Lời ác mắng nhiếc con
 Hoặc gậy dao chém đánh
 Chúng con đều nhẫn nhục
 Đời ác: - Có Tỳ kheo
 Trí tà lòng dua vạ
 Chưa đắc nói đã đắc
 Tâm đầy sự ngã mạn
 Hoặc người mặc áo vá

Lặng lẽ ở nơi vắng
Tự xưng tu chơn đạo
Khinh miệt người thế gian
Thường tham ửa danh lợi
Thuyết pháp cho người đời
Được nhiều người cung kính
Ngang hàng A La Hán
Kẻ đó có ác tâm
Thường đả việc thế tục
Giả danh “A Luyện Nhã”
Thích nói dối chúng con
Họ thường nói thế này
Các gả Tỷ kheo đó
Vì tâm ham danh lợi
Thuyết truyền nghĩa ngoại đạo
Tự đặt ra kinh điển
Đối gạt người trần tục
Vì muốn được danh tiếng
Mà giải nói Pháp Hoa
Họ lẫn trong đại chúng
Để phá hại chúng con
Kẻ quốc vương tể quan
Bà La Môn, cư sĩ
Lẫn hạng Tỷ kheo khác

Bôi xấu chê chúng con
Rằng con là tà kiến
Đang thuyết kinh ngoại đạo
Chúng con vì kính Phật
Nên nhẫn các điều đó
Họ còn chế nhạo rằng
Các người đều là Phật
Lời khinh chê như thế
Chúng con đều nhẫn được
Vào đời ác kiếp dơ
Các việc sợ hãi nhiều
Quý dữ nhập thân đó
Mắng rủa hủy nhục con
Chúng con tin kính Phật
Luôn mặc giáp nhẫn nhục
Chủ đích thuyết Pháp Hoa
Nên nhẫn việc khó nhẫn
Con chẳng tiếc thân mạng
Chỉ mến đạo vô thượng
Chúng con ở đời sau
Thọ trì lời Phật dạy
Thế Tôn tự biết cho
Đời ác có Tỷ kheo
Chẳng hiểu Phật phương tiện

Thuyết pháp tùy cơ nghi
Châu mày thốt lời ác
Luôn luôn bị đuổi xua
Xa rời nơi chùa tháp
Các điều ác như thế
Nhớ lời Phật dạy khuyên
Nên nhẫn được tất cả
Các xóm làng thành ấp
Nơi có ai cầu pháp
Chúng con đến chỗ đó
Thuyết những lời Phật dạy
Con là sứ giả Phật
Ở giữa chúng chẳng sợ
Con sẽ khéo thuyết pháp
Xin Thế Tôn an lòng
Con ở trước Thế Tôn
Trước mười phương Phật nhóm
Con phát nguyện như thế
Phật chứng lòng chúng con.

Giảng luận

Phần cốt lõi của phẩm Trì không phải thuyết pháp giỏi mà là sự nhẫn nhục. Ai cũng thao thao bất tuyệt rằng tôi luôn luôn giữ sống đúng pháp nhẫn nhục, vì nhẫn nhục đệ nhất đạo, nhưng kỳ

thực có được vậy không? Sự sân hận nó đến rất đột biến, đến với mình thì có thể nhẫn được, nhưng nếu có người hủy báng kinh điển Đại thừa thì sao? Trong đoạn kệ các Ngài Bồ tát đã nói rất rõ họ chẳng hiểu Phật phương tiện thuyết pháp Đại thừa, nên họ hủy báng, chúng con vẫn nhẫn chịu. Nếu không nhẫn chịu được thì làm sao trì giữ được kinh Pháp Hoa. Trong bài kệ dài tám chục câu, gồm bốn trăm chữ, tất cả chư vị Bồ tát đều nhấn mạnh sự nhẫn nhục. Không nhẫn nhục không trì được kinh Pháp Hoa. Hành giả Pháp Hoa đa phần đọc tụng chứ ít người thọ trì, bởi vì người tu hạnh nhẫn nhục chưa chứng đắc. Phải chứng đắc nhiều phương diện. Đại Dực Vương, Đại Nhạo Thuyết. Bình đẳng tánh trí, giữa nam nữ và đức tánh sau cùng mà cũng là đức tánh cao tột nhất là sự tu luyện đắc nhiều về nhẫn nhục.

Lưu ý đoạn kệ này có câu: **“Đời ác có Tỷ kheo, Trí tà lòng dua vạy”**, chứ đừng nên đọc tụng **“Tỷ kheo trong đời ác, trí tà lòng dua vạy”**. Đọc sai như thế sẽ có sự hiểu lầm rằng: Về các đời sau khi Phật nhập diệt thì đời ác toàn là những vị trí tà lòng dua vạy. Đời nào cũng vậy, khi Phật còn tại thế vẫn có Đề Bà Đạt Đa. Sau Phật nhập Niết bàn biết bao vị Bồ tát, biết bao vị

Thánh Tăng bị hàm oan. Ngày nay dù là thời mạt pháp, nhưng cũng có nhiều nơi đang hiển hưng chánh pháp, biết bao vị Thánh Tăng ẩn dạng hoằng truyền chánh pháp, biết bao vị Bồ tát lâm phạm cứu độ chúng sanh. Gần đây nhất và rõ ràng nhất là Bồ tát Quảng Đức, Ngài chẳng những cứu nguy Phật giáo mà đã cứu độ biết bao chúng sanh.

Câu văn tối nghĩa: “Tỷ kheo trong đời ác, Trí tà lòng dua vạy” của đoạn kệ này chỉ là sự vô tình dịch chưa được sáng nghĩa lắm, chúng ta đọc tụng phải có trí nhận xét, chớ bởi lông tìm vết mà tổn phước. Chớ nên câu nệ hoặc cố chấp một vài chữ nơi văn kinh mà bỏ một bộ kinh siêu đẳng, cho nên chúng ta không bảo là Phật tiên liệu các đời sau như thế.

Hán dịch:

**Ác thế trung tỷ khưu
Tà trí tâm siểm khúc**

Đã hiểu sai:

**Tỷ khưu trong đời ác
Trí tà lòng dua vạy**

Xin sửa lại:

Đời ác có Tỷ kheo

Trí tà lòng dua vạ

Câu Tỷ kheo trong đời ác, có người xuyên tạc hiểu lầm là các vị Tỷ kheo trong đời ác đều là xấu cả. Còn đời ác có Tỷ kheo là trong đời ác có một số ít vị Tỷ kheo xấu. Chúng ta nên đảo ngược câu này, chớ nên hiểu sai tổn phước.

III.- TÓM KẾT

Tạo lập nan, thủ thành bất dị. Đây là câu châm ngôn gối đầu của bất cứ ai muốn đạt đến điểm thành tựu, nhất là hành giả Pháp Hoa.

Phẩm Trì là phẩm kinh thứ mười ba của bộ kinh Pháp Hoa, bộ kinh hai mươi tám phẩm. Đọc tụng liễu ngộ được phẩm Trì mới quý trọng bộ kinh Pháp Hoa. Đọc lướt qua phẩm Trì chẳng liễu thông được cách duy trì toàn bộ kinh Pháp Hoa. Đa phần giới học Phật chỉ nói kinh Pháp Hoa là bộ kinh chỉ cách tu thành Phật. Nói vậy đúng, nhưng mới có phần nào thôi! Phải nói bộ kinh Pháp Hoa là bộ kinh hướng dẫn nhân loại và muôn loài thành tựu từng vấn đề cho từng đẳng cấp. Ai cầu giải thoát thì tu thành Phật, thành Bồ tát, thành Thánh, thành Bích Chi, ai trung bình thành trời thần tiên siêu nhân, ai thường thì thành tựu kiếp sống một con người. Về người lại chia

nhieu thành phần: vĩ nhân, yếu nhân, hiền nhân, triết nhân. Nếu nói về khía cạnh đất nước thì đưa đất nước đến phồn vinh, nếu nói gia tộc thì đưa gia tộc đến hạnh phúc. Như Hiến pháp nước Nhật là trích từ bộ kinh Pháp Hoa và lập thành một bản Hiến pháp hoàn chỉnh nhất thế giới. Có người lại giành phần phải rằng, đạo Phật Việt Nam tu học đọc tụng bộ kinh Pháp Hoa, như vậy thì đạo Phật Việt Nam sẽ tuyệt vời. Xin thưa! Giới đệ tử Phật tại Việt Nam phần đông mới tu ngoài cái vỏ Pháp Hoa, nói cách khác là mới đến cổng Pháp Hoa chứ chưa lên thêm Pháp Hoa thì làm gì có sự tu luyện kinh Pháp Hoa tuyệt vời !

Có một bài thơ được phổ nhạc cả tân lẫn cổ, trong đó có một câu:

**Nhẹ nhàng, thanh thoát, lặng yên,
Quán sâu, chiếu sáng lên thêm Pháp Hoa.**

Phải trải qua năm giai đoạn mới bước chân lên thêm Pháp Hoa. Lên thêm mới vào nhà và còn nhiều nữa mới là tu luyện và chứng đắc Pháp Hoa chứ! Nói chung kinh Pháp Hoa, Đức Phật thuyết và phổ truyền công khai, không đặc quyền cho riêng hàng đệ tử của Ngài, lại cũng không chỉ dành riêng cho loài người, nhất là không độc

quyền cho nam giới, trường hợp nàng công chúa rỗng và hai vị Ni trưởng cùng sáu nghìn nữ quyến thuộc đã quá rõ.

Những điều kiện cần phải có của phẩm Trì đã phơi bày rất rõ ràng và rất tử mỹ, mong các vị hành giả Pháp Hoa lưu ý và phải hội đủ yếu tố của chữ trì, tối thiểu là một yếu tố, bằng không thì chẳng thể nào là trì kinh Pháp Hoa, chứ đừng bảo là phổ truyền. Họ chẳng nếu ai quá thích kinh Pháp Hoa, hoặc kính ngưỡng kinh Pháp Hoa thì cũng chỉ ở vào hàng đọc hoặc tụng, để cầu phước hiện đời và nhiều đời sau, chứ còn bảo là tôi đang thọ, hoặc trì, hoặc phổ truyền kinh Pháp Hoa thì chưa ! Vì đọc hoặc tụng chưa phải là thọ trì, lại càng chưa phải là phổ truyền !

Quốc Tổ Lạc Long Quân hướng dẫn một trăm sắc tộc rời đất phương Bắc, theo dấu chân loài chim Lạc đến sông Hồng lập thành nước Hồng Bàng, nay là Việt Nam, nối truyền nhau mười tám tộc vua Hùng, mỗi tộc có mấy chục ông vua. Nước Hồng Bàng duy trì nền an ninh thịnh trị suốt dòng thời gian 2.622 năm. Một thời gian thịnh trị siêu lịch sử quốc tế. Người thứ hai vị thức giả Từ Phước, dẫn năm trăm sinh viên, rời

Trung Hoa đến quần đảo Phù Tang lập thành nước Nhật và cũng duy trì nền thanh trị từ thời Tần Thủy Hoàng đến nay. Việc lập quốc lập làng thì dễ, nhưng duy trì nền thanh trị mới là khó.

Việc in chép kinh Pháp Hoa, dịch kinh Pháp Hoa, tụng kinh Pháp Hoa, hoặc lập Đạo tràng Pháp Hoa rất khó, nhưng việc phổ truyền và duy trì kinh Pháp Hoa nhập vào đời mới thật là khó. Một điều tối ư quan trọng là lối duy trì kinh Pháp Hoa không toàn phần bộ kinh Pháp Hoa, mà chia cắt từng phần như người mù sờ voi. Con voi là con voi vì nó chỉ là con voi, chứ không là cái quạt, không là cái chổi ... Kinh Pháp Hoa là kinh Pháp Hoa, chứ không phải chỉ thọ trì hoặc là niệm đề kinh Pháp Hoa, cũng không chỉ là phẩm Phổ môn, nó lại không thể là một phần bốn, hay của tích môn, phổ truyền từng phần là phương tiện tùy căn cơ của từng thời kỳ mà độ sanh chứ chưa gọi là thọ trì toàn bộ kinh Pháp Hoa được. Việc thọ trì toàn bộ phải là hàng Đại Bồ tát, hoặc những ai phát nguyện tu hạnh Bồ tát.

Lưu ý: Muốn thọ trì kinh Pháp Hoa phải khởi từ Tiểu thừa đến Đại thừa, đến Tối thượng thừa.

Phải khởi luyện từ sáu căn tám thức đến vô thức, chuyển sang tứ trí, sang an lạc, sang Như Lai thân lực, sang Dược vương, Diệu âm, Quán Thế Âm, Đà Ra Ni, chuyển lên cao là Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn, Tịnh Đức để dần về xóa tâm vương (Diệu Trang Nghiêm Vương), cuối cùng trải rộng hạnh Phổ Hiền. Không thể bỏ chữ nào, câu nào, phẩm nào cả. Đời này chưa đắc nguyện nối đời sau, kiếp này chưa thành nguyện kiếp sau, bởi vì lời dạy của Pháp Hoa là “**không gian vô biên thời gian vô tận**”.

Phật thuyết một thời pháp, thời gian sáu mươi tiểu kiếp vậy mà thính chúng nghe chừng như một bữa ăn.

Hành giả tu tập kinh Pháp Hoa phải có ý chí kiên nhẫn như cậu bé học trò từ mẫu giáo, đến mãn phần trung học, rồi đến cử nhân, cao học, tiến sĩ, bác học và siêu bác học vậy.

Phạm vi phẩm Trì chưa nói hết toàn phần bộ kinh Pháp Hoa, nhưng nó khẳng định người tu kinh Pháp Hoa phải có chí kiên trì, tâm nhẫn nhục, tánh vị tha, hạnh Dược vương, giới Thánh quả, nhất là thân khẩu ý Đại Nhạo Thuyết và tư tưởng phải tuân theo pháp, bình đẳng giữa mọi

người mọi loài, nhất là chấm dứt sự xem thấp nữ giới.

Điều đáng lưu ý là nữ giới. Trên tất cả các địa hạt, gia đình, đoàn thể, tôn giáo muốn phát triển thì nam giới, nhưng muốn duy trì thì cần phải có nữ giới. Nhưng cũng cần phải lưu ý là phải quân bình âm dương đúng nguyên lý tạo thành của nguyên tử, nhất là chỉ đạo, lãnh đạo mở mang, không phải ở nữ. Hai vị nữ Thánh Trưng đuổi xâm lăng được nhưng giữ nước không được.

Hệ thống tổ chức nhân sự phải cho đúng. Địa hạt duy trì thiếu nữ thì thất.

Vãng đàn ông quạnh nhà

Vãng đàn bà quạnh bếp.

Kinh Pháp Hoa, phẩm Trì chỉ rõ còn hay mất đạo cũng như đời. Trì sai thì rơi vào mê tín dị đoan. Trì đúng thì chánh pháp hiển hưng, muôn loài đều an vui, quốc thái dân an, nhà nhà thịnh vượng, người người hạnh phúc.

Hồi hướng công đức đến các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm công đức. Xin kết thành Bồ

đề quyển thuộc, kiếp kiếp đời đời hoằng dương
Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

22

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa

**DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG LUẬN - Bài số 22**

PHẨM AN LẠC HẠNH - Thứ mười bốn

- Bồ tát Văn Thù bạch Phật và Đức Phật dạy.
- An trụ bốn pháp :
 - + Tiêu chuẩn đức hạnh.
 - + Những nơi chẳng nên mật thiết.
 - + Cuộc sống an lạc.
 - + Phát khởi Ý từ, tâm bi.

I.- MỞ ĐỀ

Hành giả Pháp Hoa tu luyện đến phẩm thứ mười bốn là đã thuận duyên học qua nửa phần pháp Diệu. Đến đây hành giả đã chuyển từ sự tướng sang hòa lý tánh, tức là tánh tướng đều tìm được pháp để an trụ. Nếu chưa tìm được pháp an trụ thì cuộc sống chưa được an vui. Muốn an trụ nơi bốn pháp an vui thì phải hành theo lời dạy của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Bồ tát Đại Trí Văn Thù Sư Lợi đã là vị cổ Phật hiện thân Bồ tát, vậy thì tại sao Đức Phật phải căn dặn. Những lời dặn nơi phẩm kinh này là Đức Phật muốn mượn Ngài Bồ tát Văn Thù để chỉ dạy cho những ai muốn dẫn trí nhập hạnh an vui. Vì vậy nên ai muốn làm hành giả phẩm An Lạc Hạnh này thì không thể chỉ đọc qua, hoặc tụng kỹ phẩm kinh là đủ, mà cần phải thọ trì và phổ quảng kinh Pháp Hoa. Việc thọ trì phải tuân thủ đúng quy pháp, ngoài ra cần phải biết hành xử thế nào và ý trụ nơi nao. Hai phần còn lại là thức, ý và tâm cũng phải tuyệt đối tuân thủ lời dạy của Đức Phật dặn. Nên nhớ đây là những lời mượn Bồ tát Đại Trí Văn Thù Sư Lợi để dặn, chứ không trực tiếp riêng chúng ta. Vì là hành giả Pháp Hoa tu học

phẩm này dù chưa chứng đắc đại trí như Bồ tát Văn Thù, nhưng khi đọc tụng thọ trì in sao viết chép phổ truyền và cúng dường kinh này nên trụ nơi tâm nguyện mà tu luyện, nghĩa là không thể dùng tư duy phàm tục để suy lường, dùng trí thấp kém để thảo luận mật nghĩa kinh, lại không cố chấp văn tự mà tu luyện. Trường hợp có một số chùa tụng đọc phẩm An Lạc Hạnh rồi cố chấp văn tự không dám nuôi chú tiểu nhỏ tuổi, vì nuôi trẻ nhỏ là phạm vào hạnh không an lạc. Thật quan niệm sai lầm đáng tiếc, bởi chuyển từ Hoa văn sang Việt ngữ chưa chính xác, hai chữ “**thân cận**” thành hai chữ “**gần gũi**”. Không được thân cận vua quan tể tướng, không được thân cận thiếu nhi ít tuổi ... lại hiểu không được gần gũi vua quan tể tướng, không được gần gũi Sa di trẻ tuổi, không nuôi trẻ nhỏ. Lại không nên gần gũi các hàng bất nam bất nữ cùng các hạng đàn bà con gái, cho nên không chịu nuôi chú tiểu, bởi vì một số người chấp hai chữ chẳng nên gần gũi, khi người cố chấp về chùa thấy có chú tiểu là kêu toáng lên rằng thầy vi phạm phẩm An Lạc Hạnh kinh Pháp Hoa, tức là thầy cãi lại lời Phật dạy. Khổ thay hiểu trật một ly sai đi một dặm. Đây chính là ly kinh một chữ tức đồng ma thuyết. Nếu

hiểu hai chữ thân cận thành hai chữ “**Mật thiết**” thì làm gì có trường hợp nghẽn lối nổi truyền nhân sự. Không nuôi chú tiểu thì nuôi ai, không lẽ chỉ nuôi giới lớn tuổi là đúng lời Phật dạy ư ! Nếu vậy thì thuở ấy La Hầu La là sao?

Chuyện gì sai, biết sửa sai, tuy chậm mà có còn hơn không. Rất mong chương trình nuôi dưỡng đào tạo Tăng “**tài đức**” của các chùa đừng cố chấp sai lạc, mà bỏ quên nuôi dưỡng chú tiểu. Không nên mật thiết, tức là không chung ăn chung nằm ôm ấp cứng chiu hôn nựng như cha mẹ đối với con, chứ gần gũi thì phải gần, nếu không gần gũi thì làm sao nuôi dạy? Không gần gũi để nuôi dạy Sa di, chú tiểu thì ai nổi truyền ngôi Tăng bảo?

Thọ trì đọc tụng phổ truyền kinh Pháp Hoa phẩm An Lạc Hạnh, hành giả đặc biệt chú tâm vào những lời dạy của Đức Phật về câu chuyện viên ngọc trong búi tóc của Ngài Chuyển Luân Thánh Vương. Viên ngọc là gì? Nhà vua là ai? Và ai là tướng sĩ được ban thưởng viên ngọc? Nhiều người ngỡ tưởng mình là hàng tướng sĩ của Đức Phật đang được thưởng viên ngọc nơi búi tóc, bởi vì mình có công đọc tụng in chép kinh

Pháp Hoa! Lầm tưởng hay tưởng trúng cũng được, nhưng nhớ kiểm lại mình đủ tiêu chuẩn được ban thưởng viên ngọc chưa? Đừng biến mộng tưởng thành hoang tưởng, bởi vì tu kinh Pháp Hoa là liễu đạt để chứng đắc thực tướng của các pháp, mà thực tướng các pháp tức đồng không tướng, mà không tướng chẳng phải là ngoan không như lông rùa sừng thỏ.

Hành giả thâm sâu thực tu và thực luyện hầu sớm liễu ngộ phẩm An Lạc Hạnh để ích mình lợi người.

II.- NỘI DUNG

Ngài Bồ tát Văn Thù bạch Phật và Đức Phật dạy

Chính văn

1- Lúc bấy giờ, Ngài Văn Thù Sư Lợi Đại Bồ tát con đấng Pháp vương bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Các vị Bồ tát đây thật ít có, vì sự kính ngưỡng Phật, nên phát đại thệ nguyện: Sau này gặp đời trước ác hộ trì độc tụng phổ truyền kinh Pháp Hoa.

Thế Tôn! Các vị Đại Bồ tát ấy, gặp đời ác, làm thế nào để phổ truyền kinh Pháp Hoa?”.

Đức Phật bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi: “Nếu vị Bồ tát sau gặp đời ác mà muốn thuyết giải kinh này thì phải an trụ nơi bốn pháp”.

A. Tiêu chuẩn đức hạnh

2- Một Bồ tát an trụ nơi hành xứ và thân cận xứ thì mới có thể vì chúng sanh mà thuyết giải kinh này.

Này Bồ tát Văn Thù! Thế nào gọi là “hành xứ” của Đại Bồ tát? Nếu vị Đại Bồ tát trụ nơi đất nhẫn nhục, nhu hòa, hiền thuận, nhất là chốn nóng giận, tâm chẳng hề sợ hãi, lại luôn theo pháp chẳng phân biệt mà quán tưởng như thật của các pháp, tức là chẳng làm theo pháp phân biệt, như thế gọi là chỗ hành xứ của Bồ tát.

Giảng luận

Đoạn kinh này chỉ pháp hành xứ của hàng Đại Bồ tát. Hàng Đại Bồ tát phát đại thệ nguyện, sau khi Như Lai diệt độ, dù gặp đời ác nhưng các Ngài vẫn thay Phật đọc tụng thọ trì phổ thuyết

kinh Pháp Hoa. Ngài Đại Bồ tát Văn Thù Sư Lợi thấy vậy khi vào phần hạnh an lạc Ngài mới quỳ bạch Phật rằng hàng Đại Bồ tát kia làm cách nào mà vào thời kỳ không có Phật lại gặp đời ác mà các Ngài có thể thuyết giảng, phổ truyền kinh Pháp Hoa? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cho biết, muốn phổ truyền kinh Pháp Hoa vị Đại Bồ tát cần phải an trụ nơi bốn pháp, trước nhất là hành xử và thân cận xứ.

Hành xử và thân cận xứ này nặng cả hai sự tướng và lý tánh. Muốn phổ truyền kinh Pháp Hoa thì hàng Đại Bồ tát, mà hàng Đại Bồ tát cũng phải an trụ nơi bốn pháp, trong đó hành xử là một. Đây nói về an trụ thứ nhất. Đạt hành xử này hàng Đại Bồ tát mới có một tiêu chuẩn trong bốn pháp phổ truyền kinh Pháp Hoa.

Kinh Pháp Hoa thì chia làm sáu phần đọc - tụng - thọ trì - in chép - phổ thuyết và cúng dường. Hành giả Pháp Hoa để hành theo bốn phần đầu, còn việc thọ trì và phổ thuyết thì thật là khó. Hành giả Pháp Hoa nếu chưa vào thọ trì và phổ thuyết thì chưa đòi hỏi bốn pháp. Còn những vị thọ trì và phổ thuyết dù là Bồ tát hay là

hạnh nguyện Bồ tát cũng cần phải an trụ trên bốn pháp.

Hiểu chi tiết về hành xử và thân cận xử

a. Hành xử: An trụ trong nhẫn nhục. Nhẫn có năm thời kỳ tu luyện:

① **Nhẫn nhịn:** Nhịn bên ngoài hình thức, còn trong lòng vẫn chưa thanh thản, chưa thấy vui vẻ.

② **Nhẫn nhục:** Không còn thấy gì là nhục cả, dù kẻ đối nghịch dùng nhiều cách khiêu khích hoặc bôi nhục, nhưng hành giả luôn cảm thấy sự thư thái tràn ngập, từ bên ngoài thân thể đến bên trong tâm hồn. Người đạt đến trình độ nhẫn nhục là người đã đắc pháp chẳng hai, tâm địa Bồ tát hạnh, trải rộng bao la, hoa từ và bi đang tỏa ngát hương, nhất là đã liễu thông bốn âm thanh năm pháp quán của Bồ tát Quán Thế Âm.

③ **Nhẫn nhu:** Cuộc sống đã đạt đến thời kỳ nhẫn nhục, nhưng đây chỉ lợi cho mình nhiều hơn tha nhân, cho nên khi tu luyện đắc pháp nhẫn nhục thì cần phải tinh tấn vươn lên một bậc nữa, đó là bậc thứ ba của chữ nhẫn. Thế nào là nhẫn nhu? Nhu là gì? Là mềm là nhuẫn, mình chịu nhẫn nhục, nhưng người thì vẫn dùng bạo lực

hãm dọa hoặc triệt hạ mình, vì vậy đức nhẫn thứ ba của người tu nhẫn là phải nhu, chẳng riêng mình nhu, mà còn chuyển hóa kẻ đối nghịch với mình cũng phải nhu. Nếu làm được chất đường nhu mềm chảy thành nước, còn bột thì vẫn đóng cục thì làm sao tròn hạnh nhẫn nhu. Cho nên bằng mọi cách bột phải nhu nhuyễn như đường đã nhu nhuyễn vậy.

④ **Nhẫn hòa:** Thời kỳ nhẫn hòa là thời kỳ tu luyện cao điểm của hạnh tu nhẫn. Mình nhu và người cũng nhu, cả hai đều nhu mới hòa được. Đường nhu nhờ nước, bột nhu cũng nhờ nước, cả hai đem hòa trộn lại với nhau. Đến thời kỳ thứ tư tu luyện pháp nhẫn là thời kỳ nhẫn hòa.

⑤ **Vô sinh pháp nhẫn:** Thường chữ pháp ở kinh Phật được dịch là các pháp hoặc giáo pháp, hoặc pháp Phật, riêng đặc biệt ở câu này không thể dịch chữ pháp thành chữ phương pháp, hoặc giáo pháp được mà phải dịch thành chữ trí thì mới giải thông liễu nghĩa toàn câu văn: **Vô sinh pháp nhẫn.** Phải hiểu vô sinh pháp nhẫn là **Trí đã đạt đến vô sinh diệt thì chẳng còn gì để mà nhẫn.** Nếu nhẫn còn ở thời kỳ nhu hoặc hòa thì vẫn chưa hoàn chỉnh. Dù bột và đường đã nhuyễn

thành nước, nhưng lúc nào cũng phải kèm cái muông một bên để khuấy, nếu không thì bột lắng đọng riêng bột, đường lắng đọng riêng đường. Thời kỳ tu nhẫn thứ năm, là thời kỳ vượt khỏi thức, chuyển sang trí và trí đã liễu ngộ được các pháp không hề có sinh diệt. Đã đến thời kỳ liễu ngộ **“Thế gian tướng thường trụ”**, lúc ấy là lúc pháp không tướng hiển hiện, vậy thì còn có cái gì để phân biệt tôi và người. Lúc đó là lúc Nhất thừa pháp đã lộ bày tướng chơn thật thì còn tìm đâu ra cái đối kháng để mà mình nhẫn, chẳng hề có riêng người thì làm gì có mình để mà nhẫn. Cũng ví như bột đường nước đã hòa chung bắt lên bếp gião vừa chín rồi dùng lá gói thành bánh, hấp thật chín thì còn đâu là bột là đường là nước để phân biệt, để nhu nhuyễn, để hòa nhập. Vô sanh pháp nhẫn là như thế. Học thuyết Phật giáo không hề dạy đệ tử nhu thắng cương, nhược thắng cường. Trái lại dạy rằng: “Chẳng thắng chẳng thua chẳng hòa chẳng đấu. Con đấu hơn người gây người đau khổ. Con đấu thua người người sẽ hại con”. Danh từ nhu hòa và hiền thuận, kể cả không nóng giận đều giải nghĩa ở năm pháp tu nhẫn.

Lòng chẳng sợ hãi: Người thuyết giải phổ truyền kinh Pháp Hoa nếu còn hãi sợ, nếu còn tham sanh úy tử thì không thể nào phổ truyền kinh Pháp Hoa.

Trụ nơi pháp vô phân biệt: Trụ nơi pháp này và làm gì nữa? An trụ nơi đây mới quán được tướng chơn thật. Tướng chơn thật là gì? Là tướng không của các pháp. Thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ. Tướng không của các pháp là **Tướng thế gian vẫn còn.**

Đây là đại cương về hành xử của vị Bồ tát hoặc đang tu luyện hạnh nguyện Bồ tát để trì và truyền kinh Pháp Hoa.

B. Những nơi chẳng nên mật thiết

Chính văn

Thế nào gọi là chỗ “thân cận” của Đại Bồ tát? Vị Đại Bồ tát chẳng nên mật thiết với vua, con vua, quan lớn, tể tướng, chẳng mật thiết hàng ngoại đạo, phạm chí, đạo lỗa thể ... Lại chẳng nên mật thiết với những kẻ viết sách ca ngâm thế tục, sách ngoại đạo; cũng chẳng mật thiết với pháp thuận theo ngoại đạo, kể cả những phái nghịch với ngoại đạo.

Lại cũng chẳng nên mật thiết những kẻ chơi đùa hung hiểm đâm chém đánh vật nhau, kẻ cả bọn múa hát thế tục, những kẻ bày trò ảo thuật. Lại cũng chẳng mật thiết với những kẻ làm nghề đồ tể, chăn nuôi heo, dê, gà, chó, săn bắn, chài lưới, hạng người sinh sống bằng nghề xấu ác. Nếu cần phải thuyết pháp cho hạng người này thì Bồ tát chỉ thuyết chứ không lòng mong cầu.

Lại cũng chẳng nên mật thiết những vị Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, hoặc hạng người cầu quả Thanh Văn, hoặc trong phòng riêng, hoặc nơi kinh hành, hoặc nơi giảng đường chẳng nên cùng chung mật thiết, hoặc có lúc hạng người này đến gần, Bồ tát phải tùy cơ nghi thuyết pháp, chứ không có lòng mong cầu.

Này Bồ tát Văn Thù Sư Lợi ! Đại Bồ tát chẳng nên nhìn thân tướng người nữ mà khởi sanh tư tưởng dục nhiễm rồi thuyết pháp, cũng không nên ưa thấy. Nếu vào nhà người chẳng nên cùng với nữ nhi, nữ trinh, nữ góa ... mà riêng nói chuyện. Cũng chẳng mật

thiết năm giống người phi nam, phi nữ mà thân hậu.

Chẳng riêng một mình vào nhà người, nếu có nhân duyên cần vào một mình thì chuyên tâm thâm niệm Phật.

Nếu phải vì người nữ thuyết pháp thì chẳng nên cười hở răng, chẳng lộ bày hông ngực, vì pháp mà còn chẳng như thế, huống là việc khác.

Chẳng mật thiết với đệ tử Sa di ít tuổi và các trẻ nhỏ, cũng chẳng ưa cùng với chúng chung học cùng thầy. Thường ưa ngồi thiền ở nơi thanh vắng, tu nhiếp tâm mình.

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi ! Đó gọi là chỗ “thân cận” ban đầu.

Giảng luận

Đoạn kinh ghi rất rành mạch rằng đây là sự thân cận của Bồ tát. Vậy mà có một số hành giả Pháp Hoa cứ ngỡ tưởng là đoạn kinh này dạy mình. Có người còn ngỡ mình là Bồ tát, được dạy không được gần gũi hạng này, không được gần gũi kẻ khác, không được nuôi dưỡng kẻ nọ, không được ở chung kẻ kia ... Thật là một sự sai

lầm đáng ghê sợ. Sai lầm không thể tưởng tượng, hoặc nói cách khác là làm hư nát nhiều thế hệ !

Chi tiết về thân cận xứ của Bồ tát:

Đức Phật dạy các vị Đại Bồ tát, vì có chữ ma ha tát nên mới gọi là Đại, chứ có dạy chúng ta đâu? Hay là các vị hành giả Pháp Hoa ngỡ tưởng mình là hàng Bồ tát ma ha tát.

Đức Phật dạy các Ngài “**Đại Bồ tát**”: Bồ tát ma ha tát bất “**thân cận**” quốc vương, vương tử ... Bất thân cận là chẳng nên mật thiết, vậy mà chúng ta lại hiểu rằng chẳng thân cận tức là không được gần gũi. Nghĩ thế nào mà quả quyết như thế? Thân sao có thể bảo là gần, cận sao gọi là gũi. Thân có nghĩa là mật, cận có nghĩa là thiết. Đức Phật dạy hàng Đại Bồ tát muốn phổ giải kinh Pháp Hoa chẳng nên thân cận với một số hạng người như thế, tức là không được “mật thiết” với hàng vua chúa, con vua, quan lớn, hoặc với những người ngoại đạo ... Tại sao? Tại vì hàng Bồ tát mà mật thiết với vua chúa hoặc con vua, hay là quan lớn có hai mặt không lợi: Thứ nhất cậy thân ỷ thế vua quan, nhất là được hưởng bổng lộc của triều đình sẽ mất chất khổ hạnh của vị hành giả. Thứ nhì, những quyền thuộc của vị

hành giả chủ quan dựa mượn thế lực, gây phiền não. Còn mật thiết với các hàng người khác như hàng lỏa thể, phi nam phi nữ, ngoại đạo, gái góa, gái trinh, gái thơ. Nhất là người tu hạnh Bồ tát một mình nói chuyện mật thiết với một người nữ chỗ kín đáo sẽ bị tiếng đời dị nghị mà sự đăm nhiệm sao lường trước được. Còn việc nuôi dưỡng Sa di thiếu nhi trẻ tuổi mà mật thiết hoặc đồng thầy với chúng thì sự giáo dưỡng rất khó kết quả. Mật thiết với hạng người làm nghề đồ tể, hoặc chăn nuôi súc vật. Có một số chùa nuôi súc vật, dẫu không phải là hành giả Pháp Hoa, nhưng việc nuôi súc vật trong chùa là trái giới đức, mất thanh tịnh chốn thiền môn.

Pháp hành xứ và thân cận xứ chú trọng nhiều đối với hàng Đại Bồ tát, muốn thuyết giải phổ truyền kinh Pháp Hoa thì không nên mật thiết với những hạng người như thế.

Chính văn

3- Lại nữa vị Đại Bồ tát quán sát “Nhứt thiết pháp không - như thật tướng”. Chẳng điên đảo, chẳng động, chẳng thối, chẳng chuyển, như hư không không có thật tánh,

tất cả sự nói năng ngưng dứt, cũng đều chẳng sanh, chẳng dứt, chẳng khởi, cũng không danh, không tướng, thật không chỗ có. Không lường, không ngăn, không ngại, không chướng, chỉ do nhân duyên mà có, từ điên đảo mà sanh, cho nên mới nói: Thường ưa quán sát pháp tướng như thế đó, mới gọi là chỗ thân cận thứ hai của Bồ tát.

Giảng luận

Nơi an trụ thứ hai cũng của hàng Đại Bồ tát, nếu Tăng Ni Phật tử, thức giả, hành giả, trí giả chúng ta muốn sống an trụ trong chỗ thân cận thứ hai này thì phải dứt bỏ mọi suy luận phân biệt phàm phu tục tử từ trước. Hãy thẩm sâu từng chữ, từng câu sâu xa mầu nhiệm, nhược bằng mãi còn phân biệt như từ xưa đến nay thì tốt nhất xếp đoạn kinh này lại vì chưa liễu thông thì chẳng những vô ích mà còn mâu thuẫn nơi tâm hồn của người thực hành.

Câu đầu tiên của đoạn kinh: “**Vị Đại Bồ tát quán sát hết thấy pháp không - đều như thật tướng**”. Chỉ có hàng Đại Bồ tát mới quán sát tất cả pháp không như thật tướng, còn chúng ta thì

chưa liễu ngộ, chỉ tập luyện mà thôi! Còn hành giả Pháp Hoa muốn quán sát “Tất cả pháp không như thật tướng” thì trước nhất phải tu luyện cho nhuần nhuyễn hai câu kệ nơi phẩm Phương tiện:

... Thị pháp trụ pháp vị
Thế gian tướng thường trụ ...

Việt dịch: Pháp trụ trên ngôi pháp
Tướng thế gian vẫn thường.

Nghiền ngẫm tư duy bình tỏ để liễu ngộ được hai câu này, mới dò dẫm mở cửa vào nhà Pháp Hoa để tìm hiểu, để quán sát câu: “**Tất cả pháp không, đều như thật tướng**”, quán sát Tướng không là tướng chơn thật. Có liễu ngộ được tướng chơn thật mới liễu thông được tướng không, chính đặc tướng không mới bảo tướng thế gian vẫn thường. Trái lại nếu hiểu tướng có thì nhất định là vô thường. Người tu Pháp Hoa mà quán các pháp vô thường là quán tướng có thì sai lầm! Vì có và vô thường là thời kỳ nhập môn, chứ khi đã lên thêm và vào nhà Pháp Hoa thì phải khởi sự quán sát tướng không là tướng chơn thường. Thế gian tướng vẫn thường. Đạt trình độ này mới quán sát **Tất cả pháp không, đều như thật tướng**.

Khi liễu ngộ được tất cả pháp không như thật tướng, lúc ấy chúng ta mới vào hạnh Bồ tát, học hỏi những gì mẫu nhiệm siêu đẳng của Bồ tát. Đến đây mới thọ trì và phổ truyền kinh Pháp Hoa, để rồi chứng đắc Pháp Hoa, chứng đắc Bồ tát, từ đó tu luyện tinh tấn mới chứng đắc Bồ tát ma ha tát, còn hiện nay thì chưa, bởi vì chưa quán sát liễu thông để chứng đắc câu **“Tất cả pháp không, đều như thật tướng”**.

Liễu thông câu một của pháp an trụ này, mới bắt đầu quán sát thâm sâu từng chữ từng câu tiếp theo:

- + Chẳg điên đảo
- + Chẳg đợng.
- + Chẳg thối.

+ Chẳg chuyển, như hư không, chẳg hề có thật tánh, kể cả sự nói năng ngậm thình cũng đều chẳng sinh, chẳng xuất, chẳng khởi, bởi vì tất cả không sinh, không tướng. Tại sao? Tại vì thật không chỗ có, nó chỉ là:

- Không thể lường.
- Không hề có ngăn mé.
- Cũng chẳng hề có chướng.

- Chẳng hề có ngại.

Quán đắc tất cả pháp đều do nhân duyên sinh, tức là nhiều nhân nó duyên lại với nhau thành ra một pháp. Mà hễ các nhân có duyên hợp thì phải có lúc hết duyên sẽ tan rã. Khi tan rã rồi nó trở lại duyên. Duyên hợp, tan rã, rồi duyên hợp, cứ thế mà vòng tròn tan hợp. Cũng ví như từng hạt nguyên tử, các âm tử duyên cùng với một dương tử, khi đủ âm dương tự nhiên thành một nguyên tử, rồi bỗng nhiên có một âm tử khác sáp nhập thì nguyên tử đó bị dư âm tử nên tức tức tan vỡ. Cứ như thế tan vỡ rồi hợp thành và hợp thành để rồi tan vỡ. Các pháp khác cũng hợp tan, cũng nhờ nhiều nhân duyên lại với nhau thành một pháp. Khi pháp đó dư âm tử thì liền tan vỡ, cho nên mới bảo các pháp từ nhân và duyên sinh và các pháp cũng từ nhân duyên diệt, chứ chính mỗi pháp không hề có chủ thể của nó.

- **Không có chủ thể:** Ta đến cảm ơn người thợ gốm, đã tạo ra những dụng cụ bình chén tô đĩa để ta có mà sử dụng hằng ngày. Người thợ gốm từ chối vì không phải do một mình anh ta làm nên bình chén ly tách, bởi vì anh ta phải nhờ chàng nông dân cày ruộng trồng lúa mới có gạo

ăn để làm những vật dụng gốm. Ta vội vàng đến cảm ơn người nông dân, vị nông dân từ chối, bởi vì nếu không có anh thợ làm nhà thì anh ở đâu để sản xuất lúa gạo. Thế là chúng ta chạy sang nhà anh thợ làm nhà để cảm ơn. Anh thợ làm nhà từ chối, bởi vì không có bác thợ rèn thì búa cửa đục khoan đâu để anh cửa đục cây gỗ. Lại cũng chẳng riêng anh thợ rèn mà phải có chị kéo sợi, chị dệt vải, chị thợ may, chị nấu cơm, nhiều nhân hợp lại mới có cái nhà ... Đã quá mỗi một, mà dù có đi hết tháng này, đến năm khác, đời này đến kiếp khác cũng vẫn không sao tìm gặp người nào là chủ đầu tiên của vật dụng bình ly chén đĩa. Vì thế nên giáo thuyết nhà Phật mới xác quyết rằng **các pháp chính nó chẳng hề có chủ thể**. Và để minh định vấn đề này, đạo Phật bảo rằng các pháp là do từ duyên đảo mà sanh, ai quán sát thấu rõ để chấm dứt được cái sự phân biệt và chủ quan duyên đảo đó, tức là quán sát được **“Tất cả các pháp chẳng hề có thật tướng”**; bởi vì nó từ tánh không cho nên tướng cũng không, từ không tướng hợp thành các pháp rồi cũng trả về nơi không tướng. Chỉ có không tướng mới là pháp chơn thật của các pháp. Lưu ý không tướng ở đây không

đồng nghĩa với ngoan không như lông rùa sừng thỏ.

Muốn liễu thông phần an trụ về hành xứ thứ hai của hàng Đại Bồ tát nơi phẩm An Lạc Hạnh thì trước nhất phải liễu ngộ mười như thị pháp, cũng đều là giả tướng, nơi phẩm Phương tiện kinh Pháp Hoa.

Chính văn

Lúc đó Đức Thế Tôn cần trùng tuyên lại nghĩa trên nên thuyết thơ kệ rằng:

4- Nếu có Bồ tát
 Nơi đời ác sau
 Tâm chẳng sợ hãi
 Muốn thuyết kinh này
 Nên vào “hành xứ”
 Và “thân cận xứ”
 Chẳng mật thiết vua
 Và con của vua
 Đại thần, quan trưởng
 Kẻ đùa hiểm hung
 Bọn người đồ tể
 Ngoại đạo Phạm Chí
 Cũng chẳng mật thiết

Hạng tăng thượng mạn
Tiểu thừa tham chấp
Rành ba tạng kinh
Tỷ kheo phá giới
Xưng A La Hán
Cả Tỷ kheo Ni
Thích trò cười cợt
Các nữ du ca
Tham năm món dục
Niết bàn hiện tại
Các nữ cư sĩ
Đều chớ mật thiết
Nếu hạng người đó
Dùng tâm tốt đến
Nơi của Bồ tát
Để nghe pháp Phật
Bồ tát nên dùng
Tâm chẳng hãi sợ
Không khởi mong cầu
Thuyết pháp cho họ
Gái góa, gái trinh
Và phi nam nữ
Đều chớ mật thiết
Chẳng mật thiết họ

Cũng chẳng thân cận
Đồ tể cắt thái
Săn bắn chài lưới
Giết hại vì lợi
Sống nghề bán thịt
Lăn buôn sắc gái
Hạng người như thế
Đều chớ mật thiết
Đấu vật hung hiểm
Các thứ trò đùa
Cả hàng dâm nữ
Đều chớ mật thiết
Chẳng riêng chỗ khuất
Người nữ cầu pháp
Nếu phải thuyết giải
Chớ có cười đùa
Vào xóm khát thực
Phải hai Tỷ kheo
Nếu chỉ một mình
Nhất tâm niệm Phật
Điều đó gọi là
“Hành xứ”, “cận xứ”
Dụng hai xứ trên
Thuyết pháp an ổn

Lại chẳng nương theo
Pháp thượng, trung, hạ
Hữu vi vô vi
Thật hoặc giả pháp
Cũng chẳng phân biệt
Là nam hay nữ
Chẳng chọn các pháp
Chẳng biết chẳng thấy
Đây gọi tên là
“Hành xứ” Bồ tát
Tất cả môn pháp
Đều không chỗ có
Chẳng có thường trụ
Lại không khởi diệt
Là chỗ “thân cận”
Của hàng trí giả
Đảo điên phân biệt
Pháp có hoặc không
Thật hay chẳng thật
Sinh hay chẳng sinh
Ở nơi thanh vắng
Dồi trao nhiếp tâm
An trụ chẳng động
Tợ núi Tu Di

Quán tất cả pháp
Thấy đều không thật
Tợ như hư không
Chẳng hề bền chắc
Chẳng sinh chẳng xuất
Chẳng động chẳng lui
Thường trụ một tướng
Gọi là “cận xứ”
Nếu có Tỷ kheo
Sau “Ta” diệt độ
Vào hành xứ này
Và thân cận xứ
Lúc thuyết Pháp Hoa
Tâm chẳng khiếp nhược
Bồ tát có khi
Vào nơi tịnh thất
Nghĩ tưởng chơn chánh
Đúng nghĩa quán pháp
Từ thiên định dậy
Vì các quốc vương
Vương tử, quan dân
Cùng Bà la môn
Khai hóa diễn bày
Rộng thuyết kinh này

Tâm họ an ổn
 Chẳng chút khiếp nhược
 Văn Thù Sư Lợi !
 Đó là Bồ tát
 An trụ sơ pháp
 Có thể đời sau
 Thuyết kinh Pháp Hoa.

Giảng luận

Thơ kệ thường trùng tuyên lại chính nghĩa kinh văn, nhưng tóm gọn để dễ tụng đọc và dễ nhớ. Nhưng cũng có chỗ thì thơ kệ và kinh văn khác hơn, hoặc chính văn không có mà thơ kệ lại tuyên thuyết rõ ràng, như trường hợp phẩm kinh này, đoạn kệ có một số câu hoàn toàn khác với kinh văn, như đoạn kệ sau đây:

Bồ tát có khi
 Vào nơi tịnh thất

 Từ thiên định dậy
 Vì các quốc vương
 Vương tử, quan dân
 Cùng Bà la môn
 Khai hóa diễn bày
 Rộng thuyết kinh này

Vì sợ hiểu lầm giữa vị Bồ tát mang sứ mệnh thuyết giảng kinh Pháp Hoa, mà sao lại chẳng mật thiết cùng hàng quốc vương, vương tử, quan đại thần, hàng Phạm Chí, Bà la môn ... đoạn kệ này giải tỏa ... Những vị Bồ tát rời thiên đình lại vì quốc vương, vương tử, đại thần, Phạm Chí, Bà la môn mà thuyết giảng kinh Pháp Hoa.

Đoạn văn kinh trước ghi là hàng Bồ tát thuyết kinh Pháp Hoa chẳng nên mật thiết với quốc vương, vương tử, đại thần, đạo sĩ ... là để tránh sự ỷ lại dựa nương một cách quá mật thiết, chỉ có thế thôi! Mục đích để tránh tình trạng Ngộ Đạt Quốc Sư, chứ không phải cấm chẳng cho gần gũi. Nếu không gần gũi thì làm sao có đoạn kệ này. Đoạn kệ ghi: Bồ tát từ thiên đình dạy thuyết kinh Pháp Hoa cho hàng quốc vương, vương tử, đại thần ... Hiểu sai chẳng những gây mâu thuẫn mà còn vô tình đào hố chia rẽ. Bồ tát tu pháp vô phân biệt, vậy tại sao không được gần gũi vua quan, vương tử, đại thần ... Tư tưởng sai lạc, hoặc vô tình, hoặc cố ý chia rẽ giữa người phổ truyền kinh Pháp Hoa và người nghe kinh, vậy xin từ nay nên chấm dứt, hầu mới lấp bằng cái hố chia rẽ. Cũng cần giải thích thêm về hai chữ thân mật tức là mật thiết. Trước đã giải sơ lược, đây xin rõ

thêm mật thiết như cha mẹ mật thiết với con trẻ, hôn hít cương nựng, hoặc đồng hội chung thề đồng tử đồng sanh... Nói chung là chẳng nên mật thiết như người thế tục. Vị Đại Bồ tát là của chung, như ánh sáng mặt trời, lợi ích cho cả muôn loài vạn vật, chứ không như ánh đuốc, hay lò sưởi chỉ dành cho riêng rẽ. Mật thiết là hành động của cá thể.

Bí pháp của phẩm An Lạc Hạnh không phải ở nơi chữ nghĩa mà ở chỗ “**Dụng**” của nó. Dụng của phẩm kinh này là Đức Phật chỉ rõ những điều cần có của một vị Đại Bồ tát để thuyết giảng phổ truyền kinh Pháp Hoa. **Dụng** của vị Bồ tát là: Được an trụ nơi bốn pháp. Hành xứ đã khó, mà thân cận xứ và hạnh an lạc lại càng khó hơn. Chúng ta phải chú ý chẳng lẽ những lời dạy của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nơi phẩm kinh này là chỉ để dành riêng cho hàng Đại Bồ tát thôi ư ! Ngoài sự dạy Bồ tát, Đức Phật cũng còn dạy chúng ta chứ! Vậy thì chúng ta, hàng học giả, hành giả, trí giả của Pháp Hoa tu gì đây, đó mới chính là bí pháp.

Một vấn đề quan trọng khác là đa phần hành giả Pháp Hoa ưa đọc tụng qua rồi thôi, ít ai trích

đoạn và học thuộc, để hằng ngày ôn nhuần và áp dụng vào đời sống phàm tình của chính mình. Ví dụ như đoạn kệ nhấn mạnh về cận xứ:

**Quán tất cả pháp
Thấy đều không thật
Tợ như hư không
Chẳng hề bền chắc
Chẳng sinh chẳng xuất
Chẳng động chẳng lui
Thường trụ một tướng
Gọi là “cận xứ”**

Học thuộc tám câu, 32 chữ này, rồi ngày nào cũng đọc một vài lần, trải qua hơn một năm chúng ta sẽ rõ thấy sự linh nghiệm của sự tu luyện này đã làm cho tâm trí của mình, tự khai mở và hiệu quả của sự an lạc về cuộc sống của chính mình nó sẽ sáng suốt an vui khác trước rất nhiều. Nên tuyệt đối tin tưởng và yên lặng thực nghiệm, sau đó mới phổ truyền cho người khác để cùng thâm tín, để cùng thọ trì kinh Pháp Hoa như mình.

Trên đây chỉ nêu đại cương một đoạn thơ kệ, còn ai phù hợp đoạn nào, câu nào, chữ nào thì chọn đoạn đó, chữ đó. Như luyện hai chữ “Diệu

âm” của phẩm Phổ Môn, hoặc luyện bốn chữ “trí hiện lý ẩn” của phẩm Đề Bà Đạt Đa ... Nói chung tu luyện theo đoạn nào, câu nào, chữ nào cũng được, miễn rằng tu phải có luyện, mà luyện thì phải tinh chuyên. Có công mài sắt có ngày nên kim, nhất là giới học giả lại cần phải tu luyện hơn ai hết. Võ sinh không luyện thì sao thành võ sĩ, khi đạt võ sĩ mà không luyện thì sao thành võ sư. Hành giả không luyện làm sao thành trí giả, giảng sư không luyện làm sao thành Pháp sư.

Trong bốn pháp của Bồ tát an trụ để thọ trì và phổ truyền kinh Pháp Hoa, pháp nào, chi tiết nào cũng quan trọng, đoạn nào cũng có thể trích để tập luyện được cả. Nhưng khi đã gia công tập luyện thì phải chuyên cần, nhất là liễu thông và chứng đắc chủ đích đó.

C. Cuộc sống an lạc

Chính văn

5. Lại Bồ tát Văn Thù Sư Lợi ! Sau khi Như Lai diệt độ, nơi đời mạt pháp Bồ tát muốn thuyết kinh này cần phải trụ ở “hạnh an lạc”.

Khi tuyên thuyết hoặc đọc tụng kinh này thì chẳng ưa nói lỗi của người và của kinh điển, cũng chẳng khinh mạn các Pháp sư khác, chẳng nói việc hay dở, tốt xấu của người khác. Ở nơi hàng Thanh Văn cũng chẳng nêu đích danh, chớ nói lỗi quấy của người đó, cũng chẳng nêu tên khen ngợi điều tốt của người đó.

Lại cũng chớ sanh lòng oán hiềm, luôn giữ tâm khéo tu hạnh an lạc như thế, nên mọi người nghe pháp không trái ý. Có ai gạn hỏi, chớ nên dùng pháp Tiểu thừa mà đáp, nên khéo dùng Đại thừa mà thuyết giải khiến người nghe đặng bậc “Nhất thiết chủng trí”.

Giảng luận

Không nói lỗi của người, chẳng khinh mạn Pháp sư, chẳng nói việc xấu dở của người khác. Việc này chỉ có hàng Đại Bồ tát chứ còn hành giả Pháp Hoa thì trong số trăm người hết tám chín chục vị vi phạm, bởi thế nên suốt đời chưa bước vào nhà Pháp Hoa, chứ đừng nói đắc thành Đại Bồ tát phổ truyền kinh Pháp Hoa. Các Đạo tràng Pháp Hoa thường thường biến thành nơi hý trường (nhà hát) bình luận khen chê thầy này

dịch hay, thầy kia in chép dở, thầy nọ giảng hay, thầy khác tụng dở. Việc giảng kinh chứ đâu phải văn nghệ, nếu dở thì đừng nghe, bỏ tránh đi nơi khác, mở miệng bình phẩm làm gì! Các vị Giảng sư, Pháp sư Pháp Hoa đâu phải là ca sĩ, hay diễn viên điện ảnh mà đem ra bình luận khen chê. Có người chịu tu cái miệng không chê chõ dở của kinh hoặc của Pháp sư, nhưng cái ý chưa được như cái miệng. Việc khen chê Giảng sư, Pháp sư tuy rất đơn giản dễ tránh, thế mà rất khó được đa phần thực hiện.

Hôm nay chúng ta đã hiểu rõ, rất mong giới học giả lẫn hành giả, trí giả kinh Pháp Hoa tĩnh lặng, an vui, hòa hợp bước vào tu tập “**hạnh**” Bồ tát, tập làm việc Bồ tát làm, hầu sớm đắc quả Bồ tát, để cùng nhau phổ truyền kinh Pháp Hoa.

Khi ấy Đức Thế Tôn tuyên thuyết thơ kệ trùng tuyên lại nghĩa đoạn kinh này:

Chính văn

- 6- Bồ tát luôn trụ
 An lạc thuyết kinh
 Ở nơi thanh tịnh
 Ôn định sà tòa

Dùng dầu xoa thân
Gội tắm bụi dơ
Mặc y phục mới
Trong ngoài đều tịnh
An định pháp tòa
Tùy hỏi mà đáp
Nếu có Tỷ kheo
Hoặc Tỷ kheo Ni
Thiện nam Phật tử
Cùng nữ cư sĩ
Quốc vương, vương tử
Quan quân, quần chúng
Ai cần diệu nghĩa
Vui vẻ nói trao
Nếu có gạn hỏi
Tùy nghĩa mà đáp
Nhân duyên, thí dụ
Phân biệt rõ ràng
Áp dụng phương tiện
Đều khiến phát tâm
Dần dần thêm đông
Nhập giáo pháp Phật
Trừ tâm biếng nhác
Lẫn tướng giải đãi

Khiến bớt ưu não
Tâm lành thuyết pháp
Đêm ngày thường thuyết
Giáo pháp vô thượng
Dùng các nhân duyên
Vô lượng thí dụ
Chỉ dạy chúng sanh
Đều khiến hoan hỷ
Giường nằm, y phục
Ăn uống thuốc men
Sẵn dành đầy đủ
Chẳng hề mong cầu
Chỉ nhất tâm niệm
Thuyết pháp nhân duyên
Nguyện thành Phật đạo
Mọi người cũng thế
Đó là lợi lớn
An vui cúng dường
Sau ta diệt độ
Nếu có Tỷ kheo
Có thể thuyết được
Kinh Diệu Pháp Hoa
Tâm chẳng ganh hờn
Các não chướng ngại

Cũng chẳng ưu sầu
Cũng chẳng mắng nhiếc
Lại không hãi sợ
Bởi các dao gậy
Không xua đuổi ai
Vì an trụ nhãn
Người trí như thế
Khéo tu tâm mình
Khá trụ an lạc
Như ta nói trên
Công đức người này
Nghìn muôn ức kiếp
Tính đếm, thí dụ
Nói chẳng hết được.

Giảng luận

Đoạn thơ kệ trùng tuyên lại hạnh thứ ba của vị Đại Bồ tát phổ truyền kinh Pháp Hoa, hoặc người mới tập hạnh Bồ tát.

Muốn phổ truyền kinh Pháp Hoa thì phải an trụ đủ bốn pháp. Dù hành xứ và thân cận xứ đã tròn, nhưng thiếu hạnh an lạc thì việc phổ truyền kinh Pháp Hoa sẽ ít thành tựu. Ví dụ như người phổ truyền kinh Pháp Hoa mà tâm luôn ganh ghét hoặc mắng nhiếc người khác, tâm ý âu sầu,

hãi sợ, hay xua đuổi người khác, nhất là dùng vũ lực hăm dọa người khác thì ai nghe theo mà phổ truyền? Người muốn phổ truyền kinh Pháp Hoa phải an trụ nơi các hạnh nhẫn. Chẳng những là lời kinh căn dặn mà Đức Phật còn thuyết thơ kệ trùng tuyên rất cặn kẽ. Trong chúng ta ai cũng có thể làm theo một lời dạy của Đức Phật nơi hành xứ này. Nếu chưa thực hành hoàn chỉnh thì cũng được một phần. Nhất là trích từng đoạn từng câu, hoặc từng chữ, đọc đi đọc lại rất nhiều lần. Đọc đến khi nhập tâm lúc nào chẳng hề hay biết, phương pháp hành trì này sẽ đạt kết quả không ngờ.

Tóm lại muốn phổ truyền kinh Pháp Hoa độ mình và làm cho đời ngày càng ngạt ngào hương Diệu Pháp thì điều cần thiết là phải thực hành, tức là tu phải luyện. Trước nhất học thuộc, rồi đọc tụng thọ trì chuyên cần và nhuần nhuyễn. Đừng đọc trôi qua, nhất là tu luyện chớ nên để gián đoạn thiếu tinh chuyên thì không kết quả sẽ ân hận, bởi vì đã uống mất một đời được làm thân người và đã gặp được pháp môn tu luyện Pháp Hoa.

Chính văn

7. Lại này Bồ tát Văn Thù ! Vị Đại Bồ tát ở đời rốt sau, lúc pháp gần diệt, mà ai đọc tụng thọ trì kinh này thì chớ nên dua nịnh, đối trá ganh ghét, cũng chớ khinh khi mắng nhiếc người, chớ nên vạch tìm chỗ hay dở của người tu theo đạo Phật. Nếu là hàng Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, hàng nam nữ cư sĩ, hoặc người cầu Thanh Văn, hoặc người cầu Duyên Giác, hoặc tu cầu Bồ tát đạo, cũng không nên làm náo hại những người đó, làm cho họ nghi hối, chớ nói với người đó là các người còn cách đạo rất xa, trọn đời không thể đắc bậc nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì dù cho có người buông lung đối với đạo, thường hay biếng trễ. Lại cũng chớ nên tranh giỡn, giành cãi về Phật pháp. Phải vì hết thấy chúng sanh mà khởi tâm đại từ bi, còn đối với chư Phật thường tâm tưởng kính mến như vị cha lành của mình, đối với chư Bồ tát thường tưởng kính như bậc đại sư. Đối với chư Bồ tát ở khắp mười phương, thường tín tâm tôn kính lễ lạy, còn đối với tất cả chúng sanh thấy đều bình đẳng thuyết pháp. Vì thuận theo pháp nên chẳng thuyết nhiều, hoặc ít, nhẫn đến

đối với kẻ mền thích giáo pháp, cũng không nên nói nhiều.

Bồ tát Văn Thù! Vị Đại Bồ tát ở rớt đời sau, lúc pháp gần diệt, nếu thành tựu được hạnh an lạc thứ ba đây thì khi thuyết pháp này chẳng ai nào loạn, lại được bạn tốt đồng học cùng chung đọc tụng kinh này, lại được đại chúng thường đến nghe thọ trì. Nghe rồi luôn nhớ, nhớ rồi luôn tụng, tụng rồi luôn thuyết, thuyết rồi hay chép, hoặc khuyên bảo nhiều người cùng chép, cúng dường và tôn trọng, cung kính, tán dương.

Giảng luận

Đoạn kinh văn này đã chuyển sang pháp an trụ thứ ba, tức là vị Bồ tát đang an trụ ở hạnh an lạc để thuyết kinh Pháp Hoa.

Đoạn này không riêng chú trọng hàng Đại Bồ tát, mà Đức Phật dụng ý nhắc tất cả những ai tu luyện kinh Pháp Hoa, chớ nên giữ tâm ganh ghét nhỏ mọn đua nịnh, chớ khinh mạn người khác, chớ vạch lông tìm vết, tìm chỗ lỗi của người để nói xấu người.

Đặc biệt lại còn nói về hàng Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, nam nữ Phật tử, kể cả những vị tu cầu Thanh văn, Duyên giác thì vị Đại Bồ tát và những người tập luyện hạnh Bồ tát không nên gây cho họ sự ngờ vực. Pháp giới không bằng pháp kiến. Không nên nói những lời rằng các vị tu không chứng bởi vì các vị cách đạo rất xa. Lại cũng chẳng nên tranh luận kể cả giành cãi. Tu theo phương pháp an trụ hạnh an lạc, hành giả phải khởi tâm bình đẳng, tâm không hề phân biệt. Cũng không vì thích ưa thuyết giảng quá nhiều, cũng không nên thuyết quá ít.

Không đợi đến hàng Đại Bồ tát, mà bốn chúng đệ tử Phật đều phát tâm tu luyện để tập sự phổ truyền kinh Pháp Hoa, nhưng phải sống an trụ nơi hạnh an lạc đúng như lời Đức Phật dặn dò nơi đoạn kinh này. Nếu ngược lại thì chẳng những không đem lợi ích an vui cho người mà còn đem sự hiểu lầm phá tín tâm của hàng thánh chúng. Phần thơ kệ tiếp theo là bổ túc cho sự an trú nơi hạnh an lạc.

Chính văn

Lúc đó Đức Phật tuyên thuyết thơ kệ trùng tuyên lại nghĩa này:

8. Nếu muốn thuyết kinh này
Phải dứt bỏ ganh hờn
Chớ ngạo đối tà ngụy
Tinh tấn tu chánh trực
Chẳng được khinh miệt người
Cũng chẳng hí luận pháp
Chẳng gây người nghi nan
Rằng họ không thành Phật
Đệ tử Phật thuyết pháp
Luôn nhẫn nhục nhu hòa
Khởi tâm từ tất cả
Không sanh tâm lười biếng
Đại Bồ tát mười phương
Thương chúng sanh hành đạo
Phải khởi tâm kính lễ
Là bậc Pháp sư mình
Đối chư Phật Thế Tôn
Kính là cha vô thượng
Trừ bỏ tâm kiêu ngạo
Thì thuyết pháp chẳng ngại
Pháp thứ ba như thế
Bậc trí phải giữ gìn
Nhất tâm An Lạc Hạnh
Vô lượng chúng cung kính.

Giảng luận

Thường thường tụng đọc kinh văn chưa liễu ngộ, nhưng tụng nhiều lần thơ kệ liền bùng vỡ trí sáng nơi chính mình, thói hư tật xấu nhờ đó mà dần dần thay đổi. Ai tu hành được như thế thì gọi là tụng, là thọ, là trì kinh Pháp Hoa. Còn đọc suông để tính đếm số nhiều mà khoe khoang rằng tôi trì tụng hàng trăm, hàng ngàn bộ kinh Pháp Hoa, mỗi ngày đêm tôi tụng và trì đến mấy bộ kinh. Ai tu như thế thì đó chỉ mới có đọc kinh Pháp Hoa, chứ chưa phải là tụng. Chưa đúng nghĩa tụng thì sao có thể bảo là trì. Vậy thì thế nào là đọc, thế nào là tụng? Đọc là nhanh như đọc sách, còn tụng thì phải có nghi lễ khai kinh, đọc chú Tịnh khẩu nghiệp, Tịnh pháp giới, Tịnh tam nghiệp. Nếu không đọc các bài chú này mà tụng thì tiếng tụng chỉ lẫn quẩn nơi đờ bản chứ không thể phóng xa ra khỏi bầu khí quyển thì làm gì âm thanh tùy xứ kiết tường vân, làm gì có chư Phật hiện toàn thân. Nhất là khi tụng kinh phải có hương hoa trà quả, nếu thiếu trà quả thì phải có hương hoa, bằng ít nhất cũng phải có một cây hương thơm để mượn mùi hương xóa đi sự hôi hám đang chung quanh ta. Tiếng chuông mõ

hợp cùng các nhạc cụ trống, bảng, khánh, tạo thành âm thanh do các hợp chất kim - mộc - thủy - hỏa - thổ tạo thành giúp tiếng tụng kinh của mình hòa nhập cùng với trùng trùng pháp giới bao la. Nhưng sử dụng mõ chuông bắt buộc phải như nhạc sĩ hòa tấu, chứ không phải đánh nhanh như mõ báo động cháy nhà. Nếu đánh nhanh quá các vị quý thần tướng mõ báo động nên quy tụ đến tận nơi thì ôi thôi cả người đánh mõ lẫn quý thần đều ngẩn ngơ. Còn trì thọ thì linh thiêng hơn tụng. Muốn tập trở thành một nhạc công, một nhạc sĩ, một người thọ, một vị kỹ sư, bác sĩ ... thì tốn biết bao công phu tập luyện, nhỏ biết bao giọt mồ hôi. Còn ở đây tu tập để trở thành một hành giả, một thức giả, một trí giả, một vị Bồ tát, một vị Đại Bồ tát để phổ truyền kinh Pháp Hoa và cuối cùng là đắc thành một vị Pháp sư, thế mà có người tu kinh Pháp Hoa lại bày trò lừa phỉnh đời và dối thánh thần, biến một pháp môn mâu nhiệm thành một trò tiêu khiển, cũng có vị biến thành trò đùa hoặc dùng để khoe khoang, tụng nhiều kinh để dễ che mắt mọi người tỏ ra là có nhiều uy tín, để thiên hạ thấy mình “tu niệm giỏi” thì mới dễ làm ăn, mới dễ áp phe, mới dễ hốt hụi. Ở đời việc không tốt cũng có người dám

làm. Nhưng việc linh thiêng mầu nhiệm đừng nên pha trộn vào những việc thiếu chơn chánh. Hành giả Pháp Hoa giúp người nhập vào lẽ chánh nên phát tâm đọc đi đọc lại, tụng tới tụng lui, đọc chậm rãi bổng trầm như một dàn nhạc hòa tấu để âm thanh vi diệu của kinh Diệu Pháp Liên Hoa dễ thấm vào lòng người, dễ nhập vào dòng đời, giúp đời với bớt thương đau, bớt phiền não, giảm giọt lệ, tăng nụ cười.

Chúng ta không thể hành đúng bốn pháp an trú của phẩm An Lạc Hạnh như các Ngài Đại Bồ tát thì tối thiểu cũng hành theo một vài điều mà Phật đã dạy kỹ nơi phẩm kinh.

III.- TÓM KẾT

(Nửa phẩm An Lạc Hạnh)

Chúng ta đã đi qua ba pháp an trú của các Ngài Đại Bồ tát khi các Ngài phổ thuyết kinh Pháp Hoa. Nếu trong số chúng ta ai muốn an trú pháp nào để học hạnh của các Ngài, theo chân các Ngài để tu luyện và phổ truyền kinh Pháp Hoa. Nếu không thực hành hết toàn phần những lời chỉ dạy của Đức Phật thì cũng tu luyện một vài điểm là đã tốt lắm rồi.

Nếu chọn đoạn nào thì chép đoạn ấy, câu ấy, hoặc cũng có thể tụng toàn phần giảng luận cũng được. Có người nói tụng kinh chứ ai lại tụng sách. Pháp Hoa giảng luận gồm cả kinh lẫn phần giảng luận, vậy thì đây thuộc là sách rồi, làm sao tụng? Ai bảo không tụng được? Cứ vẫn tụng theo âm điệu ngân nga, bổng trầm khoan nhặt, chỉ khác là sử dụng mõ chuông. Tụng kinh vẫn thì lời nào tiếng mõ đó, còn tụng giảng luận thì ba lời mới nhịp một tiếng mõ, có khi đến dấu phẩy mới có tiếng mõ, đến dấu chấm mới có tiếng chuông.

Chia phẩm An Lạc Hạnh thành hai bài học giúp hành giả dễ nhớ và dễ thực hành. Chúng tôi nêu vấn đề như thế chắc chắn cũng có người không đồng ý phẩm An Lạc Hạnh là phẩm kinh Đức Phật dạy cho hàng Đại Bồ tát, còn mình là phàm nhân thì làm gì vươn lên cho đến những lời dạy cao siêu của phẩm kinh.

Ai có tư tưởng như thế thì đã tự mình đánh mất tánh Phật của mình rồi vậy! Đồng ý là Phật dạy hàng Đại Bồ tát, các Ngài Đại Bồ tát là những vị Bồ tát ma ha tát “**đã thành**”, còn chúng ta là những vị Bồ tát “**sẽ thành**” kia mà! Hàng Đại Bồ tát vâng lời Đức Phật thực hành tất cả

những lời Đức Phật dạy nơi phẩm kinh, còn chúng ta là phàm phu chẳng lẽ không thực hành theo một vài lời chỉ dạy của Đức Phật hay sao? Bồ tát hành theo nhẫn nhục nhu hòa và vô sanh pháp nhẫn, còn chúng ta khởi đầu tập hành theo hai chữ “**nhẫn nhin**”, dần dần tiến đến nhẫn nhục rồi mới tấn lên cao hơn. Nhẫn nhin khác xa nhẫn nhục. Nhẫn nhin dễ tập dễ luyện. Ngoài xã hội đâu phải ai cũng là đệ tử giỏi của Đức Phật, vậy mà biết bao người sống tròn hạnh nhẫn nhin, có người đạt luôn đức tánh nhẫn nhục, kể cả nhu hòa.

Chúng ta đã là đệ tử của Đức Phật há lại thua nhiều người ngoài xã hội hay sao?

Trước mắt chúng ta có những loài vật, chúng đang sống nhẫn nhin nhu hòa, đó là loài vịt, loài trâu. Loài vịt dù bao nhiêu ngàn vạn con vẫn sống thương yêu nhường nhin nhau không bao giờ cắn xé tàn hại nhau. Tu luyện an trụ pháp thứ ba của phẩm này Đức Phật dạy **không mắng nhiếc kẻ khác ... không dao gậy đánh nhau**. Vịt chúng làm được điều này, còn ta là người đang đọc tụng tu tập kinh Pháp Hoa không lẽ thua chúng hay sao? Vậy thì có ai phản đối rằng tôi tu phẩm khác

chứ không tu phẩm An Lạc Hạnh hay không? An Lạc là an vui mà tránh né, từ chối, vậy không lẽ thích và chấp nhận phiền não hay sao?

Tu kinh Pháp Hoa không bắt buộc phải hoàn toàn tu hành đúng theo toàn phần bộ kinh Pháp Hoa, nhưng quyết định là không nên đọc suông mà không chịu thực hành một phần nào theo lời dạy nơi kinh. Một mình thực hành vẫn chưa đủ, cần phải phổ truyền khuyến khích người khác cùng tu theo kinh Pháp Hoa. Chú bé chơi trò chơi vọc bùn, nhưng ngộ nghĩnh hơn các đứa bé khác, đó là bé dùng móng tay vẽ ba vòng tròn hợp lại nhau. Vòng tròn trên nhỏ, tượng trưng là phần đầu, vòng giữa lớn hơn tượng trưng là thân thể, vòng dưới lại lớn hơn vòng giữa, tượng trưng hai chân xếp bằng kiết già. Vẽ xong bé mừng reo: “Mẹ ơi! Con vẽ Đức Phật”. Đứa bé đó sau này nhất định sẽ thành Phật. Một bà cụ già không thông chữ nghĩa, nên không đọc kinh điển, nhưng khi bà đi ngang qua chùa, vừa nhìn thấy tượng Phật, bà ấy nghiêng một bàn tay và cúi đầu xá Phật, còn tay kia bà bận cầm vật khác. Như thế đó, chỉ nghiêng một tay và cúi đầu xá, chứ chưa lẽ lạy, vậy mà Phật dạy rằng người đó sau này

nhất định sẽ thành Phật. Tu kinh Pháp Hoa dễ như thế đó, tại sao có người lại ngần ngại, lại xa lánh kinh Pháp Hoa? Trái lại có người thuộc dạng trí thức, nên phát biểu rằng, việc tu luyện kinh Pháp Hoa dễ dàng lắm, cho nên đây chỉ là pháp dành cho đàn bà con nít tu chứ còn trí thức chúng tôi có gì trong đó để mà tu. Khoan đã, chớ vội vàng ỨC ĐOÁN CHỦ QUAN như thế, xin mời những ai đó hãy đi sâu vào các đoạn kinh: Hãy quán sát các pháp không tướng. Không tướng là thực tướng, bởi vì không tướng đồng với thực tướng. Ai chứng đắc thể tướng không này mới liễu ngộ Pháp Hoa, hoặc Pháp trụ trên ngôi pháp. Vậy pháp nào trụ trên pháp nào? Hoặc câu “Tướng thế gian vẫn thường”. Đã là tướng của thế gian thì thuộc về vật thể, mà vật chất thì tan mất, là vô thường, chứ sao lại nói là vẫn thường? Một vài nét về kinh Pháp Hoa khai mở chỗ thắc mắc để ai ai cũng có thể tu kinh Pháp Hoa. Nhưng với một điều kiện tối hậu là phải thông lý đạt sự. Phải học thông suốt về lý tánh và tập luyện để đắc sự tướng.

Hồi hướng công đức này đến thầy các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm công đức. Xin

kết thành Bồ đề quyển thuộc, kiếp kiếp đời đời
đọc tụng, thọ trì, chứng đắc và hoằng dương Đại
thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

Nam mô Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ tát ma
ha tát, tác đại chứng minh.

**Xin đọc tiếp pháp an trụ thứ tư của phẩm
An Lạc Hạnh nơi bài 23 kế tiếp.**

Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Giảng luận

23

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA

GIẢNG LUẬN - Bài số 23

PHẨM AN LẠC HẠNH - Thứ mười bốn
(Bài tiếp theo)

- Viên ngọc minh châu nơi búi tóc nhà vua.

- Phật truyền trao kinh Pháp Hoa như vua trao ngọc.
- Đức Phật thuyết thơ kệ trùng tuyên lại nghĩa này.

I - MỞ ĐẦU

Phẩm An Lạc Hạnh chia thành bốn phần chính, bài 22 đã trình bày ba phần:

- + Tiêu chuẩn đức hạnh (Hành xứ).
- + Những nơi chẳng nên mật thiết (Thân cận xứ).
- + Cuộc sống an lạc (An Lạc Hạnh).

Phần còn lại của phẩm kinh nơi bài này trình bày vị Đại Bồ tát và những vị phổ truyền kinh Pháp Hoa phải an trụ nơi pháp thứ tư, đó là phát khởi **ý đại từ** và **tâm đại bi**. Đức Phật ví kinh Pháp Hoa như viên ngọc minh châu trong búi tóc của nhà vua, mà là vua nào? Điều quan trọng tiếp theo là đến lúc nào mới trao và tặng cho ai chứ không phải bạ đâu trao đó. Đức Phật suốt mấy mươi năm thuyết pháp, truyền trao cho trời người thân quý rộng các kinh khác, nhưng kinh Pháp Hoa vẫn chưa trao truyền, mãi đến khi vào Pháp Hoa hội Linh Sơn, Đức Phật mới tuyên thuyết và truyền trao kinh này cho những ai đã

đầy đủ nhân duyên. Thuở Đức Phật còn tại thế mà sự truyền trao còn gặp khó khăn, huống gì sau này. Đã cách mấy ngàn năm mà còn được gặp kinh Pháp Hoa thì đây có phải là niềm vui hy hữu cho những ai đầy đủ túc duyên. Vậy tại sao chúng ta không trân trọng thọ nhận, giữ gìn và phổ truyền khắp mọi nơi.

II.- NỘI DUNG

Chính văn

9- Nay Đại Bồ tát Văn Thù Sư Lợi ! Về các đời rớt sau, khi pháp gần diệt, nếu có hàng Đại Bồ tát phát tâm trì kinh Pháp Hoa ở nơi Tăng Ni, Phật tử, mà khởi tâm đại từ, ở nơi hạng người chẳng phải Bồ tát mà khởi tâm đại bi thì phải nghĩ như vậy: Đức Như Lai phương tiện tùy nghi thuyết pháp, nhưng có hạng người chẳng biết, chẳng hay, chẳng tin, chẳng hỏi thì những người như thế mất lợi lớn. Dù hạng người đó chẳng hỏi, chẳng tin, chẳng hiểu kinh này, nhưng Như Lai là đấng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên dầu họ ở đâu, Như Lai cũng dùng sức thần thông,

sức trí tuệ dẫn dắt hạng người này khiến họ được an trụ trong pháp này.

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi ! Vị Bồ tát sau khi Như Lai diệt độ, nếu thành tựu được pháp thứ tư này thì lúc thuyết kinh Pháp Hoa không có lầm lỗi, hằng được hàng Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, nam Phật tử, nữ Phật tử, quốc chủ, con quốc chủ, quan quân, cùng nhân dân, đạo sĩ, cư sĩ, cả thầy cúng dường cung kính, tôn trọng, ngợi khen. Hàng chư thiên ở nơi hư không vì nghe pháp cũng thường theo hầu. Nếu ở nơi xóm làng, thành ấp, rừng cây vắng vẻ, hoặc có người đến muốn gạn hỏi thì hàng chư thiên ngày đêm vì pháp mà hộ vệ vị ấy, khiến cho người nghe thầy đều vui mừng.

Vì sao? Vì kinh này được sức thần của tất cả các Đức Phật đã qua, hiện nay và mai sau đều giữ gìn vậy. Bồ tát Văn Thù Sư Lợi! Kinh Pháp Hoa này ở trong vô lượng cõi nước, hẳn đến tên bộ kinh còn chưa được nghe, huống chi là được thấy, đọc tụng, thọ trì.

Giảng luận

Tụng đọc nhiều bản âm Hoa, kể cả Việt ngữ của đoạn này hành giả chẳng thể nào hiểu! Có lẽ do in ấn chưa hoàn chỉnh, nên có những chỗ không rõ nghĩa.

A. Trích nguyên văn và dịch lại vài đoạn

9- Lại Bồ tát Văn Thù Sư Lợi ! Các vị Đại Bồ tát ở đời rớt sau, lúc pháp gần diệt, khi trì kinh Pháp Hoa này, ở trong hàng người tại gia xuất gia, sanh lòng từ lớn, ở trong hàng người chẳng phải Bồ tát, sanh lòng bi lớn, phải nghĩ thế này: **“Những người như thế thời là mất lợi lớn”**. Đức Như Lai phương tiện tùy nghi nói pháp, chẳng nghe, chẳng biết, chẳng hay, chẳng hiểu, chẳng tin, chẳng hỏi. Người đó dấu chẳng hỏi, chẳng tin, chẳng hiểu kinh này, **lúc ta đặng** Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác người đó tùy ở chỗ nào, ta dùng sức thần thông, sức trí huệ dẫn dắt đó, khiến đặng trụ trong pháp này.

Đoạn này có hai chỗ khó hiểu:

Đức Như Lai hiện đang là Phật, là Như Lai, là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, chứ còn bảo đợi **lúc ta đặng** Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ba chữ lúc ta đặng rất khó hiểu.

* Hàng Đại Bồ tát trì kinh Pháp Hoa đã vì Tăng Ni Phật tử khởi lòng từ lớn, hoặc vì hàng không phải Bồ tát khởi lòng bi lớn phải nghĩ thế này: Những người như thế thời là mất lợi lớn. Tại sao phát tâm đại từ, phát tâm đại bi mà mất lợi lớn?

B. Trích nguyên văn âm Hoa chữ Việt đoạn kinh này của nhiều bộ Pháp Hoa :

9- Hựu Văn Thù Sư Lợi ! Bồ tát ma ha tát ư hậu mạng thế pháp dục diệt thời, hữu tri thị Pháp Hoa kinh giả, ư tại gia xuất gia nhưn trung sanh đại từ tâm, ư phi Bồ tát nhưn trung sanh đại bi tâm, ưng tác thị niệm **Như thị chi nhưn tắc vi đại thất**. Như Lai phương tiện tùy nghi thuyết pháp bất văn, bất tri, bất giác, bất vấn, bất tín, bất giải, kỳ nhưn tuy bất văn, bất tín, bất giải, thị kinh, ngã đắc a nậu đa la, tam miệu tam bồ đề thời, tùy tại hà địa, dĩ thần thông lực trí huệ lực, dẫn chi linh đắc trụ thị pháp trung ...

Cả đoạn này từ âm Hoa lẫn Việt dịch đều khó hiểu, chỉ khác hơn một chữ “**ngã đắc**” chứ không có thêm chữ “**lúc ta đặng**”. Vì khó hiểu nên chúng tôi mới nghĩ rằng đây có lẽ là do in ấn, hoặc do người sửa bản in lầm lẫn làm tối

nghĩa đoạn kinh nên mới dám xin đổi một vài câu, từ phía dưới lên, hầu dễ hiểu, chứ không dám sửa hoặc thêm bớt, bởi vì y kinh giải nghĩa ba đời oan ức cho chư Phật, nhược bằng rời kinh một chữ tức là nói lời của ma !

C. Kinh Pháp Hoa giảng luận tập 2, đoạn này, đảo mấy chữ từ trên xuống :

9- Lại này Bồ tát Văn Thù Sư Lợi ! Chư vị Đại Bồ tát về các đời rớt sau, lúc pháp gần diệt, nếu vị Bồ tát nào trì kinh Pháp Hoa này, mà ở nơi Tăng Ni Phật tử thì nên **khởi tâm đại từ**, hoặc ở nơi những người không phải Bồ tát thì nên **khởi tâm đại bi** (dời chín chữ ra sau).

Đức Như Lai phương tiện tùy nghi thuyết pháp **ta nghĩ như thế này**: Có hạng người chẳng được nghe, chẳng biết, chẳng hay, chẳng hiểu, chẳng tin, chẳng hỏi: “**Những người như thế thì mất lợi lớn**”. Dù hạng người đó chẳng hỏi, chẳng tin, chẳng hiểu kinh này, nhưng **Như Lai là đấng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác** nên dẫu họ ở đâu Như Lai cũng dùng sức thần thông, sức trí tuệ dẫn dắt hạng người này khiến họ được an trụ trong pháp này.

So sánh ba trích đoạn để hành giả Pháp Hoa dễ nghiên cứu.

Đọc tụng phẩm này chúng ta nghe lời kinh chỉ dẫn, hàng Bồ tát hoặc tập tu nhập hạnh Bồ tát thì cần phải an trụ nơi bốn pháp, nhưng ba nơi an trụ trước thì dễ hiểu, vì chẳng những kinh văn, mà còn thơ kệ, Đức Phật nhắc đi nhắc lại nhiều lần về:

- | | |
|----------------|---|
| 1. Hành xứ | $\left. \begin{array}{l} * \text{ tiêu chuẩn đức hạnh} \\ * \text{ nơi chẳng nên mật thiết} \\ * \text{ cuộc sống an lạc} \end{array} \right\}$ |
| 2. Thân cận xứ | |
| 3. Hạnh an lạc | |

Còn nơi an trụ thứ tư, nếu không lắng sâu thì rất khó hiểu.

Nơi an trụ thứ tư: Trì kinh Pháp Hoa ở giữa nơi Tăng Ni Phật tử **khởi tâm đại từ**, ở nơi chẳng phải Bồ tát **khởi tâm đại bi**. Vì chỉ có tám chữ nên nhiều người chưa phân tích để liễu thông và liễu ngộ. Có người lầm tưởng nơi an trụ thứ tư là viên ngọc minh châu nơi búi tóc của vị Chuyển Luân Thánh Vương.

“Khởi tâm đại từ ... khởi tâm đại bi” chỉ có thế thôi! Nhưng không phải dễ khởi sanh tâm đại từ và tâm đại bi. Vì đại từ và đại bi là hai pháp

quán trong năm pháp tu quán và chứng đắc của Bồ tát Quán Thế Âm.

- + Chơn quán.
- + Thanh tịnh quán.
- + Đại trí tuệ quán,
- + Bi quán.
- + Từ quán.

Đọc thì chơn quán trước, nhưng tu trước nhất cần phải tập luyện “**Từ quán**”, khi nào chứng đắc mới chuyển sang hành pháp “**Bi quán**” và cứ thế lần lần ngược lên đến điểm cao là đến “**Chơn quán**”. Năm pháp quán, hay hai pháp tu luyện ý đại từ, tâm đại bi cũng là những pháp môn hành quán của hàng Đại Bồ tát. Vì vậy nên kinh Pháp Hoa phẩm An Lạc Hạnh mới ghi hai pháp môn tu này vào nơi an trụ thứ tư của Bồ tát, cũng như của bất cứ ai muốn học và tu theo hạnh Bồ tát. Có an trụ được bốn pháp ghi nơi phẩm này mới có thể thọ trì và phổ truyền kinh Pháp Hoa.

Có nhiều hành giả Pháp Hoa vì vô tình không hiểu, hay cố ý lộng ngôn rằng tôi đã an trụ nơi bốn hành xứ của phẩm An Lạc Hạnh.

Đại từ tâm và đại bi tâm

Nơi an trụ thứ tư của những vị Đại Bồ tát khi trì kinh Pháp Hoa là đại từ tâm và đại bi tâm. Trong giới Phật giáo có người hiểu lầm đại từ cũng giống đại bi nên thường ghép hai chữ làm một và thường gọi chung là “đại từ bi”. Phẩm An Lạc Hạnh này Đức Phật phân biệt rõ ràng. Nếu đối với Tăng Ni Phật tử thì phát đại từ tâm, nhưng với hạng người không phải Bồ tát thì nên phát đại bi tâm. Tại sao mà Đức Phật phải dẫn dò hàng Đại Bồ tát và những ai tập hạnh Bồ tát kỹ lưỡng như vậy ? Là vì giới Tăng Ni Phật tử dù sao cũng là những người đã hiểu đạo, nên hàng Đại Bồ tát chỉ phát khởi “**Hạnh Từ**” để hỗ trợ mà thôi. Từ năng giữ lạc, chỉ giữ điều vui cho hàng xuất gia tại gia. Nhưng trái lại đối với hạng người không phải là Bồ tát, có nhiều khi họ cũng có đạo, nhưng mà đạo khác cho nên vị Đại Bồ tát phải phát khởi “Đại bi tâm” để xua những nỗi khổ cho họ, bởi vì “**bi năng bạt khổ**”, tức là bi thì xóa những nỗi khổ cho người.

Phẩm Phổ Môn tu về hạnh từ và hạnh bi rõ hơn, đó là từ thì còn đình ở nơi ý, còn bi thì phải chuyển về tâm. Từ giữ điều vui - bi bạt điều khổ. Từ thì diệu - bi thì hùng. Từ năng giữ lạc - bi

năng bạt khổ. Bi ở tâm nên mạnh như sấm rền -
Bi tâm răn như sấm. Từ thì ở ý nên vi diệu hơn -
Từ ý diệu dường mây.

Nơi an trụ của vị Đại Bồ tát trì kinh Pháp Hoa là phải an trụ ở nơi ý từ đối với nội bộ trong nhà Phật giáo, còn đối với người ngoài Phật giáo thì phải tâm bi để xoa tan nỗi khổ cho người.

**Viên ngọc minh châu trong búi tóc
của vị Chuyển Luân Thánh Vương**

Chính văn

Này Bồ tát Văn Thù Sư Lợi! Thí như Chuyển Luân Thánh Vương sức lực hùng mạnh, muốn đem uy thế hàng phục những nước nhỏ chưa phục tùng mệnh lệnh. Bấy giờ Chuyển Luân Thánh Vương cử các đạo binh đi chinh phạt. Vua thấy trong đám binh tướng có những người đánh giặc lập công lớn, nên rất vui mừng, tùy theo công mà ban thưởng. Hoặc ban cho ruộng vườn, nhà cửa, xóm làng, thành ấp, hoặc ban cho phẩm vật y phục và các món trang sức nơi thân, hoặc ban cho các món trân bảo, vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, hoặc voi

ngựa, xe cộ, người giúp việc, nhân dân. Chỉ có viên ngọc minh châu trong búi tóc của mình thì nhà vua chẳng đem ra cho. Vì sao ? Vì riêng trên đỉnh đầu của vua mới có viên ngọc minh châu, nếu đem cho thì quyền thuộc của vua sẽ sinh kinh ngạc.

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi ! Như Lai cũng như thế, dùng sức thiên định trí tuệ, khắp các cõi nước, đem giáo pháp hóa độ, trùm cả ba cõi, thế mà ma vương chẳng chịu thuận phục, các tướng hiền thánh của Như Lai cùng ma đánh nhau. Thấy những người có công nên lòng rất vui mừng, Như Lai ở nơi bốn chúng vì họ mà tuyên thuyết các kinh. Để khiến mọi người sanh tâm vui thích, ta ban cho các pháp thiên định, giải thoát, vô lậu, căn lực và còn ban cho thành Niết bàn, bảo rằng đã được diệt độ để dẫn dắt tâm họ, làm cho thấy đều được vui mừng, nhưng chưa vì họ mà thuyết kinh Pháp Hoa.

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi ! Như vua Chuyển Luân, thấy hàng quân tướng những người có công lớn, tặng viên minh châu khó ai tin nổi

giá trị, từ lâu để trong búi tóc chưa từng cho
bừa bãi mà nay lại đem ban thưởng vậy!

Đức Như Lai cũng lại như thế, làm vị Đại
Pháp vương, khắp ba cõi, đem pháp mầu giáo
hóa tất cả chúng sanh. Thấy quân tướng hiền
thánh, cùng ma ngũ ấm, ma phiền não, ma
chết, đánh nhau có công lao lớn, diệt được ba
độc, vượt khỏi ba cõi, phá tan lưới ma. Lúc
ấy Như Lai cũng rất vui mừng. Kinh Pháp Hoa
này có thể làm cho chúng sanh chứng đắc
đến bậc “Nhất thiết trí”, là pháp ở thế gian,
có người oán ghét, khó tin, nên từ trước chưa
hề tuyên thuyết, mà nay mới thuyết vậy!

*
**

Giảng luận

Hành giả Pháp Hoa khi đọc tụng thọ trì nên
chú ý quan tâm từng chữ, vì lối sử dụng ngôn từ
của Đức Phật ở kinh này nếu đọc thoáng qua thì
tưởng rằng Như Lai dụng lối văn bình dân, nhưng
ai chú ý mới thấy ý của kinh toàn văn minh triết,
chỗ nào cũng rất sâu mầu. Nếu chúng ta quan
niệm nhà vua có viên ngọc minh châu dấu nơi
búi tóc là một ông vua thường, hoặc một ông

hoàng đế thì sai ý nghĩa cao siêu của đoạn kinh, bởi vì Đức Phật nêu một vị **Chuyển Luân Thánh Vương**.

Để bổ túc cho hàng sơ cơ học Phật có dịp nghiên cứu mở rộng chiều cao tâm kiến thức, nên xin sơ lược về ý nghĩa của bốn chữ “Chuyển Luân Thánh Vương”. Danh từ để xưng gọi vị Chuyển Luân Thánh Vương, cũng có nơi gọi là Chuyển Vương, hoặc Chuyển Luân Vương. Tiếng Phạn gọi là Chuyển Ca La Đại Cự Đề Hạt La Xà, cũng còn gọi là Gia Ca Viết La, cũng còn gọi là Chuyển Luân Thánh Đế Luân Vương. Vị vương này thân có đủ ba mươi hai tướng tốt. Theo **Luận trí độ, quyển 4**. Vị vương này khi lên ngôi, do Thiên Cảm mà có được Luân bảo, rồi lại vận chuyển Luân bảo đó mà hàng phục bốn phương, nên gọi là Chuyển Luân Vương. Lại nữa, do có khả năng bay lượn trong không trung, nên gọi là Phi Hành Hoàng đế. Theo **Luận câu xá, quyển 12**: “Ở châu đó, từ lúc con người sống lâu vô hạn, cho đến tám vạn tuổi lúc ấy, có vị Chuyển Luân Vương sinh ra, khi giảm đi tám vạn tuổi, là lúc loài hữu tình giàu có sung sướng, tuổi thọ giảm tổn, các việc xấu càng nhiều lên, không phải là

loại đại khí, cho nên không có Luân Vương nữa. Vị vương này do luân chuyển ứng phó, hàng phục tất cả nên gọi là Chuyển Luân Vương. Các thuyết nêu ra gồm có bốn loại luân vương là: Kim, Ngân, Đồng, Thiết. Theo thứ tự đó, các vị lần lượt cai quản các châu 1, 2, 3, 4, ... **Khế kinh chép:** Nếu như vua sinh vào dòng Sát Đế Lợi, nối ngôi Sái Đỉnh, trong vòng mười lăm ngày sẽ thọ trai giới, tắm gội đầu thân, nhận đủ trai giới rồi bay lên đền đài. Thần tiên kéo đến phụ tá. Ở phía Đông chợt có Kim luân bảo xuất hiện. Có đến hàng ngàn luân xa, đủ cả vành trục, mọi thứ viên mãn, như thợ khéo làm ra vậy. Ánh hào quang tỏa chiếu rọi tới vương sở. Vị vương này chắc hẳn là Kim Chuyển Luân Vương. Các vị Chuyển Luân Vương khác cũng như thế.

So sánh:

Vị vua và vị Chuyển Luân Thánh Vương cao thấp khác nhau một trời một vực. Các kinh khác so với kinh Pháp Hoa cũng như thế! Hành giả Pháp Hoa nên lưu ý, thẩm sâu nhuần nhuyễn từng phẩm, từng đoạn, từng câu, từng lời của kinh Pháp Hoa.

Viên ngọc của nhà vua giá trị khác, tức là thấp hơn viên ngọc của vị Chuyển Luân Thánh Vương. Các kinh giá trị có chừng mực, còn kinh Pháp Hoa giá trị tối thượng và tuyệt đối.

Có người còn nêu thắc mắc, giá trị cao thấp ở điểm nào? Xin thưa toàn bộ kinh, từng phẩm, từng đoạn, từng câu, từng chữ, từng lời. Một chữ Diệu của đề kinh phải giảng luận một vài tháng, còn tu chứng đắc chữ Diệu phải trọn đời trọn kiếp, có khi phải trải qua nhiều kiếp nhiều đời. Nhưng cũng có khi gặp thuận duyên chỉ nghe qua một vài giờ mà sự liễu ngộ nhanh hơn chớp mắt (Nàng công chúa rồng thành Phật). Các bộ kinh khác: Các pháp đồng một pháp. Kinh Pháp Hoa: Pháp trụ trên ngôi pháp. Các bộ kinh khác: Tướng thế gian vô thường. Kinh Pháp Hoa: Tướng thế gian vẫn thường. Nói tóm lại lưu ý chú tâm tinh tấn tu luyện liễu thông chứng đắc trong nháy mắt. Nếu ngược lại chỉ ngồi mà lý thuyết suông thì chẳng biết đến bao giờ mới tri kiến được **pháp không tướng**. Có liễu ngộ được pháp không tướng mới hiểu được sự quý giá của viên ngọc trong búi tóc của vị Chuyển Luân Thánh

Vương, tức là mới liễu ngộ được pháp tối thượng, tuyệt vời của kinh Pháp Hoa.

Đức Phật đã ví các bộ kinh khác như ngàn suối, trăm sông; còn kinh Pháp Hoa là sự rộng sâu của biển cả. Nhưng những người tu học Phật, khi mới bước vào lợi nước thì nên lợi suối, qua sông cho quen, chứ đừng vội vàng nhập vào lòng biển lớn. Các bộ kinh khác, như chương trình Tiểu - Trung học, còn kinh Pháp Hoa như Đại học và trên Đại học.

Chính văn

Này Bồ tát Văn Thù Sư Lợi ! Kinh Pháp Hoa này là lời nói bậc nhất của Như Lai, tất cả mọi lời nói thì đây là rất sâu, mãi rớt sau nay mới ban cho, như vị Chuyển Luân Thánh Vương, từ lâu dùng uy lực gìn giữ viên minh châu, mãi nay mới cho vậy!

Lại Bồ tát Văn Thù ! Kinh Pháp Hoa này là tạng bí mật của chư Phật, ở nơi các kinh thì kinh này là bậc trên hết, từ lâu giữ gìn chẳng vọng phổ thuyết, mãi đến nay Như Lai vì các vị mà tuyên bày pháp lớn vậy.

Giảng luận

Cũng là lời trong kinh, tại sao lại có lời nói bậc nhất trên các lời nói? Cũng là chữ nghĩa sách vở, nhưng nhất định chữ nghĩa nơi sách vở của đại học và trên đại học phải trở thành bậc nhất so với lời trong sách trung tiểu học chứ!

Kinh Pháp Hoa tại sao lại là tạng bí mật của chư Phật? Xin thưa! Phải gọi là tạng bí mật là vì tất cả phương pháp chứng đắc quả vị Phật, quả vị Bồ tát, ngay hiện đời đều nằm gọn nơi kinh này. Trường hợp công chúa rồng thành Phật trong nháy mắt, hàng quan dân cung rồng, thành Bồ tát số đông nhiều hơn số cát trên bờ sông Hằng, chỉ nhờ nghe Bồ tát Văn Thù thuyết một thời kinh Pháp Hoa thôi. Tại sao trong tất cả các kinh thì kinh này là bậc trên hết? Xin thưa! Các bộ kinh khác đơn thuần đơn hệ, chỉ có kinh Pháp Hoa bao gồm đa dạng, nhất là hợp nhất được cả Tiểu thừa lẫn Đại thừa. Các bộ kinh khác mở đầu phẩm Tựa chỉ có sáu điểm thành tựu, còn kinh Pháp Hoa thì đến bảy điểm thành tựu. Điểm thành tựu thứ bảy, Đức Phật Đa Bửu Như Lai hiện hữu tại Pháp Hoa hội Linh Sơn để làm nhân chứng kinh Pháp Hoa và nhường nửa tòa ngai mời Đức Phật Thích Ca cùng ngai, việc làm tuy hết sức đơn

giản nhưng minh chứng cho muôn loài biết rằng chư Phật vốn bình đẳng. Quá khứ, hiện tại và sau này vốn bình đẳng. Điều này hướng dẫn muôn loài thực hiện tòa ngôi bình đẳng. Nếu ai vâng tin theo lời Phật thì các đại lễ chẳng phải nhọc sức dài dòng giải thích là chúng tôi đoàn kết, chúng tôi bình đẳng, mà chỉ cần làm theo kinh Pháp Hoa! Cả hai vị cựu và tân cùng ngồi chung một tòa ngôi và ngang nhau, chẳng hề phân cựu tân, lại cũng chẳng hề phân ngôi chủ khách, nhất là chẳng phân không gian có biên cương và thời gian có quá khứ hiện tại. Quá giản đơn như thế, nhưng ít ai trì kinh Pháp Hoa. Nói chung còn biết bao nhiêu điểm trên hết, biết bao nhiêu quy tắc thuộc pháp Diệu hương sen nhập đời.

Tại sao kinh Pháp Hoa được giữ gìn từ lâu, mà nay gặp Bồ tát Văn Thù Sư Lợi và đầy đủ Bồ tát Thanh Văn, Duyên Giác, trời thần người quỷ rồng, nhất là có sự hiện hữu của Đức Phật Đa Bửu Như Lai. Nói chung là đầy đủ đại chúng nơi Pháp Hoa hội Linh Sơn. Đức Phật Thích Ca mới chịu tuyên thuyết truyền trao? Nhưng xin thưa! Truyền trao thì dễ, còn chọn người xứng đáng nhận pháp quý báu như nhận ngọc minh châu của vị Chuyển Luân Thánh Vương mới là khó. Đọc,

tụng, in chép, phổ biến, cúng dường thì rất nhiều người, nhưng thọ trì phổ thuyết mới thật là khó. Phải đợi gặp Bồ tát Văn Thù Sư Lợi có mặt mới công bố trao cho hàng Đại Bồ tát thọ trì kinh Pháp Hoa. Hàng Đại Bồ tát tức là hàng Bồ tát ma ha tát mới tuyên thuyết truyền trao trách nhiệm trì kinh Pháp Hoa. Những bậc trì kinh Pháp Hoa phải có đủ nhiều yếu tố, trong đó phải có thêm yếu tố an trụ bốn pháp và pháp thứ tư ý phải phát khởi đại từ và tâm đại bi. Tâm ý vừa giữ niềm vui vừa xua nỗi khổ. Đây là hạnh nguyện của một vị Đại Bồ tát, đủ tư cách thọ trì và tuyên thuyết kinh Pháp Hoa.

Chính văn

10. Lúc đó Đức Thế Tôn lại thuyết thơ kệ trùng tuyên nghĩa trên:

Thường tu nhẫn nhục
 Thương tất cả chúng
 Mới có thể thuyết
 Kinh Phật ngợi khen
 Đời mạng về sau
 Người trì kinh này
 Xuất gia, tại gia
 Chẳng phải Bồ tát

Phát tâm từ bi
Nếu chẳng ai nghe
Chẳng tin kinh này
Thời mất lợi lớn
Ta đăc Phật đạo
Dùng sức phương tiện
Thuyết giảng pháp này
Khiến trụ trong đó
Ví như sức mạnh
Chuyển Luân Thánh Vương
Binh tướng có công
Ban thưởng các vật
Voi ngựa xe cộ
Món báu trang điểm
Kể cả ruộng nhà
Xóm làng thành ấp
Hoặc ban y phục
Các món châu báu
Người hầu tiền của
Vui vẻ ban cho
Có người tráng kiện
Làm được việc khó
Vua mở búi tóc
Ban cho minh châu

Như Lai cũng vậy
Là vua các pháp
Sức lớn nhẫn nhục
Tàng báu trí tuệ
Dùng đại từ bi
Đúng pháp độ đời
Thấy thấy mọi người
Chịu nhiều khổ não
Mong cầu giải thoát
Đánh dẹp quân ma
Phật vì chúng sanh
Thuyết các pháp để
Dùng đại phương tiện
Thuyết các pháp này
Biết rõ chúng sanh
Được nhiều sức mạnh
Rốt sau vì họ
Thuyết kinh Pháp Hoa
Như vua mở tóc
Trao tặng minh châu
Kinh này là lớn
Trên cả các kinh
Ta thường giữ gìn
Chẳng vọng chỉ bày

Nay đã đúng thời
Vì các người thuyết
Sau ta diệt độ
Người cầu Phật đạo
Muốn được an ổn
Diễn thuyết kinh này
Phải thương thân cận
Bốn pháp như thế
Độc tụng kinh này
Thường chẳng ưu phiền
Cũng chẳng bệnh khổ
Nhan sắc xinh đẹp
Chẳng sanh nhà nghèo
Ti tiện xấu xí
Chúng sanh thích nhìn
Như mến thánh hiền
Đồng tử cõi trời
Dùng làm sai bảo
Dao gậy khó xâm
Độc hại chẳng nhập
Kẻ ác muốn mắng
Miệng đành ngậm thình
Dạo đi chẳng sợ
Như vua sư tử

Trí huệ sáng suốt
Như mặt trời sáng
Nếu trong chiêm bao
Chỉ thấy điềm lành
Thấy rõ chư Phật
Ngồi tòa sư tử
Các chúng Tỷ kheo
Vây quanh thuyết pháp
Lại thấy long thần
Cùng A Tu La
Như cát sông Hằng
Cung kính chấp tay
Tự nhìn chính mình
Vì chúng thuyết pháp
Lại thấy chư Phật
Thân tướng sắc vàng
Phóng nhiều hào quang
Chiếu khắp tất cả
Dụng âm thanh lớn
Diễn thuyết các pháp
Phật vì bốn chúng
Thuyết pháp vô thượng
Thấy rõ nội tâm
Chấp tay ngợi Phật

Nghe pháp lòng mừng
Mà cúng dường vậy
Được pháp tổng trì
Chứng trí bất thối
Phật biết tâm người
Thấm sâu Phật đạo
Liên thọ ký cho
Thành tối chánh giác
Này người thiện nam
Vào đời mai sau
Đắc trí vô lượng
Đạo lớn của Phật
Cõi nước nghiêm tịnh
Rộng lớn đâu bằng
Cũng có tứ chúng
Chấp tay nghe pháp
Lại thấy thân mình
Trụ giữa núi rừng
Tu tập pháp lành
Chứng pháp thật tướng
Thấm vào thiền định
Thấy mười phương Phật

**

Chư Phật sắc thân vàng

Trăm phước tướng trang nghiêm
Nghe pháp vì người thuyết
Thường chiêm bao tốt đẹp
Lại mộng làm quốc vương
Bỏ quyền thuộc cung điện
Và năm dục cao diệu
Đi đến nơi đạo tràng
Ngồi dưới gốc Bồ đề
An tọa tòa sư tử
Cầu đạo quá bảy ngày
Đắc trí của chư Phật
Thành đạo vô thượng xong
Đứng dậy chuyển pháp luân
Vì bốn chúng thuyết pháp
Trải nghìn muôn ức kiếp
Thuyết pháp mầu vô lậu
Độ vô lượng chúng sanh
Sau mới nhập Niết bàn
Như khói hết lửa tắt
Nếu giữa đời ác sau
Thuyết pháp hạng nhất này
Người đó được lợi lớn
Các công đức như trên.

Giảng luận

Phần thơ kệ của nhiều bản Việt ngữ kinh Pháp Hoa vì muốn sáng nghĩa nên dịch thành thể thơ năm chữ. Trong lúc đó chính văn Hoa ngữ đa phần bốn chữ. Đoạn thơ kệ này, cũng như toàn phẩm An Lạc Hạnh, kể cả toàn bộ kinh Pháp Hoa. Nơi Pháp Hoa giảng luận này, chúng tôi cố giữ y như bản Hoa ngữ, chỗ nào chính bản năm chữ chúng tôi Việt dịch năm chữ, chỗ nào bốn chữ Việt dịch bốn chữ. Quan trọng là Hoa ngữ có mấy câu thì Việt dịch cũng giữ mấy câu. Vì vậy nên không làm sao sáng nghĩa hơn các bản Việt dịch khác. Rất mong hành giả Pháp Hoa, khi đọc Pháp Hoa giảng luận liễu tri cho.

Đoạn thơ kệ này là phần cuối phẩm An Lạc Hạnh, trùng tuyên ý nghĩa về nơi an trú thứ tư của phẩm kinh, nghĩa là nơi an trú của vị Đại Bồ tát, hoặc nhập hạnh Bồ tát khi thọ trì phổ thuyết kinh Pháp Hoa thì ý phải khởi đại từ, tâm phải khởi đại bi đối với tất cả mọi người.

Đoạn thơ kệ lập lại để nhấn mạnh việc phổ thuyết kinh Pháp Hoa của Đức Phật, cũng ví như việc ban thưởng viên ngọc minh châu từ trong búi tóc của Ngài Chuyển Luân Thánh Vương.

Đoạn kệ này gồm 126 câu bốn chữ và 24 câu năm chữ, tất cả là 624 chữ. Câu nào, chữ nào cũng đều quan trọng cả. Nhưng hành giả Pháp Hoa đang tập bước vào tòa lâu đài Pháp Hoa minh mông cao rộng, nếu tổng quan đầy đủ sẽ bị chóa mắt và ngợp, nên tùy mình sở thích câu nào, đoạn nào thì nghiền ngẫm đoạn đó. Ví dụ như:

... Sau Phật diệt độ
Ai cầu Phật đạo
Muốn được an ổn
Diễn thuyết Pháp Hoa
Phải thương thân cận
Bốn pháp như thế ! ...

Bốn pháp như thế đã diễn tả rõ ràng ở phần kinh văn và một số câu kệ, nhưng vì kinh rộng bao la hơn biển, nên nếu thiếu hoa tiêu thì sẽ lạc lối, khó cập đúng bến. Hành giả ngoài ý chí kiên cường, còn đòi hỏi lòng nhẫn nại, nhất là sự định tâm chú ý từng câu từng đoạn thì mới nhớ, mới hiểu, mới tin, có tin mới chịu thực hành, khi thực hành bắt đầu có ít nhiều kết quả, lúc ấy mới tinh tấn tập luyện, mới liễu ngộ, mới chứng đắc, lúc ấy mới là thọ trì phổ thuyết kinh Pháp Hoa.

Bốn pháp như thế là pháp nào?

Lập đi lập lại nhiều lần để dễ nhập tâm:

- ① Tiêu chuẩn đức hạnh.
- ② Những nơi chẳng nên mật thiết.
- ③ Cuộc sống an lạc.
- ④ Ý khởi đại từ, tâm rộng đại bi.

Muốn được hoàn toàn an ổn trong sứ mệnh thọ trì phổ thuyết kinh Pháp Hoa thì phải sống đầy đủ bốn pháp vừa nêu đó là của hàng Đại Bồ tát, còn hàng học giả, hành giả, trí giả của kinh Pháp Hoa chưa chứng đắc quả vị Đại Bồ tát thì chưa thọ trì và phổ thuyết toàn phần kinh Pháp Hoa, mà ta chỉ tập luyện thọ trì, tập luyện phổ thuyết từng phần nhỏ của kinh Pháp Hoa để nhập hạnh Bồ tát, hầu sẽ chứng đắc quả vị Bồ tát và dần dần sẽ đắc quả vị Bồ tát ma ha tát. Bởi vì Như Lai là Phật đã thành, còn chúng sanh là Phật sẽ thành. Hàng Đại Bồ tát là những bậc đã đắc quả vị Đại Bồ tát, còn hàng học, hành và trí giả của kinh Pháp Hoa là những vị sẽ đắc quả vị Bồ tát ma ha tát. Khác nhau đã đắc và sẽ đắc.

Chúng ta phát nguyện sống theo từng phần nhỏ xiu của bốn nơi an trú của hàng Đại Bồ tát, thuyết kinh Pháp Hoa.

Đoạn kê 624 chữ như 624 giọt vàng ngọc đang lẫn trong cát đất. Hành giả Pháp Hoa kiên trì đãi lọc, gom từng giọt ngọc vàng, khi có nhiều giọt ngọc vàng mới được trao thưởng như Đức Chuyển Luân Thánh Vương mở búi tóc trao thưởng ngọc minh châu.

III.- TÓM KẾT

Trong số hành giả Pháp Hoa có người tu luyện toàn bộ kinh, có người tu luyện một đoạn, hoặc một câu, cũng có người chỉ chọn một chữ hoặc vài chữ, lại cũng có vị chọn toàn phẩm An Lạc Hạnh để tu luyện. Những vị chọn phẩm An Lạc Hạnh thì có người giữ được cuộc sống an nhàn, cũng có người vất vả lận đận, long đong, khiến kẻ xấu nhìn vào số hành giả nhọc khổ này mà đổ thừa tại các vị đó tu luyện phẩm An Lạc Hạnh nên bị nghiệp chướng đổ tàn tệ như thế! Sự phát ngôn thiếu khách quan này đúng hay sai? Đã tu hạnh An Lạc mà tàn tệ là sao? Nếu nói vậy thì sao không thấy số hành giả tu an lạc hạnh họ đang đạt cuộc sống an nhàn thanh thoát kia thì sao?

Nghiệp chướng khảo đảo là do tâm ý của hành giả chứ không do phẩm An Lạc Hạnh. Nghiệp chướng của Ngộ Đạt Quốc Sư đổ là do tâm ý của Ngài chứ đâu do chiếc ghế trầm hương, cũng không tại nhà vua tặng ghế. Muốn xác minh vấn đề này phải hiểu rõ ràng từng nét.

Bốn hạnh an trụ của Bồ tát:

❶ Hành xử (Tiêu chuẩn đức hạnh)

Vị Bồ tát an trụ trong nhẫn nhục nhu hòa, khéo thuận mà không lật bạt. Tâm chẳng hãi sợ, trụ ở pháp chẳng hề phân biệt mà quán tưởng như thật của các pháp. Lại vị Đại Bồ tát, quán sát tất cả các pháp không, đều như thật tướng, vậy mà hành giả quán sát pháp nào cũng đều là **pháp** có chứ chưa thấy tướng không của các pháp. Có sắc đẹp, có tài lợi, có danh chức cao thấp, có ăn uống món ngon dở, có ngủ nghỉ sai khác. Chưa quán sát thâm sâu để liễu thông sắc tài danh lợi và ngủ nghỉ thì làm sao chứng ngộ? Chưa liễu được pháp nào cả thì sao gọi là hành giả Pháp Hoa, chưa làm được vị hành giả Pháp Hoa thì sao an trụ nơi bốn pháp, chưa an trụ được “bốn pháp” thì làm sao nhập hạnh Bồ tát, làm sao hiện đời an trụ nơi bốn pháp an lạc. Bốn pháp an lạc còn

nhều lắm, nào là chẳng điên đảo, chẳng động, chẳng thối, chẳng chuyển, như hư không chẳng có thật tánh, tất cả lời nói phô bày chấm dứt cũng vậy! Tất cả đều chẳng sanh, chẳng xuất, chẳng khởi, chẳng danh, chẳng tướng, thật không chỗ có, không thể lường, không ngăn, không ngại, không chướng, chỉ do nhân duyên mà có, từ điên đảo mà sanh. Đây là những tiêu chuẩn về đức hạnh của hàng Đại Bồ tát giữ tiêu chuẩn này mà thọ trì phổ thuyết kinh Pháp Hoa. Còn giới hành giả Pháp Hoa chưa có thể sống đủ tiêu chuẩn đức hạnh như những vị Đại Bồ tát, nhưng tối thiểu cũng phải có ảnh hưởng phần nào theo các tiêu chuẩn đức hạnh này thì cuộc sống mới an vui vững vàng để tập sự thọ trì phổ truyền kinh Pháp Hoa. Nếu được như thế thì sao có nghiệp chướng đổ vì tu theo phẩm An Lạc Hạnh. Trường hợp có những hành giả mới đọc tụng chưa liễu thông vì chưa đến giai đoạn thọ trì cho nên nghiệp chướng mới đổ. Lại cũng có hành giả chịu nhận nghiệp thế cho các hành giả khác, nên nghiệp mới đổ. Nhưng nếu ai nghiệp chướng đang đổ thì nên vui mừng bởi các món nợ nần, những điều xấu xí nó đang đổ và nó sẽ đổ hết, giúp thân tâm được sớm nhẹ nhàng, thanh thoát. Cũng như người đái lợc

ngọc vàng, nếu không loại trừ được cát đá thì làm sao thu nhặt được ngọc vàng. Không đở hết nghiệp chướng thì làm sao rời địa vị phàm nhân để nhập vào hàng ngũ hiền triết, làm sao tập làm hành giả thọ trì phổ quảng kinh Pháp Hoa.

Còn ba yếu tố sau:

- ② Những nơi chẳng nên mật thiết.
- ③ Cuộc sống an vui.
- ④ Khởi ý từ, tâm bi.

② Nơi thân cận (những nơi chẳng nên mật thiết):

Đức Phật dạy hàng Đại Bồ tát, khi thuyết giải kinh Pháp Hoa, có một số thành phần không ưa thích, vì vậy nên cần vững nơi bốn pháp an trú. Tiêu chuẩn thứ hai là Đức Phật dạy: Có một số nơi, hành giả Pháp Hoa chẳng nên thân mật, tức là chỗ nên mật thiết. Giá như không mật thiết thì ai nhắc nhở Phật tánh của các giới sang trọng như hàng vua quan, tướng sĩ, quân dân, cùng một số khác. Ngoài ra cũng còn các giới thấp kém như phi nam, phi nữ, đồ tể, phái tu lỏa thể ... những hạng người này xã hội rẻ khinh, hắt hủi, nếu các Ngài Đại Bồ tát và các vị hành giả Pháp Hoa tránh xa, không gần gũi họ thì họ sống làm

sao? Ai mở khai tánh Phật cho họ. Đoạn kinh thân cận xứ này Đức Phật dạy: “Chớ nên **mật thiết** mà thôi!”.

❸ Hạnh an lạc (cuộc sống an lạc)

Muốn mình được sống cuộc đời an lạc thì chính mình phải tôn trọng sự an lạc của người. Mình muốn người kính trọng mình thì chính mình phải kính trọng người.

Chê bai kinh điển, nói xấu người khác, hủy báng Pháp sư, kể cả việc tốt, điều hay của người khác cũng không nêu, luôn giữ tâm ý không để một mảy may oán hờn ngự trị nơi tâm ý của mình. Lúc nào ý cũng khởi đại từ, tâm luôn khởi đại bi. Hạnh thứ tư của Đại Bồ tát phổ thuyết Pháp Hoa lúc nào cũng khởi tâm đại bi, khởi ý đại từ.

Những vị Đại Bồ tát “phổ thuyết” kinh Pháp Hoa và những vị hành giả “phổ quảng” kinh Pháp Hoa nên:

**An tọa pháp tòa
Theo hỏi mà thuyết
Nếu có Tỷ kheo
Hoặc Tỷ kheo Ni**

Các nam cư sĩ
Hoặc nữ cư sĩ
Quốc vương, vương tử
Quan dân, tướng sĩ
Dùng nghĩa nhiệm mầu
Vui vì họ thuyết.

Đoạn kệ này một lần nữa đã xác quyết là hàng Bồ tát, cùng người tu tập hạnh Bồ tát không xa tránh quốc vương, vương tử, đại thần, không có chỗ nào cấm chướng được gần gũi những hàng vua, tướng sĩ, quần chúng cả. Đoạn kệ trên đã nói rất rõ.

Trích một đoạn kệ nữa để làm sáng tỏ vấn đề hơn:

Thường hành nhẫn nhục
Thương mến tất cả
Mới đủ diễn thuyết
Kinh Phật ngợi khen
Sau lúc mặt thế
Người trì kinh này
Cùng tại, xuất gia
Hoặc chẳng Bồ tát
Nên sanh từ bi ...

Hàng Bồ tát, cũng như hành giả khi thọ trì phổ quảng kinh Pháp Hoa luôn sống đúng pháp nhân nhu, thương mến chúng sanh, ý khởi đại từ, tâm khởi đại bi. Như thế mới là an trụ nơi hạnh thứ tư đúng lời dạy ở phẩm An Lạc Hạnh.

Hành giả Pháp Hoa đang trên lộ trình thẳng tiến về bảo sở, chuẩn bị lên thêm và vào nhà Pháp Hoa, hầu liễu ngộ Pháp Hoa để thọ trì và phổ quảng kinh Pháp Hoa.

Tóm lại, các giới quân chúng, Phật tử, độc giả, các nhà nghiên cứu, học giả, hành giả, trí giả khi đọc, hoặc nghiên cứu, hoặc trì tụng kinh Pháp Hoa, qua phẩm An Lạc Hạnh, chưa kể đến thọ trì và phổ truyền. Ai ai khi vừa lướt qua cũng đều cảm thấy nó có một điểm gì là lạ, nhất là đọc phẩm kinh từ đầu đến rốt chẳng liên quan gì đến mình, kể cả câu chuyện ví dụ viên ngọc của nhà vua thuộc về một nhà vua siêu tưởng. Việc mượn địa vị của Ngài Chuyển Luân Thánh Vương để làm nổi bật cao siêu cho cốt chuyện, chứ không dẫn người đọc về tiểu sử của nhà vua.

Lại càng thấy khó hiểu hơn đoạn kinh: Chẳng ưa nuôi đệ tử Sa di ít tuổi và các trẻ nhỏ. Vậy thì ai giáo dưỡng những người này? Phải

hiểu rất rõ rằng xã hội có hai thành phần trí thức và bình dân. Hành giả Pháp Hoa và Bồ tát không được rời bỏ thành phần nào cả! Phật chỉ dạy là chớ nên mật thiết mà thôi! Chớ mật thiết khác với chớ gần gũi. Vì mật thiết thì khó độ những hạng người này.

Hôm nay chúng ta đủ nhân duyên hiểu rõ để từ nay không còn cố chấp, cũng không còn đổ thừa là siêu là thiếu mà nên hiểu đúng kinh văn, chớ nên cố chấp một nốt ruồi nơi gò má mà chê trách, hoặc loại bỏ một cô gái nhân hậu. Kinh Pháp Hoa là kinh Pháp Hoa, phẩm An Lạc Hạnh là phẩm An Lạc Hạnh. Toàn thể chúng ta mọi người đều thấm nhuần và ảnh hưởng được sự ích lợi to lớn của phẩm An Lạc Hạnh.

Hồi hướng công đức này đến thầy các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm công đức. Xin kết thành Bồ đề quyển thuộc, kiếp kiếp đời đời đọc tụng, thọ trì, chứng đắc và hoằng dương Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

Nam mô Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ tát ma ha tát, tác đại chứng minh.

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

24

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA GIẢNG LUẬN - Bài số 24

PHẨM TÙNG ĐỊA DŨNG XUẤT - Thứ mười lăm

- Chư vị Bồ tát cõi khác, xin sau này thay Phật phổ thuyết kinh Pháp Hoa.
- Hàng Bồ tát từ phía dưới quả đất vọt lên.
- Trong số này có bốn vị hướng đạo sư.

I - MỞ ĐẦU

- Phẩm An Lạc Hạnh thứ 14, Ngài Bồ tát Văn Thù Sư Lợi thưa hỏi Đức Phật là tượng trưng lý trí.

- Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất thứ 15 này, Ngài Bồ tát Di Lạc thưa hỏi là tượng trưng tình cảm.

Mở đầu kinh Pháp Hoa, phẩm Tựa, hai Ngài Bồ tát Văn Thù và Di Lạc gặp nhau, tượng trưng

cả tình cảm lẫn lý trí. Nếu vào đời thiếu một trong hai, hoặc thiếu cả hai yếu tố này thì nhất định không thành công. Kinh Pháp Hoa là bộ kinh tổng lược tất cả các phương pháp nhập đời (pháp Diệu bông sen nhập bần). Vì vậy nếu hành giả Pháp Hoa mà thiếu, hoặc chưa luyện đủ hai yếu tố lý trí và tình cảm thì không thể liễu thông và chắc chắn không thể nào trở thành hành giả Pháp Hoa.

Đầu bộ kinh cần phải đủ cả hai yếu tố lý trí và tình cảm, nhưng tình cảm trước (Bồ tát Di Lạc hỏi Bồ tát Văn Thù).

Vào giữa bộ kinh thì lại tách rời tình cảm và lý trí, ở phẩm An Lạc Hạnh áp dụng lý trí trước. Sau đó phẩm Tùng Địa Dũng Xuất mới phối bày tình cảm. Tuy việc này thoảng qua rất đơn giản, nhưng thấm sâu thì đây là một bí pháp quan trọng cho việc nhập đời, chẳng riêng cho hành giả Pháp Hoa, mà là chung cho tất cả mọi người chúng ta nếu ai muốn thành công.

Mười bốn phẩm trước (từ phẩm Tựa đến phẩm An Lạc Hạnh) nghiêng nhiều về ý thức và trí thức, nên danh từ gọi là tích môn. Mười bốn phẩm sau (từ phẩm Tùng Địa Dũng Xuất đến

phẩm Phổ Hiền Bồ tát khuyến phát) thì nghiêng nhiều về tâm nguyện và đức hạnh, nên tạm gọi là bốn môn. Phần bốn môn mặt giảng luận khó trình bày rõ nét.

Đọc tụng thọ trì phẩm Tùng Địa Dũng Xuất, hành giả Pháp Hoa nên chú ý những điều then chốt của phẩm kinh, chia từng phần, từng đoạn, từng ý nghĩa để khỏi rối loạn, hầu dễ liễu thông thế nào là thực tướng, có liễu thông mới liễu ngộ những nét bí pháp của kinh, bằng không chỉ đọc suông thì mới góp thêm phần tu phước, hoặc để tiêu khiển, hầu mở thêm kiến thức như đọc sách, chứ không phải đọc tụng, thọ trì kinh Pháp Hoa.

Tu luyện phẩm kinh này nếu chưa liễu thông thì không tin, mà đã không tin thì làm sao đủ hấp lực để tinh tấn đọc tụng thọ trì. Ví dụ như các Ngài Bồ tát không tên tuổi, từ ngoài quả đất vụt mạnh lên đến Pháp Hoa hội Linh Sơn, có vị đến một mình, nhưng đa số đều đem theo quyến thuộc, như các vị thượng thủ hàng quyến thuộc tùy tùng đông đến ngàn vạn ức triệu lần số cát sông Hằng. Chỉ bằng một lần số cát sông Hằng cũng đã khó tưởng tượng nổi, huống gì đông đến **“ngàn vạn ức triệu lần số cát sông Hằng”**.

Trong giới tu học của chúng ta có người chẳng những không tin, mà còn nghi ngờ nên cũng có người thắc mắc, nếu đông nhiều như vậy thì ngôi ở đâu? Xin thưa! Ngôi cùng chỗ của vị Bồ tát chủ của họ. Chúng ta hãy liên tưởng vào thực tại, hàng triệu người trên mặt kiếng truyền hình xem họ ngôi làm sao? Hơn nữa, số người trên mặt kiếng truyền hình là phạm nhân, còn Bồ tát và quyến thuộc của Bồ tát mà không biết tìm có chỗ ngôi thì sao còn gọi là Bồ tát.

Như đã đề cập từ đầu, nếu ai đọc tụng thọ trì kinh Pháp Hoa mà dùng trí phạm nhân để phân tích, suy lường thì chẳng cách nào có thể liễu thông các bí pháp của Pháp Hoa.

Một vấn đề khác rất khó liễu thông: Hàng Bồ tát từ các quốc độ khác đến Pháp Hoa hội Linh Sơn nơi cõi Sa Bà, số đông nhiều tới tám lần số cát sông Hằng. Tất cả đều quỳ lễ xin Phật sau này được thay Phật đọc, tụng, thọ trì, in chép, phổ thuyết và cúng dường kinh Pháp Hoa nơi cõi Sa Bà. Thế nhưng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại từ chối không ủy thác. Như thế là thế nào? Tại sao có đông vị Bồ tát phát nguyện sau khi Phật diệt độ đã có người thay Phật chịu trách nhiệm việc

khó làm như thế, mà Đức Phật Thích Ca lại không chấp thuận. Xin xem phần giải rõ ở đoạn giảng luận.

Một vấn đề khác cũng ở phẩm này: Tại sao hàng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất, lại không họ, không tên cũng không trú xứ mà là từ đất vụt lên; từ đất là từ đất nào, không lẽ trong lòng đất? Còn nhiều vấn đề sâu xa khó hiểu khác, còn nhiều bí pháp. Những vấn đề khúc mắc ở đây cũng có người giải thích được phần nào, nhưng bí pháp thì đành chịu, bởi vì bí pháp thuộc về mật hạnh, không thể dùng ý thức hoặc kiến thức để phơi bày hoặc thấy rõ được, đòi hỏi hành giả Pháp Hoa phải thực sự tu luyện và nhập đời, cũng như hạt sen phải vào bùn và phải đổi, phải nứt vỏ cứng của hạt sen, phải hút bùn, phải tinh lọc mới nở hoa, mới có hương nhụy, đơm bông kết hạt. Chẳng những một pháp môn sen mà cần phải có phương pháp sống Diệu, hành giả nắm vững hai phương pháp rồi tinh tấn tu luyện phải trải qua thời gian mới liễu thông, nhiều khi thông mà chưa liễu thì cũng khó mà thành tựu Pháp Hoa. Liễu thông, phải liễu ngộ, có liễu ngộ mới là hành giả Pháp Hoa. Khi liễu ngộ Pháp Hoa tự

nhiên hiểu từng bí pháp của Pháp Hoa, còn chưa liễu ngộ thì dù có giảng, có luận, có bàn, hoặc có tư duy đến đâu cũng chỉ hiểu để mà tu luyện chứ không thể liễu ngộ bí pháp. Chưa liễu ngộ thì chưa áp dụng bí pháp cho cuộc sống chính mình và chưa phổ truyền cho nhiều người khác.

Đọc tụng, in sao viết chép và cúng dường là để liễu thông Pháp Hoa, khi liễu thông mới thọ trì để liễu ngộ, có liễu ngộ mới thuyết giải phổ truyền kinh Pháp Hoa.

II.- NỘI DUNG

◆ Chư Bồ tát từ cõi khác đến

Chính văn

1- Lúc bấy giờ, chư vị Đại Bồ tát từ các cõi nước phương khác đến, số đông nhiều hơn lượng cát của tám sông Hằng, đồng đứng lên giữa đại chúng làm lễ rồi bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Cho phép chúng con sau khi Phật diệt độ, chúng con được tinh tấn đọc tụng, thọ trì, in chép, cúng dường kinh này thời chúng con sẽ ở trong cõi này mà phổ thuyết sâu rộng”.

Khi đó Đức Phật dạy các Ngài Đại Bồ tát: “Này các thiện nam tử ! Chẳng phải cần sức nhọc mệt đến quý ông để hộ trì kinh này. Vì sao? Vì cõi Sa Bà đã có hàng Đại Bồ tát, số đông nhiều bằng sáu vạn lần số cát sông Hằng. Mỗi vị Bồ tát lại có quyến thuộc cũng đông nhiều như thế. Sau khi Như Lai diệt độ, số vị này có thể đọc tụng, hộ trì, rộng phổ thuyết kinh Pháp Hoa ở cõi này”.

Giảng luận

Sở dĩ Đức Phật từ chối các vị Bồ tát từ các cõi ở phương xa đến phát nguyện hộ trì phổ thuyết kinh Pháp Hoa nơi cõi này là vì muốn bộ kinh nhập đời, hướng dẫn quy thức cho đời.

* **Bản thân:** Không thể thay toàn thể các bộ phận của thân thể.

* **Gia đình và gia tộc:** Không thể thay toàn thể cháu con người khác làm việc, còn cháu con mình thì ngồi chơi.

* **Quốc gia dân tộc:** Khi các vị lãnh đạo ngành giáo dục hay vị quốc chủ qua đời, rồi nước này lại chấp nhận toàn hệ nhân sự của nước khác đến thay để giáo dục con em của nước này, hoặc

lãnh đạo đất nước này. Chi tiết các mặt khác, kinh tế, chính trị, xã hội, quân sự ... cũng vậy! Khi cần học cái hay của người thì mình cho con em hoặc cán bộ du học, hoặc là mời chuyên viên, chứ không rước cố vấn, nếu rước cố vấn là ươm mầm mất nước. Lịch sử từ ngàn xưa đã chứng minh điều này, hầu hết các quốc gia bị mất chủ quyền cũng đều khởi từ chỗ rước viện binh và cố vấn về giúp nước mình. Giúp xong họ sẵn cỗ ngon ngồi lại ăn luôn, thỉnh thoảng mới có trường hợp giúp xong hoan hỷ lui về.

Việc phổ truyền kinh Pháp Hoa khác với việc đời, tuy nhiên Đức Phật khéo léo đưa công thức dừng ý lại, đừng nhờ người cõi khác, đây là phương pháp dạy đời. Việc đạo Bồ tát các cõi khác, đến xin phổ thuyết kinh ở cõi này, mà Đức Phật còn chưa chấp thuận, hướng chi là việc đời. Học đạo để áp dụng cho đời.

Tổ tiên chúng ta có câu châm ngôn: **Của ruộng đắp bờ**. Dùng đất dưới ruộng, đắp lên bờ, chứ không chở đất chỗ khác về đắp cho bờ ruộng ở đó. Câu châm ngôn ngắn gọn, nhưng kết quả và lưu truyền kinh nghiệm sâu xa thuộc nhiều mặt, thật là sáng suốt tuyệt vời!

Đặt giả thuyết ba vấn đề, nếu Đức Phật chấp thuận chư Bồ tát cõi khác đến cõi này thuyết kinh, vậy thì vấn đề thứ nhất: Đức Phật bỏ chúng sinh các cõi khác đó hay sao? Vấn đề thứ hai: Chỉ có cõi khác mới có Bồ tát thuyết kinh, còn cõi này không có Bồ tát hay sao? Chẳng những có mà có nhiều gấp bội phần. Số lượng các cõi khác đến chỉ có số đông bằng tám lần số cát sông Hằng, còn cõi này số đông nhiều đến sáu vạn lần cát sông Hằng, còn quyến thuộc tùy tùng thì đông nhiều không thể tính đếm! Vấn đề thứ ba hàng hậu học sẽ ý lại rằng có Bồ tát cõi quốc độ khác, hoặc cõi mình thì không có Bồ tát! Cho nên họ không tin chính họ có hạt giống Bồ tát, mà chẳng cầu tu thành Bồ tát.

Đa phần giới hiểu kỳ thường có xu hướng vọng ngoại, không tự tin chính mình đã đành, mà lại không tin những gì siêu tuyệt của Tổ quốc mình, dân tộc mình, loài người mình, chẳng những không tin mà còn chê. Đủ mọi khía cạnh từ văn hóa, xã hội, kể cả hàng hóa, cũng tìm mua hàng nước khác, dù rằng nước khác có nhiều phương diện thua mình xa một trời một vực.

Một câu chuyện mới đây, trong buổi gặp mặt, có người hỏi một vị thức giả: Ngài đi Hàn

quốc mới về có gì kể chúng tôi nghe với. Vị thứ giả thuật tóm lược chuyển đi và khen đáo, khen để, nhất là phương diện điện ảnh. Vị ấy nói Việt Nam mình còn kém xa, biết bao giờ theo kịp. Từ đầu chúng tôi không tham gia, nhưng đến đây chúng tôi mới mở lời: “Việt Nam có nhiều điểm còn thua các nước tiên tiến trên thế giới, nhưng cũng có rất nhiều điểm thế giới phải đến Việt Nam mà học. Riêng về điện ảnh thì chưa chắc nước nào đóng phim xã hội hay bằng Việt Nam. Nhiều phim lắm, điển hình như phim **“Cánh đồng hoang”**, hỏi có nước nào đóng hơn, dù chúng tôi không theo dõi toàn cốt chuyện phim, chỉ xem đứt đoạn, nhưng cũng đủ để nhận xét và công nhận là xuất sắc.

Đức Phật đã dạy chúng ta nơi kinh Pháp Hoa rất rõ ràng: “Ở đâu cũng có Phật, ở đâu cũng có Bồ tát, ở đâu cũng có ma, có quỷ! Ai ai, loài nào cũng có quyền sẽ thành Bồ tát, sẽ thành Phật”.

Trong quỷ đói có thánh hiền

Trong em có Phật, trong tiên có phàm

Trích Thi phẩm Từng giọt Ma Ni

Và châm ngôn Tổ tiên Việt Nam đã dạy người Việt Nam:

**Ở đâu cũng có anh hùng
Ở đâu cũng có người khùng người điên**

Vậy hành giả Pháp Hoa, nhất là ai đã nhận mình là Việt Nam, là con người thì chớ nên bảo thủ và cũng chớ nên vọng ngoại, nhất là đừng vợ đũa cả nắm. Mía sâu có đốt, nhà dột có nơi.

Ý nghĩa đoạn kinh này còn nhiều thâm sâu, rất mong những ai đã tự nhận mình là hành giả Pháp Hoa, nên lắng sâu để tận hưởng được từng giọt ngọt vô giá của kinh.

◆ Bồ tát từ phía dưới quả đất vọt mạnh đến Pháp Hoa hội Linh Sơn

Chính văn

Lúc Đức Phật thuyết lời vừa dứt thì cõi Sa Bà khắp ba ngàn đại thiên quốc độ, đất đều chấn động, mà trong đó có vô lượng nghìn muôn ức vị Đại Bồ tát đồng lúc vọt mạnh đến Pháp Hoa hội Linh Sơn. Các vị đều thân sắc vàng và đủ ba mươi hai tướng tốt, cùng vô lượng ánh sáng từ trước nay đều ở nơi cõi Sa Bà quốc độ trụ giữa hư không. Chư vị Bồ tát này nghe âm thanh thuyết pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nên từ phương

dưới mà đến. Mỗi vị đem theo quyển thuộc bằng sáu vạn lần cát sông Hằng. Cũng có vị đem theo năm vạn quyển thuộc, hoặc đông nhiều bằng bốn vạn, ba vạn, hai vạn, một vạn lần số cát sông Hằng. Cũng có vị đem theo quyển thuộc bằng một lần số cát sông Hằng, hoặc nửa, hoặc một phần trăm số cát sông Hằng. Cũng có vị đem theo một phần ngàn vạn ức triệu tỷ lần số cát sông Hằng. Huống là đem theo một phần ngàn vạn, trăm vạn, một vạn của số cát. Huống là đem theo một nghìn, một trăm, nhân đến mười quyển thuộc. Huống là đem theo năm, bốn, ba, hai, một người đệ tử. Huống là những vị vì ưa hạnh viễn ly nên chỉ một mình.

Số Bồ tát này và quyển thuộc đông nhiều vô lượng, vô biên dường ấy thì làm sao tính đếm hoặc thí dụ để biết hết được.

Giảng luận

Số Bồ tát không tên, không hiệu, không trú xứ, mặc dù biết là vẫn ở cõi Sa Bà, nhưng từ quốc độ nào mà đến lại từ dưới đất vọt lên? Dưới là ở đâu, không lẽ từ trong lòng đất vọt lên, trong

lòng đất thì chỉ có đất và nước, còn đào sâu khỏi lớp vỏ quả đất thì chỉ có lửa chứ làm gì có nơi để Bồ tát trú ngụ mà từ đất vọt lên. Trong chính văn kinh phần Việt văn có chỗ đề chữ mặt đất nứt Bồ tát vọt lên. Chữ “**nứt**” này e khiến cho hàng sơ cơ hiểu lầm, hiểu phản khoa học, biến mình thành mê tín dị đoan. Từ dưới, chữ dưới ở đây là ở phía dưới ngoài quả đất, nơi một hành tinh khác, vì cõi Sa Bà có nhiều quốc độ chứ không phải chỉ riêng một hành tinh quả đất. Từ phía dưới quả đất vọt lên thì dễ hiểu, hơn là từ đất vọt lên. Thêm ba chữ từ “**phía dưới quả**” đất thì sai bản Hoa văn, nhưng hành giả dễ hiểu, còn khư khư nệ chấp rằng Hoa văn mấy chữ thì Việt văn cũng mấy chữ thì chỉ làm thêm tối nghĩa, hơn là đọc chính Hoa văn; bởi vì Hoa văn nhiều khi quá tóm lược, như trường hợp câu “**Vô sinh pháp nhẫn**”. Câu này chỉ có bốn chữ, nếu Việt văn cũng bốn chữ thì chỉ khiến cho lớp trẻ Việt Nam bị thu hẹp về mặt kiến thức mà thôi! Vì sao? Vì chữ “**pháp**” trong câu bốn chữ này không thể dịch là phương pháp hay là bất cứ chữ nào khác, mà phải dịch đến bảy chữ “**trí đắc chẳng sinh diệt hết nhẫn**”. Nghĩa là khi tu luyện trí đã

chứng đắc các pháp chẳng hề sinh diệt thì còn gì để nhận.

Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất và quyền thuộc của các Ngài đông nhiều vô số như thế, đông đến độ gấp trăm ngàn vạn ức triệu tỷ lần (na do tha) số cát sông Hằng thì ai mà tính đếm được số lượng và như thế thì hiện nay số đông này ở đâu mà không thấy hộ trì kinh Pháp Hoa? Xin thưa! Hộ trì kinh Pháp Hoa rộng khắp cõi Sa Bà, chứ đâu phải chỉ ở phạm vi chật hẹp nơi hành tinh quả đất cho nên chúng ta không thể nào thấy được.

Còn số đông nhiều là số đông nhiều dưới mắt của chư Phật, chư Bồ tát, Duyên Giác, chư hiền Thánh Tăng, nếu thêm nữa là hàng chư Thiên chứ đâu phải số đông nhiều để tầm nhìn của những cặp mắt phàm nhân nhận biết, lại càng không phải chỗ suy lường của hàng sơ cơ học Phật.

Còn phần Bồ tát tại sao không tên, chưa hiệu, xem giảng luận phần thượng hạnh, phẩm này.

Chính văn

3- Chư vị Bồ tát này, từ phía dưới quả đất vụt mạnh lên, tất cả đồng đến trước tháp quý bảy báu, chỗ Đức Đa Bửu Như Lai và Đức Phật Thích Ca đang an tọa mà thực hành đầy đủ nghi lễ và cúng dường hai Đức Phật. Đồng lúc ấy hàng Bồ tát này đến chỗ các Đức Phật phân thân, đang an tọa nơi tòa sư tử dưới cội cây báu mà lễ lạy. Tất cả kính hành nơi pháp hội vòng theo chiều phía phải ba lần, lại cung kính chấp tay sử dụng đúng pháp tán dương Bồ tát mà tán thán chư Phật, xong đều đứng về một bên, hoan hỷ chiêm ngưỡng hai Đức Thế Tôn.

Thời gian chư vị Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất sử dụng phương thức Bồ tát mà tán thán chư Phật là năm mươi tiểu kiếp. Thời gian này, Đức Phật Thích Ca cùng hàng tứ chúng cũng đều yên lặng, nhờ thần lực của Phật mà đại chúng chỉ thấy nhanh như nửa ngày.

Bấy giờ hàng tứ chúng cũng nhờ thần lực của Phật thấy các Bồ tát đông nhiều vô lượng ngàn vạn ức cõi nước khắp hư không.

Giảng luận

Ngày nay khoa học phát minh giúp loài người mở rộng kiến thức, đồng thời cũng giúp cho giới tu hành kinh Pháp Hoa phá vỡ được nghi tình, để sớm trở thành vị hành giả.

Đa phần người tu kinh Pháp Hoa, đọc tụng kinh Pháp Hoa, gặp chỗ nào khúc mắc thì một là nghi ngờ, hai là phó mặc, phần nhiều phó mặc rằng đây là những lời của Đức Phật muốn ẩn ý gì đây? Lại có người nói rằng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất là từ trong đất vọt mạnh lên. Đất đây ý nói là tâm địa của chúng sinh, hoặc có chỗ phó mặc cho trôi nổi theo gió mây, có chỗ thì bảo Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất là nói về lý! Xin thưa! Đức Phật không hề tách đôi có sự tướng và lý tánh riêng biệt, trái lại tánh tướng đồng một thực tướng. Vậy thì phẩm kinh này không phải chỉ riêng cho phần lý tánh, cũng không phải đất ở đây là tâm địa chúng sinh. Dù ngày nay tàu vũ trụ chở người thám hiểm không gian, nhưng mới thám hiểm được một số hành tinh và chở một số ít người từ quả đất nhưng chưa đủ điều kiện để giao tế với các hành tinh khác thì làm sao có thể tiếp đón các cõi khác tới đây! Những hiện tượng các hành tinh ngoài quả đất còn đòi hỏi nhiều

khám phá của giới khoa học, rất mong giới đạo học cũng tự mở khai tuệ trí, chứng minh cụ thể sự tương về Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất, hầu góp phần làm sáng tỏ những bí ẩn mà giới khoa học đang suy tìm. Giữa khoa học và đạo học hợp tác nhau khai mở những bí ẩn của vũ trụ thì hạnh phúc biết bao cho nhân loại. Nếu đạo học và khoa học còn tách rời thì loài người càng thiếu thốn những gì quý báu nhất của dòng đời. Không ai tự cho mình là độc quyền khám phá vũ trụ, khai mở tâm linh. Giới khoa học cũng có quyền phát minh về vấn đề khai mở tâm linh, trái lại giới đạo học cũng có quyền khám phá về phương diện vật chất của vũ trụ quan và nhân sinh quan. Ngày ấy còn xa, nhưng nhất định phải đến. Trước mắt nên đưa pháp môn “**cảm ứng đạo giao nan tư nghì**” trở thành một nền văn minh đạo đời nhập cuộc thực tế. Chưa mở được Viện đại học hướng dẫn sinh viên ròng chuyên về phương pháp cảm ứng giữa người và người, giữa hành tinh này với hành tinh khác, giữa thiên hà này với thiên hà khác, giữa cõi này với cõi khác, nhất là giữa tất cả các cõi và trùng trùng pháp giới mênh mông đồng chung một niềm cảm ứng. Đạo học ngày nay đã mở rộng được thêm gì để hài hòa với bên ngoài các hành tinh, các thiên hà và

trùng trùng pháp giới bao la, còn bên trong đã tự quán chiếu, tự sáng soi được gì để thấy rõ chính cái tiểu ta cùng đại ta lẫn chơn ta là một, là cảm ứng liễu thông nhau? Ai cũng tự mãn, ai cũng tự cho là tôi như thế này, tôi như thế khác, đời tôi là thế đó, đời tôi là như thế kia! Chưa đập nát vụn cái tôi để hòa nhập vào cái chúng tôi vào với tạm gọi là tập thể “xã hội” thì làm gì hòa nhập cùng với đại ta (đại đồng), tức là với loài người? Đại ta chưa nhập thì làm sao hòa nhập chơn ta, tức là với muôn loài vạn vật, khắp các cõi và trùng trùng pháp giới bao la.

Đem cái muống ăn canh, hòng múc cho cạn khô nước biển! Đem cái trí cởn con để tính toán suy lường cái không gian trùng trùng pháp giới bao la! Vậy thì than ôi! Sao có thể nói mình là hành giả Pháp Hoa! Hành giả Pháp Hoa sao không liễu thông được Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất? Sao chẳng hiểu gì về thời gian năm mươi tiểu kiếp chỉ là nửa ngày thôi! Một tiểu kiếp, mười sáu triệu tám trăm ngàn năm, vậy mà năm mươi tiểu kiếp chỉ cảm thấy nhanh bằng nửa ngày. (Thu ngắn thời gian, xin xem Pháp Hoa giảng luận – tập một).

◆ Bốn vị đạo sư

Chính văn

4- Trong chúng Bồ tát đó có bốn vị đạo sư: Một - Thượng Hạnh. Hai - Vô Biên Hạnh. Ba - Tịnh Hạnh. Bốn - An Lập Hạnh. Bốn vị đều là bậc thượng thủ. Hưởng đạo sư trong chúng đó. Ở trước đại chúng, bốn vị đều chấp tay nhìn Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và bạch rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Thế Tôn có được ít bệnh, ít não và an vui luôn chẳng? Những người đáng độ, họ thọ giáo có dễ chẳng? Họ có làm Đức Thế Tôn khởi nhọc mệt chẳng?”

Khi đó bốn vị Đại Bồ tát hưởng đạo sư đồng xướng kệ rằng:

Thế Tôn an lạc
Ít bệnh ít não ?
Giáo hóa chúng sanh ?
Được không nhọc mệt ?
Lại các chúng sanh
Thọ hóa dễ chẳng ?
Chẳng làm Thế Tôn
Sanh nhọc mệt ư ?

Giảng luận

Đoạn trước hành giả Pháp Hoa phân vân tại sao hàng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất đông nhiều như thế mà đại chúng chẳng hề quen biết, bởi vì các Ngài chẳng có tên, cũng chẳng có danh hiệu! Xin thưa! Đoạn kinh này đã trả lời rất rõ ràng minh bạch.

Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất là hàng “**Vô danh Bồ tát tuổi tên đầu màng**”. Tại sao? Sở dĩ các Ngài không tuổi tên, không danh hiệu? Vì các Ngài không sống theo nếp bình thường, mà là phi thường. Trong năm điều mà người xuất gia quyết vượt khỏi thì **danh** đứng hàng thứ ba, ngoại trừ các Ngài Đại Bồ tát vì phương tiện độ đời, nên phải tạm mượn giả danh để có danh hiệu, tức là còn nương sự tướng để chỉ tánh. Khi chúng sinh tánh tướng hòa một. Khi tất cả đặc thật tướng thì các Ngài còn nương danh làm gì? Còn đây hàng Bồ tát không trú xứ muốn ẩn để độ cho nên mới là vô danh, vì vô danh vượt qua tướng tánh nên các Ngài nương hạnh để mượn hạnh mà chỉ danh. Hạnh rất nhiều nhưng có bốn chiều hướng **cao sâu rộng mạnh**. Phật là gì là cực cao, cực sâu, cực rộng và cực mạnh, nhỏ không trong mà lớn cũng không ngoài.

Hàng vô danh Bồ tát từ phía dưới quả đất vụt mạnh đến Pháp Hoa hội Linh Sơn, bốn vị thượng thủ làm hướng đạo sư. Mỗi Ngài chưa đầy đủ cả bốn hạnh như chư Phật, nhưng mỗi vị chuyên một.

Vị thứ nhất Thượng Hạnh sống theo hạnh cao. Vị thứ hai Vô Biên Hạnh sống theo hạnh rộng. Vị thứ ba Tịnh Hạnh sống theo hạnh sâu thẳm. Vị thứ tư An Lập Hạnh sống theo hạnh hùng mạnh. Vì còn ẩn tu, trong đơn hạnh và trong hạnh Bồ tát vô danh, vô trụ nên mỗi Ngài thượng thủ hướng đạo sư và những vị quyến thuộc sống từng hạnh. Khi nào luyện tu chứng đắc đủ bốn hạnh và liễu ngộ nhỏ không trong, lớn không ngoài lúc đó là lúc các Ngài đắc thành quả vị Phật.

Đã là Bồ tát mà còn ẩn nơi vô danh tánh, vô thể tướng, vô trụ xứ để tu luyện từng hạnh, hướng gì giới hành giả Pháp Hoa! Trong đời hỏi ai có toàn bích, cho nên nơi phẩm An Lạc Hạnh thứ mười lăm dặn người thọ trì phổ truyền kinh Pháp Hoa, chớ nên khen chê kẻ khác.

Mỗi người mỗi hạnh, có ai giống ai, các Ngài Bồ tát còn vậy, hướng chi là phạm nhân, cho nên

ai khen, hoặc chê người khác thì chưa phải là hành giả Pháp Hoa, nếu không tu luyện Pháp Hoa thì cũng chưa xứng đáng là chơn chánh đệ tử Phật.

Chính văn

5- Đức Thế Tôn lúc bấy giờ, từ nơi chúng Đại Bồ tát đáp lời rằng: “Đúng vậy! Đúng vậy! Các thiện nam tử: Như Lai an vui, ít bệnh, ít nã, chúng sanh dễ độ, cũng chẳng hề nhọc mệt.

Vì sao? Vì các chúng sanh này, đã nhiều đời đến nay, họ thường được Như Lai giáo hóa và cũng từng ở nơi chư Phật quá khứ, tôn trọng cung kính trông các căn lành. Các chúng sanh đó mới vừa thấy thân ta, nghe ta thuyết pháp liền đều tin nhận, nhập được trí tuệ của Như Lai, ngoại trừ hạng trước kia tu hạnh Tiểu thừa, những người như thế Như Lai cũng làm cho họ được nghe kinh này, nhập vào huệ Phật.

Giảng luận

Bốn vị thượng thủ đại diện hàng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất, đứng lên vấn an sức khỏe Đức Thế Tôn có ít bệnh, ít não hay không? Đã là Phật thì làm gì còn bệnh còn não, nếu giả như có bệnh thì cũng như bệnh của cư sĩ Duy Ma Cật, khởi từ những chứng bệnh của chúng sinh mà thôi !

Còn việc hỏi thăm Đức Phật, những người đáng độ có dễ độ không? Họ có làm Như Lai sanh mỗi một chạng ?

Chỗ này chư vị Bồ tát và Đức Phật muốn nhắc khéo các vị Giảng sư, Pháp sư, nhất là hành giả Pháp Hoa.

Câu hỏi của các vị Bồ tát, người đáng độ có dễ độ chạng? Đức Phật trả lời dễ độ! Câu hỏi tiếp theo, có làm cho Đức Thế Tôn mỗi một chạng? Đức Phật trả lời chạng một mỗi.

Những câu hỏi và đáp của chư vị Bồ tát cùng Đức Phật là để nhắc nhở một cách khéo léo cho những ai đang là hành giả cùng chư vị Giảng sư và Pháp sư Pháp Hoa.

Các vị hành giả cùng quý vị Giảng và Pháp sư Pháp Hoa đọc lại câu: “Những người đáng độ có dễ độ chạng?”. Các vị bắt chước Đức Phật trả

lời: “**Dễ độ**”. Những người ấy họ có làm cho các vị mệt mỗi chăng? Các vị bắt chước Đức Phật trả lời: “**Chẳng mệt mỗi**”.

Sao mà dễ độ, sao mà không mệt mỗi? Các phẩm kinh trước Đức Phật đã nhấn mạnh: “Kinh Pháp Hoa là tạng pháp bí mật nhất của chư Phật suốt ba đời. Đây là phương pháp chỉ dạy cách nhập vào đời để độ đời và cũng là giáo pháp dạy chư Bồ tát thành Phật”. Đời trước, đời này và mãi mãi ngàn sau, hết thấy chư Phật đều y theo đây mà tu luyện để đắc thành quả vị. Vì vậy cho nên cả những lúc Như Lai còn hiện hữu, vẫn còn có nhiều người oán ghét, hủy báng, chống phá kinh này, huống gì sau khi Như Lai diệt độ. Cho nên chư vị Bồ tát và hàng đệ tử của “Ta”, ai phát nguyện đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường và phổ thuyết kinh Pháp Hoa thì phải mặc áo Như Lai, ở nhà Như Lai và ngồi tòa Như Lai. Áo Như Lai là tình thương rộng lớn (đại từ bi). Nhà Như Lai là sống nhẫn nhục, nhu hòa. Tòa Như Lai là các pháp không. Đời mạt pháp làm sao chư vị Bồ tát, các vị Pháp sư dễ độ, làm sao không mệt mỗi. Nhưng Đức Phật đã trả lời dễ độ, không mệt mỗi, cho nên chẳng những là Bồ tát, mà bất cứ ai

là đệ tử của Ngài cũng nên phát thệ nguyện và cảm nhận rằng lúc nào cũng dễ độ, lúc nào cũng không mệt mỏi.

Bí pháp đoạn kinh này nằm nơi ba chữ “**người đáng độ**”. Nếu hành giả Pháp Hoa liễu thông được ba chữ này thì đúng là “**dễ độ**” và chắc chắn là “**không mệt mỏi**”. Trong kinh có những chữ ẩn mật, tự chúng ta không chú ý: Bồ tát (hoặc người sống theo hạnh Bồ tát, hoặc hành giả Pháp Hoa) nếu vì hàng người “**đáng phổ truyền**” mà phổ truyền Pháp Hoa, nhưng còn thêm bốn chữ “**lòng không mong cầu**”.

Nói rõ hơn phổ truyền Pháp Hoa, tức là hóa độ, như ánh sáng mặt trời đối với muôn loài vạn vật thì làm gì có sự mặt trời mong cầu. Hai chữ mong cầu nơi kinh là một nét bí pháp. Trái với mặt trời thì ánh sáng đèn và đuốc là có dụng ý mong cầu của người chủ hướng nó.

Hành giả Pháp Hoa lưu ý, phổ thuyết Pháp Hoa với ba chữ “**không mong cầu**”, cộng thêm hai chữ những người “**đáng độ**” thì sẽ có đáp số “**dễ độ**” và “**không mệt mỏi**”.

Nói thêm về hai chữ đáng độ. Thuở Đức Phật an trú ở Tịnh xá Kỳ Hoàn, có một bà già ở phía Đông thành phố. Hàng ngày bà vừa thấy bóng xa xa đoàn Tăng lữ và Đức Phật thì bà nằm úp mặt sát xuống đất, khi nào đoàn người đi qua khỏi bà mới ngước dậy, kể cả chuyến trưa về của đoàn cũng vậy. Đức Phật còn tại thế, cũng chỉ độ cho người hữu duyên, còn bà già thành Đông, Đức Phật cũng không cách nào độ được, cho nên mới có câu: “Đức Phật không độ được bà già thành Đông”. Hành giả Pháp Hoa không lẽ chẳng rõ bí pháp này ư!

Ông cha chúng ta có câu: “Mặt trời, mặt trăng tuy sáng không soi được lòng chậu úp”.

Chính văn

Lúc ấy các vị Bồ tát tuyên thuyết thơ kệ:

Hay thay! Hay thay!
 Đại hùng Thế Tôn
 Thảy hàng chúng sanh
 Điều dễ hóa độ
 Thường hỏi chư Phật
 Trí tuệ thâm sâu.

Khi đó Đức Thế Tôn khen ngợi các vị Đại Bồ tát thượng thủ: “Hay thay! Hay thay! Thiện nam tử! Các vị có thể đối với Đức Như Lai mà phát tâm tùy hỷ.

Giảng luận

Các vị Bồ tát Tùng Địa Dững Xuất, sau khi vấn an Đức Thế Tôn và được sự hoan hỷ trả lời của Ngài, các vị Bồ tát thượng thủ tuyên xưng thơ kệ để nhấn mạnh về ý nghĩa cao siêu này. Trong đoạn thơ kệ sáu câu, hai mươi bốn chữ, chúng ta đặc biệt chú ý các chữ: “Thủy hàng chúng sanh, đều dễ hóa độ”. Chữ thủy là quan trọng đáng lưu ý. Như vậy thì chữ thủy này mâu thuẫn với hai chữ đáng độ của đoạn trên. Nếu chỉ đọc hai câu rồi chấm dứt thì chữ thủy này mâu thuẫn, nhưng đọc thêm hai câu kết: “Hay hỏi chư Phật, trí tuệ thẩm sâu”. Những chúng sanh hay học hỏi về trí tuệ của chư Phật rất thẩm sâu thì hạng người này là những người đáng độ và dĩ nhiên là hạng người này dễ độ, mà dễ độ thì không mệt mỏi. Chữ thủy nằm ở thể thơ kệ bốn chữ, cho nên tóm gọn để chỉ rõ cho số ít người hay học hỏi chư Phật về chiều sâu của trí tuệ, chứ không phải chữ thủy là toàn thể hết thủy muôn

loài chúng sinh khắp các pháp giới trùng trùng bao la. Nếu tổng kết toàn thể số chúng sinh này khắp trùng trùng pháp giới bao la thì khó độ, còn thấy số người hay học hỏi chư Phật về chiều sâu trí tuệ thì dễ độ. Hai chữ thấy tuy cùng một âm nhưng nằm ở hai dạng khác nhau. Chữ thấy ở câu thơ kệ này là chỉ cho số ít, chỉ cho thành phần hay học hỏi trí tuệ của chư Phật.

**Chư chúng sanh đẳng
Dĩ khá hóa độ
Năng vấn chư Phật
Thậm thâm trí tuệ.**

Còn chữ thấy văn từ thường dùng là chữ hết thấy chỉ cho số nhiều tất cả toàn thể chúng sinh.

III.- TÓM KẾT

Hành giả Pháp Hoa chỉ đọc tụng phẩm kinh Tùng Địa Dũng Xuất này chưa nói đến thọ trì là đã vượt qua một trình độ học Phật khá xa, nhưng mới chỉ phần lý thuyết, khi nào đi vào phần tu luyện, tức là phần thọ trì thì mới liễu thông đáng kể. Như thế nào để biết là mình đang thọ trì? Rất dễ hiểu, khi nào mình cảm nhận được sự mật thiết giữa mình và phẩm kinh, mặc dù phẩm kinh

là của hàng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất nhưng ai cảm mình liên quan mật thiết với phẩm kinh, tin hiểu và tu luyện theo từng phần của phẩm kinh, để mình cũng sẽ thành Bồ tát như các Ngài Tùng Địa Dũng Xuất.

Ví dụ có một đoàn y tế, dĩ nhiên là có nhiều vị Bác sĩ, họ về làng để khám và phát thuốc, chữa bệnh cho dân làng. Tuy làng có rất nhiều trẻ em, nhưng chỉ có một vài em nói với dân làng: “Sau này cháu lớn cũng làm Bác sĩ, đi khám và biếu thuốc, chữa bệnh cho nhiều người khác”. Còn các em khác thì cảm thấy đoàn Bác sĩ như những vị thiên thần, cách xa các em không liên quan gì, nên chúng chẳng hề mơ ước làm Bác sĩ! Thế rồi qua mấy chục năm, các em bé đã tuyên bố thành Bác sĩ thì hiện thực chính thức là những vị Bác sĩ, còn các em nhìn đoàn Bác sĩ như kẻ xa lạ kia thì vẫn đến xin được chữa bệnh.

Những người đọc tụng phẩm kinh này nghĩ rằng: Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất với mình chẳng hề liên quan gì với nhau, cho nên họ chẳng những đời này, mà nhiều đời nhiều kiếp, cũng vẫn là người đọc tụng kinh Pháp Hoa chứ chẳng thành Bồ tát! Còn trong số hàng giả đọc tụng

này, có người cảm nhận mình và Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất có sự liên quan mật thiết với nhau như người cùng nhà, nhờ vậy mà sau này đắc quả Bồ tát.

Hành giả Pháp Hoa tuy chưa đắc quả Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất, nhưng nếu đúng là hành giả thì lúc nào cũng hòa mình trong nếp sống quần chúng, họ sống như cái bóng trong đêm sương lạnh, không danh không tướng, không sống tư lợi vị kỷ cho riêng mình. Họ là những nhà hiền sĩ ẩn sau lớp bụi mờ, là những người vô danh nhưng hữu ích, là những bà mẹ của các bậc hiền triết, hoặc những bà mẹ anh hùng, sống dâng trọn đời mình cho xã hội, cho sự lợi ích chung. Họ là những bậc thiên tài vô danh nhưng hữu đức ... Hiện đời này họ đang gieo nhân để mai sau họ gặt quả Bồ tát. Ý nghĩa phẩm kinh nghĩa bóng là như thế, nên chỉ đọc tụng phẩm kinh này, đừng nghĩ Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất và mình là hai thành phần tách rời nhau, được như vậy mới là hành giả Pháp Hoa, mới là người đang tu, đang luyện, đang thọ trì, đang cúng dường và chuẩn bị phổ truyền kinh Pháp Hoa, phổ truyền phẩm Tùng Địa Dũng Xuất.

Trên bình diện quốc gia áp dụng bí pháp Tùng Địa Dũng Xuất thì không bao giờ mất nước. Trên bình diện gia đình áp dụng Tùng Địa Dũng Xuất thì không bao giờ nhà tan. Trên bình diện cá nhân áp dụng Tùng Địa Dũng Xuất thì không bao giờ đói nghèo, dốt nát.

Nguyên tắc của Tùng Địa Dũng Xuất là sống bằng hạnh và sống ẩn khắp muôn nơi, khi xuất hiện là lúc đời đang cần thiết. Chư Phật đầy đủ bốn hạnh rộng mạnh cao sâu, còn Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất chỉ chuyên luyện rèn từng hạnh.

Dòng đời lúc nào cũng có hai, nhưng hai trong cái một. Nên đạo vì nhập đời nên mới phương tiện có hai vô danh và hữu danh Bồ tát. Hàng vô danh Bồ tát, tức là Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất, còn hàng hữu danh Bồ tát là hàng Thập Địa Bồ tát có tướng có danh. Cả hữu lẫn vô tuy khác nhưng chỉ là một mà thôi !

Hữu danh độ chúng sinh trong nhiều hình thức, vô danh độ người lặng lẽ nhưng tiềm ẩn khắp mọi nơi. Chẳng những riêng đạo mà chính pháp sống của đời cũng phải hiện hữu cả hai. Số anh hùng vô danh chẳng tên chẳng tuổi họ sống theo câu phương châm làm ơn chẳng mong trả, gá

nghĩa chẳng trông đèn, họ đến họ đi lúc nào chẳng ai hay biết, họ đóng góp trọn cuộc đời họ cũng chẳng đợi ghi công. Nhưng khác với hàng vô danh thì đời cũng cần hữu tướng, có bổng lộc, có danh vị dưới trên. Nói tóm lại, đời cũng như đạo tuy tạm phân thành hai thành phần nhưng đồng một nghĩa cử như nhau. Nếu có khác đi chẳng là tâm nhận thức và có chịu thực hành đúng quy pháp hay không?

Phẩm Tụng Địa Dũng Xuất vì nhiều chi tiết nên phải phân hai bài để người đọc, tụng, thọ trì, thuyết giải dễ nhớ hầu dễ thực thi.

Xin xem tiếp bài 25.

Nguyện cầu chư vị Bồ tát Tụng Địa Dũng Xuất, bốn vị Thượng Thủ thường xuyên và hiện hữu cùng khắp khắp mọi nơi, như sự phân công truyền trao phú chúc của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và cũng là lời phát thệ nguyện của quý Ngài. Kinh Pháp Hoa nhờ công đức của hàng Bồ tát vô danh mà kinh Pháp Hoa ngày càng phổ biến sâu rộng khắp mọi nơi, mọi chốn.

Lạy Phật từ bi gia hộ cho tất cả chúng sinh đồng thành Phật đạo.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh,
Pháp Hoa hội thượng Phật Bồ tát, Bồ tát Ma Ha
Tát, tác đại chứng minh.

Phật là tĩnh lặng

Pháp là an vui

Tăng là hòa hợp

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

25

Đạo Tràn Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG LUẬN - Bài số 25

PHẨM TÙNG ĐỊA DỨNG XUẤT - Thứ mười lăm

Tiếp theo

- Bồ tát Di Lặc bạch Phật.
- Đức Phật trả lời Bồ tát Di Lặc.
- Bồ tát Di Lặc và đại chúng vẫn còn nghi vấn.

I - MỞ ĐẦU

Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất chia hai bài học.
Bài đầu gồm ba nét chính:

* Chư Bồ tát từ các cõi đến xin thay Phật sau này phổ thuyết kinh Pháp Hoa.

* Đức Phật không chấp thuận thì liền lúc ấy có chư vị Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất.

* Trong số Bồ tát vô danh này có bốn vị Thượng Thủ đại diện.

Phần tiếp theo bài này cũng ba nét chính:

* Nét thứ nhất: Bồ tát Di Lặc trình bạch lên Đức Phật.

* Nét thứ hai: Đức Phật trả lời.

* Nét thứ ba: Bồ tát Di Lặc và đại chúng bạch những nghi vấn.

**

Đến Bồ tát Di Lạc và đại chúng nơi Đạo tràng thuở đó mà vẫn còn nghi vấn, vậy ngày nay chúng ta thì sao? Chúng ta phải hóa giải nghi vấn, bởi vì chúng ta là hành giả Pháp Hoa. Không giải được nghi vấn thì không tin, mà không tin thì không thể nào tu luyện được. Phần hóa giải nghi vấn nơi phẩm này, một phần phải chờ ở phẩm sau. Tuy chúng ta chờ phẩm sau, nhưng phẩm này cũng phải chú tâm hóa giải những gì mình có thể hóa giải được. Muốn đọc, tụng, thọ trì, thuyết giải thì phải tự hóa giải những nghi vấn, mà muốn giải mọi nghi vấn thì không thể giao cho ý hoặc cho trí, lại cũng không căn cứ nơi lý hoặc nơi sự, lại càng không nên lấy số đông người, hoặc nhiều đời đã truyền tụng để giải nghi những việc mà hàng Đại Bồ tát đứng lên đặt nghi vấn trước Đức Phật. Các Ngài đặt nghi vấn là các Ngài diễn bày những chỗ khó để mở lối cho chúng ta thôi, chứ không phải các Ngài không liễu ngộ!

Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất dẫn dắt hành giả Pháp Hoa **rời sự tư duy phạm tục, rời sự quán tưởng của Thiền quán** để nhập về với thực tướng của các pháp vốn nó là tướng không.

Muốn đạt đến chiều rộng bao la, chiều sâu thăm thẳm của phẩm kinh thì hành giả Pháp Hoa chỉ tạm mượn lời kinh, chứ không thể y theo lời kinh, đồng thời việc quan trọng nhất của hành giả khi tu phẩm kinh này là cần ở điểm tự sáng nội tâm, khi nội tâm bừng sáng thì cũng chớ nên bo bo chấp giữ cái điểm sáng chật hẹp ấy làm chi! Bởi vì trong điểm sáng nội tâm ấy, nó chẳng phải chơn tâm vắng lặng. Mục đích của hành giả Pháp Hoa là liễu ngộ chơn tâm. Chơn tâm thì lớn không ngoài, mà nhỏ cũng không trong. Khi nhập chơn tâm, hành giả mới hiểu tại sao chư Bồ tát từ các cõi khác đến xin sau này thay Phật phổ truyền kinh Pháp Hoa, vậy mà Đức Phật lại không chấp thuận! Đến lúc đó hành giả Pháp Hoa phải bằng mọi cách để liễu thông về Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất. Hàng Bồ tát này, không phải từ các cõi khác đến như hàng Bồ tát trước đây, mà là vẫn ở tại cõi Ta Bà này và tại sao Đức Phật lại giao việc phổ truyền kinh Pháp Hoa cho hàng Bồ tát vô danh này? Khi liễu thông được hai vấn đề, lại tiếp tục xem mình là ai và hàng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất là ai? Giữa các Ngài và mình cả hai thành phần có liên quan gì không?

Đọc tụng lướt qua thì câu chuyện nơi phẩm kinh quá đơn giản, như chuyện khoa học giả tưởng. Nhưng không, đây là sự thật, hoàn toàn thật, cho nên nếu hành giả Pháp Hoa nào rơi tởm được giữa lòng chiều sâu thăm thẳm của phẩm kinh thì đây là người mới có thể làm mắt thấy, làm tai nghe được những gì trọng đại để báo hiệu cho dòng đời đang sống giữa sự sống trong đục, hầu giúp đời biết cách gạn đục, mà hưởng trong.

Điểm tối ư quan trọng của phẩm kinh là hàng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất từ phía dưới quả đất chỉ vọt lên khi Đức Phật còn tại thế, hay mãi đến bây giờ cũng còn trùng trùng lớp lớp từ phía dưới quả đất vọt lên?

Tư tưởng hành giả Pháp Hoa phải trải rộng xa ra ngoài quả đất thì mới thấy phẩm kinh có liên quan với cuộc đời, hay chỉ dành riêng cho Phật giáo mà thôi!

Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất thì một là không nằm trong phương pháp suy tưởng để liễu ngộ, vì phẩm kinh này trình bày theo lối ngược đời. Nào là số Bồ tát không danh tánh, bốn vị đại diện là bốn Ngài Thượng Thủ, lấy hạnh thay tên. Ngược đời thứ hai là cha trẻ mà con già, cha chỉ ba bốn

mười tuổi, còn con thì bảy tám mười tuổi. Vì vậy cho nên mới xác quyết, muốn liễu ngộ phẩm kinh này thì phải **rời tư duy**, phải **rời thiền quán**. Tu theo đạo Phật là phải tư duy, phải thiền quán mới sáng tỏ được vấn đề, mới liễu thông được những vấn đề ngược đời của phẩm kinh này. Vậy không tư duy, không thiền quán thì tu pháp môn nào? Có chứ! Nếu đắc thiền quán thì mới có trình độ Nhứt niệm. Khi đắc Nhứt niệm thì chỉ cao hơn Chánh niệm, Tam niệm và Nhị niệm mà thôi. Vì vậy đắc thiền quán chứng Nhứt niệm thì mới ở giữa đường, làm sao gọi là đến bảo sở, làm sao đáo bỉ ngạn, làm sao đến đích giác ngộ. Đó là nói những vị chứng đắc Nhứt niệm, chứ những người chưa đắc mà đã tự xưng mình đắc thì lại là vấn đề khác! Vậy thì còn chứng đắc đến thế nào mới cao hơn Nhứt niệm ? Có chứ ! Khi đắc Nhứt niệm, mới tiếp tục tu luyện để chứng đắc “**Vô niệm**” và còn cao hơn nhiều cấp nữa.

Cũng nên chú ý câu đừng tự mãn bo bo cố chấp rằng mình đã soi sáng nội tâm, mà không tiếp tục tinh tấn tu luyện để chứng đắc hơn nữa, bởi vì trên điểm sáng nội tâm lại còn có chơn tâm.

Mười bốn phẩm bốn môn thì phẩm Tùng Địa Dũng Xuất này là phẩm mở đầu cho mười ba phẩm tiếp theo, hành giả Pháp Hoa không buông trôi theo dòng ý thức, hoặc dù có vượt thức sang trí, cũng khó liễu ngộ phần “**bốn môn**”. Càng lên các phẩm cao, lại càng thâm sâu huyền bí.

Kính mong người đọc, người tụng Pháp Hoa liễu thông từng bí pháp của từng mỗi đoạn, mỗi phẩm kinh, hầu sớm chuyển nhập vào thọ trì và phổ thuyết Pháp Hoa kinh. Kinh Pháp Hoa nhập đời, đời quỵện kinh Pháp Hoa. Đời đạo đã là không hai thì còn đâu phân biệt đạo này đạo khác, nước này nước khác, chủ thuyết này chủ thuyết khác, thành phần này thành phần khác, hành tinh này hành tinh khác, bởi vì tất cả các pháp không thấy đều thật tướng, mà thật tướng thì làm gì có hai.

II.- NỘI DUNG

◆ **Bồ tát Di Lạc bạch Phật**

Chính văn

6- Lúc bấy giờ Bồ tát Di Lạc, cùng đại chúng Bồ tát số đông nhiều hơn tám nghìn lần số cát sông Hằng, tất cả đều nghĩ rằng:

“Chúng ta từ xưa nay chẳng thấy, chẳng nghe hàng Bồ tát nào như thế, họ từ phía dưới quả đất vọt lên, đứng trước Đức Thế Tôn, chấp tay, cúng dường thăm hỏi Như Lai”.

Lúc đó Bồ tát Di Lạc biết tâm niệm của chư Bồ tát, số đông nhiều hơn tám nghìn lần số cát sông Hằng và Ngài cũng muốn tự giải chỗ phân vân của mình, bèn chấp tay hướng về phía Phật thuyết kệ thưa rằng :

Vô lượng nghìn vạn ức
 Hàng đại chúng Bồ tát
 Xưa nay chưa từng thấy
 Xin Thế Tôn giải thích
 Họ từ chốn nào đến
 Do duyên gì nhóm họp
 Thân đủ thần thông lớn
 Trí huệ chẳng nghĩ bàn
 Chí niệm họ bền chắc
 Có sức đại nhẫn nhục
 Việc chúng sanh muốn biết
 Là từ chốn nào đến
 Mỗi mỗi vị Bồ tát
 Dem theo hàng quyến thuộc
 Số đông không thể lường

Nhiều hơn cát sông Hằng
Hoặc có Đại Bồ tát
Hơn sáu vạn cát sông
Hàng đại chúng như thế
Nhứt tâm cầu Phật đạo
Những đạo sư cũng vậy
Sáu vạn cát sông Hằng
Đều đến cúng dường Phật
Cùng hộ trì kinh này
Đem năm vạn Hằng sa
Số này ít số trên
Bốn vạn và ba vạn
Hai vạn đến một vạn
Một nghìn một trăm thầy
Nhẫn đến một Hằng sa
Nửa phần ba, phần tư
Một phần trong vạn ức
Nhỏ vạn na do tha
Vạn ức các đệ tử
Nhẫn đến chỉ nửa ức
Số vị ít hơn trên
Phần trăm đến phần vạn
Một nghìn hoặc một trăm
Năm mươi cùng mười vị

Nhấn đến ba, hai, một
Một mình không quyền thuộc
Trống vắng thường vui ở
Đều đi đến chỗ Phật
Số này ít hơn trước
Đại chúng nhiều như thế
Nếu người phát thể đếm
Kiếp số nhiều Hằng sa
Còn chẳng thể biết hết
Gặp các bậc oai đức
Chúng Bồ tát tinh tấn
Ai vì đó thuyết pháp
Giáo hóa cho thành tựu
Ai từ đâu phát tâm ?
Xưng dương Phật Pháp nào ?
Thọ trì tu kinh gì ?
Tu Phật đạo thể nào ?
Các Bồ tát như thế ?
Đại trí sức thần thông
Bốn phương đất rung chuyển
Đều từ dưới vụt mạnh
Thế Tôn ! Con từ xưa
Chưa từng thấy như thế
Xin dạy rõ lai lịch

Quốc độ danh hiệu gì ?
 Con thường dạo các nước
 Chưa hề biết chúng này
 Con ở trong chúng đây
 Chẳng hề quen ai hết
 Bỗng nhiên phía đất lên
 Xin thuyết rõ nhân duyên
 Nay nơi đại hội này
 Vô lượng trăm ngàn ức
 Các chúng Bồ tát đây
 Đều muốn biết việc đó
 Hàng chúng Bồ tát kia
 Gốc ngọn nhân duyên nào ?
 Thế Tôn Đức vô lượng
 Cúi mong giải nghi chúng.

Giải luận

Bồ tát Di Lặc thuận theo tâm niệm của đại chúng nơi Đạo tràng và cũng muốn được giải chỗ phân vân của mình, nên đứng lên hướng nhìn Đức Phật, chấp tay cung kính mà thuyết thơ kệ trình bày lên Đức Phật để được giải nghi.

Qua 78 câu kệ 390 chữ đều cùng chung một ý, đó là hiện tượng chư vị Bồ tát, từ phía dưới quả

đất vụn mảnh đến Pháp Hoa hội Linh Sơn, tại quả đất thuộc xứ Ấn Độ, số Bồ tát này và quyến thuộc đông nhiều không thể nào tính đếm được, phải dùng phép lấy số cát sông Hằng để làm thí dụ. Chử na do tha là con số của trăm ngàn vạn ức triệu tỷ lần số cát sông Hằng, như thế dù bậc Thánh cũng không thể tính đếm được số lượng chính xác, chỉ có thể tưởng tượng để biết số đông đến mức độ như thế đó. Số đông nhiều gấp trăm ngàn vạn ức triệu tỷ lần số cát sông Hằng. Tuy quan trọng nhưng chưa quan trọng bằng mở rộng tư tưởng của người đọc tụng thọ trì kinh Pháp Hoa. Khi đọc đến chỗ số đông như vậy tư tưởng mình có đông theo hay không ? Nếu theo thì có thể tưởng tượng được chỗ dung chứa hay không ?

Câu chuyện Trung Hoa, Lưu Bang hỏi Hàn Tín: “Như Trăm đây quản lý được bao nhiêu binh”. Hàn Tín trả lời: “Bệ hạ chỉ cai quản được mười vạn quân, nếu nhiều hơn thì hàng ngũ ... sẽ rối loạn!”. Lưu Bang hỏi tiếp: “Vậy nếu như Nguyên soái Hàn Tín thì cai quản được bao nhiêu binh?”. Hàn Tín trả lời: “Càng đông bao nhiêu, càng tốt bấy nhiêu!”. Vì vậy cho nên hồi đó và

mãi mãi ngàn sau giới Quân sư thường có câu:
Điểm binh của tướng công sánh như Hàn Tín.

Khi Hàn Tín nói câu đó thì bá quan văn võ khiếp đảm, vì rằng sợ Lưu Bang ghép tội khi quân cho Hàn Tín. Nhưng Lưu Bang nét mặt vẫn ung dung vui cười hớn hở và hỏi bá quan văn võ trong đó có Hàn Tín: “Điểm binh và cầm binh ra trận Trẫm thua Hàn Tín! Trẫm ổn định nhân dân ở hậu phương và vận lương ra tiền tuyến lại thua Tể tướng Tiêu Hà! Ngồi một chỗ tính toán ngàn dặm xa, bấm mấy đốt ngón tay hiểu rõ việc trăm năm qua, trăm năm hiện tại và cả trăm năm sau thì Trẫm thua Quân sư Trương Lương. Vậy tại sao ba vị đó lại ở dưới trướng của Trẫm và Trẫm thì làm Hoàng đế, tức là ở ngôi vị Quân, còn ba vị vẫn thuộc hàng Thần”. Tất cả đều không có lời đáp. Lời đáp này để dành cho Lưu Bang, chỉ có Lưu Bang và sau này thì lại có hành giả Pháp Hoa kinh, những ai tụng đến đoạn kinh này mà đầu óc không u trệ, không bối rối.

Trong đoạn thơ kệ 78 câu này có một số câu rất dễ gây sự suy diễn sai, như câu:

Nhẫn đến một Hàng sa
Nửa phần ba, phần tư

Một phần trong vạn ức Nhỏ vạn na do tha ...

Số đông trước thì trăm ngàn vạn ức triệu tỷ lần so với số cát sông Hằng, nhưng sau đó lại bắt đầu giảm số ít. Số ít chỉ bằng một lần số cát của sông Hằng. Câu tiếp theo nửa phần ba, phần tư, tức là bằng nửa phần ba lần, nhĩn đến chỉ bằng một phần tư so với số cát sông Hằng.

+ Nhỏ hơn

Một phần trong số vạn ức, tức là đem số cát chia thành vạn ức phần thì số quyển thuộc của vị Bồ tát này chỉ có một phần trong số ngàn vạn lần.

+ Lại ít hơn nữa

Nhỏ vạn na do tha, tức là đem số cát sông Hằng chia ra trăm ngàn vạn ức triệu tỷ lần nhỏ hơn, thì số quyển thuộc của vị Bồ tát chỉ có **một phần** trong số cát đã chia nhỏ.

Nếu không tinh tường, người đọc tụng sẽ rồi nùi không biết đẳng nào mà so sánh.

Lại có vị chỉ đem theo ba, hai, một vị quyển thuộc. Lại có vị chỉ đến có một mình. Đoạn kinh cũng như các câu thơ kệ phía sau đã xác quyết

rằng càng sau con số càng nhỏ. Hành giả lật kinh chữ Việt âm Hoa đọc đi đọc lại càng nhiều lần càng rối như tơ vò, không hiểu so sánh làm sao cho mở được trí, chẳng thể nào hiểu thông số lượng quyền thuộc của hàng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất.

◆ Hàng Thị giả chư Phật phân thân cũng thắc mắc

Chính văn

7. Khi ấy chư Phật phân thân của Đức Thích Ca Mâu Ni, từ vô lượng nghìn muôn ức cõi nước ở phương khác đang ngồi xếp bằng trên tòa sư tử, nơi các cội cây báu khắp tám phương. Hàng Thị giả của chư Phật này, đều thấy đại chúng Bồ tát ở từ bốn phương tám cõi tam thiên đại thiên đã từ phía dưới quả đất vọt lên, trụ giữa hư không như thế. Hàng thị giả đều đến bạch với chư Phật phân thân của mình rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Các đại chúng số đông vô lượng a tăng kỳ Bồ tát đó, từ chốn nào mà đến”

Lúc ấy chư Phật phân thân đều dạy Thị giả: “Chư thiện nam tử ! Hãy chờ giây lát,

hiện tại có vị Đại Bồ tát danh là Di Lặc, Ngài là vị được Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thọ ký, tiếp theo đây sẽ thành Phật. Ngài đã hỏi việc này rồi, Đức Phật Thích Ca sẽ giải đáp, quý vị nhân dịp này sẽ được nghe”.

Giảng luận

Không phải chỉ riêng đại chúng và Bồ tát Di Lặc, tại Pháp Hoa hội Linh Sơn, thắc mắc về lai lịch của hàng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất, mà hàng Thị giả của chư Phật phân thân cũng thắc mắc phân vân về hiện tượng của chư Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất.

Điều chúng ta đáng nghiên ngẫm là hàng Thị giả của chư Phật phân thân, chỉ đến nêu thắc mắc với Đức Phật mà mình đang Thị giả. Nghiên ngẫm để rút tỉa những chỗ tế nhị khi hành giả Pháp Hoa vào cuộc sống, mỗi khi gặp đều phân vân nên hỏi ai? Điều này hai đoạn kinh đã nêu rất rõ. Bồ tát Di Lặc thì hỏi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, còn hàng Thị giả của chư Phật phân thân thì hỏi Đức Phật mà mình đang Thị giả.

Phần căn hiệu của hành giả Pháp Hoa, là các vị đã có ai, ai là vị để khi mình gặp điều phân

vân thì mình trực tiếp hỏi. Đời sống của mỗi con người hỏi có ai không gặp điều thắc mắc. Những lúc ấy nếu không có người đáng dựa nương để mình hỏi điều mình phân vân thì cứ tưởng tượng sự phân vân đó nó ray rứt hành hạ mình đến dường nào? Nhưng chớ gặp ai cũng nêu điều mình phân vân. Đức Bồ tát Di Lặc không nêu thắc mắc với Phật phân thân, hàng Thị giả của chư Phật phân thân cũng không nêu thắc mắc với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Một điều tế nhị sâu sắc nhất của đoạn kinh này là chư Phật phân thân dạy hàng Thị giả của mình hãy chờ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni sẽ giải đáp mọi nghi vấn, bởi vì Đức Bồ tát Di Lặc đã hỏi vấn đề này rồi.

Hành giả Pháp Hoa, nếu hiểu thông đoạn kinh này thì áp dụng vào đời sống hằng ngày không phạm phải điều sai lầm đáng tiếc, về mọi phương diện, quốc gia, tộc họ, bản thân; nhất là việc tộc họ, khi ngày giỗ Tổ con cháu nhiều phái tụ hội về nhà từ đường của tộc họ, người trưởng mỗi gia đình phải đem đoạn kinh này mà áp dụng dạy bảo con cháu của mình, nhất là tự dạy lấy mình, mỗi khi con cháu của phái nào theo nề nếp của phái đó. Con cháu của những vị thứ phái thắc

mắc và hỏi điều gì, không được quyền hỏi vị chánh phái, tức là vị tộc trưởng; nếu rủi có hỏi thì vị thứ phái không được trả lời cho con cháu mình, mà phải dặn con cháu mình chờ nghe giải đáp của vị chánh phái, tức là vị tộc trưởng. Vì điều phân vân đó đã được con cháu của vị tộc trưởng nêu. Trường hợp con cháu vị tộc trưởng không nêu điều thắc mắc, nếu bất tuân quy pháp đoạn kinh này áp dụng vào những ngày tụ hội thì sẽ trở thành một đám người ô tạp, gia phong của họ cũng chẳng vào đâu ! Ngày xưa thể chế phong kiến thì quá độc tài, vua quan trọn nắm quyền sinh sát. Mãi đến đời cải cách quân chủ, nền dân chủ được thiết lập nhiều quốc gia trên thế giới. Nhưng than ôi, họ chưa học hiểu dân chủ mà họ đã học đòi làm dân chủ, chỉ có dân chủ tự giác, chứ không thể nào có dân chủ tự do. Một anh ký giả mà được dân chủ viết bài bôi nhục một vị nguyên thủ quốc gia; một nhóm quân nhân Phật tử bịa đặt thêm bớt nêu nhiều tội xấu của vị lãnh đạo Giáo hội với mưu đồ chính trị dơ bẩn, chứ không phải vì xây dựng. Họ xưng Tăng lữ, nhưng họ chưa đọc đoạn kinh này lần nào nên họ rơi vào vị Thị giả của Phật phân thân, nêu thắc mắc thẳng Đức Phật chính thân, làm cho xã hội đảo

lộn ồn ào, làm cho Giáo hội ly tan phá hòa hợp Tăng; dĩ nhiên nhóm người phá hòa hợp Tăng ấy tự rơi vào địa ngục hiện tiền, mà những kẻ chỉ dạy số người thác loạn cũng không còn chút gì giá trị. Kinh Pháp Hoa là bộ kinh pháp Diệu, hoa sen nhập bùn, kinh hoa nhập đời, mong giới hành giả Pháp Hoa mở rộng pháp Diệu kinh Sen nhập đời để đời an đạo hiển.

◆ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mở lời

Chính văn

8. Bấy giờ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo Bồ tát Di Lặc: “Hay thay ! Hay thay ! Này A Dật Đa, quý vị có thể nên đồng nhất tâm, mặc giáp tinh tấn, giữ ý bền vững. Nay Như Lai cũng cần tuyên bày trí tuệ của chư Phật, sức thần thông tự tại của chư Phật, sức mạnh nhanh như kẻ tử của chư Phật, sức oai thế lớn mạnh của chư Phật.

Đức Thế Tôn liền tuyên thuyết thơ kệ phối bày rõ nghĩa trên:

Phải nhứt tâm tinh tấn
 Như Lai nói việc này
 Chớ nên có nghi ngờ

Phật trí chẳng nghĩ bàn
Quý vị gắng sức tin
Trụ giữa nơi thiện nhần
Pháp từ xưa chưa nghe
Nay sẽ được toại ý
Chúng được ta an ủi
Chớ giữ tâm nghi ngại
Phật chẳng lời hư dối
Trí tuệ Phật không lường
Phật đặc pháp bậc nhất
Thắm sâu khó phân biệt
Như thế nay sắp thuyết
Quý vị chí tâm nghe

Giảng luận

Dòng đời vốn đa nghi, dù nói việc phải cũng vẫn bị đời nghi ngờ. Cũng như Đức Phật đã thuyết về vũ trụ quan mà nhiều kinh đã lưu truyền, rằng quả đất hình bầu dục, thế mà chẳng ai chịu tin, buồn cười nhất là kể cả những khi đạo Phật hiển hưng nhất ở Trung Hoa mà học thuyết của Trung Hoa vẫn tin là trời tròn đất vuông. Mãi hơn hai ngàn năm sau, có nhà khoa học Ga Ghi Lê tuyên bố quả đất hình tròn, chẳng những đời không nghe mà còn giáng tai họa lên đầu ông ta.

Nhưng rồi cái gì chơn thật bất hư, dần dần nhân loại mới tin là quả đất tròn. Nhà khoa học được phục hồi danh dự và nhân loại tán dương nhà khoa học Ga Ghi Lê. Nhưng thực tế nhà khoa học vẫn chưa chính xác. Hiện hữu quả đất hình bầu dục qua ống kính vệ tinh, việc mà trước đây hơn hai ngàn rưỡi năm Đức Phật đã công bố, cho nên mới bảo là dòng đời vốn đa nghi. Loài người không tin những gì mà kiến thức họ chưa liễu tri, chưa đạt tới, như trường hợp đĩa bay là con tàu vũ trụ của các hành tinh khác đến thám hiểm địa cầu, vậy mà loài người vẫn chưa chính thức thừa nhận, bởi vì kiến thức họ vẫn chưa đạt tới. Chẳng như thế mà ai chê họ thì họ giận lắm. Cho nên mới có trường hợp những bậc hiền tài, ẩn sĩ chôn vùi trọn đời mình trong câm lặng. Nhược bằng ai dám hé môi thì bị đời trù dập, nhiều khi bị hãm hại. Đức Phật thuở đó mà dám nói là vì sau lưng Ngài có các vị đại Hoàng đế hậu thuẫn, tuy thế nhưng đời vẫn không tin.

Khi vào Pháp Hoa hội Linh Sơn, Đức Phật thuyết đến phẩm Tùng Địa Dũng Xuất là lúc đã đi vào đoạn đường gay cấn đầy nguy hiểm. Mấy triệu năm sau, đời mới đạt trình độ chứng kiến

Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất, còn hiện thời thì phẩm kinh này nói chuyện ngược đời, như đĩa bay, con tàu vũ trụ của các hành tinh ngoài quả đất thì đó thuộc về chuyện ngược đời. Thuở Đường Minh Hoàng cho chào đời vũ khúc Du nguyệt điện (dạo chơi cung trăng) thì đời gán cho danh hiệu hoang đường (chuyện không có của đời nhà Đường).

Dù Đức Phật biết sự việc Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất đối với đời là ngược đời, nhưng vì đại đa số đều phân vân, đều thắc mắc, đều muốn biết sự bí ẩn của sự việc hiển hiện trước mắt. Chẳng những đại chúng tại Pháp Hoa hội Linh Sơn mà hàng Thị giả của chư Phật phân thân cũng thắc mắc, cũng phân vân. Cho nên việc chẳng dặng dưng, Đức Phật phải trình bày, nhưng mượn Ngài Bồ tát Di Lặc làm cầu nối. Mặc dù sự việc đầy đủ như thế nhưng khi mở lời trình bày Đức Phật cũng còn phải trải qua nhiều lần rào trước ngăn sau. Cũng ví như nhạc sĩ phải dạo nhạc trước khi cho lời nhạc chính thức hiển đời.

Tuy những dòng thơ kệ, Đức Phật tha thiết: **“Các vị phải tinh tấn. Ta muốn thuyết việc này. Chớ sanh lòng ngờ vực ...”** Suốt đoạn kệ

mười sáu câu, câu nào cũng chơn tình, cũng dặn dò kỹ lưỡng, bởi vì pháp mà Đức Phật sắp phối bày là pháp bất khả tư nghì. Đời không thể nghĩ, không thể bàn.

Đức Phật nói với đại chúng, trong đó đa phần là Bồ tát, vậy mà còn phải như thế ! Hành giả hoặc Giảng sư, Pháp sư, khi đưa pháp Diệu vào đời sẽ gặp trở ngại khó khăn thế nào ! Vì thế nên muốn nói bất cứ việc gì có tánh cách quan trọng, người phổ truyền nên noi theo Đức Phật. Việc gần và dễ nhất là nên bắt chước nhạc sĩ chơi nhạc.

◆ Cha trẻ mà con già

Chính văn

9- Đức Thế Tôn thuyết thơ kệ vừa dứt, liền tiếp dạy Bồ tát Di Lạc: “Nay Như Lai ở nơi đại chúng tuyên bảo quý vị. Nay A Dật Đa! Các hàng Đại Bồ tát vô lượng, vô số a tăng kỳ, từ phía dưới quả đất vụt mạnh đến đây, từ xưa đại chúng chưa từng thấy. Đây là do Như Lai ở cõi Ta Bà, khi đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì liền giáo

hóa chỉ dẫn cho hàng Bồ tát này, điều phục được tâm họ, khiến họ khởi đạo tâm.

Các hàng Bồ tát đây, ở cõi Ta Bà phía dưới quả đất vụt lên trụ giữa hư không, họ từ nơi các kinh điển đọc tụng thông suốt, tư duy liễu ngộ, nghĩ tưởng chơn chánh. Nay A Dật Đa ! Hàng Bồ tát này không thích nói bàn giữa nơi đông người, thường ưa nơi thanh vắng, tinh tấn tu niệm, chẳng hề gián đoạn. Sự cư trú cũng chẳng nương tựa người và trời. Quán chiếu thâm sâu trí tuệ, chẳng hề gặp chướng ngại, cũng thường vui theo giáo pháp của Phật, chuyên tâm tinh tấn tu cầu đắc huệ vô thượng.

Lúc đó Đức Thế Tôn tuyên thuyết thơ kệ lập lại nghĩa này:

A Dật Đa nên biết
Hàng Đại Bồ tát đây
Từ vô số kiếp nay
Tu luyện trí huệ Phật
Đều do ta hóa độ
Khiến phát tâm đại đạo
Chúng đó là con ta
Y chỉ thế giới này

Thường tu hạnh đầu đà
Chỉ thích trụ nơi vắng
Rời nơi chúng náo nhiệt
Chẳng thích luận bàn nhiều
Hàng Bồ tát thế đó
Học tu giáo pháp ta
Ngày đêm hằng tinh tấn
Chỉ để cầu Phật đạo
Ở phương dưới Ta Bà
Trụ giữa khoảng hư không
Chí lực niệm bền vững
Thường siêng cầu trí huệ
Thuyết hết thủy pháp Diệu
Tâm họ chẳng hãi sợ
Ta ở thành Già Da
Ngồi nơi cõi Bồ đề
Thành bực đẳng Chánh giác
Chuyển pháp luân Vô thượng
Rồi mới giáo hóa họ
Khiến khởi phát đạo tâm
Nay đều trụ bất thối
Đều sẽ đắc thành Phật
Nay ta nói chơn thật
Quý vị định tâm tin

**Ta từ lâu xa lại
Giáo hóa Bồ tát đó.**

Giảng luận

Văn kinh và thơ kệ của đoạn này, Đức Phật giải đáp mọi thắc mắc phân vân của Bồ tát Di Lặc, cùng hàng Thị giả của chư Phật phân thân và đại chúng hiện hữu rằng, số Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất là do chính Đức Phật Thích Ca Như Lai giáo hóa họ. Giải thích để gỡ cái phân vân thắc mắc chưa ai hiểu rõ lại còn chồng lên thêm một điều thắc mắc nữa, đó là cha thì còn trẻ, mà con thì quá già. Đức Phật mới thành Phật cách mấy chục năm, còn hàng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất thì công đức và sự thần thông trải lâu nhiều ngàn kiếp, vậy mà Đức Phật tuyên bố hết thảy hàng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất là do Ngài giáo hóa. Đố ai hiểu được cha trẻ con già. Đúng những điều xảy ra ở phẩm kinh hoàn toàn ngược đời, hỏi có được mấy ai thông hiểu, đến như Bồ tát Di Lặc mà còn phải nêu vấn đề xin Phật giải nghi. Đức Phật chưa giải nghi mà lại còn chồng lên thêm một nghi vấn “Cha trẻ mà con già”.

Phẩm kinh dạy hành giả Pháp Hoa và những ai muốn thành tựu những việc gì nơi dòng đời này thì không nên nghe ngắt khúc nữa chừng, mà phải nghe từ đầu đến cuối, như trường hợp cha trẻ mà con già, mà nếu chỉ nghe đến đây rồi phân vân thì suốt đời ôm nỗi phân vân ấy mà ngậm hờn phải chờ sự tiếp theo. Phẩm Như Lai Thọ Lượng thứ 17 thì mới giải được phân vân.

Chẳng riêng hành giả Pháp Hoa, mà ai chỉ đọc hoặc tụng, kể cả chưa biết Pháp Hoa mà nghe thuật lại lý pháp giải nghi của Đức Phật nơi phẩm kinh này, liền đem bí pháp này áp dụng vào cuộc sống hằng ngày bằng cách giải nghi mà chẳng giải nghi lại chồng thêm điều nghi vấn còn khó hiểu gấp trăm ngàn lần thì mình sẽ gặp người cao thượng, bằng không rồi đâu phủ đó, nóng đâu xoa đó thì chỉ lẫn lẩn trong vòng phàm tục biết bao giờ gặp bậc thánh triết.

Người nhà nông gieo giá ba ngày đã có ăn, trồng rau phải ba tuần, trồng bắp - khoai - lúa - củ phải ba tháng, lập vườn cây ăn quả ba năm, lập đồn điền phải hàng chục năm. Muốn giải đáp một đáp số dễ vài phút, nếu khó vài giờ, vài tháng, vài năm. Nếu gặp những điều quá gút mắc

phải trải qua hàng chục năm, trăm năm, ngàn năm. Như quả đất hình bầu dục phải trải qua mấy ngàn năm. Việc Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất phải chờ trình độ tu chứng đến quả vị Bồ tát, có khi cả một kiếp, mười kiếp, trăm kiếp, ngàn vạn ức kiếp. Bởi vì giáo thuyết của Đức Phật là không có thời gian cũng chẳng thể phân không gian.

Không gian vô biên - Thời gian vô tận

Chưa liễu ngộ tối thiểu là liễu thông nguyên lý này thì không bao giờ xóa được mọi điều phân vân, vô tình biến mình thành ra mẫu người bất mãn thường trực, thì làm sao trở thành hành giả Pháp Hoa.

Chính văn

10. Lúc bấy giờ Bồ tát Di Lạc, cùng vô số chúng Bồ tát, lòng sinh thắc mắc, đây thật lạ chưa từng có nên thâm niệm rằng: “Đức Thế Tôn làm cách nào, chỉ trong thời gian quá ngắn, mà có thể giáo hóa vô lượng vô biên nhiều a tăng kỳ số Đại Bồ tát đó, làm cho trụ nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”.

Liên đến bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Lúc Thế Tôn còn làm thái tử, rời khỏi

cung dòng Thích, ngôi nơi đạo tràng, cách thành Già Da chẳng bao xa, tu đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Từ đó đến nay mới hơn bốn mươi năm, Đức Thế Tôn làm cách nào chỉ trong thời gian ngắn như thế ? Vậy mà đã dựng nên Phật sự to lớn như hàng Đại Bồ tát đây nhờ Phật lực của Thế Tôn, do công giáo hóa của Đức Thế Tôn mà nhất định hàng đại chúng đây sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác!

Thế Tôn ! Giả sử có người trong chúng Đại Bồ tát đây trải qua trăm ngàn vạn ức kiếp đếm cũng không thể hết, cũng chẳng tìm được ranh giới. Chúng Bồ tát đây từ lâu đến nay, đã từng ở nơi vô lượng vô biên chư Phật, trồng các căn lành, thành tựu đạo Bồ tát, thường tu phạm hạnh.

Thế Tôn ! Việc như thế làm sao đời tin được. Cũng như có người sắc đẹp tóc đen, tuổi hai mươi lăm, nói người trăm tuổi là con của ta. Người trăm tuổi cũng chỉ vị tuổi nhỏ, đó là cha của ta, đã sinh và nuôi ta. Việc ấy khó tin. Chuyện Đức Phật cũng như thế !

Từ lúc thành đạo cho đến nay kỳ thật chưa bao lâu, vậy mà hàng Bồ tát này, đã ở nơi vô lượng nghìn muôn ức kiếp, đã vì Phật đạo nên siêng năng tin tấn, khéo léo xuất nhập an trú, nơi vô lượng nghìn muôn ức tam muội, đắc đại thần thông, tu hạnh thanh tịnh đã lâu, khéo sắp thứ lớp tu tập các pháp lành, giỏi việc vấn đáp, đây là báu quý trong loài người, tất cả thế gian rất là ít có.

Vậy mà ngày nay Đức Thế Tôn lại nói, lúc đắc Phật đạo mới bắt đầu khiến hàng Bồ tát phát tâm và giáo hóa, chỉ dạy diu dắt, làm cho họ hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đức Thế Tôn thành Phật chưa bao lâu mà lại có thể thực hiện được việc công đức lớn như thế.

Chúng con dù nhất tâm tin Phật, tùy cơ nghi nói pháp, lời Phật nói ra chưa từng sai vọng. Chỗ Phật biết thấy điều thông suốt, nhưng hàng Bồ tát mới phát tâm sau khi Phật diệt độ: Nếu ai nghe lời này, thì chẳng tin nhận, mà thời phá chánh pháp, khởi nhân duyên gây nghiệp tội.

Kính bạch Đức Thế Tôn mong vì hàng đại chúng mà giải quyết phá trừ nghi tội của chúng con, cùng các hàng nam tử về các đời sau này, nghe được lời giải nghi thì chẳng còn nghi ngờ.

Giảng luận

Người tu học pháp môn duy thức, việc trước nhất phải học thuộc và hiểu - và thực hành được câu: “Thấy nghe sờ ngửi nếm, kể cả tư duy để hiểu rõ việc đó rất rành mạch vẫn chưa đúng ! Tại sao ?

+ Thấy vậy mà không phải vậy !

Học thuộc, hiểu thông, hành đúng câu sáu chữ này mới khả dĩ vào trăm cửa sáng của pháp Duy thức. Câu này là cửa thứ nhất. Thông dong qua cửa thứ nhất thì chín mươi chín cửa còn lại xem như dạo vườn xem hoa. Duy thức học gọi là “**Bách pháp minh môn luận**”. Qua khỏi Bách pháp minh môn luận mới vào được nhà duy thức, mới học hiểu trăm bộ luận của Ngài Thế Thân Bồ tát khi hoàn toàn hiểu thông duy thức mới tạm gọi là **Liễu thông sự tướng**. Khi liễu thông sự tướng, cấp tốc phá tan chỗ hiểu thông này thì mới

nhập vào pháp tánh. Khi tánh tướng viên dung, mới liễu thông được các pháp không - đều là thật tướng. Hoặc thật tướng của các pháp là pháp không.

Ngày xưa khi Phật còn tại thế tại Ấn Độ, Đức Phật chế ba tông để chia làm ba thời kỳ tu hành cho tứ chúng.

1. Pháp tướng tông
2. Pháp tánh tông
3. Pháp pháp tông

Vượt ba tông nhập Vô niệm, nhập Bát nhã, nhập Tịnh tịnh từ đó, từ đẳng cấp vô chứng cho đến đẳng cấp thứ mười thành Phật.

Buồn thay bây giờ lại bày đặt cải cách lời dạy của Đức Phật lập đến mười tông và rồi chấp chặt cứng nhắc nơi tông của mình đang tu học. Ví dụ như chấp chặt Tịnh độ chứ không bao giờ chịu chuyển lên Thiền. Cũng có vị chấp cứng nơi Thiền, không chấp nhận các tông khác. Có gì là duy nhất, hết thấy là giả pháp kia mà ! Đắc tướng tánh viên dung, còn phải bỏ để tấn tu lên nữa, nếu không thì làm sao chứng đắc quả vị tối thượng. Tất cả các tông, các cách đều là phương

tiện, mà phương tiện chỉ độ sanh. Hành phương tiện độ sanh, để đạt cứu cánh thành Phật.

Đức Phật thuyết pháp độ sanh suốt nhiều kiếp, nhất là bốn mươi chín năm của kiếp này, thế mà Ngài tuyên bố bốn mươi chín năm Như Lai chẳng nói gì cả ! Còn nói còn năng là còn ở phương tiện, phải bỏ phương tiện mới đạt cứu cánh.

Câu chuyện cha trẻ mà con già của đoạn kinh này tóm gọn bằng sáu chữ: **“Thấy vậy mà không phải vậy !”**.

Chính văn

Lúc đó Bồ tát Di Lạc tuyên thuyết thơ kệ để lập lại nghĩa này :

11- Phật xưa từ dòng Thích
 Xuất gia gần Già Da
 Ngồi nơi cội Bồ Đề
 Đến nay còn chưa xa
 Các hàng Bồ tát này
 Thì đông không thể tính
 Lâu đời tu Phật đạo
 Trụ vào sắc thân thông
 Khéo học đạo Bồ tát

Chẳng nhiệm pháp thế gian
Như bông sen từ bùn
Phía dưới đất vọt lên
Đến trước mặt Thế Tôn
Đều khởi tâm cung kính
Việc này chẳng nghĩ bàn
Thế nào mà tu được
Phật đắc đạo rất gần
Thành tựu kia thì xa
Mong Phật giải lòng nghi
Phân biệt thuyết như thật
Ví như người trẻ mạnh
Tuổi mới hai mươi lăm
Gọi người trăm tuổi già
Tóc bạc và da nhăn
Họ là do ta sinh
Nhóm già tôn trẻ cha
Cha trẻ mà con già
Mọi người chẳng ai tin
Việc Thế Tôn như thế !
Ngài đắc đạo rất gần
Còn chúng Bồ tát đây
Chí vững không khiếp nhược
Từ vô lượng kiếp nay

Ròng tu đạo Bồ tát
Thông nơi gạn hỏi đáp
Tâm cũng đều vô úy
Tâm nhẫn nhục đã thành
Oai nghi đạt tế hạnh
Phật mười phương ngợi khen
Khéo hay phân biệt thuyết
Chẳng thích giữa đông người
Thường ưa tu thiên định
Vì cầu Phật đạo vậy
Phương dưới trụ hư không
Chúng con từng nghe Phật
Nên việc này chẳng nghi
Nguyện Phật vì người sau
Diễn bày khiến hiểu rõ
Nếu người nghe phẩm này
Chẳng tin lòng ngờ vực
Liền bị đọa đường dữ
Mong nay Phật giải thuyết
Vô lượng Bồ tát đây
Thế nào thời gian ngắn
Giao hóa khiến phát tâm
Mà trụ bậc bất thối.

Giảng luận

Cuối đoạn thơ kệ, chấm dứt phẩm kinh, nhưng sự việc chưa chấm dứt. Hành giả Pháp Hoa đọc tụng đến đây tạm xếp kinh lại, mặc dù sức mình tự đọc phẩm tiếp, nhưng ngưng để suy ngẫm tại sao ? Dòng đời vốn vẫn như thế. Có việc chấm dứt rất gọn gàng, có việc phải đợi đời sau. Chư Tổ còn đợi kiếp sau. Liễu thông được chỗ này là bưng tỏ “**Không gian vô biên và thời gian vô tận**”. Đã không còn nhứt thiết bất buộc là phải cho xong trong khoảng thời gian như vậy, vì nó vốn là việc lớn.

Từ khi dựng nước, tộc họ vua Hùng phân nhau trị an đất nước đến 2.622 năm. Từ đó đến nay gần năm ngàn năm, nhưng có đời lãnh đạo nào dám tuyên bố là chính ta đã làm xong việc xây dựng nước; nhất là có nhà lãnh đạo nào dám liều lĩnh tuyên bố việc giữ nước ta đã làm xong.

Không gian thì vô biên, thời gian thì vô tận là thế. Dòng đời không có khởi đầu thì cũng chẳng có chấm dứt. Lớp sau nối trước, lớp lớp trùng trùng, ngàn vạn tỷ kiếp cũng không có cái giây phút sau cùng. Nếu có thì càng về sau càng văn minh tiên tiến, đạo và đời dễ gần gũi bên

nhau, để hòa cùng một là tình người không có không gian.

Việc chưa giải nghi xong, mà Đức Phật đã tạm dứt phẩm kinh, để chờ phẩm tiếp, có phải đây chính là sự dụng ý, để dạy chúng sanh hiện hữu lần mai sau là đừng bao giờ **“Ngủ quên trên thỏa mãn”**. Thường xuyên nhào nặn thì ý thức mới chuyển sang trí. Trí chuyển sang tri. Tri nhập tâm vương. Xóa tâm vương để nhập về chơn tâm vắng lặng. Nếu giải nghi cấp thời thì khiến người nghe sớm thỏa mãn mà khi quen dần với thỏa mãn là ngủ quên trên tảng đá tự đại, tự cao.

Phải có thời gian để hành giả định thiền quán chiếu. Khi chiếu quán nhập **“Chỉ”** thì thiền quán mới thành công, mới bừng khai nứt niệ. Khi đạt nứt niệ rồi, từ từ tinh tấn lên cao, khi ở điểm cao thì tự nhiên thấy lùm rừng cây cỏ, khi đã liễu ngộ do công đức tinh tấn tu luyện thì chẳng còn phân vân, thắc mắc việc cha trẻ con già, hoặc nghi vấn về Bồ tát vô danh. Chính mình sẽ là vô danh Bồ tát và các pháp giới trùng trùng Bồ tát vô danh, chứ đâu chỉ riêng một vài người mà mình thắc mắc. Khi đã tự giải nghi cho mình rồi thì mới rõ lời chỉ dạy của Như Lai.

III.- TÓM KẾT

Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất có hai bài. Bài đầu đã có bài tóm kết, bài này chỉ tóm kết nửa bài sau.

Trước nhất hành giả Pháp Hoa và toàn thể những ai có tâm hồn mến ưa **pháp Diệu hoa thơm nhập đời** nên chú tâm vào các điều chính.

Cuộc hỏi đáp của Bồ tát Di Lạc và Đức Phật, trong đó có liên quan đến bản thân mình, gia tộc mình, Tổ quốc mình, nhân loại và muôn loài cùng chung sống với mình.

Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất và đại thể chúng ta, có liên quan gì nhau không ? Hay là đường ai nấy đi, mạnh ai nấy làm. Nếu có liên quan thì chỗ nào mật thiết, chỗ nào chưa mật thiết ?

Đọc hoặc tụng, chưa nói đến thọ trì và phổ truyền, hành giả Pháp Hoa rút ra được những gì quý báu của phẩm kinh, hầu áp dụng trực tiếp vào cuộc sống của chính đời sống của mình hằng ngày.

Dòng đời vốn đa nghi, cho nên mới có nhiều phân vân ngờ vực, chính hành giả Pháp Hoa vẫn

rơi vào tình trạng này. Sau khi đọc tụng nhiều lần đã rút tĩa được những gì nơi phẩm kinh và đã làm vơi đi phần nào nỗi phân vân ngờ vực vốn nó đã ấp ủ trong lòng mình từ lâu. Nếu chưa đạt phần dễ chịu nhờ bớt ngờ vực thì xin mời tiếp tục đọc tụng nhiều lần nữa. Nếu vơi bớt phần nào thì tự mình xin trân trọng mời mình chuyển sang thời kỳ thọ trì để chuẩn bị cúng dường và phổ thuyết kinh Pháp Hoa.

Thế gian có câu “Một nghi mười ngờ, một ngờ mười tội”. Vậy cho nên chỉ có một điều nghi mà phải chịu chướng nghiệp một trăm tội. Muốn giảm nghi trước nhất là phải tưởng pháp không tướng.

Ngoài những điểm đáng chú tâm vừa nêu trên, hành già Pháp Hoa và những ai ưa mến pháp Diệu hương sen nhập đời cũng cần phải thấm sâu một số điều cần thiết.

- * Những người đáng độ
- * Dễ độ
- * Không mỗi mệ

Cả ba liên quan nhau. Nếu những người không đáng độ mà mình mong cầu quyết độ thì

không thể nào dễ độ, lại không thể nào không một mỗi.

Một vấn đề khác: Khi hành giả Pháp Hoa và những ai ưa mến pháp Diệu hương sen nhập đời thì cần phải thông hiểu khoa học, phải mở rộng tầm nhìn, mở rộng quán tưởng ra khỏi địa cầu, ra khỏi thiên hà và nhập vào trùng trùng pháp giới bao la thì mới quay về đạo học để hiểu thông Bồ tát vô danh Tùng Địa Dũng Xuất an trụ nơi nào. Điểm khó nhất là số lượng, là chẳng nhắc đến tuổi tên, mà lại nhấn mạnh đến bốn hạnh. Bốn Ngài Thượng Thủ làm đạo sư cho hàng vô danh Bồ tát, chỉ đưa bốn hạnh vào đời hòa nhập muôn loài lẫn vạn vật cỏ cây.

Từ xưa giới tu học Phật chỉ học về Đức Phật Thích Ca qua mặt lịch sử, chứ chưa hề học hiểu Đức Phật Thích Ca về mặt tôn giáo, đọc phẩm kinh này để hiểu thông và vệt lớp màn để thâm nhập, để liễu thông Đức Phật Thích Ca thuộc về mặt tôn giáo. Tôn giáo phi thời gian, lẫn phi không gian.

Bài học còn nhiều nét đáng tóm kết, nhưng chúng tôi dành lại người đọc, người tụng, người

thọ trì sẽ tiếp tục tóm kết còn nhiều nét tinh vi hơn.

Hành giả Pháp Hoa lẫn trời người quý thân, và phi nhơn, kể cả tam đồ ai liễu ngộ, hoặc liễu thông một nét nơi phẩm kinh này là bắt đầu bước đến cổng Pháp Hoa.

Kinh Pháp Hoa từ đây không còn riêng của đạo Phật mà nó là gia bảo của muôn loài vì pháp Diệu hương sen nhập đời, nên đời cùng chung hưởng hương sen pháp Diệu.

Lạy mười phương chư Phật, Đức Phật Thích Ca, cùng chư Phật phân thân cùng tất cả hai giới Bồ tát hiển danh và vô danh hộ trì cho kinh Pháp Hoa ngày một được phổ truyền sâu rộng, chẳng riêng cõi Sa bà mà khắp thấy trùng trùng pháp giới bao la.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ tát, Bồ Tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.

Vô danh Bồ tát

★ Trích Thi phẩm “Từng giọt Ma Ni”

Rừng không tên

*Biển không tên
Ngũ trược ác thế
Sao rằng có tên.*

*Người không tên
Đất không tên
Nhập hạnh Bồ tát
Đợi gì có tên.*

*Chẳng họ tên
Lên từ đất
Dũng xuất trùng trùng
Rừng gọi biển thưa.*

*Biển vẫn thưa
Rừng đang gọi
Lớp lớp hàng hàng
Bồ tát không tên.*

Chẳng họ tên
Nên hữu hạnh
Gió lộng mây ngàn
Rộng mạnh cao sâu.

Sâu tịnh hạnh
Rộng vô biên
An lập lời nguyên
Cao siêu thượng hạnh.

Ý nhập cảnh
Tâm an nhiên
Tỏa tỏa hương thiền
Viên viên tuệ trí.

Thơ trắng hỷ
Nhạc suối reo
Tinh tú quy về
Liên Hoa Diệu Pháp.

Liên Hoa ngát
Diệu pháp màu
Ai chuyển Pháp Hoa
Vô danh Bồ tát.

*Rồng mây bạc
Hạc non tùng
Nước lửa ngân rung
Viên dung bửu tháp.*

*Gió trời nhạc
Mây hòa thơ
Trời đất lặng lẽ
Trăng sao Diệu Pháp.*

*Tình man mác
Nghĩa bao la
Cha trẻ con già
Vô danh Bồ tát ♦*

Con ơi !

- **Hãy xem thứ vật thể nào không hề có màu sắc.**
- **Hãy nghe những âm điệu nào không hề có âm thanh.**

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

26

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA GIẢNG LUẬN - Bài số 26

PHẨM NHƯ LAI THỌ LƯỢNG - Thứ mười sáu

- Ba lần tuyên xưng sự thọ mạng dài lâu của Như Lai.
- Sự tối ư cần thiết để mở đầu cho những bí pháp.
- Bí pháp cha trẻ mà con già.
- Đức Phật phương tiện như người thầy thuốc.
- Đức Phật thuyết thơ kệ trùng tuyên lại toàn phẩm kinh.

I - MỞ ĐẦU

Những phân vân của Bồ tát Di Lạc và đại chúng ở phẩm Tùng Địa Dũng Xuất đến phẩm này mới được giải thích. Trước khi vào phần giải thích, Đức Phật phải ba lần lập lại câu: “Quý vị

phải tin hiểu lời nói chắc thật của Như Lai”. Xin hỏi từ xưa đến nay, các cuộc diễn thuyết, đã có diễn giả nào mở đầu mà đã ân cần **lập đi lập lại** đến ba lần một câu như thế hay không?

Xin thưa là không! Vậy mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại sử dụng cách diễn thuyết khác đời, đó là **lập đi lập lại** một câu đến ba lần. Chưa hết, việc này mới khó hơn, đó là đại chúng cũng ba lần cần cầu thưa thỉnh. Vì vậy nên giới thính giả, nhất là những ai chưa từng đọc kinh, nay bỗng nhiên gặp phải nên hơi ngạc nhiên, có người còn nói kinh Phật có chỗ quá lắm lắm, như chỗ này chẳng hạn. Thực ra chúng ta lắm lắm chứ không phải kinh lắm lắm, nếu lắm lắm thì sao kinh Phật tồn tại trên quả đất hơn hai mươi lăm thế kỷ và hiện tại đang phát triển nhanh hơn máy bay phản lực. Vậy xin những ai đã vội ước đoán hãy chịu khó đọc hết phần mở đầu về giảng luận phẩm kinh này, sau sẽ thấy chính mình lắm lắm chứ không phải kinh lắm lắm.

Lập đi lập lại ba lần:

Phàm sự sống của con người, kể cả các bậc thánh, cũng phải có ba phần tiếp thu:

Thân + miệng + ý

Thân gồm có mắt - tai - mũi. Miệng gồm có miệng và lưỡi. Ý gồm có ý và mạn na. Siêu ý gồm có A lại da và vô thức. Người đời nhiều thất bại chua cay hơn là thành tựu ngọt ngon, tất cả đều khởi từ nguyên do, tức là từ phát xuất, lần tiếp thu chưa đúng phương pháp. Thế nào là đúng phương pháp? Thân thể gồm nhiều bộ phận, quan trọng trong số đó có 84 ngàn lỗ chân lông là phát thu năng lượng và âm thanh nhiều nhất, rồi mới đến mắt, tai và mũi, ba giác quan này tuy là bộ phận hệ thuộc của thân, nhưng vẫn có từng ngành chi tiết trực thuộc luôn tức trực phát và thu sắc tướng, âm thanh và mùi vị. Cả ba hợp thành phân hành phát thu, chạm xúc sắc tướng, âm thanh và mùi vị. Cơ quan thứ hai là miệng, cơ quan này gồm môi, miệng, nóc vòm, lưỡi. Cơ quan miệng đóng vai trò quan trọng hơn ba bộ phận kia, cho nên công nó đứng đầu, mà tội nó cũng lãnh đủ. Thân ba, miệng bốn, ý ba. Miệng chẳng những nói mà lại còn nếm, cho nên sự thu phát của miệng nếu đúng thì lợi lớn, nếu sai thì hại to. Cơ quan thứ ba gồm cả ý, mạn na và A lại da. Mạn na định nghĩa là ý + ý. Hai ý gồm lại là mạn na.

Ý thứ nhất ban ngày hoặc lúc thức mặc na phụ tá cho ý, để ghi nhận tất cả những gì ý phát tải hoặc thân nhập. Nhưng lúc ngủ là lúc ý vắng mặt nơi thân thể con người, chỉ còn một mình mặc na ở lại để làm tròn hai nhiệm vụ: giữ gìn thân thể và chuyển mọi dữ kiện của ý về bộ nhớ, danh từ Phật giáo gọi nó là A lại da. Khi con người tôi luyện loại bỏ những gì không đáng nhớ và còn tồn kho những gì xét cần phải nhớ, lúc bấy giờ chuyển sang cơ quan siêu ý, đó là vô thức.

Ba cơ quan thân, miệng và ý mỗi mỗi đều có một sứ mệnh riêng biệt, nhưng ý là thủ trưởng, còn thân và miệng chỉ là phụ tá. Tuy nhiên khi thu hoặc phát chúng lại có quyền hành riêng của nó. Vì vậy cho nên nếu nói một lần thì chỉ mới có một cơ quan thu nhận, nếu việc tối ư quan trọng, hoặc những việc thuộc về bí pháp thì cần phải đủ ba lần tuyên xưng. Cũng không nhất thiết là bí pháp hay là việc quan trọng, mà sự sống đời thường hằng ngày nếu ai chịu áp dụng bí pháp ba lần thì nhất định sẽ ít gặp thất bại.

Đạo Phật khởi việc gì đều niệm một danh hiệu Phật ba lần, nhưng khi kết cũng lại niệm Phật ba lần, có người nói như vậy là thừa, có nơi

niệm bốn câu hồi hướng, nhưng niệm chỉ có một lần (Nguyện đem công đức này ...).

Tại Đạo tràng Diệu Pháp Liên Hoa - Tổ đình Quán Thế Âm - Phú Nhuận, lúc bắt đầu cũng niệm Phật ba lần như các nơi khác, nhưng khi kết thúc lại cũng xưng niệm ba lần câu:

Con nguyện mến thương muôn loài.

Thời gian trải qua suốt mười năm, chiều Chủ nhật nào cũng giữ niệm ba lần kết thúc buổi Phật pháp, nhờ vậy mà Đạo tràng đứng nề nếp, nhẹ nhàng, thanh thoát, lặng yên. Những năm hai cuộc kháng chiến mù khói lửa đạn bom, đứng ra những điều các nhà lãnh đạo truyền đi dân chúng sẽ quên hết, nhưng mà họ nhớ rất rõ, chẳng những nhớ mà họ còn truyền lại cho người khác không thiếu một mảy may, đó là nơi những cuộc mittinh mỗi khi hoan hô hoặc đả đảo tất cả đều hô ba lần. Những buổi họp kết thúc vẫn bằng ba lần hô to “**Nhất trí**”.

Lập lại ba lần thoáng qua thì thấy dư thừa, nhưng càng chiêm nghiệm càng thấy là hữu lý. Chẳng những chu đáo mà còn tế nhị, chẳng những rực sáng vấn đề mà là văn minh, chẳng những lợi mình mà còn ích đời.

Qua phân tích đại cương về công thức ba lần tuyên xướng, nếu hành giả Pháp Hoa và bất cứ ai muốn thành tựu mọi sự việc nên hay không nên tồn giữ nguyên tắc truyền thông một vấn đề phải đủ ba lần. Kể cả một việc nhỏ nhất như sai con cháu đi mua chai nước tương, cũng phải đủ ba lần, nếu không nó sẽ mua chai nước mắm.

Vậy phẩm kinh Như Lai Thọ Lượng là bí pháp quá ư là huyền nhiệm, không thể dùng trí mà suy lường, cho nên khi mở đầu phẩm kinh Đức Phật phải giữ đúng nguyên tắc về nhân sinh quan và vũ trụ quan mà tuyên xướng đủ ba lần; chẳng những tuyên xướng đưa ra ba lần, mà lại còn phải đợi đủ ba lần trở về, đó là ba lần cần cầu của Bồ tát Di Lạc và đại chúng muốn được nghe.

Chuyện Lưu Bị vua nhà Thục phải ba lần đi thỉnh Khổng Minh. Đời nhà Đường, Tiết Đình San phải ba lần cầu thỉnh Phàn Lê Huê. Về chuyện đám cưới cũng phải đủ ba lần lễ dạm, lễ hỏi và cuối cùng mới đến lễ cưới. Nếu có giảm là chỉ giảm lễ nạp tài, ghép lễ hỏi và nạp tài làm một.

Người Á Đông áp dụng công việc lập đi lập lại ba lần không phải ảnh hưởng đạo Phật, mà hình như đây là định lý nên trùng hợp như thế. Cho nên việc kinh Pháp Hoa ghi lời Đức Phật lập lại ba lần không có gì khúc mắc cả.

Một nét đặc biệt của phẩm kinh này là nguyên lý toán học, cân đo đong đếm cho hậu thế, nhất là giúp các nhà toán học chiếc chìa khóa để nhập vào phương pháp tính toán đo lường, chẳng những đo lường bằng sáu giác quan mà còn cần sự tưởng tượng **của trí** và **của tuệ**.

Thêm một điểm đặc biệt của phẩm kinh này mà chúng ta không thể nào bỏ qua đó là phương pháp dẫn dụ. Nhiều khi trình bày rất linh động, sâu sắc, dí dỏm và mạch lạc, nhưng thiếu dẫn dụ thì rất khó hấp dẫn để lôi cuốn người nghe. Nhưng dẫn dụ thế nào? Bí pháp dẫn dụ nơi phẩm kinh này chẳng những là khuôn vàng thước ngọc cho hành giả Pháp Hoa, mà lại còn cho các giới thầy cô giáo, các bậc làm cha mẹ, làm nhà lãnh đạo, nhà mô phạm nơi dòng đời.

Kể câu chuyện cha trẻ con già để dẫn dụ người nghe dễ tin hiểu rằng Đức Phật Thích Ca đã thành Phật, đã giáo hóa chúng sinh cách nay

vô lượng triệu tỷ kiếp, từ thuở quá khứ xa xăm nơi cõi Sa Bà, chứ không phải mới thành Phật đời này kiếp này tại xứ Ấn Độ. Đây là một mẫu chuyện dẫn dụ giúp người nghe dễ liên tưởng, dễ hiểu, dễ tin khỏi cần phải động não để suy luận.

Đọc qua bài giảng luận này, chắc chắn sẽ làm bung vỡ sự chật hẹp của hai hạng người:

* Hạng người thứ nhất: khư khư bảo thủ kinh Pháp Hoa là bộ kinh cao quý nhất, chỉ để dành cho Bồ tát tu thành Phật, còn chúng sinh chẳng được bén mảng đến kinh Pháp Hoa, nếu có thì chỉ đọc tụng, hoặc cúng dường để cầu phước mà thôi!

Đồng ý kinh này là phương pháp dạy cho Bồ tát thành Phật, nhưng lại còn một nguyên lý hệ trọng nữa, đó là pháp Diệu nhập đời để dạy chúng sinh thành Bồ tát chứ!

Chương trình của Bộ Giáo dục không chỉ để dành dạy cho sinh viên thành Bác sĩ, Kỹ sư, Tiến sĩ, Giáo sư, mà cũng còn để dạy cho người chưa biết chữ được biết chữ chứ!

Cũng vậy, nếu kinh này không dạy chúng sinh thành Bồ tát thì làm sao có Bồ tát để thành

Phật? Từ đâu có sinh viên để thành Giáo sư, Tiến sĩ?

* Hạng người thứ hai: khư khư ôm giữ bộ kinh Pháp Hoa, chấp từng lời từng chữ, chẳng thông chẳng thoáng, nhất là không chịu áp dụng phương pháp Diệu của kinh này vào đời sống của mình và mọi người trong xã hội, lẫn muôn loài vạn vật đều sống đúng pháp Diệu của kinh.

Hạng nào cũng chỉ phiến diện: hạng thứ nhất như những người cuồng tín cố chấp nơi sách viết về điện và nghĩ là quyển sách này sẽ tỏa ánh sáng và sách này là phép huyền bí của Kỹ sư điện. Hạng thứ hai như người ăn mía nhai nuốt cả bã mía nên bị trầy cổ mà chẳng cảm thấy ngọt ngon. Hành giả Pháp Hoa tu luyện pháp Diệu chẳng như hai hạng trên và chớ như hai hạng dưới. Hạng thứ nhất nhìn trăng không nường ngón tay. Hạng thứ hai chỉ chăm chăm nhìn nơi ngón tay. Cả hai đều chẳng thấy được ánh sáng của trăng.

II.- NỘI DUNG

Ba lần tuyên xưng sự thọ mạng dài lâu của Như Lai

Chính văn

1- Lúc bấy giờ Đức Phật bảo chư vị Bồ tát cùng đại chúng: “Này các thiện nam tử! Quý vị phải tin hiểu lời nói chơn thật của Như Lai”. Lại bảo đại chúng: “Quý vị phải tin hiểu lời nói chơn thật của Như Lai”.

Lại còn bảo đại chúng: “Quý vị phải tin hiểu lời nói chơn thật của Như Lai”.

Lúc đó Bồ tát Di Lặc, vị đứng hàng đầu chư đại Bồ tát, liền chắp tay bạch Đức Phật rằng: “Thế Tôn! Cúi mong Thế Tôn thuyết cho, chúng con nguyện tin nhận lời Phật”. Ba lần cầu thỉnh liên tục chẳng dứt: “Cúi mong Đức Phật thuyết cho chúng con nguyện tin nhận lời Phật”.

2- Bấy giờ Đức Thế Tôn thấy hàng Bồ tát, đã ba lần cầu thỉnh hỏi liên tục, nên mới bảo rằng: “Quý vị lắng nghe! Sức bí mật thần thông của Như Lai, mà tất cả trong đời, từ trời thần người đều cho rằng Đức Phật Thích Ca, rời cung họ Thích, đến thành Già da, chẳng được bao lâu, ngồi tu nơi đạo tràng, đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”.

Nhưng, này chư thiện nam tử! Sự thật là ta đã thành Phật từ thuở đó đến nay đã vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức na do tha kiếp. Ví như năm trăm ngàn vạn ức na do tha a tăng kỳ cõi tam thiên đại thiên thế giới có người đem ra nghiền nhỏ thành từng hạt bụi, rồi đi qua phương Đông, cách năm trăm ngàn vạn ức na do tha a tăng kỳ cõi nước, làm rơi nơi đó một hạt bụi; rồi đi qua phía Đông cũng làm như thế, làm đến khi nào hết cả số hạt bụi này. Chư thiện nam tử! Ý quý vị nghĩ sao? Số cõi thế giới này có thể so tính suy nghĩ, đo lường, tính đếm được chăng?

Bồ tát Di Lạc và hết thầy hàng Bồ tát đáp rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Số thế giới đó quá nhiều đến số vô lượng vô biên như thế, nên chúng con chẳng thể nào suy nghĩ hiểu biết được số này. Chúng con đã trụ đến bậc bất thối, nhưng việc này chẳng thể nào thông đạt nổi!

Thế Tôn! Các thế giới như thế nhiều vô lượng vô biên”.

Giảng luận

Ý nghĩa hai đoạn kinh này đã trình bày khái quát ở phần mở đầu. Đoạn một, sự quan trọng của ba lần, đoạn thứ hai là phương pháp đo lường. Hai bí pháp này không chỉ dành riêng cho hành giả Pháp Hoa mà là chung cho tất cả, nhất là giới thức giả.

A. Bí pháp ba lần

❶ Lần thứ nhất khai mở năm giác quan.

❷ Lần thứ hai cho đầy ý thức và mạng na.

❸ Lần thứ ba là cung ứng dữ kiện cho A lại da và vô thức.

Lưu ý hai đoạn kinh này Đức Phật dạy cho hàng Bồ tát, nếu vị Bồ tát nào muốn tu luyện thành Phật thì phải nhận bí pháp ba lần khai mở. Chẳng những ba lần khai mở, mà còn phải trải qua ba lần cần cầu thưa thỉnh muốn nghe. Muốn nghe là nghe cả năm giác quan, cả ý, mạng na, A lại da và kể cả vô thức.

Ngoài nhu cầu thành Phật thì bất cứ một vấn đề nào cũng vậy. Vấn đề tròn tánh người giảm tánh thú, vấn đề đạt thành công giảm thất bại ... cũng cần phải trải qua ba lần. Vì vậy nên kinh Pháp Hoa mới có nhân duyên với chúng sinh, chứ

không phải chỉ dành riêng cho hàng Bồ tát, dù hai đoạn kinh này Đức Phật chỉ dạy riêng cho hàng Bồ tát bí pháp thứ nhất, còn bí pháp thứ hai thì Ngài Đại Bồ tát Di Lặc đứng ra làm nhíp cầu giữa Phật và Bồ tát đều nhấn mạnh ba lần cầu cầu thưa thỉnh muốn nghe. Nói đến đây chúng tôi liên tưởng hồi còn tuổi học trò, bữa nào gặp vị thầy giáo khi sắp vào giờ học ông hỏi ba lần và học trò đáp: “Vâng chúng con chú ý nghe”. Thoáng qua thì thấy việc làm này dư thừa, thế mà đến giờ vị thầy giáo này, học trò dễ mở trí nhớ, còn các vị khác bước vào giờ học là đổ chữ ra liên tục, học trò chúng tôi đứa nào cũng muốn điên cái đầu, sau buổi học về nhà không nuốt nổi cơm. Đến bây giờ chúng tôi mới hiểu câu “giáo dục nhồi sọ” là thế nào! Một nền giáo dục mà toàn những vị thầy cô giáo chuyên đổ chữ vào đầu học trò thì kết quả đất nước đó, chế độ đó sẽ thu nhặt một đám người từ chương, một thế hệ chỉ biết ngoan ngoãn vâng theo như những gã nô tỳ. Từ nguyên nhân là đào tạo một thế hệ nô tỳ thì kết quả đất nước đó chuẩn bị bàn giao cho nước khác.

Chúng sinh nói chung, loài người nói riêng xem thường kinh Phật, có nhiều vị trí thức lên án là trù tượng. Tiếc thay trên châu thất bảo mà đem tặng cho một em bé đang đói bụng thì chẳng những không ích lợi gì, em ấy chẳng cảm ơn mà còn giận ghét.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là kinh **pháp Diệu bông Sen**. Hai chữ Liên Hoa là ẩn nghĩa nhập đời. Dòng đời tạp loạn như ao bùn, bông sen tinh khiết, chẳng những có sắc đẹp, mà lại còn nhiều hương thơm và biết bao điều lợi ích khác. Bông sen đến với ao bùn, chẳng hề làm hao tổn gì, trái lại còn làm tăng vẻ cao quý ích lợi cho ao bùn. Bông sen đến với ao bùn không hề bị nhiễm dơ bởi ao bùn và cũng chẳng hề làm cho ao bùn bị nhiễm dơ. Vì thế cho nên từ người đến vật, kể cả thần linh chẳng hề có một ai giận ghét bông sen, thấp hèn nhất là loài ong bướm thuộc loại chuyên đi hút mật của tất cả các loài hoa, vậy mà chúng đối với bông sen vẫn một lòng cung kính, chẳng hề dám đến gần, chứ đừng bảo là hút mật. Pháp Diệu nhập đời, làm thơm cho đời, làm ích cho đời, góp cho dòng đời những bí pháp sống tuyệt vời. Vậy thì tại sao người đời lại có những người

chê bai, hủy báng, hãm hại người phổ truyền kinh Sen, kẻ ấy há thua loài ong bướm ư!

Nước Nhật Bản có một thời hãm hại, giam nhốt Pháp sư Nhật Liên là vị Pháp chủ kinh Sen và còn chặt hàng trăm, hàng ngàn cái đầu của giới tăng lữ đang phổ thuyết kinh Pháp Hoa. Hậu quả dẫn nước Nhật trở thành nước phát xít, đem quân xâm chiếm toàn cầu, tàn hại dân Đại Hàn tuyệt giống. Việt Nam là nạn nhân cả hai triệu người miền Bắc chết đói, miền Nam thì nam nữ thanh niên có nhiều người tự tử vì không vải may quần để làm lễ tân hôn. Nói chung chỗ nào, nước nào gót giày phát xít giẫm lên thì cỏ không thể mọc chứ đừng bảo là con người. Nhưng con voi hung thì cũng gặp anh nài dữ. Nhật bị phạt hai quả bom nguyên tử của Mỹ, hàng triệu người bị chết chỉ trong một giờ. Ôi thảm khốc quá, rùng rợn quá!

Trong lúc nổi niềm đau thương phủ trùm lên xứ hoa anh đào thì một hôm vị Hoàng đế của Nhật, Ngài Minh Trị Thiên Hoàng đi công du, bỗng chứng kiến cảnh một chiếc đầu của nhà sư đang phổ truyền kinh Pháp Hoa lăn lông lốc trên đại lộ. Nhà vua hỏi mới biết là trong nước của

ông, đã hàng ngàn, hàng ngàn chiếc đầu nhà sư đang phổ truyền kinh Pháp Hoa bị rơi như thế. Vị Hoàng đế anh minh này cấp tốc ban chiếu chỉ phóng thích vị Pháp chủ, Ngài Hòa thượng Nhật Liên Pháp sư ra khỏi tù, bảo vệ kinh Pháp Hoa và người phổ truyền. Hiến pháp Nhật lấy kinh Pháp Hoa làm cốt lõi. Nước Nhật chẳng những qua cơn đại nạn, mà vươn lên như phi thuyền, đưa nền văn minh lẫn kinh tế Nhật lên hàng thứ ba của thế giới và người Nhật xem nhân loại như anh em một nhà. Nếu loài người, nhất là giới trí thức, chịu khó quay nhìn kinh nghiệm đưa kinh pháp Diệu vào đời của Nhật thì chắc chắn không còn ai đàn áp hủy báng, kinh Pháp Hoa và không còn cảnh hãm hại người phổ truyền kinh Pháp Hoa.

Bí pháp đoạn một phẩm kinh này, nếu được hành giả Pháp Hoa triệt để tin tưởng và áp dụng vào từng nếp sống cho mình hằng ngày, đồng thời phổ truyền sự kết quả ích lợi cho nhiều người khác thì đời gặp biết bao vinh hạnh.

B- Bí pháp đo lường

Phương pháp cân đo đong đếm thường được áp dụng bằng mắt tai mũi lưỡi và thân, bởi vì cân

đo đong đếm thuộc về phép đo lường, mà đo lường thì thuộc về sự tướng. Sự tướng đo lường thời gian lẫn không gian, nhưng thời gian triệu tỷ kiếp trở lại thì có thể tính đếm trình bày, còn nếu thời gian lâu xa hơn trăm ngàn vạn ức tỷ kiếp thì làm sao tính đếm được, cho nên khi gặp trường hợp này Đức Phật phải dùng tỷ dụ và chuyển đưa sự đo lường sang ý chứ không còn nằm ở nơi năm giác quan nữa. Đến thời kỳ ý, mạc na và A lại da phải đo lường. Đức Phật đem câu chuyện dẫn dụ, Ngài nêu lên con số gấp năm trăm ngàn vạn triệu tỷ cõi tam thiên thế giới, rồi bước thứ hai là nghiền nát số cõi này thành hạt bụi. Đến đây óc thông minh của loài người không thể nào tính đếm được bao nhiêu hạt bụi. Máy móc khoa học có tinh vi bao nhiêu cũng đành chịu. Hàng Bồ tát cũng không thể dùng tâm trí để tính đếm được. Vậy mà phép suy lường cũng chưa chấm dứt nơi đây. Qua đoạn ba, Đức Phật đem tất cả số bụi đã có, cứ qua một quốc độ chấm làm dấu một hạt bụi, vậy thì bao nhiêu thế giới? Đến đây Bồ tát cũng ngẩn ngơ chứ đừng bảo là máy móc của khoa học. Nhưng chưa, số đo lường còn tăng lên nữa, đem các nước dù có chấm hạt bụi trần hay là chấm sót. Tổng số cõi nước này rồi xay nhỏ một

lần nữa, lúc bấy giờ mới tính tổng số. Số hạt bụi trần của các thế giới đã được nghiền nhỏ ra làm đơn vị tính toán.

Bắt đầu phép tính:

Cứ tính một hạt bụi là một kiếp. Từ khi Đức Phật Thích Ca đắc quả đến nay, số kiếp nhiều hơn số trăm ngàn vạn tỷ lần lâu xa như thế!

Việc này chúng ta phải chia thành hai cách: tính đếm không gian và tính đếm thời gian.

① **Tính đếm không gian:** Dem năm trăm ngàn vạn ức triệu tỷ cõi thế giới nghiền nát thành bụi trần, rồi đi mỗi thế giới chấm một hạt bụi để làm dấu. Có bao nhiêu thế giới, bao nhiêu cõi nước được chấm bụi, lấy số đó làm tổng số không gian.

② **Tính đếm thời gian:** Dem tổng số cõi thế giới đã được làm dấu mà nghiền nát thành từng hạt bụi trần, rồi tính đếm tổng số được bao nhiêu hạt bụi trần là được bấy nhiêu kiếp của Đức Thích Ca đã thành Phật.

Phân đo lường tính đếm chia nhiều trình độ. Trình độ thấp thì chỉ nằm ở cộng trừ nhân chia. Lên cao thì phân số, lập trình, giải mã, vi tính.

Các phần này thuộc của phàm nhân. Hàng thánh A La Hán và Bồ tát lại còn siêu hơn. Vậy mà đến phẩm kinh này Đức Phật nói với hàng Bồ tát. Hàng Bồ tát không hiểu nên Đức Phật mới lập dụ để trình bày số kiếp thành Phật của Ngài lâu xa như thế. Lập dụ như thế chẳng những cho Bồ tát mà chúng sinh cũng có thể suy diễn để mà hiểu đại cương sự thọ lượng của Đức Thích Ca Như Lai dài lâu như thế. Còn việc từ cung vua Tịnh Phạn xứ Ấn Độ, Thái tử Tất Đạt Đa thành Phật Thích Ca Mâu Ni trong kiếp này chẳng qua là thị hiện mà thôi. Ai hiểu được thọ lượng của Đức Phật Thích Ca dài lâu như thế thì mới mở rộng được tâm kiến thức, mới thâm nhập được kinh Pháp Hoa.

Nơi kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa - Giảng luận tập 1 trang 41 chúng tôi có đề cập đến việc chia mười cho ba. Em bé học trò lớp ba chỉ gặp làm ba miếng giấy mười phân là xong, còn vị Giáo sư Tiến sĩ toán không thể chia đều mười cho ba. Đó là phần đầu bộ kinh vẫn còn ở phần tích môn, nói về mặt sự tương thực nghiệm nên vị giáo sư toán không thể dùng phép tính chia để chia đều cho ba. Hôm nay đến phẩm kinh

thứ mười sáu, đã đi vào phần bốn môn, nên chúng tôi đề cập thêm vấn đề này. Cũng như chúng tôi vừa trình bày phép đo lường chia nhiều trình độ. Khi còn ở phần sự tướng chia tờ giấy mười phân cho ba phần đều nhau thì vị giáo sư toán không thể dùng phép tính chia để chia cho đều, bởi vì chia bao nhiêu lần, xuống số nhỏ bao nhiêu cũng còn lẻ một. Trường hợp này không thể sử dụng phép cộng trừ nhân chia và vị giáo sư toán không cần vào công việc này. Còn việc đo lường phân chia lên nhiều trình độ cao hơn thì sẽ dễ dàng thôi, nếu không chia được thì làm sao các nhà giáo sư toán học đo lường phân được không gian và chia được thời gian để phi thuyền mẹ lắp ráp với phi thuyền con. Nhà toán học làm được việc đáng làm, còn việc phân chia tờ giấy mười phân thành ba phần đều nhau bằng phép tính thì nhà toán học không chia được, hay nói rõ hơn là không được phép chia, bởi vì đây là việc của trẻ nhỏ.

Việc thọ mạng của Đức Thích Ca Như Lai dài lâu vô lượng như thế không thể đem nói với những ai chưa đủ trình độ. Vì vậy nên khi Đức Phật còn tại thế, Ngài chỉ dạy cho Bồ tát Di Lặc

và chúng Đại Bồ tát mà thôi, còn những ai khác muốn nghe thì nghe, không nghe thì thôi, nhưng nghe với tính cách dự thính.

Có mở rộng được không gian, có phơi bày rõ thời gian lâu xa như thế và ai là người tin nhận thông hiểu liễu ngộ thì kẻ đó chứng đắc, mà khi đã liễu ngộ chứng đắc đến trình độ này thì không giành công việc chia tở giấy mười phân làm ba phần, việc ấy để cho giới sơ cơ làm. Giáo sư dùng phân số, lập trình, vi tính để chia, chứ không còn dùng phép cộng trừ nhân chia của Tiểu học!

Chính văn

4- Chư thiện nam tử! Kinh điển của Đức Như Lai tuyên thuyết, cũng chỉ độ thoát chúng sinh, hoặc nói thân mình, hoặc nói thân người, hoặc chỉ thân mình, hoặc chỉ thân người, hoặc chỉ việc mình, hoặc chỉ việc người, các lời nói thảy đều chơn thật, chẳng hề hư dối.

Vì sao? Vì Như Lai thấy biết tướng của tam giới đúng như thật, nghĩa là chẳng hề có sanh tử, cũng chẳng thối, cũng chẳng xuất,

cũng chẳng tồn tại mãi ở đời, mà cũng chẳng hề có diệt độ, chẳng thật, chẳng hư, chẳng như, chẳng dị, chẳng phải ba cõi, mà thấy là ba cõi. Các việc vốn là như thế, Như Lai thấy rõ, chẳng hề lầm lẫn.

Chỉ tại chúng sinh có đủ các món tánh, món dục, món hạnh, món nhớ tưởng phân biệt, nhưng Như Lai muốn làm cho chúng sinh trông sâu các căn lành, nên mới đem bao nhiêu nhân duyên thí dụ, ngôn ngữ thuyết giải đủ cách mà làm các Phật sự chưa hề dừng nghỉ. Như thế thì rất dễ hiểu, từ khi ta là Thích Ca Như Lai thành Phật đến nay, tuổi thọ dài lâu vô lượng a tăng kỳ kiếp, trường tồn chẳng hề nhập diệt.

Này các thiện nam tử! Từ xa xưa khi Như Lai còn tu hạnh Bồ tát, sự cảm thành thọ mạng đến nay vẫn chưa dứt. Thời gian còn dài lâu gấp bội số đã nêu trên, như nay chẳng phải diệt độ, nay sở dĩ tuyên bố sẽ diệt độ, đó là Như Lai dùng phương tiện để giáo hóa chúng sinh.

Vì sao? Vì nếu chúng sinh biết Phật thọ mạng dài lâu thì những người đức mỏng thiếu

căn lành, bần hàn ty tiện, đắm say ngũ dục sẽ sa vào lưới nhớ tưởng vọng kiến, mà họ thấy Như Lai thường còn chẳng mất sẽ khởi tâm buông lung, nhắc trễ, chẳng khởi ý cung kính và khao khát gặp Như Lai, nên Như Lai mới dùng phương tiện bảo rằng: “Các vị Tỷ kheo nên biết chư Phật vào đời rất khó gặp”.

Vì sao? Vì những người đức mỏng trải qua trăm ngàn vạn ức kiếp, hoặc có người được gặp Phật, hoặc có người chẳng gặp là bởi lý do này, nên Như Lai mới nói rằng: “Tỷ kheo Đức Như Lai khó có thể gặp được”.

Các chúng sinh đó nghe như thế nên mới khởi ý tưởng khó được gặp Phật, nhờ vậy mới khởi tâm luyện mộ khát ngưỡng sự gặp Phật, nên mới gieo nhân lành, vì vậy nên dù chẳng diệt độ Như Lai vẫn tuyên bố diệt độ.

Lại thiện nam tử! Phương pháp của chư Phật chứng đắc như thế, vì hóa độ chúng sinh nên hết thảy mọi phương tiện đều là chơn thật, chẳng mảy may hư dối.

Giảng luận

Muốn giải chỗ cha trẻ mà con già và giải cả đoạn kinh này thì phải hiểu rất rõ phẩm kinh trước, phẩm Tùng Địa Dũng Xuất, kể cả phẩm Hiện Bửu tháp. Tự nhiên có một tháp báu xuất hiện tại Pháp Hoa hội Linh Sơn và với điều kiện tiên quyết, là muốn mở cửa tháp báu thì phải tập hợp tất cả hàng chư Phật do thân Đức Phật Thích Ca phân ra khắp mười phương số đông nhiều trăm ngàn vạn ức na do tha. Khi đông đủ tại Pháp Hoa hội Linh Sơn thì cửa tháp báu liền được mở chốt. Đức Phật Đa Bửu Như Lai nhường nửa tòa ngồi mời Đức Phật Thích Ca cùng an tọa. Sau đó Bồ tát không tên từ phía dưới quả đất vụt mạnh và cũng đến Pháp Hoa hội Linh Sơn. Hội thuyết kinh Pháp Hoa đến đây có ba dữ kiện siêu việt:

❶ Tháp báu xuất hiện và Đức cổ Phật mời vị hiện tại Phật chung tòa ngồi.

❷ Chư Phật phân thân khắp mười phương, nay đều hội tụ về Pháp Hoa hội Linh Sơn.

❸ Chư Bồ tát vô danh từ phía dưới quả đất cũng tụ hội về Pháp Hoa hội Linh Sơn.

Lúc đầu câu chuyện cha trẻ con già đã làm đảo lộn toàn bộ tư duy của hàng Bồ tát và đại

chúng, nhưng dần dần khi vào phẩm Như Lai thọ lượng thì vấn đề từ từ sáng tỏ, nhất là ai nhớ rõ ý nghĩa hai chữ Như Lai thì lại càng sáng tỏ hơn, Như Lai là:

“Chẳng đến chẳng đi vị chi là Phật”.

Đã là Như Lai thì còn đâu để gọi là nhập Niết bàn, còn đâu mà gọi là diệt độ, chẳng qua là vì pháp phương tiện để rộng độ chúng sinh mà thôi!

Hành giả kinh Pháp Hoa tu luyện đến phẩm kinh này, nếu ai liễu ngộ thì câu tâm kinh Bát Nhã: **“Bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm”** cũng vừa bằng tỏ.

Tiểu học Phật giáo thì tu luyện để liễu ngộ lý **vô thường**, nhưng đến đại học và trên đại học Phật giáo thì tu luyện để liễu ngộ lý **chơn thường**. Khi còn trình độ tiểu học Phật giáo thì Đức Thích Ca Mâu Ni có đản sanh, có nhập diệt; nhưng khi đến trình độ Đại thừa pháp Diệu nhập đời lúc này đã liễu thông lý chơn thường. Đã là chơn thường thì còn chỗ nào để sanh, đã không sanh thì làm gì có diệt. Khi rõ thông và chứng

ngộ lý bất sanh bất diệt thì làm gì còn tăng, còn giảm.

Pháp trụ trên ngôi pháp Thế gian tướng vẫn thường.

Thế gian tướng vẫn thường thì làm gì có việc Như Lai chết. Đã không chết mất thì làm gì có cha trẻ con già. Sở dĩ hành giả Pháp Hoa chưa liễu ngộ chỗ này nên mới chấp có đấng sanh Niết bàn, bởi chưa liễu tri việc đấng sanh Niết bàn là áp dụng phương tiện trí để rộng độ chúng sinh mà thôi! Đến đây hành giả Pháp Hoa đã hết phân vân cha trẻ mà con già hay chưa?

Câu chuyện bông hồng cài áo là phương tiện độ sinh về đức hiếu, thế mà khi áp dụng vào sự thì người thực hiện làm sai lạc ý nghĩa. Lại chia ra cài bông trắng cho những ai mất mẹ và bông hồng cho những ai còn mẹ. Như vậy là chấp đoạn à? Chấp thường cũng sai, mà chấp đoạn cũng sai! Nếu mẹ của hàng đệ tử Đức Phật đã chết thì mẹ Đức Mục Kiền Liên cũng chết, tại sao Ngài lại cứu được mẹ, còn kẻ khác thì không còn mẹ để cứu. Nếu mẹ chúng sinh đã chết thì mẹ Đức Phật cũng chết, vậy Đức Phật thuyết kinh Địa Tạng nơi cung trời cho Vương mẫu nghe là sao? Dụng

ý của tác giả ở câu chuyện bông hồng là phương tiện, cũng như câu chuyện cha trẻ con già ở phẩm kinh này vậy!

Chính văn

5- Ví như người thầy thuốc trí tuệ sáng suốt, đã khéo luyện được phương thuốc trị khỏi các bệnh. Vị này rất đông con cháu, mười hoặc hai mươi, có thể đến số trăm, vì có sự cần đi các nước phương xa. Các con cháu ở nhà uống nhầm thuốc lạ, thuốc có chất độc nên phát điên loạn, lăn nhào trên đất.

Bấy giờ người cha về thấy con mình đại khờ uống phải thuốc độc, nhiều đứa loạn trí, đứa mất bốn tâm, hoặc có đứa còn tỉnh, xa thấy cha về thấy đều vui mừng, quỳ lạy hỏi thăm sự an lành của cha, đồng thời kể cha nghe sự ngu muội đã uống lầm thuốc có chất độc, xin cha ban cho thuốc giải và ban thọ mạng cho các con.

Người cha thấy các con khổ não như thế, y theo các kinh phương tìm cỏ thuốc tốt, mùi sắc vị ngon, thấy đều đầy đủ, nghiền xay giã

tán, hòa trộn bảo các con ống và dặn kỹ: Các món diệu dược này, sắc hương vị tuyệt diệu, đầy đủ các chất, các con gấp ống để trừ đau bệnh, chẳng còn khổ não.

Trong số con này, những người chưa loạn tâm hồn, thấy các diệu dược sắc hương vị đều tốt, vâng lời gấp ống sớm được bình phục. Ngoài ra còn có số người tâm trí rối loạn, thấy cha về dù có vui mừng thăm hỏi và cầu xin cha trị bệnh, nhưng khi cha trao thuốc thì chẳng chịu uống.

Vì sao? Vì chất độc đã thấm sâu, làm mất bốn tâm, dù là thuốc tốt đẹp hương vị thơm ngon mà họ vẫn nghi ngờ không uống. Người cha nghĩ rằng: “Những đứa con này thật rất đáng thương, chúng đã trúng độc, tâm hồn điên đảo, dẫu thấy cha về mừng cầu xin cứu chữa, thuốc tốt như thế mà chẳng chịu uống, nay người cha bày chức phương tiện để chúng uống thuốc”.

Nghĩ như thế liền bảo rằng: “Các con phải biết, cha nay già yếu, giờ chết đã đến, nên mới để lại các thứ diệu dược tốt này, các con nên nhớ uống, chớ lo không khỏi bệnh”.

Sau đó người cha bỏ đi đến nước khác, rồi sai người về thông báo: “Cha các người đã chết”.

Nghe tin cha chết, lòng các con sầu khổ liền nghĩ rằng: “Nếu cha chúng ta còn, sẽ được thương xót, sẽ được cứu khỏi bệnh, còn hôm nay cha đã bỏ đi xa và đã chết ở nước khác. Phận chúng ta cô cút, chẳng còn chỗ nương nhờ, lòng thương bi cảm đến cha, giật mình tỉnh ngộ, nhìn thấy thuốc, sắc hương vị thơm ngon, liền vội lấy uống, bệnh độc đều lành. Người cha nghe các con đều đã mạnh lành, liền quay trở về gặp mặt các con.

Các thiện nam tử! Các vị nghĩ sao? Có ai lên án vị thầy thuốc kia có lỗi hư dối chăng?

- Thưa Thế Tôn, không thể lên án được!

Đức Phật nói tiếp: “Như Lai cũng như thế! từ khi thành Phật đến nay đã trải qua vô lượng, vô biên, trăm ngàn vạn ức na do tha a tăng kỳ kiếp, Như Lai đã vì chúng sanh mà dùng pháp phương tiện nói rằng: “Sẽ diệt độ” như thế, không ai có thể đúng như pháp mà bảo ta có lỗi hư dối”.

Giảng luận

Như người cha biết nghề thầy thuốc

Đoạn kinh này không dành riêng cho hành giả Pháp Hoa, cũng không riêng cho người có tín ngưỡng đạo Phật, mà là chung cho bất cứ ai đủ trình độ nhận thức và đủ niềm tin, không phải nhận thức đoạn kinh, hay là đủ trình độ nhận thức và niềm tin về mình.

Mỗi con người chúng ta không phải chỉ biết sử dụng một số kiến thức nông cạn để hiểu về một con người qua dòng tiểu sử của một đời người. Thân của chính chúng ta đã do nhiều nhân duyên cấu tạo từ nhiều đời nhiều kiếp, do hun đúc tội hoặc phước trải qua nhiều thành quả ít nhất là do nhiều ngàn đời. Cũng ví như một quốc gia không phải chỉ mới cấu tạo thành từ vị Quốc vương và bộ máy điều hành cùng toàn dân của kiếp sống trước mắt mà nó đã hình thành từ dựng nước, mở rộng nước và giữ gìn nước qua nhiều lớp trước hình thành một quốc gia. Như Việt Nam đã hình thành từ gần năm ngàn năm văn hiến từ Sơ Tổ Lạc Long Quân - Âu Cơ nối truyền mười tám tộc họ vua Hùng với dòng lịch sử thanh bình suốt 2.622 năm và truyền lưu mãi đến ngày nay

đã gần năm ngàn năm dựng mở và giữ nước. Đó là chưa kể đến sự hình thành đất đai rừng núi sông ngòi biển cả khởi từ một ngôi sao vỡ vụn nguội dần thành quả đất đã trải qua bao nhiêu ngàn triệu tỷ tỷ năm. Còn nếu kể tắt từ Sơ Tổ của dòng Bách Việt do Lạc Việt đứng đầu, thời kỳ sơ khởi ở Động Đình Hồ, Trung Hoa rồi dời sang sông Hồng mở mang đến sông Cửu cho đến ngày nay, nếu đem tầm kiến thức trích ngang để nói về Việt Nam thì thế nào?

Nhìn đứa bé ba bốn tuổi đã biết làm toán đại học thì kiến thức chật hẹp của văn minh nhân loại ngày nay giải thích hiện tượng này như thế nào? Không lẽ nói em bé này khởi sự mới ba bốn năm, đành khoanh tay và gượng ép hai chữ thần đồng, chứ vẫn chưa hoàn toàn công nhận là em bé đó đã trải qua nhiều kiếp trước, nhất là kiếp cận kề trước đời này em đó đã là một vị giáo sư đại học ngành toán. Nếu mỗi mỗi con người chúng ta ai ai cũng đủ niềm tin là mình không thể đơn giản chỉ mấy mươi tuổi và rồi đây sẽ chết thì ôi còn gì là chơn lý uyên nguyên của kiếp sống con người. Sở dĩ con người từ Á sang Âu bị rơi vào chỗ tiêu cực thâm lạm của công,

hoặc thụ hưởng quá tiêu chuẩn để rồi rơi vào hậu quả thân tê danh bại là do họ nghĩ họ sắp chết và họ mới được sinh làm người trong đời này. Tai hại nhất là khi chết là hết, họ chấp đoạn nên họ liều mạng rơi vào chỗ vi phạm. Nếu mọi người ai cũng đủ trình độ và đủ niềm tin về nguyên lý của đoạn kinh này và tin thọ lượng dài lâu của chính mình là vô thí, là vô chung, là không gian vô biên, là thời gian vô tận thì làm gì còn có sự khổ não, làm gì có sự tranh giành hãm hại lẫn nhau, làm gì có xâm lăng để rồi có sự chống xâm lăng, nhất là làm gì còn có chiến tranh tương tàn tương sát lẫn nhau. Như Lai thọ lượng dài lâu, con người cũng thọ lượng dài lâu, nhưng con người chỉ khác Như Lai ở chỗ Như Lai đã tinh lọc đến tột cùng cho nên không hề có đến có đi, còn con người nói riêng và tất cả các loài thuộc chúng sinh nói chung là còn đang tinh lọc, còn trong tiến trình tụt hậu hay là thăng tiến.

Muốn liễu ngộ được công thức của câu chuyện cha trẻ mà con già của đoạn kinh thuộc phẩm Như Lai thọ lượng này đòi hỏi cần phải đủ trình độ và liễu thông học thuyết: **Không gian vô biên, thời gian vô tận**”.

Một khi đã liễu thông hoặc liễu ngộ đoạn kinh cha trẻ con già nói riêng và phẩm Như Lai thọ lượng nói chung là lúc người đó sắp bước chân vào tòa lâu đài **An Lạc giữa cõi trần gian này vậy!**

Chính văn

- 6- Từ khi “Ta” thành Phật
 Trái lâu vô số kiếp
 Vô lượng trăm ngàn vạn
 Thường diễn pháp giáo hóa
 Nhiều vô số chúng sinh
 A tăng kỳ ức năm
 Khiến họ nhập Phật đạo
 Đến nay vô lượng kiếp
 Vì rộng độ chúng sinh
 Phương tiện hiện Niết bàn
 Sự thật chẳng diệt độ
 Trụ mãi đây thuyết pháp
 Ta vẫn trụ cõi này
 Dùng phương tiện thần thông
 Cứu chúng bớt điên đảo
 Tuy gần mà chẳng thấy
 Chỉ thấy “Ta” diệt độ

Rộng cúng dường Xá lợi
Thả u hoài luyến mộ
Khát ngưỡng nên phát tâm
Chúng sinh đã tín phục
Chơn thật ý dịu hòa
Ước mong được gặp Phật
Chẳng luyến tiếc thân mình
Giờ ta cùng chúng Tăng
Dầu rời núi Linh Thứu
Như Lai báo mọi loài
Thường ở đây chẳng diệt
Diệt ấy là phương tiện
Chứ làm gì có diệt
Chúng sinh nơi cõi khác
Tâm cung kính tín thành
Như Lai lại đến đó
Thuyết pháp mầu vô thượng
Các vị chưa tỏ tường
Nên nói “Ta” diệt độ
Ta nhận thấy chúng sinh
Đắm chìm biển khổ não
Nên chưa hiện thân liền
Khiến các nơi khát ngưỡng
Nhơn tâm kia luyến mộ

Ta phổ pháp đúng thời
Sức thần thông tự tại
Ở trong vô số kiếp
Thường tại núi Linh Thứu
Và trụ các xứ khác
Chúng sinh thấy tận kiếp
Lúc lửa lớn thiêu đốt
Cõi Sa Bà an ổn
Trời người hăng đông vui
Vườn rừng cùng nhà gác
Nhiều món báu trang nghiêm
Cây quý nhiều bông trái
Nơi chúng sinh vui chơi
Chư thiên chuyển tống trời
Và trời toàn kỷ nhạc
Rưới bông mạn đà la
Cúng Phật cùng đại chúng
Tịnh thổ này chẳng hư
Nhưng nhiều người thấy rõ
Lo sợ buồn khổ não
Như thế nhiều dẫy đầy
Những hạng ấy tội báo
Gây nhân duyên nghiệp dữ
Trải a tăng kỳ kiếp

Chẳng nghe danh Tam bảo
Kẻ nhu hòa chơn thật
Luyện tu nhiều công đức
Thường thấy được Như Lai
Thuyết pháp tại nơi đây
Hoặc vì số người này
Nói Phật thọ vô lượng
Ai lâu mới thấy Phật
Ta nói Phật khó gặp
Trí lực ta như thế
Huệ quang soi vô lượng
Thọ mạng vô số kiếp
Tu lâu cảm hóa được
Các vị hàng hữu trí
Ở đây chớ sinh nghi
Đây nên dứt hết ngờ
Lời Phật thật chẳng dối
Như lương y chước khéo
Vì cứu chữa cuồng tử
Còn sống mà nói chết
Lời ấy chẳng dối hư
Như Lai cha trời người
Cứu chúng sinh đau khổ
Thương phàm phu điên đảo

Thật còn nói diệt độ
Bởi cứ thường thấy “Ta”
Họ sinh lòng kiêu mạn
Buông lung ham ngũ dục
Sẽ sa ba đường dữ
Như Lai biết chúng sinh
Hành đạo nói chẳng hành
Vì chỗ đáng được độ
Tùy họ nói các pháp
Hằng tự nghĩ thế này:
Pháp nào trao chúng sinh
Để đắc huệ vô thượng
Nhanh thành tựu thân Phật.

Giảng luận

Chuyện ma dẫn hoặc dấu người vào bụi gai thường xảy ra nơi vùng nông thôn hoang vắng. Muốn đi tìm phải nhờ có chó, vì chó dễ thấy ma. Loài vật mất có thần mà không có tinh, trái lại loài người thì mất có tinh mà chẳng có thần.

Đa số giới bình dân không đam mê chuyện liêu trai chí dị, mà lại thích nghe kể chuyện ma, dù nghe xong thì sợ ma không dám ra sau vườn. Cũng có vài nơi ma hiện nguyên hình, có nhiều

người trông thấy, dù cùng đứng chung địa điểm, nhưng một số khác không hề trông thấy. Trường hợp này danh từ đạo học gọi là **thức biến**.

- Thức biến trải rộng cho vị tha là nguyện lực
- Thức biến bởi vị kỷ là nghiệp lực.

Nơi đoạn kinh này chia ra hai thành phần tùy sự cảm niệm khác nhau. Cũng tại cõi này, nhưng mà cảm nhận được sự an vui, chẳng khác gì thế giới cực lạc, vui nghe tiếng trống trời, kỷ nhạc của chư thiên trời, cảm thấy được lầu gác vườn rừng, cùng hết thấy các món bảo vật đều trang nghiêm, cảm nhận được sự rải hoa thơm cúng dường của chư thiên, trời người đông đúc, tự tại an ổn. Trái lại thành phần thứ hai thì vì nghiệp chướng sâu nặng nên họ thấy cõi này đang tan rã, lửa lớn đang thiêu đốt, họ buồn rầu, lo âu, khổ não không cùng!

Hành giả Pháp Hoa nhập đời, nương đời độ mình và độ người khác, nên trải **nguyện lực** rộng khắp mười phương. Từ thức biến chuyển thành vô thức, từ vô thức chuyển sang tứ trí, đừng để thức biến bị rơi lại **ng nghiệp lực**. Các giới khác như thức giả, trí giả dù không phải hành giả Pháp Hoa vẫn

hiên ngang trên đại lộ nguyện lực trải rộng khắp mười phương, đừng để bị nghiệp lực cuốn trôi vào dòng sinh tử. Tu luyện hay không, khác nhau hai chữ **nguyện lực** hay là **ngiệp lực** mà thôi!

*** Người cha biết làm thầy thuốc:**

Người cha biết làm thầy thuốc, khéo dùng mưu chước đi xa nhấn về phỉn các con rằng: Cha các người đã chết. Mục đích để các con sợ bệnh khổ mà uống thuốc.

Đức Phật là đấng cha lành của mọi loài chúng sinh nên dùng phương tiện nhập Niết bàn. Kỳ thực làm gì có việc nhập Niết bàn, tức là chẳng hề nhập diệt. Mục đích khiến cho chúng sinh không còn ỷ lại, sợ khổ luân hồi, chịu tu chịu luyện hầu sớm thấm nhuần pháp giải khổ.

Vì dùng phương pháp phỉn dụ để cứu các con nên người cha biết nghề thầy thuốc này chẳng hề hư dối. Vì phương tiện cứu chúng sinh nên đấng đại giác chẳng hề hư vọng.

Hành giả Pháp Hoa, hoặc các bậc thức giả, trí giả chớ quá mê chấp từng ngôn từ, danh tự mà quên pháp phương tiện. Hành theo pháp phương tiện của chư Phật, chư vị Bồ tát, hoặc khéo biết

dùng pháp phương tiện hầu lợi người độ mình, đúng nguyên tắc bất biến tùy duyên, nhưng lưu ý là dấu tùy duyên nhưng bất biến.

*** Phật thọ mạng dài lâu vô lượng:**

Phần chính văn Đức Phật đã đề cập nhiều về sự thọ mạng dài lâu của Đức Phật, nhưng vào đoạn thơ kệ phần sau cùng của phẩm kinh Phật lại còn nhấn mạnh về vấn đề này, như thế đủ biết sự thọ mạng dài lâu của Đức Phật quan trọng đến dường nào.

Những ai tu luyện mà chưa liễu thông nguyên lý bất di bất dịch này thì khó mà nhập vào Đại thừa. Vẫn còn mê chấp rằng Đức Phật Thích Ca đã diệt độ, bởi không hiểu đây là pháp phương tiện thì khó mà gặp Phật.

Hạt nguyên tử có thể tan vỡ, nhưng tan vỡ trong tư thế: “**Tướng thế gian vẫn thường**”. Nếu nguyên tử vỡ tan rồi mất vĩnh viễn thì vũ trụ làm sao còn, hạt nhân, điện tử cũng không còn. Tán rồi tụ, tụ rồi tán như thế không phải thường mà cũng chẳng phải diệt. Không thể bảo là **diệt mất**, mà phải xác nhận là **vẫn thường** thì dễ hiểu hơn. Khi tan vỡ đến cuối cùng, đến cực vi thì nó lại

liền tụ hội lại thành cực lớn. Điện tử là đơn vị mà ngày nay nhân loại tạm cho là đơn vị cực vi, còn vũ trụ là đơn vị cực lớn. Có liễu thông cực vi và cực lớn là bằng nhau thì mới hiểu “**Tướng thế gian vẫn thường**”. Hiểu tướng thế gian vẫn thường mới liễu ngộ Như Lai vô lượng thọ.

Thế gian tướng vẫn thường, vậy thì Phật làm sao có thể mất? Thông được câu này là liễu thông các pháp. Bí pháp này cũng nên đem khoa học chứng minh thì mới dễ hiểu rằng: do nhiều nhân duyên hợp lại với nhau mới thành một pháp. Cũng như do nhiều âm tử duyên với một dương tử mới thành một nguyên tử. Khi một nguyên tử vỡ tan, không phải nguyên tử đó mất hoàn toàn, mà nó vẫn đang lửng lơ để chuẩn bị duyên lại với nhau, hầu tụ thành một hạt nhân, hạt nhân vỡ tan thành nhiều điện tử, điện tử lại vỡ tan cho đến cực vi, không còn có gì để vỡ tan được nữa, lúc bấy giờ lại bắt đầu tụ hội, tức là các nhân nó duyên lại với nhau để thành một pháp. Cứ thế tụ thành đến nguyên tử, đến sơn hà đại địa. Các pháp duyên theo không gian, bám víu theo thời gian mà tan mà hợp. Như thế thì làm gì có nhất định là đản sanh, làm gì nhất định có

sự diệt độ. Tất cả cũng chỉ là phương tiện. Ý chưa nhập phương tiện thì trí khó đạt cứu cánh. Phương tiện chỉ độ sanh, cứu cánh mới giải thoát, hành giả Pháp Hoa có người cố chấp phương tiện, ôm giữ phương tiện nên khó đạt cứu cánh.

III.- TÓM KẾT

Giáo pháp đạo Phật sâu rộng mênh mông, người tu luyện theo giáo pháp này cần phải có một tâm hồn, một tư tưởng mênh mông sâu rộng mới chuyên chở, mới thấm nhập được giáo pháp. Muốn như thế hành giả cần phải nhuần nhuyễn tám chữ:

Không gian vô biên

Thời gian vô tận

Phẩm kinh thứ mười lăm Tùng Địa Dũng Xuất xuyên suốt khoảng không gian. Phẩm này, thứ mười sáu, Như Lai thọ lượng thì xuyên suốt được dòng thời gian. Hành giả Pháp Hoa cũng như giới thức giả, trí giả nghiên cứu, hoặc tu luyện kinh Pháp Hoa mà chưa nhuần nhuyễn hai phẩm kinh này thì tâm hồn không thể mở rộng không gian mênh mông, tư tưởng khó thấm sâu và xuyên suốt được dòng thời gian vô tận.

Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất đã có phần giảng luận và tóm kết. Vậy phần tóm kết chỉ nêu những đặc điểm để hành giả liễu ngộ rằng thời gian là vô tận?

Phần tóm kết bài này gồm sáu đoạn:

1. Đức Phật ba lần công bố và đại chúng ba lần thưa thỉnh

Thực hành theo đoạn 2 của phẩm Như Lai thọ lượng, kinh Pháp Hoa là khi muốn phổ truyền việc gì tối ư quan trọng thì phải giữ đúng nguyên tắc lập đi, lập lại ba lần, tức là một vấn đề công bố ba lần.

2. Tuổi thọ dài lâu của Đức Phật Thích Ca

Đa phần giới tu học khi tìm học về Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thì lại chỉ thăm sâu về Đức Phật lịch sử, chứ ít người chịu tu học đúng tinh thần Đức Phật chơn lý.

Đức Phật lịch sử thì có ngày giờ đản sanh, xuất gia, thành đạo, bốn mươi chín năm thuyết pháp độ sinh và tám mươi năm nhập Niết bàn, lưu Xá lợi và lưu truyền ba tạng giáo pháp Kinh - Luật - Luận.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni theo chơn lý thì là vô lượng thọ, chẳng đản sanh, thành đạo, Niết bàn. Đức Phật này khó thẩm nhập vào tiềm thức đại đa số quần chúng, nhưng mở khai tuệ trí cho giới tu học về mặt công đức. Còn Đức Phật lịch sử thì dễ hiểu, dễ tin, nhưng khó mở rộng trí tuệ cho giới tu học, chỉ phương tiện giúp họ tu phước mà thôi!

Là hành giả Pháp Hoa phải thông suốt về Đức Phật thuộc hai dạng thức:

- * Đức Phật phương tiện theo dòng lịch sử.
- * Đức Phật cứu cánh đúng chơn lý.

3. Cách đo lường số nhiều về không gian và thời gian

Nếu hành giả Pháp Hoa gặp con số đo lường quá sức tưởng tượng, trí không thể nào tính toán đo lường được, chúng ta nên học theo cách đo lường của đoạn kinh này, chia thành hai phần:

a. Phần thứ nhất mở rộng không gian

Đem năm trăm ngàn vạn ức na do tha a tăng kỳ cõi tam thiên đại thiên thế giới, giả sử nghiền nát số thế giới này thành từng hạt bụi vi trần. Hỏi số hạt vi trần có nhiều chăng? Một cõi tam thiên

đại thiên thế giới mà nghiền thành bột vi trần cũng đã quá sức nhiều, huống gì năm trăm ngàn vạn ức na do tha. Một na do tha đã quá sức nhiều, vậy mà ở đây đến năm trăm ngàn vạn ức triệu tỷ lần như thế. Chẳng những na do tha mà lại còn na do tha a tăng kỳ đều thành hạt bụi trần, rồi lại còn qua phía Đông cứ cách năm ngàn vạn ức na do tha a tăng kỳ cõi nước như thế mới chấm xuống một hạt bụi vi trần, chấm cho hết số hạt vi trần đó, hỏi cõi quốc độ có nhiều chăng? Nhiều quá sức không thể nào tưởng tượng nổi, nhiều vô lượng vô biên.

b. Phần thứ hai mở rộng thời gian

Khi giả sử rằng có một số quốc độ đã chấm từng hạt vi trần để mở rộng không gian như thế rồi, lại tiếp theo lần thứ hai là đo lường thời gian. Bây giờ lại đem số quốc độ đã dùng hạt bụi vi trần để điểm, dù nhiều vô lượng vô biên nhưng cũng đem tất cả số cõi quốc độ này mà nghiền nhỏ. Lần này số hạt bụi vi trần nhiều quá, nhiều đến độ không thể tính đếm được. Hãy mừng tượng một lần nữa và tạm tính về thời gian đem các thế giới hoặc có chấm hay chấm sót. Tất cả số quốc độ này nghiền nát thành vi trần, cứ tính

một hạt vi trần là một kiếp. Từ khi Đức Thích Ca Mâu Ni thành Phật cho đến nay số kiếp lâu xa gấp trăm ngàn triệu na do tha a tăng kỳ như thế (mỗi tiểu kiếp mười sáu triệu tám trăm ngàn năm). Suốt thời gian này Đức Phật Thích Ca vẫn ở cõi Sa Bà để giáo hóa chúng sinh cõi này, thỉnh thoảng mới đi giáo hóa các cõi khác. Trong thời gian này Đức Thích Ca nói có Đức Phật Nhiên Đăng ... Lại còn nói là Đức Thích Ca nhập diệt, kỳ thực chẳng hề có nhập diệt, cũng chẳng hề có một Đức Phật nào khác giáo hóa cõi này. Tất cả mọi phương tiện nói có diệt độ, có Đức Phật khác đều chỉ là để dễ độ chúng sinh mà thôi!

4. Hiện nay Đức Phật Thích Ca có còn độ cõi này không ?

Sở dĩ Đức Phật bảo rằng diệt độ là chỉ vì để dễ rộng độ những người phước mỏng nghiệp dày nghe Đức Phật không có ở đây, mới khởi tâm luyến mộ, khát ngưỡng, không còn ý lại, nhờ đó mới tinh tấn tu luyện, mới trồng cội lành, hầu thấm nhập giáo pháp khiến họ mau chứng đắc quả vị Phật, chỉ có thế thôi! Hiện nay Đức Phật Thích Ca vẫn là Giáo chủ cõi Ta Bà đang rộng độ chúng sinh cõi này.

5. Ví như người cha biết làm thầy thuốc

Có người cha làm nghề thầy thuốc giỏi, vậy mà các con ông chẳng chịu uống thuốc. Ông bèn lập mưu chước bỏ nhà đi sang xứ khác, rồi sai người về báo rằng cha các người đã chết. Đàn con nghe tin hốt hoảng, nhớ thương luyến tiếc, lúc ấy mới chịu uống thuốc. Khi biết được các con mình ngoan ngoãn uống thuốc, người cha liền quay lại quê nhà. Làm như vậy chỉ vì khéo dùng phương chước để cứu các con, vị cha thầy thuốc không hề phạm lỗi hư dối.

Đức Phật cũng như vị lương y, sở dĩ bảo rằng có diệt độ, nhưng chẳng hề diệt độ. Mục đích là tạm lánh một thời gian để dễ rộng độ những người nghiệp dày phước mỏng mà thôi!

6. Đức Phật thuyết thơ kệ

Phần thơ kệ tóm gọn phần kinh phẩm này, riêng về giảng luận chúng tôi có những chỗ có khác bản chính chữ Trung Hoa nhưng không hề khác sai ý kinh. Ví dụ câu thơ kệ thứ mười lăm: Đầu câu dùng chữ “**Linh**”, chúng tôi dịch là “**cứu**”, chứ không dịch thành chữ “**khiến**”.

Trích ba câu Hoa văn:

Ngã thường trụ ư thử
 Dĩ chư thân thông lực
 Linh diên đảo chúng sanh

Một số bản kinh Việt dịch:

Ta thường ở nơi đây
 Dùng các sức thân thông
 Khiến chúng sinh diên đảo

Phần giảng luận chúng tôi dịch khác hơn:

Ta vẫn trụ cõi này
 Dùng phương tiện thân thông
 Cứu chúng bớt diên đảo.

Như Lai dụng thân thông để cứu chúng sinh bớt diên đảo, chứ không thể nào Như Lai lại dùng thân thông để khiến cho chúng sinh diên đảo. **Khiến tức là làm cho**. Làm cho chúng sinh diên đảo thì Như Lai đâu nữa! Vì thế chữ **Linh** dịch là **Khiến** sẽ tối nghĩa!

Suốt đoạn thơ kệ 102 câu, đều nhấn mạnh về yếu tố thời gian. Từ khi Đức Thích Ca Mâu Ni thành Phật đến nay, không phải chỉ có hai ngàn năm trăm bốn mươi bảy năm mà là lâu xa vô lượng vô ức kiếp, dài lâu không thể nghĩ bàn và

còn dài lâu hơn nữa, chứ không phải đến đây rồi chấm dứt.

Hành giả Pháp Hoa cùng hàng thức giả, trí giả ai đã chú tâm nghiên cứu, hoặc thọ trì, nhất là phổ truyền kinh Pháp Hoa mà chưa liễu thông bí pháp thời gian vô tận nơi phẩm kinh này thì vẫn còn ở nơi thêm Pháp Hoa, chứ chưa vào được nhà Pháp Hoa. Chưa vào nhà thì chưa làm chủ. Chưa làm chủ thì chưa phải là Pháp sư – Nếu có cố gắng thì cũng chỉ ở phần Giảng sư, hoặc Thiền sư mà thôi! Mà Giảng sư, hoặc Thiền sư thì vẫn còn phân biệt có không gian biên giới, có thời gian năm tháng. Còn chấp có chấp không, chấp đi chấp về thì còn xa Pháp Hoa.

Pháp Diệu nhập đời, đến lúc nào không còn thấy đời khác pháp Diệu, bởi vì pháp Diệu và đời làm gì có hai. Nếu nói cho đúng thì không hề rời và nhập. Có danh từ rời nhập chẳng qua chỉ là phương tiện mà thôi!

Quên đếm giọt thời gian

** Trích thi phẩm Từng giọt Ma Ni*

Quên đếm giọt thời gian

*Tâm hồn thôi ray rứt
Rộng mở hết không gian
Bình lặng phủ cuộc đời.*

*Thời gian tợ thuốc quý
Không gian sánh nôi đời
Chiếc nôi càng trải rộng
Giấc trẻ càng an nhiên.*

*Thuốc pha quên cái thuốc
Dược liệu hay tuyệt vời
Khi ta du nhập đời
Chuỗi thời gian chớ tính.*

*Khoảng không gian rộng khơi
Chẳng biên cương giới tuyến
Chỉ có tình người thôi
Quên thời gian năm tháng.*

*Chỉ nhớ có một lời
Lời Từ phụ dặn khuyên
Tự soi mình sáng tỏ
Đạo đời hằng chu viên.*

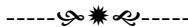
*Quá khứ đã trôi qua
Tương lai thì chưa đến
Nhắc - trông chi rầy rà
Sống vui tròn hiện hữu.*

*Hòa mình biển phong ba
Nhưng thực tế mới là
Làm sao vô biên giới
Thời gian phi dạng mà.*

*Thánh khác phàm lẽ sống
Mâu nhiệm ngát Liên Hoa ♦*

TÓM LƯỢC 9 PHẨM

PHÁP HOA GIẢNG LUẬN – TẬP 2



PHẨM THỨ TÁM

PHẨM NGŨ BÁ ĐỆ TỬ THỌ KÝ

- ◆ Tôn giả Phú Lô Na bạch Phật.
- ◆ Trao ký cho Tôn giả Phú Lô Na.
- ◆ Trao ký cho năm trăm vị A La Hán.
- ◆ Năm trăm vị A La Hán bạch Phật.
- ◆ Kể chuyện thí dụ và đối chiếu.

1. Tôn giả Phú Lô Na bạch Phật

Lúc bấy giờ, Tôn giả Phú Lô Na sau khi nghe Đức Phật nói về những phương tiện tùy cơ thuyết pháp, lại được nghe Đức Phật thọ ký cho năm vị đệ tử lớn, lại được nghe việc nhân duyên đời trước và sức thần thông tự tại của chư Phật, Tôn giả rõ hiểu rất sâu nên thâm tâm đồng phần khởi vui mừng, ý thanh tịnh, bèn quỳ lễ Phật bạch rằng: “Ngưỡng bạch Đức Thế Tôn! Đức Thế Tôn thật là đặc biệt, đã làm những việc mà ít ai làm được, đã thuận theo tánh chúng sanh mà diễn pháp, cứu vớt tất cả ra khỏi nơi tham đắm. Chúng con không thể dùng lời nào mà diễn bày

công đức cho đầy đủ. Chỉ có Đức Thế Tôn mới biết rõ bốn nguyện của chúng con”.

2. Trao ký cho Tôn giả Phú Lô Na

Đức Phật dạy rằng: “Tôn giả Phú Lô Na đây là người thuyết pháp giỏi vào hàng bậc nhất và việc trợ tuyên chánh pháp của Như Lai cũng vào hàng bậc nhất:

- Tôn giả đã giải thích trọn vẹn giáo pháp của Như Lai.

- Thường tu hạnh thanh tịnh.

- Thông suốt rành rẽ về pháp không.

- Đầy đủ thần thông của Bồ tát.

Về những thuở xa xưa và mãi mãi các đời sau, Tôn giả cũng là người thuyết pháp và trợ tuyên chánh pháp cho vô lượng chư Phật thuộc vào hàng đệ nhất. Vì muốn tạo thành cõi Phật thanh tịnh, nên Tôn giả Phú Lô Na thường tinh tấn giáo hóa chúng sinh lần lần đầy đủ đạo Bồ tát”.

Đức Phật thuyết xong liền thọ ký cho Tôn giả Phú Lô Na sau này được thành Phật, hiệu là Pháp Minh Như Lai và đủ mười tôn hiệu, nước

tên Thiện Tịnh, kiếp tên Bửu Minh, thọ mạng vô số kiếp, pháp trụ đời cũng lâu vô số kiếp. Nói xong Đức Phật trùng tuyên bằng một bài kệ.

3. Trao ký cho năm trăm vị A La Hán

Bấy giờ, một nghìn hai trăm vị A La Hán tâm đã tự tại, đều cùng nghĩ: “Nếu Đức Phật đều thọ ký cho mình như đã thọ ký cho năm vị đệ tử lớn thì vui thích biết bao”.

Đức Phật biết tâm niệm của các vị này, bèn lần lượt thọ ký cho năm trăm vị A La Hán, bắt đầu là Tôn giả Kiều Trần Như và năm trăm vị A La Hán, tất cả sẽ thành Phật đồng một hiệu là Phổ Minh Như Lai (đủ mười tôn hiệu).

4. Năm trăm vị A La Hán bạch Phật

Năm trăm vị A La Hán được Đức Phật thọ ký, phấn khởi vui mừng, đến trước Đức Phật bạch rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con trước nay cứ ngỡ là được diệt độ, nay biết rõ mới thấy mình là kẻ vô tri, bởi vì quả A La Hán mà chúng con đã chứng thì chưa vào đâu cả. Đáng lẽ chúng con được trí tuệ Phật từ lâu, nhưng tại vì chấp chặt pháp Tiểu thừa, nên Thế Tôn chưa chỉ dạy truyền trao quả vị Phật.

5. Kể chuyện thí dụ và đối chiếu

Tôn giả Kiều Trần Như thay mặt năm trăm vị A La Hán trình bày tâm trạng qua câu chuyện thí dụ:

Bạch Đức Thế Tôn! Có gã nghèo khổ, đến nhà bạn giàu thăm chơi. Sau buổi tiệc, gã ngủ say vui. Người bạn bạn đi xa nên cài vào bầu áo gã một viên ngọc quý. Tỉnh giấc ra về, gã vẫn tiếp tục nếp sống lang thang, đầu đình góc chợ. Thời gian sau, tình cờ gặp lại bạn xưa, ân nhân ngạc nhiên hỏi: “Tại sao anh vẫn nghèo? Trước kia tôi đã cài vào bầu áo anh một viên ngọc quý kia mà”. Gã nghèo bưng tỉnh, lúc bấy giờ gã mới biết mình vẫn giàu như ai. Gã sử dụng viên ngọc làm vốn kinh doanh, rồi trở thành nhà tỷ phú.

Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con nào khác gã nghèo khổ ấy. Từ lâu Đức Thế Tôn đã giáo hóa gieo vào tâm chúng con hạnh nguyện cầu tu thành Phật, vậy mà chúng con nào hay, đắc chút Niết bàn Thanh Văn vội bảo là đủ. Nay được Đức Thế Tôn khai hóa, chúng con mới thấy mình từ đây được chính thức là con tuệ mạng của Đức Phật và là Bồ tát đã được Đức Phật thọ ký sắp thành Phật, lòng chúng con vui mừng khôn xiết.

PHẨM THỨ CHÍN

PHẨM THỌ HỌC VÔ HỌC NHƠN KÝ

- ◆ Tôn giả A Nan trình bày tâm nguyện.
- ◆ Đức Phật thọ ký cho Tôn giả A Nan.
- ◆ Đại chúng thắc mắc và được Đức Phật giải thích.
- ◆ Đức Phật thọ ký cho Tôn giả La Hầu La.
- ◆ Đức Phật thọ ký cho hai nghìn vị còn học và không còn phải học.

1. Tôn giả A Nan trình bày tâm nguyện

Lúc bấy giờ, Tôn giả A Nan và Tôn giả La Hầu La thâm nghĩ: “Nếu mỗi chúng ta đều được Đức Phật thọ ký thì vui thích biết bao!”.

Hai vị liền đến trước Đức Phật trình bày tâm nguyện, cầu mong được Đức Phật thọ ký. Đồng lúc ấy, hai nghìn vị còn học và không còn phải học cũng đứng lên lễ Phật, chấp tay chiêm ngưỡng dung nhan Đức Thế Tôn, tỏ ý cùng một

sở nguyện với hai vị Tôn giả A Nan và La Hưu La.

2. Đức Phật thọ ký cho Tôn giả A nan

Đức Phật bảo Tôn giả A Nan: “Này Tôn giả A Nan! Về tương lai ông sẽ thành Phật, hiệu là Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai (đủ mười tôn hiệu). Giáo hóa số đông nhiều gấp hai nghìn lần số cát sông Hằng, khiến những Bồ tát ấy thành tựu đạo Bồ đề”.

Quốc độ của Phật Sơn Hải Huệ tên là Thường Lập Thắng Phan. Quốc độ thanh tịnh trang nghiêm, mặt đất bằng lưu ly. Kiếp tên Diệu Âm Biến Mãn, thọ mạng của Phật dài lâu vô lượng và được mười phương chư Phật ngợi khen công đức.

Đức Thế Tôn tuyên thuyết một bài thơ kệ lập lại nghĩa này.

3. Đại chúng thắc mắc và được Đức Phật giải thích

Lúc bấy giờ, tám nghìn vị Bồ tát mới phát tâm đều thầm thắc mắc: “Chúng ta chưa nghe hàng Bồ tát được thọ ký như thế, cố sao hàng Thanh Văn lại được như vậy?”.

Đức Phật biết tâm niệm ấy, bèn dạy rằng: “Này các thiện nam tử! Về thuở xa xưa, vào thời Đức Phật Không Vương Như Lai, ta và A Nan cùng đồng tu học, đồng phát tâm cầu đạo vô thượng, nhưng Tôn giả A Nan chỉ lo học rộng, còn ta thì tinh tấn tu trì, cho nên hôm nay ta thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni, còn A Nan thì phương tiện hiện đang làm Thị giả của ta. Trong tương lai, A Nan lại vẫn tiếp tục thọ trì giáo pháp của chư Phật cho đến khi thành Phật”.

Nghe Đức Phật kể nhân duyên xa xưa, Tôn giả A Nan liền nhớ lại tất cả tạng pháp của vô lượng chư Phật thuở quá khứ và lời nguyện của mình.

4. Đức Phật thọ ký cho Tôn giả La Hầu La

Đức Thế Tôn lại tiếp tục thọ ký cho Tôn giả La Hầu La, về tương lai, sau khi cúng dường và làm Trưởng tử cho vô lượng chư Phật, La Hầu La sẽ thành Phật, hiệu là Đạo Thất Bảo Hoa Như Lai (đủ mười tôn hiệu), cõi nước trang nghiêm, thọ mạng vô lượng kiếp.

5. Đức Phật thọ ký cho hai nghìn vị còn học và không còn phải học

Sau khi Đức Phật thọ ký cho Tôn giả A Nan và Tôn giả La Hầu La xong, hai nghìn vị còn học và không còn phải học nhất tâm chiêm ngưỡng Đức Phật. Lúc đó, Đức Phật nhận thấy hai nghìn vị này ý căn nhu nhuyễn tịch nhiên, thanh tịnh. Đức Phật dạy Tôn giả A Nan: “Hôm nay Như Lai tiếp tục thọ ký cho hai nghìn vị còn học và không còn phải học về các đời sau được thành Phật, đồng một hiệu là Bửu Tướng Như Lai, có đầy đủ Bồ tát và Thanh Văn để trang nghiêm quốc độ, thọ mạng của các Đức Phật này dài lâu một kiếp”. Được Đức Thế Tôn thọ ký, hai nghìn vị còn học và không còn phải học đọc bài kệ tán thán Đức Phật và nói lên sự vui mừng của mình:

**Thế Tôn đèn tuệ sáng
Chúng con được thọ ký
Lòng vui mừng đầy đủ
Như được rưới cam lộ ...**

PHẨM THỨ MƯỜI

PHẨM PHÁP SƯ

- ◆ Đức Phật thọ ký cho đại chúng hiện diện và hàng chúng sinh sau này.

- ◆ Sáu hạng Pháp sư.
- ◆ Kinh Pháp Hoa là kho tàng tối tôn tối mật của chư Phật.
- ◆ Như việc đào giếng.
- ◆ Những điều kiện trở thành Pháp sư.
- ◆ Sự hộ niệm của chư Phật.

1. Đức Phật thọ ký cho đại chúng hiện diện và hàng chúng sinh sau này

Đức Thế Tôn dạy Bồ tát Dược Vương và tám vạn Bồ tát rằng: “Tất cả hàng trời rồng quỷ thần tám bộ cùng bốn chúng Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, nam nữ cư sĩ, bất luận ai tu cầu quả vị nào, hễ ai đang ở trước mặt Như Lai, nghe được một bài kệ, một câu kinh Diệu Pháp Liên Hoa, hoặc chỉ phát tâm vui nghe thì Như Lai cũng đều thọ ký cho thành bậc Chánh giác.

Lại nữa, sau khi Như Lai diệt độ, nếu có chúng sinh nào vui nghe kinh Diệu Pháp Liên Hoa, dù chỉ một bài kệ, hoặc thoáng có ý tưởng hoan hỷ thì Như Lai cũng đều thọ ký cho thành bậc Chánh giác”.

2. Sáu hạng Pháp sư

Ai đang tu theo kinh Pháp Hoa, tức là dùng đức trang nghiêm của chư Phật để tự trang nghiêm cho chính mình. Nếu có ai hoặc tin nhận, hoặc giữ gìn, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc in chép, hoặc cúng dường, hoặc thuyết giải kinh Pháp Hoa thì sáu hạng này đời vị lai sẽ được thành Phật, hiện đời là Pháp sư. Những Pháp sư này là sứ giả của Như Lai, đều được chư Phật hộ niệm và được mọi người tôn trọng, cung kính, cúng dường.

Hủy báng Phật trọn kiếp tội tuy nặng, nhưng hủy báng Pháp sư tội còn nặng hơn gấp bội. Công đức xưng tán Phật tuy nhiều, nhưng công đức xưng tán Pháp sư còn nhiều hơn.

3. Kinh Pháp Hoa là kho tàng tối tôn tối mật của chư Phật

Đức Phật dạy: “Trong vô lượng kinh của chư Phật đã thuyết, đang thuyết và sẽ thuyết thì kinh Pháp Hoa là khó tin, khó hiểu nhất, vì đó là kho tàng bí yếu tối tôn tối mật của chư Phật, được chư Phật giữ gìn từ xưa đến nay, chưa đem ra nói. Bởi cố ấy nên các vị đừng truyền trao bừa bãi. Chính khi Như Lai hiện đời mà kinh này còn bị oán ghét, hướng chi sau khi Như Lai diệt độ”.

Sau khi Như Lai diệt độ, nếu ai làm Pháp sư để phổ truyền kinh Pháp Hoa thì được Như Lai lấy áo trùm thân và được chư Phật ở phương khác hộ niệm. Người ấy có đức tin lớn, chí nguyện mạnh, căn lành sâu ở gần Như Lai và được Như

Lai dùng tay xoa đầu.

4. Như việc đào giếng

Tu kinh Pháp Hoa như việc đào giếng, càng đào sâu càng thấy khó khăn, nhưng lại thấy sự dịu mát.

- Không nghe kinh như gặp đất khô.
- Nghe mà chưa tin hiểu như gặp đất ướt.
- Được nghe hiểu, suy ngẫm tu tập kinh này ví như gặp mạch nước.

Hàng Bồ tát nghe kinh Pháp Hoa mà nghi sợ là hạng Bồ tát mới phát tâm. Hàng Thanh Văn nghe kinh Pháp Hoa mà nghi sợ là hạng tăng thượng mạn.

5. Những điều kiện trở thành Pháp sư

Sáu hạng sứ giả của Như Lai, đặc biệt nhất có hạng thuyết giảng Pháp sư phải hội đủ ba điều kiện:

- + Vào nhà Như Lai.
- + Mặc áo Như Lai.
- + Ngồi tòa Như Lai.

Nhà Như Lai là tâm từ bi rộng lớn. Áo Như Lai là nhẫn nhục nhu hòa. Tòa Như Lai là tất cả các pháp đều không. Phải an trụ nơi đặc tính này để phổ truyền kinh Pháp Hoa.

6. Sự hộ niệm của Đức Phật

Được vậy thì Như Lai dù ở phương nào cũng vẫn sai hàng hóa nhân đến nghe pháp và khiến hàng tứ chúng hộ trì. Nếu vị Pháp sư thuyết pháp ở nơi xa vắng thì Như Lai sẽ khiến Bát Bộ Thiên Long đến nghe. Dù ở quốc độ khác Như Lai luôn luôn làm cho vị thuyết giảng kinh Pháp Hoa thấy rõ thân Như Lai. Nếu người ấy quên câu mất chữ, Như Lai sẽ khiến cho được nhớ đầy đủ thông suốt.

Đức Thế Tôn tuyên thuyết một bài thơ kệ lập lại nghĩa trên.

PHẨM THỨ MƯỜI MỘT

PHẨM HIỆN BẢO THÁP

- ◆ Tháp báu xuất hiện.
- ◆ Mở cửa tháp báu và thấy Đức Phật Đa Bửu Như Lai.
- ◆ Đức Phật Thích Ca thông báo.

1. Tháp báu xuất hiện

Lúc bấy giờ, trước mặt Đức Phật Thích Ca

xuất hiện một tòa linh tháp bảy báu, cao năm trăm do tuần, rộng hai trăm năm mươi do tuần. Mùi hương ly cấu tỏa thơm ngào ngạt, tháp này từ đất vọt lên và lơ lửng nơi không trung. Trong tháp có tiếng vọng ra tán thán công đức của Đức Phật Thích Ca về việc thuyết kinh Pháp Hoa. Đại chúng nơi đạo tràng lấy làm ngạc nhiên, Bồ tát Đại Nhạo Thuyết thay mặt đại chúng bạch Phật: “Bạch Đức Thế Tôn! Điềm lành gì thế?”.

Đức Phật đáp: “Trong tháp này có toàn thân Phật, cách nay lâu xa lắm (thời quá khứ), tại nước Bửu Tích, có Đức Phật hiệu Đa Bửu Như Lai, lúc còn hành Bồ tát đạo, Ngài phát nguyện

nơi nào có thuyết kinh Pháp Hoa, Ngài sẽ hiện tháp báu đến chứng minh tán thán công đức.

Đại chúng muốn thấy Đức Đa Bửu Như Lai, Đức Phật Thích Ca cho biết: Muốn mở bửu tháp, Ngài phải nhóm hết thầy chư Phật do Ngài phân thân trở về đông đủ thì mới mở được cửa bửu tháp. Nhưng muốn nhóm chư Phật phân thân thì phải biến cõi Ta Bà ược thành tịnh độ trang nghiêm.

Giải thích xong, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni phóng hào quang lông trắng giữa chạn mày, để triệu thỉnh chư Phật phân thân khắp mười phương. Thấy ánh sáng đó, chư Phật đều báo cho hàng Bồ tát của mình biết là sắp về lại thế giới Sa Bà để cúng dường tháp báu của Phật Đa Bửu Như Lai.

Để đủ chỗ chư Phật phân thân sắp về, Đức Phật Thích Ca chẳng những dời trời, người, quỷ thần nơi cõi Ta Bà đi nơi khác, mà còn mở rộng khắp tám phương, rộng hai trăm muôn ức na do tha nước, nước nào cũng đều thanh tịnh trang nghiêm. Chư Phật phân thân tuần tự về đủ và mỗi Đức Phật đều có một vị Bồ tát làm Thị giả.

Chư Phật phân thân đều an tọa nơi bảo tòa, mỗi Ngài đều cử Thị giả đến kính lễ thăm hỏi và cúng dường Đức Phật bốn góc của mình (tức là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni). Các vị Thị giả đều thăm hỏi Đức Phật Thích Ca có an vui, ít bệnh, ít não chẳng; đồng thời xin Đức Phật Thích Ca mở cửa bửu tháp để giúp tất cả được thấy rõ toàn thân Đức Phật Đa Bửu Như Lai.

2. Mở cửa bửu tháp và thấy Đức Phật Đa Bửu Như Lai

Đức Phật Thích Ca vì sự thỉnh cầu của các vị Phật phân thân cùng đại chúng, nên Ngài đứng lên mở cửa bửu tháp. Tiếng tháo chốt bửu tháp vang lên như tiếng mở cửa thành lớn (đây là trạng thái đột ngộ của người tu kinh Pháp Hoa). Đại chúng thấy rõ toàn thân Đức Phật Đa Bửu Như Lai khi tháp vừa mới mở (bất sinh bất diệt).

Đức Phật Đa Bửu Như Lai nhường nửa tòa ngôi, mời Đức Phật Thích Ca. Hai Đức Phật cùng ngồi chung một tòa ngôi: “Phật thân vốn bình đẳng, dù cổ hay kim, nhưng khi là Phật thì đều bình đẳng”. Hai Đức Phật ngồi trên không trung quá cao, nên đại chúng đồng nguyện xin làm sao cho họ thấy được hai Đức Phật và nghe được

tiếng Phật thuyết pháp. Đức Phật Thích Ca chấp nhận, Ngài bèn dùng thần thông nâng đại chúng lên cao giữa không trung.

3. Đức Phật Thích Ca thông báo

Đức Thế Tôn cho đại chúng biết là kinh Pháp Hoa đã đúng lúc phổ truyền. Ngài hứa phú chúc, trao truyền cho ai muốn đại diện Đức Phật thuyết giải kinh Pháp Hoa. Ngài còn cho biết là ngày giờ nhập Niết bàn của Như Lai không còn xa.

Đức Phật Thích Ca phân tích các việc: đời non lấp biển, gánh rơm đi trong lửa, dạy vô lượng chúng sinh, chứng quả A La Hán và bất cứ việc làm khó khăn nào ở trên đời này, cũng vẫn chưa khó bằng việc tu trì, in chép, đọc tụng và phổ truyền kinh Pháp Hoa. Kinh Pháp Hoa là bậc nhất. Ai đọc tụng, tu trì, thuyết giải kinh này ắt làm cho chư Phật hoan hỷ. Ai làm được như trên là người dũng mãnh tinh tấn. Đó thật là người trì giới tu hạnh nhẫn khổ, là người được mau chứng quả vô thượng. Đời sau ai nhận giữ đọc tụng kinh này là Phật tử chân chính, là bậc thuần thiện. Sau Phật diệt độ, ai hiểu được kinh này là mắt sáng suốt của trời người. Giữa lúc cảnh sợ hãi, ai

thuyết giải kinh này, dù trong chốc lát, là người đáng được trời người cúng dường.

PHẨM THỨ MƯỜI HAI

PHẨM ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA

- ◆ Đức Phật kể chuyện tiền thân và thọ ký cho Đề Bà Đạt Đa.
- ◆ Công đức nghe phẩm Đề Bà Đạt Đa.
- ◆ Bồ tát Trí Tích.
- ◆ Bồ tát Văn Thù hóa độ cung rồng.
- ◆ Việc Long nữ thành Phật.

1. Đức Phật kể chuyện tiền thân và thọ ký cho Đề Bà Đạt Đa

Sau khi Đức Phật Thích Ca công bố cho đại chúng biết là chẳng bao lâu nữa Ngài sẽ nhập Niết bàn, nên muốn đem kinh Pháp Hoa này phó chúc lại. Đức Phật liền bảo đại chúng: “Về thuở xa xưa cách nay vô lượng kiếp, ta đã từng làm vua và thường tinh tấn cầu kinh Pháp Hoa. Trong số kiếp đó có một đời, ta làm vua trị vì một nước

thanh bình. Nhưng ta muốn cầu nghe kinh Pháp Hoa, nên trao ngôi lại cho Thái tử, rồi theo hầu hạ một vị tiên nhân, suốt hàng ngàn năm không hề chểnh mảng”.

Đức Phật bảo tiếp: “Vị vua thuở ấy chính là tiền thân của ta, còn vị tiên nhân kia chính là tiền thân của Đề Bà Đạt Đa. Hôm nay ta đã thành bậc Vô thượng giác, phần lớn là nhờ vị thiện trí thức đó”.

Sau đó, Đức Phật thọ ký cho Đề Bà Đạt Đa, qua vô lượng kiếp sau sẽ thành Phật, hiệu là Thiên Vương Như Lai (đủ mười tôn hiệu), nước tên là Thiện Đạo. Đức Phật Thiên Vương Như Lai sống lâu hai mươi trung kiếp và chính pháp trụ đời cũng hai mươi trung kiếp.

2. Công đức nghe phẩm Đề Bà Đạt Đa

Ai nghe phẩm Đề Bà Đạt Đa mà khởi tâm thanh tịnh thì người đó nhất định không đọa vào ba đường dữ, được sinh vào các cõi Phật (tùy theo bản nguyện). Nếu sinh vào cõi Trời thì người đó được hưởng an vui tột cùng. Nếu sinh vào cõi Phật thì sẽ hóa sinh từ hoa sen.

3. Bồ tát Trí Tích

Bồ tát Trí Tích, vị Thị giả của Đức Phật Đa Bửu Như Lai, thỉnh Đức Đa Bửu trở về bốn quốc, nhưng Đức Phật Thích Ca bảo Bồ tát Trí Tích ở lại chờ gặp Bồ tát Văn Thù để cùng đàm luận pháp mầu.

Đức Phật Thích Ca vừa dứt lời thì Bồ tát Văn Thù cùng các vị Bồ tát khác, từ cung rồng Ta Kiệt La ngồi trên tòa sen báu, dùng thần thông đến đạo tràng. Tất cả đều đảnh lễ hai Đức Thế Tôn. Bồ tát Văn Thù đến chào hỏi Bồ tát Trí Tích, hai vị Bồ tát thăm hỏi nhau về pháp mầu.

4. Bồ tát Văn Thù hóa độ cung rồng

Nơi cung rồng Ta Kiệt La, Bồ tát Văn Thù đã hóa độ vô lượng chúng sanh, đa số đều đắc thành Bồ tát. Những vị Bồ tát này thường cùng Đức Văn Thù biện thuyết sáu pháp Ba la mật và được sự hướng dẫn của Ngài, nên các vị ấy từ cung rồng ngồi tòa sen báu, bay lên núi Linh Thứu trụ giữa không trung. Trong số này có những vị trước kia là Thanh Văn, hôm nay nhân dịp này, các Ngài cũng tu theo nghĩa “không tướng” của Đại thừa.

5. Việc Long nữ thành Phật

Bồ tát Văn Thù cho biết: Khi ở cung rồng, Ngài chỉ tuyên thuyết kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Nếu ai siêng tu kinh Pháp Hoa, sẽ mau thành đạo Vô thượng Bồ đề. Cũng như con gái vua rồng Ta Kiệt La, mới tám tuổi mà đầy đủ trí đức, biết vâng nghe nhận lãnh, giữ gìn được kinh Pháp Hoa thắm sâu và ẩn mật của chư Phật, hiểu thấu được pháp “không tướng”, tu theo đúng kinh Pháp Hoa. Nhờ vậy mà nàng sắp thành Phật.

Bồ tát Trí Tích và Tôn giả Xá Lợi Phất không tin việc nàng công chúa Rồng sắp thành Phật, vì các Ngài cho rằng đạo Phật cao siêu, sâu rộng, phải trải qua vô lượng kiếp, cần khổ, chứa nhóm công hạnh và đầy đủ các pháp Ba la mật thì mới thành quả vị Phật. Ở đây, nàng công chúa Rồng là thân nữ, còn bị rất nhiều điều chướng ngại, như vậy thì làm sao trong khoảng sát na nàng thành Phật được?

Bàn luận chưa xong thì nàng Long nữ đã xuất hiện, đến quỳ lễ Đức Phật, đọc kệ tán thán, xong cúng dường lên Đức Phật Thích Ca viên ngọc trị giá bằng ba nghìn cõi đại thiên thế giới. Long nữ nói với Bồ tát Trí Tích và Tôn giả Xá

Lợi Phát, nàng thành Phật còn mau hơn cúng dường ngọc.

Nói xong, nàng liền biến thành thân nam, đủ hạnh Bồ tát, bay qua cõi Vô Cấu ở phương Nam, đắc thành quả vị Chánh giác, vị Phật này vì chúng sinh thuyết kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Chúng sinh cả hai cõi Vô Cấu và Sa Bà đều được nghe pháp. Như vậy vô lượng chúng sinh đắc quả vị bất thối và được thọ ký. Tôn giả Xá Lợi Phát, Bồ tát Trí Tích cùng đại chúng nơi đạo tràng đều yên lặng và tin tưởng tuyệt đối.

PHẨM THỨ MƯỜI BA

PHẨM TRÌ

- ◆ Chư vị Bồ tát phát nguyện.
- ◆ Các vị tu chứng và các vị học rộng hiểu xa xin đi cõi khác.
- ◆ Đức Phật thọ ký cho hai bà Kiều Đàm Di và Da Du Đà La.
- ◆ Tám mươi muôn ức na do tha vị Bồ tát, bậc bất thối chuyển phát nguyện.

1. Chư vị Bồ tát phát nguyện

Hai Ngài Bồ tát Dược Vương và Đại Nhạo Thuyết, cùng hai vạn vị Bồ tát quyền thuộc, đến trước Đức Phật phát nguyện, sau khi Đức Phật diệt độ, các Ngài sẽ phụng trì, đọc tụng, thuyết giảng kinh Pháp Hoa, rộng độ chúng sinh cõi Sa Bà, mặc dù vẫn biết chúng sinh cõi này nhiều tệ ác. Các Ngài phát nguyện hoằng truyền kinh Pháp Hoa, dù có hy sinh tính mạng.

2. Các vị tu chứng và các vị học rộng hiểu xa xin đi cõi khác

Năm trăm vị A La Hán, tám nghìn vị còn học và không còn phải học, toàn là những vị đã được thọ ký, đến đánh lễ Đức Phật và phát nguyện thọ trì kinh Pháp Hoa, nhưng thọ trì ở những cõi khác, vì các Ngài chê cõi Sa Bà chúng sinh dơ xấu, bủn xỉn.

3. Đức Phật thọ ký cho hai Ni trưởng Kiều Đàm Di và Da Thân Đà La

- Ni trưởng Kiều Đàm Di và sáu nghìn Tỷ kheo Ni quyền thuộc. Ni trưởng Kiều Đàm Di thành Phật hiệu là Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến. Đức Phật Hỷ Kiến tuần tự thọ ký cho sáu

ngàn quyển thuộc thành Chánh đẳng Chánh giác.

- Ni trưởng Da Thủ Đà La và quyển thuộc đứng dậy lễ Đức Phật, cầu xin Đức Phật thọ ký. Đức Thế Tôn trao ký cho thành Phật hiệu Cự Túc Thiên Vạn Quang Tướng.

Hai Ni trưởng Kiều Đàm Di và Da Du Đà La cùng tất cả Tỷ kheo Ni đều vui mừng hơn hởi vì được việc chưa từng có. Các vị Tỷ kheo Ni này cũng xin Đức Phật thọ trì kinh Pháp Hoa ở cõi khác, lý do cũng như các vị Tỷ kheo Tăng.

4. Tám mươi muôn ức na do tha vị Bồ tát, bậc bất thối chuyển phát nguyện

Đức Thế Tôn chấp nhận cho hàng tứ chúng được đi nơi khác phổ truyền kinh Pháp Hoa. Vậy ai hộ trì kinh Pháp Hoa ở cõi Sa Bà này? Ngài bèn nhìn tám mươi muôn ức na do tha vị Bồ tát, những bậc bất thối chuyển và đặc pháp tổng trì. Hàng Bồ tát này đứng lên chiêm ngưỡng Đức Phật và thầm nghĩ: “Chắc Đức Phật dạy cho mình được phổ truyền kinh Pháp Hoa nơi cõi Sa Bà?”.

Trước sự lặng thinh của Đức Thế Tôn, để vừa hợp ý Đức Phật vừa thỏa nguyện cho mình, các Ngài đồng thề nguyện trước Đức Phật: “Sau

khi Như Lai diệt độ, chúng con sẽ đi khắp mười phương thế giới khiến chúng sinh biên chép, tin giữ, đọc tụng, thuyết giải y pháp tu hành theo kinh này. Nếu được vậy là nhờ uy lực của Đức Phật, cúi xin Đức Thế Tôn ở phương khác, xa thấy mà hộ trì chúng con”. Liền đó, các vị Bồ tát đều tuyên đọc thơ kệ.

PHẨM THỨ MƯỜI BỐN

PHẨM AN LẠC HẠNH

- ◆ Bốn nơi an trụ của Bồ tát.
- ◆ Đức Phật kể chuyện thí dụ.
- ◆ Sự lợi ích.

1. Bốn nơi an trụ của Bồ tát

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi xin Đức Phật cho biết những vị Bồ tát muốn thuyết kinh Pháp Hoa nơi đời ác thì phải thệ nguyện thế nào và phải an trụ pháp nào. Đức Phật bảo: Bồ tát muốn nói kinh này phải an trụ bốn pháp:

- + Hành xứ.
- + Thân cận xứ.
- + An lạc hạnh.

+ Pháp vô phân biệt.

a. An trụ nơi hành xứ: Bồ tát phải an trụ trong nhần nhục hòa dịu, khéo thuận, không sợ sệt, ở giữa muôn vật mà không đắm nhiễm, ở nơi pháp chẳng phân biệt mà thuyết giải kinh này. Đó là hành xứ của Bồ tát.

b. An trụ nơi thân cận xứ (chỗ và người đáng thân cận): Bậc Bồ tát không nên nương tựa và mật thiết hàng cây quyền lực, những kẻ ca tụng pháp ác của thế gian, kẻ ngoại đạo, các phái khổ hạnh của ngoại đạo. Lại chẳng gần gũi những kẻ giết hại sinh vật và hàng tứ chúng phá giới. Gặp Đại Bồ tát thực hành pháp “**thân cận**” này, phải đầy đủ oai nghi, không vì danh lợi dục nhiễm mà nói pháp, không mật thiết Sa di ít tuổi và các trẻ nhỏ, hoặc cùng chúng nó đồng một thầy, thường ưa ngồi thiền ở chỗ vắng tu nhiếp tâm mình.

Lại nữa, vị Đại Bồ tát phải quan sát **các pháp không** là **thực tướng**, chẳng điên đảo, chẳng động, chẳng chuyển, thấy như hư không, thấy muôn vật không có thật tính, chẳng sinh, chẳng xuất, chẳng khởi, thấy đều là vô danh, vô tướng, vô lượng, vô biên, vô ngại, vô chướng. Nếu chấp nơi danh tự ngôn ngữ để chỉ sự vật này

nọ thì đều trái với chân lý. Các pháp chỉ do nhân duyên mà có, từ điên đảo mà sinh, nên mới nói thế này thế khác. Bậc đại trí phải suy xét thấy các tướng của vạn vật là như thế. Đó là thân cận xứ của Hạnh Bồ tát.

c. An trụ nơi an lạc hạnh: Nghĩa là nơi các đời sau bậc Bồ tát muốn diễn bày pháp Đại thừa phải an trụ nơi hạnh an lạc. Khi tuyên nói hoặc đọc tụng kinh, đều chẳng nên nói lỗi của người và của kinh điển. Chẳng đua nịnh, chẳng ca tụng vì lợi dưỡng, chẳng nên kêu tên các bậc Thanh Văn mà khen ngợi, hoặc nêu tên người, nói lỗi người. Nếu có người hỏi thì chẳng dùng pháp Tiểu thừa để giải đáp, mà chỉ nên dùng pháp Đại thừa.

Đức Phật lại căn dặn Bồ tát Văn Thù Sư Lợi và đại chúng: Về đời mạt pháp, những vị hành Bồ tát đạo phải an trụ nơi hạnh an lạc này, phải sinh lòng đại bi đối với tất cả chúng sinh. Không ganh ghét đua đối, không bày lỗi khinh mắng kẻ trì kinh, không biếng trễ mà luôn luôn cung kính, cúng dường, lễ lạy chư Phật và chư Bồ tát, phải bình đẳng với tất cả chúng sinh mà nói pháp.

Ở đời rồi sau, nếu có vị Bồ tát nào thành tựu

được hạnh an lạc thứ ba đây, thời được vô lượng chúng sinh cung kính.

d. An trụ nơi pháp vô phân biệt: Bậc Bồ tát thực hành pháp vô phân biệt thì phải giữ tâm bình đẳng mới có thể diễn bày pháp Đại thừa Vô thượng của chư Phật (không có tâm phân biệt người thượng căn, hạ trí), vì nơi pháp này đã hiển bày các pháp Nhất thừa Phật tính. Phải bình đẳng như cơn mưa, như ánh sáng mặt trời, dần dần sưởi ấm muôn vật, thấm nhuần khắp chúng sinh nhưng không thấy đã thấm nhuần, không hay đã sưởi ấm. Đó là pháp “**vô phân biệt**” thứ tư của Bồ tát.

Đức Phật còn cho biết, nếu người thiện nam, thiện nữ nào đã thực hành được pháp thứ tư này thì thường được hàng trời người cung kính, cúng dường, ủng hộ. Người đó, dù ở bất cứ nơi nào cũng đều được chư Thiên hộ vệ, bởi vì kinh này được sức thần của chư Phật ba đời gìn giữ.

2. Đức Phật kể chuyện thí dụ

Vua Chuyển Luân Thánh Vương có thể lực mạnh mẽ, muốn dùng oai thế hàng phục các nước khác, nhưng các vị vua nhỏ không thuận mệnh.

Bấy giờ vua đem quân đánh dẹp. Khi xong việc, nhà vua tùy theo người có công lớn, nhỏ mà ban thưởng nào là: vườn, nhà, xe cộ, voi ngựa và vật báu, nhưng nhà vua không ban cho viên ngọc minh châu trên búi tóc. Vì nếu cho sớm thì quyến thuộc vua phải kinh ngạc. Về sau, nhà vua thấy binh tướng có công lớn, liền đem viên ngọc quý trong búi tóc ra ban thưởng.

Cũng vậy, Như Lai dùng sức thiên định, trí tuệ đặc pháp, thấu suốt hết thảy các cõi, giáo hóa cả tam giới, nhưng Ma vương không thuận phục, các tướng hiền thánh của Như Lai mới cùng ma đánh nhau. Những người có công chinh phục Ma vương thì Như Lai ban cho các pháp thiên định, giải thoát, vô lậu, căn lực, niết bàn và thuyết các kinh khác mà chưa thuyết kinh Pháp Hoa. Nhưng khi các sứ giả của Như Lai chiến thắng được nội ngoại ma, khỏi ba độc tham sân si, vượt tam giới, bấy giờ Như Lai mới đem giáo pháp tối thượng “**kinh Diệu Pháp Liên Hoa**” mà ban cho. Vì là pháp tối thượng, là tạng bí mật của chư Phật nên phải đúng lúc, đúng thời mới nói. Kinh này có năng lực chuyển độ chúng sinh, đạt đến bậc nhất thiết trí.

3. Sự lợi ích

Sau khi Đức Phật diệt độ, trong đời ác sau,

người đọc tụng kinh này tâm không phiền não, thân ít đau bệnh, nhan sắc tốt đẹp, không sinh vào chốn ti tiện bần cùng, được trời người và mọi loài mến luyến ủng hộ, được xa lìa các điều tai hại.

Người trì kinh Pháp Hoa trí tuệ sáng suốt, uy dũng như sư tử vương, không nhút nhát sợ sệt, khi chiêm bao thấy những điềm lành tốt đẹp. Sau này nơi đời ác năm trước, ai phổ truyền kinh Pháp Hoa thì được nhiều lợi ích và công đức không thể nghĩ bàn.

PHẨM THỨ MƯỜI LĂM

PHẨM TÙNG ĐỊA DŨNG XUẤT

- ◆ Đức Phật không chấp thuận giao việc phổ truyền kinh Pháp Hoa cho Bồ tát các cõi khác.
- ◆ Đức Phật giao hàng Bồ tát vô danh việc phổ truyền kinh Pháp Hoa.

- ◆ Hàng Bồ tát vô danh ra mắt Đức Phật.
- ◆ Bồ tát Di Lạc bạch Phật.
- ◆ Đức Phật Thích Ca giải đáp.
- ◆ Đại chúng vẫn còn phân vân.

1. Đức Phật không chấp thuận giao việc phổ truyền kinh Pháp Hoa cho Bồ tát các cõi khác

Đức Phật giảng xong phẩm An Lạc Hạnh, vô số Bồ tát ở các cõi khác xin Đức Phật Thích Ca cho phép được phổ truyền và hộ trì kinh Pháp Hoa. Đức Phật không chấp thuận, vì ở cõi Sa Bà có vô lượng Đại Bồ tát sẽ thay Như Lai phổ truyền kinh Pháp Hoa.

2. Đức Phật giao hàng Bồ tát vô danh việc phổ truyền kinh Pháp Hoa

Lúc ấy cả ba nghìn đại thiên thế giới đất đều rung nứt và vô lượng Đại Bồ tát từ đất vọt lên. Tất cả đều đầy đủ ba mươi hai tướng tốt và đều dẫn theo quyến thuộc của mình. Mỗi vị đem, sáu, năm, bốn, ba, hai, một quyến thuộc, ít nhất một quyến thuộc, cũng có Ngài chẳng đem theo quyến thuộc nào. Trong số Bồ tát này có bốn vị

Bồ tát đại diện là Thượng Hạnh, Vô Biên Hạnh, Tịnh Hạnh và An Lập Hạnh.

3. Hàng Bồ tát vô danh ra mắt Đức Phật

Các vị Bồ tát làm lễ Đức Phật, tán thán hai Đức Thế Tôn, đồng thời thăm hỏi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có an vui, ít bệnh, ít não không? Chúng sinh có dễ độ và họ có làm cho Đức Thế Tôn mệt nhọc không?

Đức Phật Thích Ca đáp là: Ngài được an vui, không bệnh, không não, chúng sinh rất dễ độ, vì chúng sinh này đã được Như Lai dạy bảo nhiều đời nhiều kiếp và từng trồng căn lành nơi chư Phật quá khứ, nên vừa nghe pháp thì liền tin nhận và dễ nhập vào trí tuệ của Phật.

4. Bồ tát Di Lặc bạch Phật

Bồ tát Di Lặc và đại chúng thắc mắc: Không biết các vị Bồ tát từ đất vọt lên là ai? Từ đâu đến? Do nhân duyên gì mà nhóm? Do ai giáo hóa? Tu tập và xưng dương Phật pháp nào?

5. Đức Phật Thích Ca giải đáp

Hàng Bồ tát từ đất mới vọt lên đây là do Như Lai mới giáo hóa, Như Lai đã làm cho hàng Bồ tát này phát tâm tu cầu trí tuệ vô thượng.

6. Đại chúng vẫn còn phân vân

Đại chúng nghĩ rằng trong thời gian hơn bốn mươi chín năm làm sao Đức Thế Tôn có thể giáo hóa được vô lượng Đại Bồ tát như thế, vì các vị này từ nơi vô lượng chư Phật quá khứ đã thành tựu đạo Bồ tát. Còn Đức Thế Tôn lúc thành đạo mới bắt đầu giáo hóa, thời gian từ đó đến nay quá ngắn thì làm thế nào mà thực hiện được việc công đức to lớn như vậy. Điều này cũng chẳng khác nào cha trẻ con già, thiên hạ làm sao tin nổi? Tất cả đều xin Đức Phật thương xót hàng chúng sinh mà giải mối nghi này.

PHẨM THỨ MƯỜI SÁU

PHẨM NHƯ LAI THỌ LƯỢNG

- ◆ Đức Phật Thích Ca dạy đại chúng.
- ◆ Đức Phật thí dụ.

1. Đức Phật Thích Ca dạy đại chúng

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ba lần khuyên bảo đại chúng nên tin hiểu lời nói chân thật của Ngài. Liên đó, Bồ tát Di Lặc đại diện đại chúng,

ba lần thỉnh Đức Phật giải mối nghi cho đại chúng.

Thấy đại chúng nhiều phen câu thỉnh, nên Đức Phật mới giảng dạy rằng: “Tất cả thế gian đều hiểu Phật là vị hoàng tử Tất Đạt Đa, rời khỏi cung xuất gia, đến ngồi nơi đạo tràng, cách thành Già Da, rồi đắc quả thành Phật”.

+ **Không gian**: Nếu ai đem ba ngàn đại thiên thế giới nghiền nhỏ, chế thành mực, rồi đem số mực này đi, trải qua trăm ngàn muôn ức tỷ tỷ cõi quốc độ mới chấm xuống một giọt. Chấm hết số mực trên thì số cõi quốc độ ấy có nhiều chăng? Được bao nhiêu? – Nhiều lắm, không thể tính đếm được.

+ **Thời gian**: Đem nghiền những cõi này thành bụi vi trần, tính mỗi vi trần là một kiếp thì từ khi Đức Thế Tôn thành Phật đến nay, số kiếp nhiều lâu như thế (hàng Thánh Tăng cũng không thể tính đếm được).

- Vì lợi ích chúng sinh, từ đó đến nay, Như Lai ở cõi Ta Bà này và khắp các cõi, tùy theo chỗ đáng độ và căn tánh chúng sinh mà phương tiện nói pháp vi diệu.

- Có lúc Như Lai nói về mình, có lúc nói về người, nhưng không hề mâu thuẫn và đúng như thật. Phật thấy rõ thực tướng của ba cõi không có sinh tử, không thối, không xuất, không thường, không đoạn, chẳng thực, chẳng hư, chẳng như, chẳng dị, chẳng phải như ba cõi mà thấy ba cõi.

- Thọ mạng của Như Lai dài vô lượng, nhưng sợ chúng sinh căn tánh thấp kém, sinh ý buông lung, ỷ lại nên Đức Phật mới phương tiện nói là có diệt độ, có Đức Nhiên Đăng Như Lai và chư Phật khó gặp, để chúng sinh khởi tâm tin nhận mà tinh tấn tu hành.

2. Đức Phật thí dụ

Có một vị thầy thuốc giỏi và rất đông con, vì bận việc đi xa, những đứa con uống nhầm thuốc độc. Người cha về kịp lúc, các con vui mừng xin cha giải độc. Thấy thế, người cha cho thuốc giải. Những đứa con còn tỉnh vâng lời cha uống thuốc, nên được lành bệnh. Còn những đứa bị nặng, điên đảo nên không chịu uống. Sau đó, ông giả vờ tìm cách đi xa, rồi cho người về báo với các con rằng: “Cha các người đã chết”. Những đứa con điên đảo kia nghe cha chết, lòng buồn nghĩ: “Mình nay côی cút, không nơi nương tựa”. Lúc

bấy giờ mới tỉnh ngộ, chịu uống thuốc do cha chúng để lại và được lành bệnh. Lúc ấy, người cha trở về.

Như Lai và chư Phật cũng thế, đều sử dụng phương tiện đó để độ chúng sinh nên không hề sai đối.

Lôøi Sau Saùch

Kinh Pháp Hoa giảng luận - tập Một từ ươm mầm đến thành tựu phải mất nhiều năm và được nhiều vị thức giả góp ý, nhất là Học giả Lý Việt Dũng trách nhiệm rà soát, trước khi lên bản in.

Tập Hai - từ sơ khởi đến hoàn thành, thời gian chưa đầy nửa năm, lại gặp phải nhiều thử thách, số vị thức giả góp ý cũng thưa vắng. Còn về phần Học giả Lý Việt Dũng thì bị bệnh suốt thời gian này. Đến những ngày chót, còn một tuần nữa lên bản in thì Học giả mới tuyên giảm.

Tập Hai dù gặp nhiều thử thách, nhưng cũng có nhiều chỗ cao sâu hơn tập Một, ý giảng luận có phần khó thấm nhập đối với giới sơ cơ, nhưng lại dễ cho hành giả.

Thời gian và điều kiện thành tựu tập Hai có phần chật hẹp hơn, nên chắc chắn cũng chưa hài lòng quý vị độc giả. Rất mong sự niệm tình hỷ xả mọi thiếu sót.

Chúng tôi mong nhận được mọi sự chỉ dạy của quý bậc cao minh và góp ý xây dựng của các giới thức giả, trí giả, đồng thời mong được giới độc giả và hành giả Pháp Hoa nhiệt tình nuôi dưỡng Pháp Hoa giảng luận.

Nguyện đem công đức này hồi hướng về tứ trọng ân. Đón đợi sự đóng góp xây dựng Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa giảng luận - tập Ba sắp đến.

Thành thật cảm ơn Nhà xuất bản Tôn giáo, Nhà in Nguyễn Minh Hoàng, các vị đạo tâm góp tịnh tài ấn tống, chư Tăng Ni và Phật tử, cùng giới tu học viên Đạo tràng Diệu Pháp Liên Hoa - Tổ đình Quán Thế Âm, đã đồng tâm phổ biến sâu rộng và nghiên cứu tu luyện để bốn mùa sen nở rạng rỡ, hầu tô thêm nét

đẹp cho đời, ích nhà lợi nước, ích vật lợi người.

Xin hồi hướng công đức này đến khắp pháp giới chúng sinh thấy đều nhuần triêm phước huệ.

Trân trọng.

Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM
Ngày mồng 1 tháng 5 năm Quý Mùi
Người dịch và giảng luận
Sa môn THÍCH THÔNG BỬU

PHỤ BAÛN

DANH SAÛCH ÁN TOÁNG KINH

**DANH SÁCH PHẬT TỬ ẤN TỔNG
KINH PHÁP HOA GIẢNG LUẬN - TẬP II**



HỌ VÀ TÊN	PHÁP DANH	SỐ QUYỂN
NHÓM CÔ THANH TỊNH		
Gia đình NGUYỄN HOÀI HIỆP CA THỊ PHẠM NGUYỄN HOÀI THIÊN		250 quyển
Gia đình NGUYỄN HỒNG PHÚC MAI AN LẠC NGUYỄN HỒNG ĐỨC		150 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ PHƯỚC NGUYỄN THÁI TUẤN	Thủy Ngọc	150 quyển
Gia đình NGUYỄN VĂN NĂM LÝ BẠCH YẾN	Diệu Oanh	100 quyển
Gia đình LÝ BẠCH YẾN xin hồi hương Hương linh cha: LÝ CÔNG NÊN Hương linh mẹ: VÕ THỊ TỐT	Diệu Oanh	100 quyển

Gia đình TRẦN LÊ LỆ THU - TRẦN LÊ THU DIỆU cầu siêu HI Cha TRẦN VĂN PHÁN		100 quyển
Gia đình THÁI NGỌC MẬU - chồng và các con		100 quyển
Ni cô QUẢNG TỊNH và gia đình TỊNH PHỤNG - DIỆU THANH - AN TÍN - AN HẠNH - AN NGUYỆT		100 quyển
Gia đình TRƯƠNG VĂN ĐƯỢC		100 quyển
Gia đình TRẦN THỊ TIẾT		100 quyển
Gia đình Sư cô THANH THANH		50 quyển
Gia đình LÝ CÔNG THUẬN - NGUYỄN THỊ HƯỜNG và các con		50 quyển
Gia đình Cụ NGUYỄN THỊ THẠNH VÕ THỊ HAI NGUYỄN THỊ BÔNG VÕ THỊ TOÀN NGUYỄN THỊ QUỐC MỸ	Viên Thạnh Thanh Tịnh	50 quyển
Gia đình KIM MAI	Kim Hải	50 quyển
Gia đình ĐẶNG THỊ HƯƠNG NGUYỄN VĂN HỮU	Quảng Tín	50 quyển
Gia đình NGUYỄN HIỀN và LAN		50 quyển
Gia đình NGUYỄN HẢO và THIÊN		50 quyển
Gia đình cô THU	Diệu Hồng	50 quyển
Gia đình LÊ CÔNG NAM TRẦN NGỌC PHƯƠNG		50 quyển
Gia đình QUẢNG TỊNH		50 quyển
Gia đình HUỖNH XUÂN MAI	Quảng Ái	50 quyển
Gia đình PHÙNG KIM KHÁNH hồi hướng HI. ĐÀO CHÍ HUỆ	Diệu Nhơn	50 quyển
Gia đình chị NGA xin hồi hướng: HI. QUÁCH TÔN TÚ HI. QUÁCH ĐÌNH PHÙNG	Quảng Diệu Nguyệt Quảng Minh Phát Quảng Minh Hậu	50 quyển

Gia đình LÝ KIM NGHIÊM Hồi hướng Hl. LÝ HÀ - TRIỆU THỊ KIÊU - DƯƠNG BÌNH NGHIỆP - TRẦN THỊ TEN	Quảng Nghiêm Quảng Phước	50 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ LAN	Diệu Thực	50 quyển
Gia đình TRẦN THỊ LOAN	Diệu Minh	50 quyển
Gia đình NGUYỄN BẠCH PHƯỢNG, chồng và các con		50 quyển
Gia đình NGUYỄN LYLY HỢP		25 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HUỆ và QUANG		25 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HỒNG	Diệu Hương	25 quyển
Gia đình cụ DIỆU THÀNH - DIỆU VIÊN		25 quyển
Gia đình cô HỒNG NGỌC		25 quyển
Gia đình NGUYỄN TẤN THÀNH		25 quyển
Gia đình NGUYỄN THẾ LONG		25 quyển
Gia đình NGUYỄN HÙNG PHI		25 quyển
Gia đình THÁI NGỌC LOAN VƯƠNG PHƯỚC LỢI	Quảng Thụy	25 quyển
Gia đình CHÚC TUYẾN, chồng và các con		25 quyển
Gia đình NGÔ KIM LÝ ANH		20 quyển
Gia đình VIÊN VĂN CHỨNG NGÔ KIM LAN		20 quyển
Gia đình NGÔ JEREMY VĂN LỢI		20 quyển
Gia đình DIỆU MỸ và chú TRE		20 quyển
Gia đình GIANG NGA	Diệu Mỹ	20 quyển
Gia đình LIÊN THỊ HỨN		20 quyển
Gia đình LÝ KIM PHƯƠNG	Quảng Liên	20 quyển
NGUYỄN THỊ TRÂM HƯƠNG	Quảng Nhật	10 quyển
NGUYỄN THỊ THẢO HƯƠNG		10 quyển
NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG		10 quyển
NGUYỄN CHÍ ĐỨC		10 quyển
NGUYỄN THỊ QUẾ HƯƠNG	Nghiêm Hoa	10 quyển

NGUYỄN THỊ MỸ (chị Cảnh)		25 quyển
Gia đình TRẦN THỊ YẾN	Tâm Thanh	50 quyển
Sư cô THANH TÂM	Từ Quang	10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HIỀN	Diệu Viên	25 quyển
Gia đình LÂM CHIÊU		10 quyển
Gia đình NGÔ THỊ SỬ hồi hướng HI Ngô Thu Hương		15 quyển
Gia đình TUỆ CHÂU		7 quyển
Gia đình TRẦN ANH TUẤN		5 quyển
Gia đình LÊ THỊ HOA (Sam Jose)	Huệ Hồng	10 quyển
Gia đình TRƯƠNG HỒNG TRINH	Diệu Bạch	10 quyển
Gia đình THIÊN LONG - KIM SƠN		25 quyển
Gia đình ĐỨC HUỲNH hồi hướng HI mẹ Trinh Thị Minh (Sư cô Giác Cảnh)		30 quyển
Gia đình NGUYỄN KIẾN BÌNH - LÊ MAI ANH - NGUYỄN LÊ NAM ANH		25 quyển
TRẦN NAM TIẾN - LÊ THỊ TRÂM ANH - TRẦN LÊ TƯỜNG ANH		25 quyển
Gia đình LÊ THỊ LAN ANH NGUYỄN NGỌC ĐIỆP		15 quyển
LÊ THỊ QUỲNH ANH - PHÓ QUỐC ĐẰNG - AMY		15 quyển
NGUYỄN VĂN SƠN - NGUYỄN THỊ LIÊN HƯƠNG - NGUYỄN ÁI ĐIỂM THI		10 quyển
Gia đình NGUYỄN HỮU PHÒNG		10 quyển
Gia đình LÊ THỊ HẠNH		10 quyển
Gia đình VŨ THỊ CHI	Diệu Diệu	20 quyển
Gia đình chị MƯỜI	Diệu Thiện	10 quyển
Gia đình NGUYỄN VĂN TỐT hồi hướng HI HUỲNH THỊ LỜI HI Cha NGUYỄN VĂN TỬ		25 quyển
Cụ TẠ THỊ Y	Ngộ Ngọc	10 quyển
Gia đình TẠ THỊ GHẾT		10 quyển
Gia đình CHÂU TIÊN	Quý Ngọc	10 quyển

Gia đình HỒ VĂN THÔI		10 quyển
Gia đình CHÂN SÚ BÚI		10 quyển
Gia đình TRƯƠNG PHÚ TINH		5 quyển
Gia đình TRƯƠNG LINDA		5 quyển
Gia đình CHÂU THU HỒNG		10 quyển
Gia đình CHÂU HOA		10 quyển
Gia đình LA HUÊ		10 quyển
CHÂU ĐIỂM HẰNG		5 quyển
CHÂU CHÍ BÌNH		5 quyển
CHÂU CHÍ VINH		5 quyển
CHÂU SÚ LINH		10 quyển
CHÂU THANH HƯƠNG		10 quyển
CHÂU HOÀNG HẢI		10 quyển
CHÂU MỸ HOA		10 quyển
CHÂU MỸ LAN		10 quyển
CHÂU SÚ KHIẾM		10 quyển
CHÂU THÚY NGÀ		10 quyển
NGUYỄN VĂN PHƯỚC		10 quyển
CHÂU HÒA MINH		10 quyển
HỒ TRI CHÂU		5 quyển
HỒ CHÂU ĐỨC		5 quyển
HỒ CHÂU LỘC		5 quyển
HỒ CHÂU DANH		5 quyển
Gia đình NGÔ XUÂN LIỄU		10 quyển
Gia đình LÝ KIM MAI		10 quyển
Gia đình LÝ CẨM NHUNG		10 quyển
Gia đình LÝ KIM THẨM		10 quyển
Gia đình cô LOAN	Thu Ngọc	10 quyển
Gia đình LÂM HOÀNG YẾN LƯU TÀI	Quảng Thanh	10 quyển
Gia đình chị DIỆU KIM		10 quyển
Gia đình bà LAI THỊ TẮC HẠNH		10 quyển
Gia đình cô QUẢNG ĐẠO hồi hướng Hl. TRẦN DUY TÂN		10 quyển

Gia đình cô QUẢNG YÊN		10 quyển
Gia đình HỒNG NGUYỄN ALAMEDA	Quảng Diệu Ngọc	10 quyển
Gia đình cô BÍCH	Quảng Ngọc	10 quyển
Gia đình LÊ TRẦN BÍCH CHI KIM HẢI	Chân Diệu Lạc	10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ CHÍN (Lâm Quế Anh)		10 quyển
Gia đình cô NGỌC HÓA		5 quyển
Gia đình LÝ TRUNG TÂM		5 quyển
Gia đình LÝ TRUNG THÀNH		5 quyển
Gia đình LÝ KIM TƯƠI		10 quyển
Gia đình LÊ CỔ BÍCH		10 quyển
Gia đình NGUYỄN VĂN TẤN		10 quyển
Gia đình cô TRÍ NGỌC (Hayward)		10 quyển
Gia đình LÊ THỊ HÒA	O Chin Ya	10 quyển
THANH TỊNH hồi hướng Hl. BÙI KIM	Diệu Thông	10 quyển
Gia đình DIỆU XUÂN		10 quyển
Gia đình LÂM CHIÊU		10 quyển
Gia đình QUÁCH MỸ CHÂU		25 quyển
Gia đình THẢO - MINH - BÌNH		30 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ BẠCH PHƯỢNG cùng chồng và các con		50 quyển
Gia đình Cô VÂN Chú TÀI (tiệm Song Hỷ)	Dolma Dorze	50 quyển
Gia đình LÊ THỊ TUẤT	Tịnh Niệm	7 quyển
Gia đình HOÀNG THỊ NGA	Chúc Hòa	50 quyển
Gia đình UÔNG THỊ VÂN	Diệu Viên	10 quyển
Gia đình LA KHOA LẬP		12 quyển
Gia đình PHAN THỊ TUYẾT hồi hướng Hl. NGUYỄN HỮU TÍN Hl. NGUYỄN HỮU KEVIN	Diệu Xuân Quảng Thành Quảng Viên	25 quyển
Gia đình HÀNG ANH DU (Ma Connie)		10 quyển
Gia đình LƯU TUYẾT MAI	Diệu Quang	10 quyển

Gia đình THÁI NHUẬN TƯ		25 quyển
Gia đình LÝ BÍCH DUNG	Ngọc Đức	10 quyển
Gia đình TĂNG ANH HOA		10 quyển
TRẦN THI LAN (Nguyên Hoàng)		3 quyển
Gia đình Bà RIÊU	Diệu Hòa	3 quyển
Gia đình Bà BÀNH		1 quyển
NHÓM CÔ THANH TỊNH và CÔ DIỆU VIÊN		
Gia đình DIỆU AN		25 quyển
Gia đình QUANG LIÊU		19 quyển
Gia đình QUẢNG TÍN		15 quyển
Gia đình DIỆU HUỆ (Tâm)		15 quyển
Gia đình QUẢNG MINH		10 quyển
VÔ DANH		10 quyển
Gia đình ÂU NÁI		10 quyển
Gia đình LIÊU HUI TRINH		10 quyển
Gia đình LIÊU HUI NGHIÊM		10 quyển
Gia đình LIÊU VĂN QUANG		10 quyển
Gia đình LÝ NGUYỆT HƯƠNG		10 quyển
Gia đình QUẢNG DIỆU NHẬT		10 quyển
Gia đình DIỆU THÀNH		10 quyển
Gia đình Cô HOA		10 quyển
Gia đình BÙI THỦY	Diệu Thanh	10 quyển
Gia đình QUẢNG NGHIÊM		10 quyển
Gia đình Bác GIÁC		10 quyển
Gia đình Chị QUANG		10 quyển
Gia đình THỦY MAI		10 quyển
Gia đình DIỆU XUÂN		10 quyển
Gia đình LÂM KIÊN		10 quyển
Gia đình LÂM CÔNG ĐĂNG		5 quyển
Gia đình ĐỖ XUÂN THIÊN		5 quyển
Gia đình ĐỖ QUANG TRUNG		5 quyển
Gia đình Cô DUNG		5 quyển

NHÓM CÔ TỈNH QUANG		
TENZIN THUBPA - PHU DUNG	Tỉnh Quang	21 quyển
Sư cô PHAP HY (Thụy Điển)		14 quyển
DIEU TIEN		7 quyển
LU DONG THUAN	Đông Tho	21 quyển
Ông bà NGUYEN THI LIENGRUNG SOUR		30 quyển
CO VIEN DO		21 quyển
HUA VAN HUY (71 tuổi)		14 quyển
HUA VAN MINH		3 quyển
HUA THU PHUONG		3 quyển
HUA TU HUONG		3 quyển
HUA THU NGUYET		3 quyển
HOANG TO ANH	Giác Quang	14 quyển
NGUYEN VAN MOI	Giác Hư	14 quyển
CO VIEN HIEN		7 quyển
CO VIEN HANH		7 quyển
HUYNH THI CUC	Diệu Thuần	21 quyển
TENZIN DUMCHIO - LINH KHIEM		7 quyển
CO SAU	Ngọc Thiện	14 quyển
VO DANH		21 quyển
DIEU LY		3 quyển
NGUYEN THUA		7 quyển
QUANG LAI		3 quyển
CO DAI	Tri Khiem	21 quyển
MY ANH THAIN		7 quyển
BANH TRI HUNG		7 quyển
BANH LE MAI		7 quyển
BANH LE THUY		7 quyển
BANH TRI QUYEN		7 quyển
BANH MY LINH		7 quyển
BANH TRI THANH		7 quyển
BANH MY THANH		7 quyển

TRAN KIM THANH		3 quyển
DIEU HOA		3 quyển
LE VAN THI		7 quyển
LE KIM HOA		7 quyển
DIEU PHUC		3 quyển
DIEU THUY		7 quyển
VO DANH		3 quyển
VOONG SENH SEN		7 quyển
MINH HOA		7 quyển
MINH DAI		14 quyển
Gia đình HOANG NGUYET LINH - TO HUYNH CHI hồi hướng HI. TO GIA AN	Giac Binh	54 quyển
CO DONG	Chuc Thanh	3 quyển
CO UT (Manchester)		14 quyển
DIEU AN		7 quyển
NGUYEN VAN AN		7 quyển
NGUYEN VAN THINH		7 quyển
Gia đình CO PHAP CHAN		21 quyển
Gia đình BA THAI	Dieu Phuoc	7 quyển
ĐÀO THANH HỮU (Thụy Điển)		30 quyển
Gia đình NGOC LIÊN	Ly Ha	20 quyển
TỔ HAI		20 quyển
VÔ DANH		20 quyển
Gia đình ĐẶNG THỊ HƯƠNG hồi hướng HI ông LƯƠNG TÀI LINH		20 quyển
Gia đình PHÙNG THỊ GIÁC	Diệu Ấn	10 quyển
Gia đình HUỆ NIỆM		10 quyển
Gia đình GIÁC VÂN		5 quyển
Gia đình ĐẶNG THỊ LỆ		5 quyển
NHÓM CÔ CHÚC NHỤY		
Sư Cô QUẢNG TỊNH (Niệm Phật đường Phật Quang)		100 quyển

Gia đình CHỨC NGỘ	100 quyển
Gia đình TỊNH QUẢ	50 quyển
Gia đình TẮC VẤN và DIỆU HUYỀN	50 quyển
Gia đình DIỆU NGUYỆT	50 quyển
Gia đình TỊNH PHỤNG	50 quyển
PHÁP NHÂN và CHỨC NHUY	25 quyển
DIỆU HIỀN (90 tuổi)	25 quyển
Gia đình ĐỨC HỒNG	25 quyển
Các con của CHIẾU THU	25 quyển
Gia đình NGỌC NHƯ	25 quyển
Gia đình NGUYỄN PHƯƠNG	10 quyển
NGUYỄN HOA - NGUYỄN TRƯỜNG	10 quyển
Gia đình CHIẾU HÒA	10 quyển
Gia đình DƯƠNG NHÂN TÀI	10 quyển
Gia đình NGUYỄN NGHIÊM	10 quyển
Gia đình DIỆU PHƯỚC	5 quyển
Gia đình NHƯ TUỆ	5 quyển
Gia đình DIỆU THANH	5 quyển
Gia đình THANH NGỌC	5 quyển
Gia đình DIỆU TỬ	5 quyển
NHÓM CÔ DIỆU NGA	
Phật tử DIỆU NGA	100 quyển
Đại đức THÍCH PHÁP THE	30 quyển
Phật tử TỊNH NIÊM	30 quyển
Phật tử NGUYỄN NHƯ	30 quyển
Phật tử DIEU QUY - TRI THUAN	30 quyển
Phật tử DIEU THANG	30 quyển
Phật tử PHUC THANG	30 quyển
Phật tử DIEU CHUYEN	30 quyển
Phật tử NGUYỄN XA	30 quyển
Phật tử NGUYỄN VU	30 quyển
Phật tử TỊNH NIÊM	30 quyển
Phật tử LỆ CHÁNH	30 quyển

Sư cô PHAP THE	30 quyển
Phật tử DIEU CHUYEN câu siêu HI. DONG VAN CHUNG	30 quyển
Phật tử CHAU	15 quyển
Phật tử DAT DIEU	15 quyển
Phật tử DIEU DIEN	15 quyển
Phật tử VIEN HIEP	15 quyển
Phật tử NGUYEN BINH TUYEN	15 quyển
Phật tử CHUC TANH	15 quyển
Phật tử DIEU NGHI	15 quyển
Phật tử NGUYEN LINH	15 quyển
Ni Co HY AN	15 quyển
Phật tử ĐIỀU LỢI	15 quyển
Ni Co THONG HUE	12 quyển
Phật tử NHAT HOA	12 quyển
Phật tử LAM TRI KHON	12 quyển
Phật tử CHAN TAM	9 quyển
Phật tử PHUC THANH	6 quyển
Phật tử DUC	6 quyển
Phật tử MINH TRI	6 quyển
Ni Co HY LAC	6 quyển
Phật tử DIEU CHAU	6 quyển
Phật tử NGUYEN TRANG	6 quyển
Phật tử HUNG	6 quyển
ẤN DANH	6 quyển
DHAM MO	3 quyển
Phật tử DIEU TIEN	3 quyển
Phật tử NGUYEN DUNG	1 quyển
Phật tử HONG HOA	1 quyển
Phật tử NGUYEN THIEU	1 quyển

Gia đình HI PHẠM BÌNH Gia đình HI PHẠM NHƠN Phật tử PHẠM KIM THỊNH Phật tử CHU TAM CƯỜNG Phật tử CHU TAM KHÔI Phật tử CHU CẨM TÚ		120 quyển
NHÓM CÔ CÁT TƯỜNG		
Gia đình CÁT TƯỜNG		150 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ KIM HỒNG	Chúc Hưng	200 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HỒNG BÍCH	Chúc Ngọc	100 quyển
Gia đình NGUYỄN QUANG THIÊN		150 quyển
Gia đình Bà NGUYỄN THỊ CHÍNH		100 quyển
Gia đình Chị BÙI THỊ LÀNH		100 quyển
Gia đình Chị TRẦN THỊ NẾT		50 quyển
Gia đình TRANG		50 quyển
NGUYỄN THỊ THANH (Arizona - Mỹ)		50 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ MẸO		25 quyển
Gia đình anh LỘC		25 quyển
Gia đình Chị NGÔ BẠCH VÂN		25 quyển
Gia đình Chị LÊ THỊ THANH		10 quyển
Gia đình MANG VIÊN BẢO		10 quyển
Gia đình ĐẶNG VĂN BÉ		10 quyển
Gia đình NGUYỄN QUỐC ẨN		10 quyển
Gia đình NGUYỄN PHƯƠNG CÁC		10 quyển
Gia đình VÕ VĂN TÀI		10 quyển
Gia đình LÊ THỊ NGOAN		5 quyển
Gia đình BÙI THIÊN SỬ		5 quyển
Gia đình LISA		5 quyển
Gia đình Mr. TED KUHN		1 quyển
NHÓM HÀ NỘI		
NGUYỄN THỊ NHƯ	Diệu Tâm	50 quyển
PHAN NGỌC THANH	Chúc Nhất	20 quyển
NGUYỄN THỊ NGÀ	Hoa Đức	12 quyển

PHẠM THU HIỀN	Hoa Đạo	10 quyển
NGUYỄN THANH QUỲNH	Hoa Đạo	10 quyển
VŨ THỊ THI	Hoa Đạo	10 quyển
NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG		10 quyển
PHẠM NGỌC CHÂN		10 quyển
PHÙNG THỊ LAN		10 quyển
PHẠM XUÂN THIỀU		10 quyển
LÂM TUYẾT MAI	Chúc Loan	10 quyển
TRẦN THỊ CHU	Chúc Viên	10 quyển
TRẦN THỊ PHƯỢNG		10 quyển
TÂN	Hoa Đức	7 quyển
VŨ THỊ LÂU	Hoa Đức	7 quyển
NGÔ THỊ THANH LỊCH	Hoa Đạo	5 quyển
VŨ THỊ MAI	Hoa Xuân	5 quyển
NGUYỄN THANH HÀ		5 quyển
NGUYỄN THỊ XUÂN	Hoa Tâm	5 quyển
CÔNG THỊ HỢP (chúng A Nan)		5 quyển
NGUYỄN VIỆT ANH		5 quyển
LÊ NGỌC TUYẾT	Hoa Đức	5 quyển
NGUYỄN THỊ CHINH	Hoa Trí	3 quyển
VI KIM PHONG	Hoa Thiện	3 quyển
VŨ THỊ THANH Từ	Diệu Tiến	3 quyển
BÙI THỊ MINH		3 quyển
BÙI THỊ CHANH	Hoa Tâm	3 quyển
NGUYỄN THỊ HẠNH	An Chính	3 quyển
ĐỖ THỊ NGỌC		3 quyển
TRẦN THẾ HÙNG		3 quyển
HÀ THỊ NHIỀU		3 quyển
TÔ MINH LOAN	Hoa Minh	3 quyển
TRẦN MINH NGUYỆT		3 quyển
ĐỖ THỊ BIỂU	Hoa Thiện	3 quyển
NGUYỄN THANH NHÀN	Hoa Hạnh	3 quyển
ĐẶNG THỊ LOAN (chúng Diệu Âm)		2 quyển
NGUYỄN THỊ CHÚC		2 quyển

PHẠM THỊ HUỆ	Hoa Trí	2 quyển
TA THỊ DẬU (Diệu Trang Nghiêm)		2 quyển
ĐINH THỊ ĐIỂM	Hoa Thiện	2 quyển
PHẠM MINH SINH	Hoa Phước	2 quyển
NGUYỄN THỊ HẠNH	An Chính	2 quyển
NGUYỄN THỊ VƯỢNG		2 quyển
NGUYỄN THỊ TẾ	Hoa Thiện	2 quyển
VŨ THỊ THƯỜNG		2 quyển
VŨ THỊ NHÂM (chúng Dược Thượng)		2 quyển
QUÁCH THỊ THUẬN		2 quyển
PHẠM THỊ THÀNH		2 quyển
HOÀNG LÊ HƯỜNG		2 quyển
CAO THỊ DUNG		2 quyển
PHẠM HỒNG QUÂN	Pháp Thiện	1 quyển
TRƯƠNG BẠCH YẾN		1 quyển
TRẦN THỊ HÙNG (chúng Q. Thế Âm)		1 quyển
VŨ THỊ NGÂN	Hoa Quang	1 quyển
NGUYỄN DUY	Hiển Đức	1 quyển
NGUYỄN TRỌNG SƠN	Pháp Đức	1 quyển
NGUYỄN TRỌNG KHÁNH		1 quyển
TRẦN THỊ XUÂN	Hoa Tâm	1 quyển
NGUYỄN THỊ VINH	Hoa Minh	1 quyển
PHẠM THỊ NHUẬN		1 quyển
TRẦN THỊ THẢO		1 quyển
NGUYỄN THỊ MÃN		1 quyển
ĐỖ THỊ HỒNG		1 quyển
PHẠM THẾ SƠN		1 quyển
VŨ THỊ LUYÊN		1 quyển
VŨ THỊ HUYỀN MY		1 quyển
VŨ THỊ HÀ MY		1 quyển
LÊ THỊ NGỌC		1 quyển
VŨ THỊ THANH HÀ		1 quyển
VŨ THỊ HUYỀN NGỌC		1 quyển
VŨ THANH TÙNG		1 quyển

VÕ THI LIÊN		1 quyển
QUÁCH HUÂN TÀI		1 quyển
NGUYỄN THI NGHĨA	Hoa Đạo	1 quyển
PHAN THI LỢI	Hoa Huệ	1 quyển
CAO THANH VIỆT		1 quyển
ĐỖ PHƯƠNG THẢO	Pháp Hiếu	1 quyển
TRẦN THI SÁU	Hoa Đức	1 quyển
NGUYỄN THI TUẤT		1 quyển
BÙI THI CẢNH	Diệu Phúc	1 quyển
ĐÀO THI LOAN	Hoa Minh	1 quyển
NGUYỄN HỒNG LÊ TUYẾT MINH		1 quyển
TẠ MINH THU		1 quyển
VĂN PHÒNG TỔ ĐÌNH QUÁN THẾ ÂM		
DIỆU LIÊN (Cao nguyên)		100 quyển
Cụ DƯƠNG THI TƯỜNG và các con	Diệu Vân	100 quyển
Gia đình Phật tử TUỆ AN		100 quyển
NGUYỄN THI NGỌC HƯƠNG		100 quyển
Gia đình quý vị BIÊN THỊ THƯỜNG - BIÊN THỊ KIỀU - NGUYỄN THỊ KIM LIÊN - NGUYỄN THỊ SỬ - NGUYỄN NGỌC ĐÁP - NGUYỄN NGỌC THIÊN - NGUYỄN NGỌC ĐÊN - TRẦN THỊ DUYÊN - NGUYỄN NGỌC THÙY ĐIỂM - NGUYỄN QUỐC ĐẠT		88 quyển
Đoàn bát quan trai Tịnh xá NGỌC TÂM		70 quyển
Gia đình VÕ ĐÀO NGUYÊN		70 quyển
Gia đình Phật tử MI HỒNG		68 quyển
Gia đình HUỖNH MINH KHOA		67 quyển
Gia đình LẠI THỊ MAI		60 quyển
NGUYỄN THỊ LỘM - BÙI TẤN KIẾT - BÙI HƯỚNG DƯƠNG		52 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ NGỌC THÚY		50 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ LÝ	Chúc Chơn	50 quyển

Gia đình KIM SEN MƯỜI		50 quyển
Gia đình NGUYỄN CÔNG CẬN NGUYỄN THỊ LIÊN		50 quyển
Gia đình NGUYỄN NGỌC THANH ĐẶNG THỊ TUYẾT HOA		50 quyển
Gia đình TRẦN ÁNH NGUYỆT TRẦN QUỐC HÙNG		50 quyển
Gia đình LÊ THỊ NGOAN		50 quyển
Gia đình TRẦN THỊ NẾT		50 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ BẠCH MAI		50 quyển
Gia đình Ông LÊ HOÀNG ANH LÊ LAN ANH	Trí Tuấn Trí Minh	45 quyển
Gia đình PHẠM THỊ MÙI		37 quyển
Gia đình Phật tử NGỌC và CHI		34 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ CƠ	Minh Thừa	34 quyển
Gia đình LẠI THỊ ĐẶNG THANH	Diệu Hiếu	34 quyển
Gia đình LÊ THỊ HOA	Chúc Pháp	30 quyển
Gia đình PHẠM TIẾN QUỲNH	Chúc Nhuận	30 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ SƠN		27 quyển
Gia đình TRẦN THỊ HỒNG	Chúc Ân	25 quyển
Gia đình NGUYỄN KHÁNH MINH	Chúc Hải	25 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HUÂN		25 quyển
Ông bà ĐẶNG XUÂN XOÀI - HỒNG VÂN - ĐẶNG HỒNG PHƯƠNG		25 quyển
Gia đình DƯƠNG KÝ MINH		20 quyển
Gia đình Bà LÊ THỊ MINH	Diệu Chánh	20 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HƯỜNG		20 quyển
BÙI THỊ LƯƠNG - BÙI THỊ PHÚC		20 quyển
Gia đình TRẦN THỊ SÁCH	Chúc Bảo	20 quyển
Gia đình LÊ CÔNG HỨC	Chúc Khải	20 quyển
Đại đức THÍCH CHÚC PHƯỚC		20 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ LỢI	Chúc Dưỡng	20 quyển
Gia đình NGUYỄN VĂN NỈ		17 quyển
Gia đình PHẠM THỊ THANH THỦY	Diệu Nguyệt	17 quyển

Gia đình PHẠM THỊ OANH	Diệu Thanh	17 quyển
Gia đình ĐẶNG THỊ THỨC		17 quyển
Gia đình Cô DIỆU ĐẠO		17 quyển
Gia đình TRẦN THỊ THANH KÍNH		17 quyển
Gia đình cô PHẠM THỊ HOA MAI	Chúc Thái	17 quyển
Gia đình cô NGUYỄN THỊ HƯƠNG		17 quyển
DIỆU TÍN - NGUYỄN KHÁNH NGỌC		17 quyển
Gia đình HỒ CHUYỀN NGUYỄN THỊ KIÊN	Quảng Ngộ Diệu Hiền	16 quyển
Gia đình PHẠM THỊ THÙY HƯƠNG	Chúc Giới	16 quyển
Gia đình ông LÊ VĂN ĐÀO - NGỌC TRƯỜNG LÂM - VŨ ĐĂNG KHOA		15 quyển
Gia đình quý vị NGUYỄN THÀNH ĐẠT - TÂM XOAN - TÂM NGỘ - TÂM BÍCH - DIỆU NGỌC		15 quyển
Tả quân LÊ VĂN DUYỆT		14 quyển
Gia đình PHẠM THỊ LIÊN		13 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ THỦY		13 quyển
Gia đình TRẦN BÍCH PHƯỢNG		13 quyển
Gia đình DIỆP XUÂN - PHẠM THỊ LOAN - PHẠM ĐÌNH SỐ		12 quyển
Gia đình HL. bà HỒ THỊ VINH	Diệu Hoa	12 quyển
Gia đình cô CHÚC QUÝ		12 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ KIM LOAN		11 quyển
Gia đình LÊ TUẤN TỬ		11 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ VINH	Chúc Hiển	10 quyển
NGUYỄN THỊ TRÚC QUỲNH		10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HẠNH		10 quyển
Gia đình PHÙNG THỊ XUÂN LAN	Tuệ Minh	10 quyển
Gia đình HUỲNH NGỌC CẦN		10 quyển
Gia đình TRIỆU TUYẾT DUY	Chúc Ngộ	10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ NHƯ	Chúc Thanh	10 quyển
Gia đình VÕ THỊ LÊ	Chúc Minh	10 quyển
Gia đình PHÙNG THỊ TÁM		10 quyển

LƯƠN DA CẨM - LƯƠN KIM YẾN		10 quyển
ĐỖ THỊ ANH - LƯƠN THỊ TƯỜNG		10 quyển
Gia đình THIÊN NGÀ		10 quyển
Gia đình LÊ THỊ THƠM	Diệu Huệ	10 quyển
Gia đình LA HON		10 quyển
Gia đình LA KIM THẠNH		10 quyển
Gia đình Cô DIỆU HUỆ		10 quyển
Gia đình Phật tử CHÚC LUẬN		10 quyển
Gia đình DƯƠNG THỊ MINH HIỂN	Diệu Phước	10 quyển
Gia đình Cụ KIM		10 quyển
Phật tử CHÚC PHÁP		10 quyển
Phật tử CHÚC THÙY		10 quyển
Gia đình HỒNG SEN		10 quyển
Gia đình MAI THỊ CÀI	Đồng Hợi	10 quyển
Gia đình DIỆU CỎI		10 quyển
Gia đình HỒ THỊ TỰ		10 quyển
Gia đình DIỆU BÍCH		10 quyển
Gia đình DIỆU NGŨ		10 quyển
Gia đình VÕ THỊ BẠC	Chúc Thuận	10 quyển
Chúng Hòa thượng MẬT NGUYỄN		10 quyển
Gia đình LÊ THỊ MỸ DUNG	Chúc Hiệp	10 quyển
Gia đình HUỖNH THỊ KIM ANH	Chúc Khuê	10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ CHÂM	Hoàng Xuyên	10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ NGUYỆT	Chúc Hy	10 quyển
Gia đình LÊ THỊ CẨM VÂN	Chúc Long	10 quyển
Gia đình LÊ THỊ MỸ NGỌC	Chúc Trí	10 quyển
Gia đình PHAN THỊ LIỄU		10 quyển
Gia đình NGUYỄN PHÚC THỌ		10 quyển
Gia đình NGUYỄN CHÂU KIM THƯ	Chúc Tri	10 quyển
Gia đình TRƯƠNG QUỐC QUANG LƯU THANH HÁN		10 quyển
Gia đình THIÊN NIỆM - NHƯ HOA		10 quyển
Gia đình THỦY		10 quyển
Gia đình PHAN THỊ DĨ		10 quyển

Gia đình NGUYỄN VĂN THANH	Diệu Đạt	10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ TOÀN	Diệu Thắng	10 quyển
Gia đình NGUYỄN TRUNG HIẾU	Đức Thuận	10 quyển
Gia đình NGUYỄN THẢO NGUYÊN		10 quyển
Gia đình PHAN THỊ LAN	Diệu Bảo	10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ ÁNH	Quảng Nguyệt	10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ THANH TÂM		10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ CHẤN	Diệu Thật	10 quyển
Gia đình TRINH THANH HOÀNG	Chúc Huy	10 quyển
Gia đình Ông TRẦN CÔNG NGOAN		10 quyển
Gia đình HÀ THỊ ẸN	Chúc Hải	10 quyển
Gia đình Hương linh PHÍ THỊ MỄ	Diệu Thái	10 quyển
Gia đình TRẦN MINH PHƯƠNG NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	Huệ Bình	10 quyển
Gia đình TRẦN THỊ THỌ	Chúc Đức	10 quyển
HỒ BẮC - TỔNG - HỒ LONG		10 quyển
Gia đình Cô CHÚC KHIÊM		10 quyển
Gia đình quý vị THÁI THỊ NGỌC XOÀN - NGÔ NGỌC HƯƠNG - HÀ THANH TRÚC - HÀ ĐỨC DŨNG - HÀ ĐỨC TRÍ		10 quyển
Gia đình TRẦN VĂN QUẾ		10 quyển
Gia đình NGUYỄN VĂN LOAN		10 quyển
Gia đình PHÙNG THỊ HƯỜNG		10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HỖN	Diệu Hân	10 quyển
Gia đình BÙI THỊ KIM PHƯƠNG	Diệu Huệ	10 quyển
Gia đình TRẦN ĐỨC PHONG		10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ BÍCH	Chúc Nguyên	10 quyển
Gia đình TÔN NỮ THỊ DINH	Ngọc Đoan	10 quyển
Gia đình cô QUẾ CHI		10 quyển
Gia đình PHAN THỊ HUỲNH HOA		10 quyển
Gia đình PHAN THỊ HUỲNH MAI		10 quyển
Gia đình DƯƠNG THỊ THÁI BÌNH		10 quyển
Gia đình TRẦN THỊ THANH LÊ		10 quyển

Ông MÃ THÀNH KÍNH và các con	Chúc Pháp	10 quyển
Gia đình cô THÁI CẨM LÊ	Chúc Thanh	10 quyển
Gia đình NGUYỄN QUỐC VIỆT		10 quyển
Gia đình PHẠM THỊ THANH THỦY	Diệu Nguyệt	10 quyển
Gia đình ĐẶNG THỊ ĐET		7 quyển
Gia đình Cô THANH		7 quyển
NGUYỄN THỊ KIM PHƯỢNG		7 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ VINH		7 quyển
Gia đình NGUYỄN HOÀNG PHONG		7 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ ANH MẠC THỊ THÀNH		7 quyển
Gia đình LẠI THỊ ĐĂNG VÂN	Chúc Long	7 quyển
Gia đình HÀ NGỌC CHIẾU		7 quyển
Gia đình TRẦN NGỌC HÂM		7 quyển
Gia đình Cô VŨ MỘNG LAN		7 quyển
Gia đình TÔ THỊ CHIÊM	Diệu Thông	7 quyển
Gia đình DƯƠNG THỊ DUNG	Diệu Nhan	7 quyển
Gia đình TRẦN THỊ TƯỜNG VÂN		7 quyển
Gia đình BÙI THỊ GẮM		7 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ DUNG		7 quyển
Gia đình bà ĐỖ THỊ ĐẠT		7 quyển
Gia đình LÊ THỊ KIM ANH	Diệu Nguyên	7 quyển
Gia đình ĐẶNG TUYẾT MAI	Diệu Thiện	6 quyển
Gia đình HUỖNH BẠCH NƯƠNG		6 quyển
Gia đình HUỖNH KIM HUÊ		6 quyển
LƯƠNG SIÊU - ĐẶNG TUYẾT MAI		6 quyển
Phật tử Liên chúng TỈNH ĐỘ		6 quyển
Gia đình LÝ THỊ HAI		5 quyển
Gia đình Ông NGUYỄN XUÂN GIAI và bà QUYẾN		5 quyển
Gia đình Cô MIÊN		5 quyển
Gia đình DIỆU NGUYỆN		5 quyển
Gia đình TINH HOA		5 quyển
Gia đình NGUYỄN HẢI YẾN	Diệu Hà	5 quyển

Gia đình Phật tử CHỨC THÔNG		5 quyển
Gia đình TRẦN THỊ HỒNG		5 quyển
Gia đình LƯU THỊ BẢY	Huệ Phước	5 quyển
Gia đình TRẦN THỊ CHU	Chúc Viên	5 quyển
Gia đình TRINH THỊ A	Diệu Phi	5 quyển
Gia đình TRẦN THỊ HƯỜNG		5 quyển
Gia đình TRƯƠNG THỊ MINH	Chúc Ánh	5 quyển
Gia đình NGUYỄN CẨM VÂN		5 quyển
Gia đình NGUYỄN NGỌC TRINH	Chúc Tường	5 quyển
Gia đình VŨ KIM OANH	Diệu Hoa	5 quyển
Gia đình NGUYỄN TRỌNG QUÂN		5 quyển
Gia đình TRẦN THỊ OANH	Diệu Minh	5 quyển
Gia đình LÊ THỊ NGỌC ẨN	Chúc Trang	5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ MÚI	Chúc Hiền	5 quyển
Gia đình NGUYỄN HỒNG CHIẾN		5 quyển
Gia đình Cô DIỆU ĐỨC		5 quyển
Gia đình FÔNG KIM CHUNG		5 quyển
Gia đình TRÂM	Chúc Châu	5 quyển
Gia đình PHẠM THỊ LIÊN	Diệu Huệ	5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ LỘC	Diệu Phước	5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HOA	Chúc Nguyên	5 quyển
Gia đình MÃ THU HỒNG	Quảng Hương	5 quyển
Gia đình LƯƠNG MUỐI		5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ THANH HÀ		5 quyển
Gia đình NGUYỄN NGỌC CHÂU		5 quyển
Gia đình TRẦN NGỌC MAI		5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ ÁNH	Diệu Từ	5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	Diệu Giác	5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ BÍCH HẢO	Chúc Dung	5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG		5 quyển
Gia đình CHÚC THƯỜNG		5 quyển
Gia đình ĐẶNG THỊ LÊ	Nguyên Lý	5 quyển
Gia đình TÂM HƯƠNG		5 quyển
Gia đình NGUYỄN ANH DUNG		5 quyển

Gia đình NGUYỄN TRUNG BỬU CHÂU THỊ ĐOÀN LIÊN	Chúc Hiệp	5 quyển
Gia đình CHỨC KÍNH		5 quyển
Gia đình PHẠM HỒNG NHẤT	Diệu Lộc	5 quyển
Gia đình PHẠM THỊ HUỆ	Chúc Chương	5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ ÁI		5 quyển
Gia đình VÕ THÀNH LÂN		5 quyển
Gia đình TRẦN THỊ MỸ DUNG	Chúc Diệu	5 quyển
Gia đình HÀ KIM DANH		5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ NHI	Chúc Dưỡng	5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HUỆ	Ngọc Thiện	5 quyển
Gia đình PHẠM THỊ CHÂU	Diệu Ngọc	5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HỨA	Diệu Lý	5 quyển
Gia đình TRẦN THU NIÊN		5 quyển
Gia đình TRƯƠNG NHƯ MINH		5 quyển
Gia đình cô LÊ TUYẾT ANH		5 quyển
Gia đình cô DIỆU THIÊN		5 quyển
Gia đình HOÀNG THỊ CHỨC	Chúc Ân	5 quyển
NGUYỄN QUANG LÊ TRINH		5 quyển
Gia đình TRINH THỊ TỔ HOA		5 quyển
Gia đình PHẠM THỊ YÊN		5 quyển
Gia đình ĐỖ THỊ NHUNG		5 quyển
Gia đình HOÀNG LẠI HÙNG		5 quyển
Gia đình NGUYỄN MINH TUẤN		5 quyển
Gia đình DIỆU NGỘ		5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HOÀI	Chúc Niệm	5 quyển
Gia đình TRẦN TIẾN DƯỠNG		5 quyển
Gia đình TRẦN THỊ NGỌC NHUNG		5 quyển
Gia đình NÔNG THỊ LIÊN		50 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ Á	Chúc Liên	50 quyển
Gia đình VÕ THỊ HUỆ		50 quyển
Gia đình VÕ THỊ LẠC		20 quyển
Gia đình bà HÀ THỊ LÊ và con TRẦN MINH		10 quyển

Gia đình ông bà KHỔNG MINH - TRẦN QUẾ ANH cùng các con		10 quyển
Gia đình ông bà NGUYỄN KIM HOÀNG - TRẦN TUYẾT MAI		10 quyển
Gia đình TRẦN TY		10 quyển
Gia đình ông bà LÝ PHI SƠN - TRẦN THỊ LAN		10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Diệu Liễu	10 quyển
Gia đình bà BÙI THỊ ĐÁO	Diệu Huệ	10 quyển
TRẦN NGỌC MAI - TÔ THANH HUY		10 quyển
TRẦN VĂN TỶ - MAI THỊ HẠNH		10 quyển
Gia đình TRẦN VĂN PHÁT NGUYỄN THỊ QUỲNH CHI		10 quyển
Gia đình TRẦN THỊ NGỌC LOAN TRẦN KHẢI HIỆP		10 quyển
Gia đình TRẦN KHẢI CƯỜNG PHAN BÍCH HẰNG		10 quyển
Gia đình ĐỖ THỊ SONG PHƯƠNG		10 quyển
Gia đình LÊ TUẤN HẢI		10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HƯỜNG		10 quyển
Gia đình NGUYỄN VĂN HUỆ		10 quyển
Gia đình TRẦN PHI VÂN		10 quyển
NGUYỄN THỊ THANH XUÂN		10 quyển
Gia đình TRẦN NGỌC LOAN		10 quyển
Gia đình CHÂU THỊ MỸ DUNG		7 quyển
Gia đình LÊ THỊ THÚY NGỌC	Lệ Hiếu	6 quyển
Gia đình HÀN VÂN PHONG	Tâm Vũ	5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ KIM LONG	Lý Tác	5 quyển
TT. THÍCH NGUYỄN TRÍ		5 quyển
Gia đình TRƯỞNG HUỆ TÂM		5 quyển
Gia đình THƯỜNG HUỆ PHƯỢNG		5 quyển
Gia đình THƯỜNG HẠNH		5 quyển
Gia đình TRẦN VĂN ĐÌNH		5 quyển
Gia đình Phật tử DIỆU HAI		5 quyển

Gia đình ĐOÀN THỊ SÁU		5 quyển
Gia đình CHÚC QUÝ		5 quyển

Những vị ấn tống bốn quyển: BÙI THỊ KIM OANH - TRẦN THỊ HƯỜNG - ĐẶNG THỊ KIM THỊNH - NGUYỄN TRÍ DŨNG - Gia đình ĐỖ THỊ MỸ DUNG - NGUYỄN HỮU CHÍN - NGUYỄN MÃN - ĐẶNG THỊ ẮN - HOÀNG THỊ DUNG - VIÊN SƠN và các con - CHÚC ĐẠT - LÊ THÀNH THÂN.

Những vị ấn tống ba quyển: PHẠM THỊ TUẤN - VŨ THỊ CHIÊN - HUỲNH THỊ TRÂM - PHẠM THỊ TUYẾN - NGUYỄN THỊ HỒNG - NGUYỄN THỊ THẢO - Gia đình ĐỖ HỒNG SƠN - Gia đình NGUYỄN TIẾN BAN - HUỲNH OANH - TỬ KIM OANH - CHÚC LỘC - LÝ VĂN MINH - HỨA THỊ TUYẾT SƯƠNG - CHÚC ĐỨC - NGUYỄN TÙNG - NGUYỄN THỊ BÍCH - DIỆU NGỌC - ĐẶNG THỊ BÍCH PHƯƠNG - HOÀNG PHƯƠNG - TRẦN VĂN HẬU - VƯƠNG PHỤNG - HÀ ANH - DIỆU TRÍ - PHÙNG NGỌC MINH PHƯƠNG - VƯƠNG THANH THỌ - NGUYỄN THỊ VƯỢNG - TRẦN THỊ HOA - HÀ VĂN NÊN - HÀ NGỌC CHÂU - GIANG TUYẾT VÂN - Gia đình cô ĐỨC HOA - HUỲNH THỊ HOA - Bà VŨ KIM NGỌC HUỆ - NGUYỄN THỊ THU VÂN - LÊ TRƯỞNG HẢI NHI - LÊ THỊ CÚC - DIỆU THẢO - HOA ĐỨC - LƯƠNG THỊ CỬA - NGUYỄN THÀNH ĐẠT - VƯƠNG THÁI BẢO - Gia đình TRẦN THU THỦY - Gia đình NGUYỄN NGỌC HUỲNH - BÙI THỊ NIÊN - Gia đình LÊ THỊ PHẤN - NGUYỄN THỊ NGỌC - MẠC THỊ HUỆ - NGUYỄN ANH ĐỨC - NGUYỄN THANH TUYẾN - DIỆU LÀNH - TUỆ SƠN - QUÁCH THỊ THỦY - NGUYỄN TRẦN NGUYỆT ANH - Gia đình NGUYỄN THỊ BẢO TRẦN - NGUYỄN THỊ NHAN - THỊ NGỌC - NGUYỄN THỊ OANH - Gia đình Hl. LÊ ĐÌNH LẠNG - TRƯỞNG THỊ GIAO - NGUYỄN THỊ XUÂN - DIỆU HẠNH - DIỆU HƯƠNG - TRƯỞNG THỊ HOA - Gia đình KHÁNH TOÀN - ĐẶNG VĂN QUỐC - PHẠM THỊ TUẤN - VŨ THỊ CHIÊN - NGUYỄN THỊ THANH NGUYỆT - Gia đình TĂNG DUY BÌNH - QUANG DŨNG - NGUYỄN THU HÀ - HOÀNG THỊ CHI HƯƠNG (Diệu Thủy) - TRẦN PHƯỚC TÀI - Gia đình TRẦN VĂN HAI - LƯU ĐỨC TRÍ - NGUYỄN THỊ CHỮ.

Những vị ấn tống hai quyển: TRẦN THỊ VIÊN - TRẦN THỊ PHƯỢNG - ĐÔNG THỊ THỦY - PHÚ THỌI LIÊN - ĐẶNG THỊ THÚY - Cô NGUYỄN - Cô LỢI - Gia đình TUỆ MINH - Gia đình TUỆ ANH - NGUYỄN THỊ NGỌC ĐIỆP - LÊ THỊ CẬN - PHẠM AN MƯỜI - DƯƠNG THỊ XUÂN - TRẦN THỊ THANH THÙY - NGUYỄN VĂN QUAY - TRẦN THỊ LƯỢNG - NGUYỄN THÀNH TRUNG - NGUYỄN THANH HÙNG - TRẦN THỊ LƯỢN, PHÙNG HUY PHÁT - PHÙNG HUY TÀI - PHÙNG THỊ HẠNH - PHÙNG HUY PHÚC - ĐOÀN KẾ TƯỜNG - PHÙNG THỆ HẠNH - NGUYỄN THỊ MẦU - CHÚC CẨM - NGUYỄN NGỌC THANH PHƯỢNG - PHẠM THỊ BÍCH LOAN - HOA MINH - PHẠM THỊ THẢO - THU NGỌC - ĐỨC PHƯỚC - DIỆU LINH - TRƯƠNG THỊ DƯƠNG - BẠCH THỊ HUỆ - BẠCH THỊ LAN - PHAN VĂN NGHĨA - PHAN THỊ ÁNH NGỌC - PHAN THỊ XUÂN HƯƠNG - CAO THỊ THÌN - ĐẶNG LÊ THANH MAI - BÙI THỊ HIẾN - HẠNH TÂM - Gia đình VÕ VĂN GIẤU - ĐÀO BÍCH LIÊN - VŨ THỊ KIM OANH - NGUYỄN THỊ NGỌC - NGUYỄN TRUYỀN - TÂM HUỆ - CHIẾU HƯƠNG - TRẦN VĂN TRƯỜNG - Gia đình DIỆU GIÁC - PHAN LOAN - DIỆU HẠNH - NGỌC HẠNH - DIỆU HỸ - NGUYỄN THỊ TIÊN - NGUYỄN THỊ HỒNG - DIỆU THIÊN - HẠNH NHƯ - NGUYỄN THANH HÀ - MAI LAN - MAI THỊ THƠM - VŨ THỊ ĐIỂN - PHAN VĂN HY - NGUYỄN HỮU NHU - THANH KIM - LÊ THỊ HƯỜNG - CHÚC LÂM - CHÚC HÀNH - TÂM NGHĨA - DIỆU MINH - TRƯƠNG NGỌC MAI - LÊ THỊ KIM ANH - CHÚC THỦY - ĐỖ THÚY HÀ - PHẠM THỊ LỆ THẢO - TỊNH NGỌC - NGUYỄN VĂN HIỀN - PHẠM THỊ TUYẾT - PHẠM THỊ CHÂU - TRẦN THỊ KIM THOA - CHÚC SƠN - CHẾ THỊ THANH VÂN - TRẦN THỊ NGỌC ÁNH - NGUYỄN THỊ ĐIỆP - CHÚC ĐIỂM - TRẦN THỊ MẠNH ANH - NGHIÊM THỊ HẠNH - NGUYỄN THỊ HOA ĐÀO - QUẢNG NHƯ - CẨM CÚC - TỊNH QUÁN - NGUYỄN ĐỘ - NGUYỄN TÀI - GIÁC TRÍ - CHÚC NHẢ - NGUYỄN VĂN TIẾP - NGUYỄN THỊ HỢP - NGUYỄN THỊ THÂN - CHÚC DUNG - HUỲNH YẾN LINH - ĐẠI MINH NGUYỆT - ĐÀM THỊ MỸ NGUYỆT - TRẦN HUỆ PHƯỢNG - Gia đình NGUYỄN XUÂN NƯỚNG - PHẠM THỊ CÚC - TÂM NGỘ - NGÔ KIM UYÊN - NGÔ DIỆU ANH - NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH - VŨ THỊ THƠM - BÙI VĂN NGA - BIÊN THỊ KIỀU - TRỊNH THÚY VI - DIỆU THÀNH - NGUYỄN THỊ MỸ - CHÚC HƯƠNG - NGUYỄN TRỌNG HUYỀN -

NGUYỄN NGỌC THANH YẾN - NGUYỄN THÁI HƯƠNG -
 NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY - NGUYỄN NGỌC SANG - NGUYỄN
 THỊ HƯỜNG - NGUYỄN MỸ HẰNG - HỒ THỊ EM - TRƯƠNG THỊ
 LOAN - NGUYỄN KHÁNH TÀI - NGUYỄN THỊ KIM KHUÊ -
 QUANG DŨNG - CHÚC KIM - NGUYỄN TRẦN NGUYỆT ANH -
 NGUYỄN KIM THÀNH - TÔ ÁNH NGUYỆT - NGUYỄN THỊ
 THANH XUÂN - NGUYỄN QUỐC THANH - DƯƠNG THỊ KIM
 THỦY - NGUYỄN KHÁNH TOÀN - CHÚC HIỆP - BÙI KIM THÚY -
 PHẠM HƯỜNG - LÊ THỊ XUÂN HẰNG - TRẦN ĐỨC CẬN - VÕ THỊ
 ĐÀO - NGUYỄN THỊ THANH TRÀ - NGUYỄN LỆ THỦY - ĐẶNG
 THỊ MUỐP - NGUYỄN THỊ THANH (Chúc Tịnh) - NGUYỄN THANH
 LÂM.

Những vị ấn tống một quyển: PHẠM VĂN LƯƠNG - ĐẶNG
 THỊ DẬU - Cô ÊM - HOÀNG THỊ HỒNG - Gia đình NGUYỄN THỊ
 TUỆ LAN - Gia đình NGUYỄN TÂM NHƯ - Bà ĐÌNH THỊ XUÂN -
 PHẠM THỊ HOÀNG - NGUYỄN THỊ NHẬT THANH - ĐỖ THỊ
 CHÍNH - PHẠM AN NHÀN - PHẠM THỊ NGỌC HẠNH - LÊ ĐỨC
 XỬ - PHẠM THỊ HOA - LÊ THỊ HẠNH - BÙI THỆ MAI - THANG
 QUỐC CƯỜNG - THANG KIM THANH - THANG QUỐC BẢO -
 THANG QUỐC NGỌC - BÙI LỆ QUYÊN - HUỲNH THỆ HOA -
 NGUYỄN THỆ TUYẾT NHI - TÔ LẬP KIÊN - NGUYỄN SƠN VŨNG
 - TÔ THỊ NGA - LÂM KIM ANH - LÂM KIM HUỆ - SÂM PHÁN
 QUÂN - MẠCH PHÚ - ĐOÀN THỊ BẠCH - TẶNG TÔ TỬ - MẠCH
 TUYẾT PHƯỢNG - MẠCH TUYẾT NHI - MẠCH CHÍ THÔNG -
 NGUYỄN THỊ BẾ - NGUYỄN THỊ CỬA - ĐOÀN VĂN ĐOÁN -
 ĐOÀN VĂN ĐANG - MẠCH TÙNG HUY - MẠCH BÁ HẢI - MẠCH
 BÁ DƯƠNG - MẠCH PHỐI LINH - ĐOÀN VĂN CƯỜNG - TRƯƠNG
 TÔ HÀ - TRƯƠNG VĂN CƠ - THÚY - LÊ THỊ NGỌC ẨN - BÙI THỊ
 VIỆN - NGUYỄN MINH KHOA - TẠ THỊ PHƯƠNG DUNG - CHÚC
 THẠNH - LƯƠNG THỊ XÍ - HẠNH NHẪN - HẠNH THANH - HẠNH
 HIẾU - TRẦN THỊ KIM DUYÊN - PHAN THỊ BẢY - NGUYỄN THỊ
 HOÀNG YẾN - TẶNG THỊ KHÁNH - PHẠM VĂN QUẾ - Gia đình
 HL. NGUYỄN THỊ LƯỢNG - CHÚC NHÀN - ĐỨC THIỆN - DIỆU
 NGUYÊN - TRẦN THỊ NHỚN - TRẦN THỊ NĂM - TRẦN THỊ NHẬN
 - HUỲNH CẨM HÀ - NGUYỄN THỊ XUÂN - PHẠM THỊ THÙY MAI
 - NGUYỄN THỊ HOÀNG OANH - NGUYỄN NGỌC CHÂU - LÊ

THÀNH THÂN - ĐỒNG NGHĨA - DIỆU THƠM - PHAN NGUYỄN
 GIA BẢO - CHÚC DIỆU - DIỆU HOA - DIỆU THẢO - TRẦN VĂN
 VANG - TRẦN VĂN THỊNH - NGUYỄN GIỚI - THANH CHÁNH -
 DIỆU NHIÊN - DIỆU THIÊN - CHÚC HUẤN - CHÚC HÒA - HOA
 THÀNH - CHÚC ẨN - NGUYỄN THỊ XIÊM - PHẠM THỊ TƯ -
 PHẠM THỊ MƯỜI - PHẠM THỊ ÚT - BÙI PHAN NHẬT DUY -
 NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH - TRẦN THỊ HẬU - TRẦN THỊ NỤ -
 TRẦN THỊ DỪ - CHÚC HIỂN - ĐÀM MINH TRỌNG - PHẠM VĂN
 CỎ - PHẠM VĂN CHÍ - PHẠM VĂN BÉ - THÁI THỊ VÂN - PHẠM
 MẠNH HÙNG - PHẠM THU THỦY - PHẠM HÙNG CƯỜNG -
 PHẠM CHÍ THÀNH - ĐÌNH THỊ CANH - CAO THỊ SÂM - PHẠM
 HỒNG YẾN - TRẦN THỊ HẠNH - ĐỖ THỊ TƯỜNG - VŨ THỊ QUÁT -
 TRẦN THỊ ANH THƯ - ĐÀO NGỌC THANH - NGUYỄN THỊ THU
 VÂN - NGUYỄN THỊ NGỌC LÝ - LÂM UYỂN HUÊ - DIỆU HỮU -
 DIỆU TÂM - QUẢNG HÒA - QUẢNG CHÂU - HỒNG VINH - DIỆU
 ĐỨC - CHÚC PHƯỢNG - LÊ THỊ HOÀNG OANH - HỒ THỊ DANH -
 HỒ THỊ TIẾN - MAI VĂN CHÂU - LƯU HÙNG - TẠ XUÂN - TRƯƠNG
 VĂN NHÂN - TRẦN THỊ KIỀU DUNG - LƯƠNG CHÍ QUANG - MAI
 VĂN BÔI - NGUYỄN THÀNH GIÁP - TRẦN THỊ ĐÀO - HỒ THỊ
 XUÂN HỒNG - NGUYỄN THỊ THÙY LINH - NGUYỄN HỮU
 THÀNH - NGUYỄN HOÀNG DŨNG - HÀ MINH HƯƠNG - TRẦN
 HẠNH NIÊM - MAI THỊ MỸ THỂ - VÕ THÀNH NAM - VÕ THỊ CHÍ
 LIÊU - VÕ HỒNG THÁI - VÕ THỊ THU TRANG - ĐÌNH THÀNH
 PHƯƠNG - NGUYỄN THỊ CHI - TRẦN THỊ BÍCH NGA - TRẦN THỊ
 KIM DUNG - ĐÌNH NGỌC HUỲNH ANH - BẠCH VĂN SANG - ĐỖ
 PHAN LONG - DIỆU NGHIÊM - NGỌC PHÁT - NGUYỄN THỊ
 DUYÊN - NGUYỄN THỊ KIM DUNG - PHẠM THỊ NGỌC DUNG -
 NGUYỄN VĂN HẢI - VÕ THỊ HỒNG THƠ - NGUYỄN NGỌC
 THANH DUNG - GIÁC LIÊN - TRƯƠNG THỊ HOA - DIỆU NHÂN -
 NGUYỄN TRẦN THÚY THU HÀ - TRỊNH THỊ PHÚC - VŨ THỊ
 TRÂM - TRẦN THỊ TUYẾT HỒNG - CHÚC ÚNG - TRẦN HỒNG
 CHÂU - NGUYỄN THỊ CHẤN - NGUYỄN THỊ NHUẬN - LIÊN BÍCH
 NGỌC - BÙI THU NGUYỄN - CÔ CHÚC THY - TRƯƠNG THỊ LỆ
 THU - NGUYỄN TẤN TÀI - NGUYỄN THỊ MỘNG LỘC - LƯU THỊ
 TRUNG.

---❧ MỤC LỤC ❧---

Số TT	PHÁP HOA GIẢNG LUẬN	Trang
01	Lời phi lộ	05
02	Bài số 16	09
03	Bài số 17	48
04	Bài số 18	88
05	Bài số 19	130
06	Bài số 20	177
07	Bài số 21	227
08	Bài số 22	269
09	Bài số 23	316
10	Bài số 24	353
11	Bài số 25	386
12	Bài số 26	430
13	Tóm lược 9 phẩm - 11 bài . . .	481
14	·	514
15	Lời sau sách	516
16	Danh sách ấn tống Kinh	545
	· Mục lục	

**KINH ĐẠI THỪA DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG LUẬN**

Tác giả: Sa môn THÍCH THÔNG BỬU



**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
10 Chu Văn An – Ba Đình – Hà Nội
ĐT: 08.048106**

Chịu trách nhiệm xuất bản
THIỀU QUANG THẮNG

Chịu trách nhiệm bản thảo
PHẠM NGỌC HẬU

Biên tập
NGUYỄN TƯỜNG LONG

Trình bày bìa
Họa sĩ NGỌC HÂN

**Xuất bản lần thứ nhất 5.000 cuốn, khổ 16 cm x 24 cm
tại Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng - ĐT: 8.555812.**

Địa chỉ: 100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP.HCM

**Giấy phép xuất bản số: 3 - 740 / XB – QLXB cấp
ngày 27 - 6 - 2003.**

In xong và nộp lưu chiểu tháng 07 - 2003.